

MỤC LỤC

IV. VƯỢT NGỤC LẦN THỨ NHẤT - TRINIDAD	2
V. TRỞ VỀ THẾ GIỚI VĂN MINH	88

IV. VƯỢT NGỤC LẦN THỨ NHẤT - TRINIDAD

Tôi nhớ lại rõ mồn một, như thể mới hôm qua, cái đêm tự do đầu tiên trong thành phố thuộc Anh này. Chúng tôi đi khắp nơi, say sưa vì ánh đèn điện, vì cái cảm giác ấm áp trong lòng chúng tôi, luôn luôn hoà đồng với linh hồn của cái đám đông tươi cười và sung sướng của dân thành phố đang sống tràn đầy hạnh phúc. Một cái quán rượu đầy những thủy thủ và những gái nhiệt đới đang đợi họ để dốc túi họ. Nhưng những cô gái này không có gì dơ dáy, không thể so sánh với những giới mãi dâm của Paris, Le Havre hay Marseille. Đây là một cái gì khác hẳn. Thay vì những bộ mặt bự phần, hằn sâu những dấu vết của truy lạc, với những đôi mắt long lên như trong cơn sốt và đầy vẻ xảo quyệt, đây là những người con gái thuộc đủ các màu da, từ cô gái Trung Hoa cho đến cô gái Phi Châu da đen, qua trung gian của màu sô-cô-la nhạt với mái tóc trơn phẳng, đến người con gái Ấn Độ hay Java: bố mẹ họ vốn thuộc những chủng tộc khác nhau đã tiếp xúc với nhau trong những đồn điền trồng cacao hay trồng mía, hoặc cô gái thổ dân lai Trung Hoa hay lai Ấn Độ với cái vỏ ốc bằng vàng cài trong mũi, cô gái Llapane với những đường nét La Mã cổ đại, gương mặt màu đồng đỏ được soi sáng bằng đôi mắt to lạ lùng, đen nhánh, sáng rực, với hai hàng mi rất dài, ưỡn bộ ngực để hở rất rộng như muốn nói: “Hãy nhìn bộ ngực của tôi đây: hoàn hảo đến thế là cùng”, tất cả những cô gái ấy, mỗi cô cài lên mái tóc những bông hoa có màu sắc khác nhau, đều bộc lộ những cảm xúc nồng cháy của tình yêu, khiêu khích những ước vọng lứa đôi, mà không có chút gì là tục tĩu, không có chút gì là thương mại; những cô gái ấy không làm cho người ta có cảm giác là họ đang làm một công việc để kiếm sống, vì họ có vẻ như đang vui chơi thực sự và người ta thấy rằng tiền bạc đối với họ tuyệt nhiên không phải là cái chính ở đời.

Như hai con bọ vùng bay quờ quạng đâm vào những ngọn đèn, Maturette và tôi hai đứa cứ la cà từ bar này đèn bar khác. Mãi đến khi bước chân tới một quảng trường nhỏ tràn ngập ánh đèn tôi mới nhìn thấy giờ trên cái đồng hồ của một ngôi nhà thờ hay đèn đài gì đấy. Hai giờ. Đã hai giờ sáng. Thôi chết rồi, phải về thật mau. Chúng tôi đã lạm dụng tình thế: Chắc hẳn ông thống lĩnh của Đạo quán Cứu thế phải nghĩ về chúng tôi những điều chẳng hay một chút nào. Phải về ngay thôi. Tôi chặn một chiếc tắc-xi và leo vội lên, chỉ một lát sau là về đến khách sạn: two dollar! Tôi trả tiền, và chúng tôi trở về khách sạn, rất xấu hổ. Ở gian tiền sảnh, một nữ chiến sĩ của Đạo quân Cứu thế, tóc vàng, rất trẻ - khoảng hai mươi lăm hay ba mươi tuổi là cùng - ra đón chúng tôi một cách vui vẻ nhã nhặn.

Cô ta không hề có vẻ ngạc nhiên hay bực bội khi thấy chúng tôi về muộn như vậy. Sau vài câu thăm hỏi bằng tiếng Anh mà chúng tôi đoán là thân ái và niềm nở, cô ta trao cho chúng tôi cái chìa khóa buồng và chúc chúng tôi ngủ ngon. Chúng tôi đi ngủ. Trong va-li, tôi thấy có để một bộ pyjama. Lúc sắp tắt đèn, Maturette nói với tôi: “Dù sao chúng mình cũng nên cảm ơn Đức chúa lòng lành đã cho chúng ta nhiều món quà như vậy trong một thời gian ngắn ngủi như vậy. Anh thấy thế nào hở Papi?”

- Cậu hãy cảm ơn giúp tôi cái ông Chúa lòng lành của cậu một thế: đó là một anh chàng rất khá. Và đúng như cậu đã nói một cách rất hay ho, anh ta quả đã tỏ ra hào phóng lạ lùng đối với chúng ta. Tôi chúc cậu ngủ ngon. - Nói đoạn tôi tắt đèn.

Cuộc hồi sinh này, chuyển đi từ mộ địa trở về với cuộc sống này, cuộc trốn thoát khỏi cái huyết mà người ta đã chôn tôi xuống, tất cả những nỗi xúc động liên tiếp và cái đêm đã làm cho tôi được nhập vào cuộc sống trở lại cùng với đám dân đảo ở quanh tôi, tất cả những cái đó đã kích thích tôi mạnh đến nỗi tôi không sao ngủ được. Tôi nhắm mắt lại, nhưng trước mắt tôi không phải là bóng tối mà là những hình ảnh muôn màu muôn sắc như trong một ống kính vạn hoa: những hình bóng, những sự vật, cả cái mớ đa dạng của những cảm giác pha trộn vào nhau, dồn dập đến với tôi không hề theo một trật tự thời gian nào hết, tuy rất rõ nét nhưng lại hết

sức lộn xộn: phiên tòa Đại hình, nhà lao Conciergerie, rồi thì hòn đảo của những người hủi, rồi thì Saint-Martin-de-Ré, Trobuillard, Jésus, trận bão biển... Trong một điệu vũ quái đản, dường như tất cả những gì tôi đã sống qua trong một năm đều muốn hiện ra cùng một lúc trong gian phòng trưng bày những kỷ niệm của tôi. Tôi cố xua đuổi những hình ảnh ấy đi mà không sao xua đuổi được. Nhưng ngộ nghĩnh nhất là những hình ảnh ấy đều bị trộn lẫn với những tiếng lộn xộn, những tiếng ho cò gáy, tiếng gió hú, tiếng sóng gầm và tất cả những tiếng đó đều được bao trùm trong tiếng những cây đàn cò một dây mà mấy anh nhạc công Ấn Độ đã chơi ban nãy trong các quán bar chúng tôi đã đi qua.

Cuối cùng tôi ngủ thiếp đi vào lúc tờ mờ sáng. Vào khoảng mười giờ có tiếng gõ cửa phòng. Đó là luật sư Bowen tươi cười đến thăm chúng tôi.

- Chào các bạn. Hãy còn ngủ kia à? Chắc hôm qua về khuya hả? Đi chơi phố có vui không?

- Chào luật sư. Vâng, chúng tôi về khuya quá, luật sư thứ lỗi cho.

- Ô kìa, có gì mà thứ lỗi! Sau tất cả những gì các ông đã phải chịu đựng thì đó là điều hoàn toàn bình thường. Nhất định các ông phải tận hưởng cái đêm đầu tiên được làm người tự do chứ! Tôi đến để cùng đi với hai ông ra Sở Cảnh sát. Các ông phải đến trình diện với cảnh sát để tuyên bố chính thức rằng các ông đã vào lãnh thổ xứ này một cách bất hợp pháp. Làm xong cái thủ tục này ta sẽ đi thăm ông bạn bị thương của các ông. Từ sớm họ đã chiếu điện cho ông ấy. Ta sẽ biết kết quả sau. Sau khi rửa mặt và mặc áo quần thật nhanh, chúng tôi đi xuống phòng dưới, nơi ông Bowen và ông thống lĩnh đang chờ chúng tôi.

- Chào các bạn, - ông thống lĩnh nói bằng tiếng Pháp đặc giọng Anh.

- Xin chào tất cả. Các vị có khỏe không?

Một nữ sĩ quan của Đạo quân Cứu thế nói với chúng tôi:

- Các ông thấy Port of Spain thế nào? Có dễ chịu không?

- Ô, thưa bà rất dễ chịu! Chúng tôi rất thích.

Sau khi uống tách cà-phê, chúng tôi đến Sở Cảnh sát. Chúng tôi đi bộ vì sở chỉ cách khách sạn khoảng hai trăm thước. Tất cả các cảnh sát viên đều chào chúng tôi và nhìn chúng tôi không có vẻ gì tò mò đặc biệt. Chúng tôi bước vào một văn phòng trang nghiêm sau khi đi qua trước mặt hai người lính canh da màu gỗ mun mặc quân phục ka ki. Một viên sĩ quan trạc ngũ tuần, sơ-mi và ca-vát đều bằng vải ka li, ngực đeo đầy huy chương và huy hiệu, đứng dậy. Ông ta mặc quần soóc ông ta nói bằng tiếng Pháp:

- Chào các ông. Các ông ngồi xuống. Trước khi ghi nhận chính thức lời khai của các ông, tôi muốn được nói chuyện với các ông một chút. Hai ông bao nhiêu tuổi?

- Tôi hai mươi sáu tuổi, còn bạn tôi mười chín.

- Các ông bị xử vì tội gì?

- Tội giết người.

- Các ông bị xử án gì?

- Khô sai chung thân.

- Thế thì không phải là vì tội giết người đơn thuần, mà là vì tội giết người có chủ ý?

- Thưa ông không phải, tôi chỉ bị buộc tội giết người.

- Còn tôi thì giết người có chủ ý, - Maturette nói - Lúc bảy giờ tôi mới mười bảy tuổi.

- Ở tuổi mười bảy người ta có ý thức về việc mình làm, - viên sĩ quan nói. - ở Anh, nếu tội trạng ấy đã có bằng chứng rõ ràng, anh sẽ bị treo cổ. Thôi được, nhà chức trách của nước Anh không có bốn phận phê phán cách xử án của nước Pháp. Những điều mà ta phản đối là việc đầy phạm nhân sang Guyane thuộc Pháp. Chúng tôi cho rằng đó là một hình phạt vô nhân đạo và không xứng đáng với một quốc gia văn minh như nước Pháp. Nhưng có điều đáng tiếc là các ông không thể ở lại Trinidad hay bất cứ một hòn đảo thuộc Anh nào khác. Điều đó không thể được. Vì vậy tôi yêu cầu các ông xử sự một cách trung thực và không tìm cách trì

hoãn việc ra đi, không lấy cớ đau ốm hoặc viện một lý do nào khác để ở lại sau khi đã hết hạn tạm trú. Các ông có thể nghỉ ngơi tự do ở Port of Spain từ mười lăm đến mười tám ngày. Chiếc thuyền của các ông hình như cũng tốt. Tôi sẽ cho đưa nó về đây bảo quản ở cảng. Nếu cần sửa chữa gì, thợ mộc của Hải quân Hoàng gia sẽ sửa chữa cho các ông. Khi ra đi các ông sẽ nhận được tất cả các thứ lương thực cần thiết, một cái đĩa bàn tốt và một tấm bản đồ hàng hải. Tôi hy vọng rằng các nước Nam Mỹ sẽ chịu tiếp nhận các ông. Các ông đừng đến Venezuela vì các ông sẽ bị bắt và bị cưỡng bức làm việc trên các đường cái cho đến ngày họ trao trả các ông cho nhà chức trách Pháp. Sau một lần lỗi nghiêm trọng, một con người không thể vĩnh viễn bị cưỡng bức phải trở thành người bỏ đi. Các ông trẻ và khỏe mạnh, dung mạo của các ông rất dễ có cảm tình, cho nên tôi hy vọng rằng sau những nỗi cay cực mà các ông đã phải chịu đựng, các ông sẽ không chấp nhận rằng mình đã bị đánh gục vĩnh viễn. Chỉ riêng cái việc các ông đã vượt biển đến tận đây cũng đủ chứng minh điều ngược lại. Tôi lấy làm sung sướng được làm một trong những nhân tố giúp các ông trở thành những người tốt và có trách nhiệm. Tôi xin chúc các ông may mắn. Nếu các ông có vấn đề gì khó giải quyết các ông cứ gọi điện thoại về số này, sẽ có người trả lời các ông bằng tiếng Pháp.

Ông ta bấm chuông gọi, và một người mặc thường phục đến tìm chúng tôi. Trong một gian phòng có nhiều người mặc quân phục cảnh sát hoặc thường phục đang ngồi đánh máy, một viên chức ghi nhận lời khai của chúng tôi.

- Các ông đến Trinidad vì mục đích gì?
- Để nghỉ ngơi.
- Các ông từ đâu đến?
- Từ Guyane thuộc Pháp.
- Để vượt ngục, các ông có làm thêm điều gì phạm pháp, có gây thương tích hoặc làm thiệt mạng người khác hay không?
- Chúng tôi không làm ai bị thương nặng cả.
- Sao các ông biết?

- Chúng tôi được biết như thế trước khi lên đường.
- Tuổi của các ông, vị thế hình sự của các ông đối với nước Pháp (v.v...)

- Thưa các ông, các ông có mười lăm đến mười tám ngày để nghỉ ngơi ở đây. Các ông hoàn toàn tự do muốn làm gì thì làm trong thời gian đó. Nếu các ông đối khách sạn, xin các ông báo cho chúng tôi biết. Tôi là trung sĩ Willy. Đây là danh thiếp của tôi, có hai số điện thoại: số này là điện thoại chính thức của Sở, còn số này là nhà riêng của tôi. Dù có xảy ra chuyện gì, khi cần đến sự giúp đỡ của tôi các ông cứ gọi điện ngay cho tôi. Chúng tôi biết rằng sự tin cậy của chúng tôi đối với các ông là đúng chỗ. Tôi tin chắc rằng các ông sẽ xử sự đúng đắn.

Lát sau ông Bowen đưa chúng tôi đến bệnh viện. Clousiot mừng lắm. Chúng tôi không kể lại cho cậu ấy nghe cái đêm vừa qua trong thành phố. Chúng tôi chỉ nói rằng người ta để cho chúng tôi muốn đi đâu thì đi.

Clousiot sửng sốt hỏi:

- Không có người áp giải à?
- Phải, không có ai đi áp giải hết.
- Chà, cái dân roastbeef (ý cậu ta muốn nói người Anh) kỳ quặc thật!

Ông Bowen từ nãy đi tìm ông bác sĩ, bây giờ đã trở lại với ông ta. Ông bác sĩ hỏi Clousiot:

- Ai đã lấp lại chỗ xương gãy trước khi buộc nẹp ván vào ống chân?

- Tôi và một người khác nữa, bây giờ không có ở đây.
- Ông đã lấp rất đúng, thành thử không cần phải làm gãy lại cái xương chân. Xương bánh chè đã được ghép lại rất khớp. Bây giờ chỉ cần bó bột và lấp thêm một que sắt để ông có thể đi lại chút ít. Ông thích ở lại đây hơn hay là đi với các bạn ông?

- Tôi đi với họ thôi.

- Thế thì sáng mai ông có thể đi với họ.

Chúng tôi cảm ơn rồi rút. Ông Bowen và ông bác sĩ lui ra để cho chúng tôi ngồi lại suốt buổi sáng và buổi trưa với bạn chúng tôi. Hôm sau, chúng tôi vui như ngày hội khi cả ba chúng tôi tụ tập đầy đủ trong căn phòng ở khách sạn, cửa sổ mở rộng và bao nhiêu quạt đều chạy để cho căn phòng thật thoáng khí. Chúng tôi không ngớt khen ngợi nhau về gương mặt khỏe mạnh sáng sủa và về dáng dấp bánh bao trong những bộ áo quần mới. Khi thấy câu chuyện lại quay về quá khứ, tôi nói với các bạn:

- Chuyện quá khứ thì bây giờ ta hãy cố gắng quên đi, chỉ nên nghĩ đến hiện tại và tương lai mà thôi. Chúng ta sẽ đi đâu? Colombia chăng? Panama chăng? Hay Costa Rica? Cần phải hỏi ý kiến ông Bowen xem thử ở những nước nào ta có nhiều khả năng được chấp nhận hơn.

Tôi gọi điện đến văn phòng luật sư của ông Bowen, nhưng không có ông ở đấy. Tôi gọi về nhà ông ở San Fernando, người cầm ống máy lên là cô con gái ông luật sư. Sau khi trao đổi mấy lời thăm hỏi ân cần, cô ấy nói:

- Ông Henri ạ, gần bên khách sạn, ở Chợ cá, có những chuyến xe buýt đi San Fernando. Sao ông không đến chơi nhà chúng tôi vào buổi chiều? Ông đến nhé, tôi đợi ông đấy!

Thế là cả ba chúng tôi lên xe đi San Fernando. Clousiot trông thật bánh trong bộ áo quần bán quân sự màu thuốc lá của cậu ta.

Chuyến đi trở về ngôi nhà đã đón tiếp chúng tôi nồng hậu như vậy làm cho cả ba chúng tôi đều xúc động. Dường như hai người phụ nữ ấy cũng hiểu nỗi xúc động của chúng tôi, vì họ cùng nói một lúc: “Thế là các bạn đã lại trở về ngôi nhà của các bạn. Các bạn ngồi xuống đi cho thoải mái”. Bây giờ hai nữ chủ nhân không còn gọi chúng tôi là “Monsieur” nữa, mỗi lần nói với chúng tôi họ đều gọi bằng anh hay gọi thẳng tên riêng như chỗ thân tình: “Henri, anh cho tôi xin hũ đường”; Andre (Đó là tên riêng của Maturette) anh ăn thêm miếng bánh pudding nữa nhé?” Bà Bowen và cô Bowen ơi, tôi hy vọng rằng đến giờ này Trời đã ban

thường cho hai người vì lòng nhân hậu tuyệt vời đối với chúng tôi, và xin cầu mong cho tâm hồn cao đẹp của hai người, đã đem lại cho chúng tôi những niềm vui xán lạn như vậy trên quãng đường đời còn lại, sẽ chỉ gặp toàn hạnh phúc tột độ mà thôi.

Chúng tôi bàn bạc với hai mẹ con bà Bowen, quây quần xung quanh một tấm bản đồ trải ra trên bàn. Nhưng khoảng cách mà chúng tôi sẽ phải vượt qua còn rất lớn: một ngàn hai trăm cây số để đến cảng gần nhất của xứ Colombia là Santa Marta, hai ngàn một trăm cây số để đến Panama; hai ngàn năm trăm cây số để đến Costa Rica. Ông Bowen đã về. Ông nói: “Tôi đã gọi điện cho tất cả lãnh sự quán, và bây giờ tôi có thể thông báo một tin mừng: các bạn có thể ghé Cuarcas vài ngày để nghỉ ngơi. Nước Colombia thì chưa có gì rõ ràng lắm về cách xử lý đối với người vượt ngục. Theo chỗ ông lãnh sự được biết thì xưa nay chưa bao giờ thấy có những người vượt ngục đến Colombia bằng đường biển. Panama và những nơi khác cũng thế”.

- Tôi biết một chỗ an toàn cho các anh, - cô Margaret, con gái ông Bowen, nói. - Nhưng chỗ ấy xa lắm, đến ba ngàn cây số là ít.

- Ở đâu thế? - Cha cô hỏi

- Xứ Honduras thuộc Anh. Ông thống đốc xứ này là cha đỡ đầu của tôi.

Tôi nhìn các bạn và nói: “Vậy thì mục tiêu sẽ là xứ Honduras thuộc Anh”. Đó là một thuộc địa của Vương quốc Hợp nhất* (*United Kingdom, tên gọi chung cho các xứ Anh-Cát-lợi, Tô Cách-lan, Bắc Ai-len) phía nam giáp nước cộng hòa Honduras, phía bắc giáp Mexico.

Chúng tôi ngồi suốt buổi chiều vạch tuyến đường vượt biển trên bản đồ, với sự giúp đỡ của Margaret và mẹ cô. Chặng thứ nhất Trinidad - Curacao, một ngàn cây số. Chặng thứ hai: từ Caracao đến một hòn đảo bất kỳ sẽ gặp trên đường đi. Chặng thứ ba: Honduras thuộc Anh.

Vì không thể nào lường trước được tất cả những gì có thể xảy ra giữa biển, hai bà quyết định rằng ngoài các món lương thực mà

cảnh sát sẽ cung cấp cho chúng tôi phải đem theo một cái thùng nữa đựng các món ăn dự trữ đóng hộp: thịt, rau quả, mứt, cá, v.v... Margaret nói với chúng tôi rằng cửa hàng siêu thị “Salvattori” sẽ vui lòng biếu chúng tôi số đồ hộp đó. Và cô nói thêm một cách hồn nhiên:

- Nếu họ từ chối thì mẹ tôi sẽ mua thôi.
- Không được đâu, cô ạ.
- Thôi anh im đi, anh Henri ạ.
- Không được đâu mà, vì chúng tôi có tiền. Chúng tôi không thể lạm dụng lòng tốt của các vị trọng khi có thể tự mình mua lấy các thứ đó.

Chiếc thuyền của chúng tôi đang ở Port of Spain, đậu dưới một cái mái che của hải quân Anh. Chúng tôi từ biệt gia đình ông Bowen, hẹn là trước khi lên đường sẽ đến thăm họ một lần cuối.

Tối nào cũng vậy, đến mười một giờ, chúng tôi đều ra khỏi nhà một cách đều đặn như thực hiện một nghi lễ tôn giáo. Clousiot ngồi xuống một cái ghế đá trong công viên nhộn nhịp nhất của thành phố, Maturette và tôi thay phiên nhau ngồi với cậu ta trong khi người kia đi dạo phố. Chúng tôi ở đây đã được mười ngày. Clousiot đi lại không đến nỗi khó khăn lắm nhờ cái que sắt luôn dưới lớp bột bó chân. Chúng tôi đã biết cách ra cảng bằng xe điện. Chúng tôi hay ra đây vào buổi chiều hay buổi tối. Đã có mấy quán bar ở cảng biết mặt chúng tôi và coi chúng tôi như khách quen. Những viên cảnh sát trực đều chào chúng tôi, ai nấy đều biết chúng tôi là ai và ở đâu đến, không bao giờ có ai ám chỉ bất cứ điều gì. Nhưng dần dần chúng tôi nhận thấy rằng trong các quán bar biết mặt chúng tôi, họ tính tiền các món ăn thức uống rẻ hơn so với khách thủy thủ. Mấy cô gái chiêu đãi cũng vậy. Thường thường khi mấy cô ngồi ở bàn các thủy thủ, các sĩ quan hay khách du lịch, họ uống lầy uống để và tìm cách làm cho khách tiêu xài càng nhiều càng tốt. Ở những quán bar có nhảy đầm, họ không bao giờ chịu nhảy với khách nếu chưa được khách mời uống mấy cốc. Nhưng với chúng tôi, tất cả các cô đều có thái độ khác. Họ ngồi chơi với chúng tôi rất lâu mà chẳng chịu uống gì, phải năn nỉ lắm

họ mới chịu uống một chén để chúc sức khỏe chúng tôi. Nếu họ chịu uống thì đó không phải để nháp cái ly tí hon trừ danh của họ mà là uống một cốc bia hay một cốc whisky anh soda thực sự. Tất cả những điều đó đều làm cho chúng tôi rất vui lòng, vì đó là một cách gián tiếp để nói với chúng tôi rằng họ biết rõ tình cảnh của chúng tôi và đồng cảm với chúng tôi: Chiếc thuyền đã được sơn lại và lắp thêm mặt đường viền cao mười phân. Cái trụ đáy đã được củng cố lại. Những đường gân bên trong lòng có chỗ nào bị hư hại, chiếc thuyền vẫn tốt nguyên. Cột buồm đã được thay thế bằng một cái cột mới cao hơn nhưng nhẹ hơn cái cũ; lá buồm foc và cái buồm chéo bằng bao bố được thay bằng vải toan tốt màu gạch. Ở sở hàng hải, một thiếu tá thuyền trưởng đã trao cho tôi một cái đĩa bàn có “hoa hồng gió bốn phương” (họ gọi là compass) và giảng giải cho tôi biết cách dùng đĩa đồ để xác định ước chừng vị trí của thuyền trên biển. Đường đi của chúng tôi vạch theo hướng tây 1/4 bắc để đến Curacao.

Ông thiếu tá hải quân giới thiệu tôi với một sĩ quan hàng hải chỉ huy chiếc tàu huấn luyện Tarpon. Ông này hỏi tôi xem thử tôi có vui lòng xuống thuyền vào khoảng tám giờ sáng mai và lái thuyền ra khỏi cảng một chút không. Tôi chẳng hiểu như thế để làm gì nhưng tôi cứ hứa. Sáng hôm sau, tôi và Maturette có mặt ở sở hàng hải đúng giờ đã hẹn. Một thủy thủ xuống thuyền với chúng tôi, và tôi cho thuyền ra khỏi cảng dưới một làn gió xuôi. Hai giờ sau, trong khi chúng tôi đang thả buồm để vào cảng rồi lại ra cảng, thì thấy một chiến hạm tiến về phía chúng tôi. Trên boong tàu, toàn bộ thủy thủ đoàn và sĩ quan mặc quân phục trắng đã xếp hàng chỉnh tề. Họ đi qua gần sát chúng tôi và hô “Ur-ra!” rồi họ đi vòng lại một vòng và hạ cờ hai lần. Đó là một cách chào trọng thể mà tôi không hiểu ý nghĩa cho lắm. Chúng tôi trở về phần cảng của sở hàng hải khi chiếc chiến hạm đã đậu ở bến. Thuyền của chúng tôi được buộc vào kè xây. Người thủy thủ ra hiệu cho chúng tôi, chúng tôi đi theo anh ta lên tàu. Viên thuyền trưởng đứng trên cầu quan sát tiếp chúng tôi. Một tiếng còi có chuyển giọng đón chào chúng tôi, và sau khi giới thiệu chúng tôi và với các sĩ quan, họ đưa chúng tôi đi trước hàng ngũ các học sinh

quân và hạ sĩ quan đang đứng nghiêm. Viên thuyền trưởng nói với họ vài lời bằng tiếng Anh, rồi họ giải tán. Một sĩ quan trẻ tuổi giảng giải cho tôi hiểu rằng ông thuyền trưởng vừa nói với các học sinh quân đang được huấn luyện trên tàu rằng chúng tôi đáng được các thủy thủ khâm phục vì đã vượt qua một hành trình dài như vậy trên chiếc thuyền nhỏ bé này, và chúng tôi sắp thực hiện một hành trình còn dài hơn và nguy hiểm hơn nữa. Chúng tôi cảm ơn viên sĩ quan về cái vinh dự lớn lao đó. Ông ta tặng chúng tôi ba bộ áo bằng vải trắng nhựa sau này sẽ rất có ích cho chúng tôi. Đó là những bộ áo không thấm nước màu đen có một cái fermeture éclair to tướng, có đính thêm mũ chụp sau cổ.

Hai ngày trước khi lên đường, luật sư Bowen đến thăm chúng tôi và chuyển lời yêu cầu của viên tổng giám đốc cảnh sát đề nghị chúng tôi đem theo ba người bị đày biệt xứ vừa bị bắt cách đây một tuần. Theo lời khai của họ, họ được các bạn họ ghé thuyền cho đi bộ lên đảo trước khi tiếp tục vượt biển đi Venezuela. Tôi không muốn làm theo yêu cầu này, nhưng chúng tôi đã được đối xử một cách quá ư cao thượng để có thể từ chối. Tôi xin gặp họ trước khi trả lời. Một chiếc xe cảnh sát đến đón tôi. Tôi gặp qua ông Tổng giám đốc, tức viên sĩ quan đeo lon đã chất vấn chúng tôi hôm chúng tôi mới đến. Trung sĩ Willy làm phiên dịch.

- Các ông có khỏe không?
- Cám ơn ông, khỏe cả.
- Chúng tôi đang cần các ông giúp cho một việc.
- Nếu có thể giúp được, chúng tôi rất vui lòng.

- Ở nhà lao của chúng tôi có ba người Pháp bị đày biệt xứ. Họ đã lén lút trên đảo mấy tuần và khai rằng đã bị các bạn bỏ lại đây và đi tiếp. Chúng tôi nghĩ rằng họ đã đánh đắm chiếc thuyền của họ, nhưng mỗi người đều khai là không biết điều khiển thuyền bè gì cả.

Chúng tôi nghĩ rằng đó là một thủ đoạn để ép chúng tôi phải cấp thuyền cho họ. Chúng tôi phải tìm cách cho họ đi: nếu không,

tôi sẽ buộc lòng trao họ cho viên cảnh sát trên chuyến tàu Pháp đầu tiên ghé qua đây, và đó là một điều rất đáng tiếc.

- Thưa ông tổng giám đốc, tôi sẽ hết sức cố gắng chiều theo yêu cầu của ông, nhưng tôi muốn nói chuyện với họ đã. Chắc ông cũng hiểu rằng nhận chở trên thuyền mình ba người lạ là một việc nguy hiểm.

- Tôi hiểu. Willy, xin ông lệnh đưa ba tù nhân người Pháp ra sân.

Tôi muốn gặp riêng họ cho nên yêu cầu viên trung sĩ lui ra.

- Các anh bị đày biệt xứ, phải không?

- Không, chúng tôi là tù khổ sai.

- Thế tại sao các anh nói là bị đày biệt xứ?

- Chúng tôi nghĩ rằng họ có cảm tình với một người chỉ phạm pháp vụn vặt hơn là với một người đã phạm tội nặng. Chúng tôi đã thấy rõ rằng nghĩ như thế là lầm. Còn anh, anh là ai?

- Một phạm nhân khổ sai.

- Chúng tôi không biết anh.

- Tôi thuộc chuyến áp giải sau chót, còn anh?

- Chuyến 1929.

- Tôi thì thuộc chuyến 1927, - người thứ ba nói.

- Đây, ông tổng giám đốc có gọi tôi đến để yêu cầu tôi cho các anh cùng đi với chúng tôi. Chúng tôi đã ba người rồi ông ta nói rằng nếu tôi từ chối, trong hoàn cảnh các anh không có người nào biết đi thuyền buồm, ông ta sẽ phải giao các anh cho chuyến tàu Pháp đầu tiên ghé qua đây. Các anh thấy thế nào?

- Vì những lý do chỉ liên quan đến chúng tôi, chúng tôi không muốn vượt biển nữa. Chúng tôi có thể giả vờ ra đi với các anh, rồi anh sẽ thả chúng tôi xuống ở cuối đảo và sẽ tiếp tục vượt biển.

- Tôi không thể làm như thế được!

- Tại sao?

- Tại vì tôi không thể đền đáp những cách xử sự tốt đẹp của họ bằng một hành động gian dối được.

- Thiết tưởng anh phải dành ưu tiên cho dân khổ sai trước khi nghĩ đến bọn roastbeef chứ!

- Tại sao?

- Vì anh là dân khổ sai.

- Đúng, nhưng dân khổ sai có lắm thứ khác nhau đến nỗi giữa các anh và tôi rất có thể còn khác nhau hơn là giữa tôi và bọn roastbeef. Cái đó còn tùy ở cách nhìn nhận.

- Vậy là anh để cho họ trả chúng tôi cho nhà chức trách Pháp hay sao?

- Không, nhưng tôi cũng sẽ không cho các anh xuống trước khi đến Curacao.

- Tôi tự thấy không đủ can đảm để vượt biển thêm chuyến nữa, - một người trong bọn họ nói.

- Các anh nghe đây, hãy xem chiếc thuyền đi đã. Có lẽ chiếc của các anh dùng để đến đây quá tồi.

- Được, để xem, - hai người kia nói.

- Tốt. Tôi sẽ yêu cầu ông tổng giám đốc để cho các anh đến xem thuyền.

Chúng tôi đi ra cảng, có trung sĩ Willy đi theo. Ba người kia có vẻ tin tưởng hơn sau khi xem chiếc thuyền.

Lại lên đường

Hai ngày sau chúng tôi lên đường. Ba chúng tôi và ba người lạ mặt. Tôi không hiểu họ làm sao mà biết được, nhưng có đến một tá những cô gái bán bar đến tiễn đưa chúng tôi, cũng như gia đình Bowen và ông thống lĩnh đạo quân Cứu thế. Khi thấy một cô gái bán bar ôm hôn tôi, Margaret cười lớn bảo tôi: “Henri, anh làm gì mà đã đính hôn nhanh thế? Chẳng nghiêm túc chút nào!”.

- Xin chào tất cả. Không, xin vĩnh biệt! Nhưng các bạn phải biết rằng các bạn đã có một vị trí quan trọng trong lòng chúng tôi, và vị trí ấy vĩnh viễn thuộc về các bạn.

Chúng tôi xuất phát lúc bốn giờ chiều: một chiếc tàu kéo kéo chúng tôi ra khỏi cảng. Mấy đứa chúng tôi không khỏi có người lau nước mắt. Chúng tôi đã nhìn đến phức cuối tốp người ra tiễn chúng tôi đang vẫy những chiếc khăn mùi-soa trắng. Sợi dây cáp nối liền thuyền của chúng tôi với chiếc tàu kéo vừa được tháo ra thì tất cả ba cánh buồm của chúng tôi đã hứng gió căng phồng lên, và chúng tôi lao vào những đợt sóng đầu tiên trong số hàng triệu những đợt sóng mà chúng tôi sắp phải vượt qua trước khi đến đích..

Trên thuyền có hai con dao, một con tôi mang, con kia Maturette giữ. Cây rìu thì đặt cạnh Clousiot, cũng như con dao phát rừng. Chúng tôi biết chắc rằng ba người kia không có ai có vũ khí. Chúng tôi đã xếp đặt để đừng có lúc nào có hai đứa trong bọn chúng tôi ngủ dọc đường. Đến lúc mặt trời lặn, chiếc tàu huấn luyện của hải quân bắt kịp chúng tôi và đi kèm theo chúng tôi trong nửa tiếng đồng hồ. Sau đó nó kéo cờ tín hiệu từ biệt và bỏ đi.

- Anh tên gì?

- Leblond..

- Chuyến nào? An gì?

- Hai mươi năm.

- Còn anh?

- Cargueret. Chuyến 29, mười lăm năm, tôi người Bratagne.

- Người Bretagne. mà không biết đi thuyền sao?

- Không.

- Còn tôi tên là Dufils, người Angers. Tôi bị xử chung thân vì đã nói một câu ngu xuẩn ở phiên tòa đại hình, chứ không thì tôi đã cũng chỉ đến mười năm. Chuyến 29.

- Câu gì thế?

- Số là tôi đã giết vợ tôi bằng cái bàn là. Trong phiên xử, một viên bồi thẩm đã hỏi tôi tại sao lại dùng bàn là đánh vào vợ. Thật ra tôi cũng chẳng biết tại sao, nhưng tôi lại trả lời tôi đã giết vợ bằng bàn là vì vợ tôi hay là sai nếp gấp. Theo ông trạng sư bào chữa cho tôi thì chính vì câu nói ngu xuẩn này mà họ xử tôi nặng đến thế.

- Các anh ra đi từ đâu?

- Từ một trại khổ sai lâm nghiệp gọi là Cascade, cách Saint-Laurent tám mươi cây số. Trốn đi chẳng khó gì vì ở đây tự do lắm. Chúng tôi có năm người ra đi với nhau dễ lắm.

- Sao lại năm người? Thế hai người kia đâu?

Một phút im lặng khó chịu. Clousiot nói:

- Đây anh kia, ở đây toàn đàn ông với nhau cả, mà đã cùng thuyền với nhau thì chúng tôi phải biết. Nói đi!

- Tôi sẽ nói hết cho các anh nghe, - người Bretagne nói - Quả thật khi ra đi chúng tôi có năm người, nhưng hai người quê ở Cannes hiện không có ở đây nói rằng họ những là dân thuyền chài miền duyên hải. Họ không chỉ một xu nào cho chuyến vượt ngục, nói là công lái thuyền của họ còn đáng giá hơn tiền bạc. Nhưng giữa đường chúng tôi mới thấy là cả hai đứa đều không biết một tí gì thuyền bè hết. Chúng tôi suýt chết đuối đến hai chục lần. Chúng tôi phải men theo bờ biển mà đi, lúc đầu là xứ Guyan thuộc Hà Lan, rồi đến Guyane thuộc Anh, rồi mới đến Trinidad. Ở khoảng giữa Georetown và Trinidad tôi đã giết chết cái thằng nói rằng nó có thể làm thuyền trưởng cho chuyến vượt ngục. Thằng ấy đáng chết, vì để khỏi mất tiền nó đã đánh lừa mọi người về năng lực hàng hải của nó. Còn thằng kia thì sợ bị chúng tôi giết nốt cho nên một hôm mưa bão hấn đã tự ý bỏ tay lái nhảy xuống biển. Chúng tôi đành xoay xở hú họa với nhau trên thuyền. Đã mấy lần chúng tôi để sóng tràn vào thuyền, chúng tôi lại để thuyền đâm vào đá may mà thoát chết. Tôi xin lấy danh dự một gã đàn ông mà cam đoan rằng tất cả những điều tôi vừa nói đều hoàn toàn đúng sự thật.

- Đúng đây, - hai người kia nói. - Sự việc đã diễn ra đúng như thế, và cả ba đưa chúng tôi đều nhất trí giết thằng ấy. Anh nghĩ thế nào về chuyện này hả Pappilon?

- Tôi không có vị thế để xét xử.

- Nhưng nếu ở vào địa vị của chúng tôi thì anh sẽ xử sự như thế nào? - Người quê ở Bretagne hỏi gặng.

- Cái này còn phải suy nghĩ đã. Muốn xét đoán một cách công bằng, phải sống qua sự việc lúc đó xảy ra, nếu không thì không thể biết đâu là sự thật.

Clousiot nói:

- Tôi thì tôi cũng giết, vì đó là một lời nói dối có thể phải trả giá bằng sinh mạng của cả bọn.

- Thôi được, đừng nói chuyện ấy nữa. Nhưng tôi có cảm giác là các anh đã bị một phen hoảng sợ đến mức bây giờ vẫn còn sợ, và các anh chịu lên thuyền với chúng tôi cũng là vạn bất đắc dĩ, phải không?

- Đúng quá! - Họ đồng thanh trả lời.

- Thế thì ở đây cảm không được hoảng hốt, dù có chuyện gì xảy ra cũng thế. Trong bất cứ trường hợp nào, cảm không ai để lộ ra ngoài là mình sợ. Ai sợ thì cảm cái mồm đi. Thuyền này rất tốt, nó đã được thử thách. Bây giờ thuyền chở nặng hơn trước, nhưng nó lại cao hơn trước những mười phân. Điều đó thừa sức bù lại trọng tải.

Chúng tôi hút thuốc, uống cà phê. Trước khi đi chúng tôi đã ăn no cho nên quyết định là đến sáng mai mới ăn bữa nữa.

Hôm ấy là ngày mùng chín tháng chạp năm 1933, cuộc vượt ngục đã bắt đầu trong gian phòng dành cho phạm nhân nguy hiểm ở bệnh viện của trại Saint-Laurent cách đây bốn mươi hai ngày. Người cho chúng tôi biết điều đó là Clousiot, kế toán viên của nhóm. So với lúc khởi hành, tôi có thêm được ba vật quý: một cái đồng hồ bằng thép không thấm nước mua ở Trinidad, một cái đĩa bàn thứ thiệt được thiết bị treo hai chiều, rất chính xác, có cả “hoa

hồng gió bốn phương”, và một đôi kính đen bằng mi-ca. Clousiot và Maturette thì mỗi người được một cái mũ lưỡi trai.

Ba ngày trôi qua bình yên, không có chuyện gì xảy ra nếu không kể hai lần thuyền gặp phải những đàn cá heo. Nó đã làm cho chúng tôi toát mồ hôi lạnh, vì có một tốp tám con bày trò đùa nghịch với chiếc thuyền. Thoạt tiên chúng luồn dưới đáy thuyền theo chiều dọc và nhô lên ngay trước mũi thuyền. Nhiều khi chúng tôi đâm thẳng vào lưng nó. Nhưng làm cho chúng tôi hoảng hơn cả là trò chơi sau đây: ba con cá heo xếp thành hình tam giác, một con ở phía trước và hai con song song ở phía sau, đâm thẳng vào chúng tôi với một tốc độ khủng khiếp. Vừa đúng lúc sắp đâm vào thuyền, chúng đột ngột lặn xuống, rồi ngoi lên bên phải và bên trái thuyền. Mặc dầu gió rất mạnh và chúng tôi dong hết buồm phóng như bay, chúng lao còn nhanh hơn nữa. Trò chơi này kéo dài hàng giờ, chúng tôi hoa cả mắt, đến phát cuồng lên được. Chúng chỉ tính hơi sai một chút là thuyền chúng tôi lật ngay. Ba người khách của tôi không nói gì, nhưng mặt mày nhợt nhạt trông đến thảm.

Giữa đêm thứ tư, một trận bão khủng khiếp nổi lên. Thật là kinh hồn táng đờm. Tệ nhất là các đợt sóng không hề đi theo một hướng. Nhiều khi chúng va vào nhau. Đợt thì dài, đợt thì ngắn, chẳng còn hiểu ra làm sao được nữa. Không ai thốt ra một tiếng nào. Chỉ có Clousiot thỉnh thoảng lại quát lên: “Nào, ông lái! Đợt này ông cũng sẽ đánh vỡ mặt nó ra như các đợt khác thôi?” Hay là: “Coi chừng có một đợt sóng từ phía sau đấy?” Có điều lạ là nhiều khi có những đợt sóng đến chênh chéch, gầm lên dữ dội, trên đỉnh đầy bọt trắng. Được tôi ước lượng tốc độ của nó và đoán trước góc tiếp xúc. Thế mà, đúng một cái, chẳng ra cái lô-gíc gì cả lại có một đợt sóng khác xô ngay vào đít thuyền lúc bây giờ đang dựng đứng lên. Nhiều lần những đợt sóng như thế đã chồm lên vai tôi, và dĩ nhiên một phần lớn nước ập vào thuyền. Cả năm người cầm xoong, lon, hộp, tát nước liên tay. Tuy vậy, chưa có lần nào nước ngập lòng thuyền đến hơn một phần tư, cho nên chúng tôi chưa bao giờ có nguy cơ chìm ngấm. Phiên hội chợ kinh hải này kéo dài suốt

nửa đêm, gần bảy tiếng đồng hồ. Vì trời mưa, mãi đến tám giờ mới thấy bóng mặt trời.

Bão đã yên, ánh mặt trời mới tinh khôi của buổi sáng được mọi người chào đón một cách hân hoan, dĩ nhiên kể cả tôi. Trước hết phải uống cà-phê đã. Một châu cà-phê sữa Nestlé sôi sùng sục, mấy tấm bánh nướng của thủy thủ, cứng như sắt, nhưng nhúng vào cà-phê thì lại ngon tuyệt. Cuộc vật lộn với trận bão đêm qua đã làm cho chúng tôi kiệt sức hoàn toàn, và tuy gió hãy còn mạnh, sóng hãy còn cao và còn khá vô kỷ luật, tôi yêu cầu Maturette cầm lái thay tôi một lúc. Tôi muốn ngủ. Tôi mới nằm xuống chưa đầy mười phút thì Maturette loay hoay thế nào để cho một đợt sóng đánh ngang thuyền và nước tràn vào ngập đến ba phần tư. Đồ đạc nổi lên bênh trong lòng thuyền: các thứ lon hộp, cái lò dầu hỏa, mấy cái chăn... Tôi đứng dậy đi ra phía lái, nước ngập ngang bụng, và vừa có đủ thì giờ cầm lấy tay lái để tránh một đợt sóng vỡ đang đâm thẳng vào chúng tôi. Tôi bẻ lái gior đít thuyền ra cho đợt sóng, khiến cho nó không tràn vào thuyền được mà chỉ đẩy chúng tôi về phía trước đến mười mét.

Mọi người đều tát nước. Cái nồi lớn do Maturette sử dụng tát mỗi lần được mười lăm lít. Không ai bận tâm vớt vát những đồ đạc có thể trôi ra ngoài, ai nấy đều có một ý nghĩ cố định duy nhất: tát, tát cho thật nhanh chỗ nước đang làm cho chiến thuyền trở nên nặng nề, khó lòng có thể chống chọi lại các đợt sóng. Tôi phải công nhận rằng ba người mới đã xử sự không đến nỗi tồi như anh chàng người Bretagne, khi thấy cái hộp anh ta đang dùng để tát nước bị cuốn đi, đã tự mình quyết định không do dự đẩy cái thùng đựng nước ngọt ra khỏi thuyền cho đỡ nặng. Hai giờ sau, mọi thứ đã khô ráo, nhưng chúng tôi đã mất mấy cái chăn, cái bếp dầu, cái lò, mấy bị than, cái bi-đông xăng và cái thùng nước ngọt - tài sản cuối cùng này chúng tôi đã mất đi một cách tự nguyện.

Đến giữa trưa, tôi định thay quần thì mới nhận thấy là cái va-li nhỏ của tôi cũng đã bị sóng cuốn đi từ bao giờ, cùng với hai áo vải trắng nhựa. Ở đáy thuyền, chúng tôi tìm thấy hai chai rượu rum. Bao nhiêu thuốc lá của chúng tôi đều bị mất hay bị ướt, cả cái hộp sắt tây đựng lá thuốc cũng không còn. Tôi nói:

- Các cậu ạ trước hết phải uống một chén rum, liều lượng kha khá vào, rồi ta mở cái thùng đựng thức ăn dự trữ xem thử còn có những gì. À, còn mấy hộp nước quả, tốt. Ta sẽ chia khẩu phần để uống. Lại có những hộp bánh bích quy, các bạn ăn cho hết một hộp đi và dùng cái hộp không làm lò. Ta sẽ để mấy cái hộp sắt tây ở đáy thuyền để lót bếp, bên trên ta sẽ đốt lửa bằng ván thùng. Tất cả chúng ta đều đã trải qua một cơn kinh hoàng, nhưng bây giờ thì hiểm nghèo đã qua. Mỗi chúng ta phải trấn tĩnh lại để sẵn sàng đối phó với tình hình. Kể từ bây giờ trở đi, không ai được nói: tôi khát nước; không ai được nói: tôi đói; và không ai được nói: tôi thèm thuốc. Đồng ý không?

- Đồng ý, Papi ạ.

Mỗi người đã xử sự đúng mức, và Trời đã ra lệnh cho gió ngừng thổi để cho chúng tôi nấu một nồi xúp bằng thịt bò khô. Với một cà-mèn đầy xúp bỏ thêm bánh nướng khô, chúng tôi đã lót được dạ dày bằng một lớp chất dinh dưỡng vừa ngon vừa ấm, đủ để chờ đến ngày mai. Lại pha thêm một chút nước chè xanh cho mỗi người. Trong cái thùng còn nguyên vẹn, chúng tôi đã tìm thấy một tút thuốc lá. Cả thầy có hai mươi bốn gói nhỏ, mỗi gói đựng tám điếu. Năm người kia quyết định là chỉ có một mình tôi được hút, để cho tỉnh táo mà lái thuyền. Và để đừng ai ghen tị, Clousiot khước từ công việc châm đèn thuốc lá cho tôi; mỗi khi tôi cần hút cậu ta sẽ châm lửa thôi. Nhờ mọi người đều hiểu tình hình và hiểu nhau như vậy, giữa chúng tôi không xảy ra một sự cố nào khó chịu.

Chúng tôi ra đi đã sáu hôm rồi mà tôi chưa ngủ được một giấc nào. Cũng may tối nay mặt biển phẳng lặng như tờ, tôi liền ngủ như chết gần năm tiếng đồng hồ. Đến mười giờ tối thì tôi tỉnh dậy, Biển vẫn lặng. Các bạn đã ăn tối trong khi tôi ngủ, để dành lại cho tôi một thứ cháo polenta quấy rất khéo bằng bột ngô, dĩ nhiên là bột ngô đóng hộp, và mấy thỏi xúc xích hong khói. Ngon tuyệt. Nước trà thì đã nguội, nhưng cũng không sao. Tôi vừa hút thuốc vừa đợi cho gió vui lòng nổi lên.

Đêm hôm ấy trời chỉ chít những sao, đẹp kỳ diệu. Sao Bắc cực sáng hết cỡ và chỉ có chòm sao Thập tự phương Nam ăn đứt nó về độ sáng. Có thể nhìn rất rõ hai chòm sao Đại hùng tinh và Tiểu hùng tinh. Trời không gợn một chút mây, và trăng rằm đã lên cao trên bầu trời điểm sao. Anh chàng người Bretagne run cầm cập. Anh ta đã đánh mất cái áo vét, chỉ còn sơ-mi. Tôi cho anh ta mượn cái áo trắng nhựa. Chúng tôi đang bước sang ngày thứ bảy.

- Các bạn ạ, chắc hẳn chúng ta không còn cách Curacao bao nhiêu. Tôi có cảm giác là tôi đã cho thuyền đi hơi quá lên phía Bắc, từ giờ tôi sẽ chuyển sang chính tây vì ta không được hụt quần đảo Antilles thuộc Hà Lan. Nếu không ghé được vào đây thì rất nguy vì bây giờ ta không còn nước ngọt và bao nhiêu lương thực đều đã mất hết trừ số đồ hộp dự trữ.

- Chúng tôi tin anh, Papillon ạ, - anh chàng người Bretagne nói.

- Đúng, chúng tôi rất tin anh, - mấy người khác đồng thanh họa theo. Anh thấy thế nào là đúng thì cứ thế mà làm.

- Cám ơn. Hình như những điều tôi vừa nói là giải pháp tốt nhất. Suốt đêm hôm ấy đợi mãi chẳng thấy chút gió nào, mãi đến bốn giờ sáng mới có một ngọn gió vừa phải cho phép chúng tôi dong buồm. Ngọn gió này càng về sáng càng mạnh lên, thổi suốt ba mươi sáu giờ với một cường độ đủ mạnh cho thuyền đi nhanh, nhưng sóng thì lại nhỏ đến nỗi không vỗ vào mũi thuyền.

Curacao

Hải âu. Thoạt tiên chỉ nghe tiếng chim kêu, vì trời còn tối, rồi sau đó trông thấy chúng lượn vòng xung quanh thuyền. Một con đậu lên cột buồm, rồi lại cất cánh bay lên, rồi lại đậu vào cột buồm. Chúng bay lượn như thế trong hơn ba tiếng đồng hồ, đến khi trời sáng và một vầng thái dương rạng rỡ mọc lên, chúng vẫn còn bay xung quanh chúng tôi. Ở chân trời không hề có một dấu hiệu nào cho biết là đã gần đến đất liền. Vậy thì mấy con hải âu ấy từ đâu ra? Suốt ngày hôm ấy chúng tôi đưa mắt nhìn kỹ khắp

chân trời mà vẫn không thấy gì. Trăng rằm mọc lên đúng vào lúc mặt trời lặn, và vàng trăng nhiệt đới ấy sáng đến nỗi ánh phản chiếu trên mặt biển làm cho tôi lóa mắt. Tôi không còn cặp kính đen nữa rồi, nó đã đi theo ngọn sóng chết tiệt kia cùng với tất cả mấy cái mũ lưỡi trai. Vào khoảng tám giờ tối chúng tôi nhìn thấy ở chân trời, rất xa, một đường thẳng đen đen hiện ra trong ánh trăng.

- Kia là đất liền, chắc chắn như vậy! - Tôi nói trước tiên.

- Phải rồi, đúng.

Mọi người đều nhất trí nói rằng mình nhìn thấy một đường thẳng chắc phải là một dải đất. Suốt thời gian còn lại của đêm ấy, tôi giữ mũi thuyền hướng vào cái vật đen đang rõ dần. Chúng tôi đã sắp đến. Gió khá lớn dưới bầu trời không gợn mây, và trên mặt biển sóng khá cao nhưng dài và đều đặn: chúng tôi băng băng tiến về phía cái vật đen. Nó không nhô lên cao lắm trên mặt nước, và không có một dấu hiệu gì cho biết rằng bờ biển có vách đá dốc đứng, có nhiều mỏm đá rời, hay làm thành bãi cát. Mặt trăng đang lặn ở phía sau dải đất ấy, hắt thành một cái bóng khiến cho chúng tôi không thể nhìn thấy gì ngoài một dải ánh sáng sát mặt nước lúc đầu thì bằng phẳng, rồi sau đó gãy khúc. Tôi cứ cho thuyền tiến lại gần, rồi cách khoảng một cây số tôi bỏ neo. Gió thổi mạnh, chiếc thuyền quay tại chỗ và đối diện với đợt sóng: Mỗi lần sóng đi qua, thuyền đều đón sóng ở tư thế gần như thẳng đứng. Chúng tôi bị nhồi mạnh, rất khó chịu. Dĩ nhiên mấy lá buồm đều được hạ xuống và gấp lại. Lẽ ra chúng tôi có thể đợi đến sáng trong cái tư thế khó chịu nhưng an toàn này, song bỗng nhiên neo nhả ra. Thật là không may. Muốn điều khiển một con thuyền, nó phải đi, chứ nếu không thì không sao lái nó được. Chúng tôi căng buồm foc và buồm chéo nhưng, lạ thay, neo không thấy ăn ngay. Các bạn tôi kéo dây neo lên thì thấy mỏ neo đã mất: Mặc dầu tôi ra sức lái cho thuyền đi ngược trở lại, sóng vẫn xô chúng tôi về phía mỏm đá một cách rất nguy hiểm. Tôi bèn quyết định kéo buồm lớn lên và đi thẳng vào bờ một cách chủ động. Cách lái thuyền của tôi thành công đến nỗi chiếc thuyền lách vào giữa hai tảng đá lớn và rã hẳn ra. Không có ai kêu lên “chết rồi”, nhưng khi đợt sóng tiếp theo xô

tới mọi người đều lao vào sóng để cho nó xô lên bờ. Chúng tôi bị sóng cuốn lăn lông lốc, bị nó quật vào đá, nhưng lên đến bờ chúng tôi đều vẫn sống. Chỉ có một mình Clousiot vì chân bó bột nên bị sóng hành hạ nhiều hơn các bạn khác. Tay, mặt cậu ta đều đầm máu, khắp người sây sát. Còn chúng tôi thì bị xước vài chỗ ở đầu gối, ở bàn tay và ở mắt cá. Riêng tôi bị chảy máu ở một bên tai vì va mạnh phải một tảng đá.

Dù sao thì chúng tôi cũng còn sống cả, không còn nguy cơ bị sóng cuốn đi và được đứng trên đất liền khô ráo: Khi trời sáng, chúng tôi vớt được một chiếc áo trắng nhựa, và tôi quay trở lại chiếc thuyền đang bắt đầu tan ra từng mảnh. Tôi tháo được cái địa bàn đóng đinh vào chỗ ngồi lái. Ở chỗ chúng tôi đổ bộ và ở xung quanh không một bóng người. Chúng tôi nhìn về phía đêm qua có những đốm sáng khó hiểu: đó là một dãy đèn dùng để báo hiệu cho những người thuyền chài biết là chỗ này rất nguy hiểm - như về sau chúng tôi được biết. Chúng tôi đi bộ vào sâu trong vùng đất liền. Đâu đâu cũng toàn xương rồng, những cây xương rồng rất lớn, với lại những con lừa. Chúng tôi đi đến một cái giếng, người một lã ra, vì cứ phải thay phiên nhau từng cặp một bắt chéo tay nhau làm thành một thứ ghề để khiêng Clousiot. Quanh giếng rải rác những cái xác lừa và xác dê khô đét. Cái giếng đã cạn sạch, mấy cánh quạt trước kia dùng để quay cái trục kéo nước dây để mức nước lên bây giờ quay không. Không có lấy một bóng người, chỉ toàn lừa và dê.

Chúng tôi đi đến một ngôi nhà nhỏ, các cửa đều mở toang như mời chúng tôi vào. Chúng tôi gọi to: “Có ai ở nhà không? Có ai ở nhà không?” Chẳng có ai trả lời. Trên lò sưởi có một cái túi vải, miệng túi buộc chặt bằng một sợi dây. Tôi tháo dây mở túi ra. Cái dây bỗng đứt: cái túi đựng toàn tiền florins - tiền Hà Lan. Vậy chúng tôi đang ở trên lãnh thổ Hà Lan: Bonaire, Curacao hay là Aruba gì đấy. Chúng tôi buộc cái túi lại y nguyên, tìm quanh một lúc thì thấy có nước uống, bèn thay phiên nhau mức nước bằng một cái vá uống mỗi người một ít. Trong nhà không có ai, xung quanh cũng chẳng có ai. Chúng tôi lại ra đường, đi rất chậm vì có Clousiot.

Đang đi thì một chiếc xe Ford cũ kỹ chặn chúng tôi lại.

- Các ông là người Pháp à?

- Thưa ông vâng.

- Mời các ông lên xe.

Chúng tôi để Clousiot nằm lên đùi ba người ngồi phía sau. Tôi và Maturette ngồi bên cạnh người lái xe.

- Các ông bị đắm thuyền à?

- Vâng.

- Có ai bị chết đuối không?

- Không.

- Các ông từ đâu đến?

- Từ Trinidad.

- Còn trước khi đến Trinidad?

- Từ Guyane thuộc Pháp.

- Khô sai hay biệt xứ?

- Khô sai.

- Tôi là bác sĩ Naal, chủ nhân khoảnh đất này.

Đây là một bán đảo dính liền với Curacao. Bán đảo này có biệt hiệu là đảo lửa. Lửa và dê sống ở đây bằng cách ăn lá xương rồng có gai dài. Những cái gai này được dân gọi tên là “các tiểu thư Curacao”. Tôi nói:

- Cách đặt tên này không lấy gì làm vinh dự cho các tiểu thư thật ở Curacao.

Ông bác sĩ, một người rất to béo, cười hô hô. Chiếc Ford thở ì ạch, nghe có tiếng khò khè như tiếng thở của người bị bệnh suyễn, tự dưng đứng lại. Tôi chỉ mấy bầy lửa nói:

- Nếu xe không còn sức nữa thì bắt lửa kéo cũng dễ.

- Tôi đã có sẵn một bộ đồ để thắng lừa trong thùng xe, nhưng vấn đề là ở chỗ làm sao bắt được hai con mà thắng vào xe. Cái này thì chẳng dễ gì đâu.

Ông bác sĩ to béo mở ca-pô ra và thấy ngay rằng vì bị lắc mạnh, một sợi dây điện bắt vào bougie đã bị tuột ra. Trước khi lên xe ông ta nhìn bốn phía có vẻ lo lắng. Xe lại mở máy, và sau khi đi qua nhiều chặng đường gồ ghề khúc khuỷu, chúng tôi lại ra đường cái. Vừa đi được một quãng thì gặp một cây sào chắn sơn trắng. Ở đây có một ngôi nhà nhỏ cũng màu trắng. Ông bác sĩ dùng tiếng Hà Lan nói với một người bản xứ màu da không đen lắm, ăn mặc sạch sẽ. Chốc chốc người này lại trả lời “Ya, master, va master”. Sau đó ông ta lại quay sang chúng tôi nói: “Tôi vừa ra lệnh cho người này tiếp các ông và cho các ông uống nước nếu các ông khát, cho đến khi tôi quay lại. Xin các ông xuống xe cho”. Chúng tôi xuống xe và chọn nơi có bóng râm ngôi giữa cỏ. Chiếc xe Ford ỉ ạch lăn bánh. Nó vừa đi được năm mươi thước thì người da đen nói với chúng tôi bằng tiếng papiamento (một thứ thổ ngữ pha trộn của vùng đảo Antilles dùng những từ Anh, Hà Lan, Pháp và Tây Ban Nha kết hợp lại) rằng ông chủ của anh ta là bác sĩ Naal và đi gọi cảnh sát vì ông ta rất sợ chúng tôi, ông ta đã dặn là phải phòng thân vì chúng tôi là những tên cướp vượt ngục. Thế rồi cái anh lai da đen khôn khổ kia chẳng còn biết làm cách gì để cho chúng tôi vui lòng nữa. Anh ta pha một bình cà phê rất loãng, như với cái khí trời oi bức này uống lại thấy dễ chịu hơn. Chúng tôi chờ hơn một tiếng. đồng hồ thì thấy một chiếc xe vận tải chở sáu viên cảnh sát mặc theo kiểu Đức và một chiếc xe con mui vải, người lái xe mặc quân phục cảnh sát, phía sau có ba người đàn ông ngồi, trong đó có bác sĩ Naal. Họ xuống xe, và một trong ba người đàn ông, người thấp bé nhất, diện mạo trông như một ông cha xứ cạo mặt quá kỹ, nói với chúng tôi:

- Tôi là trưởng phòng an ninh của đảo Curacao. Vì trách nhiệm của chức vụ, tôi buộc lòng phải cho bắt các ông. Từ khi bước chân lên đảo các ông đã làm gì điều gì phạm pháp chưa, và nếu đã, thì đó là điều gì, ai hay những ai trong số các ông đã làm điều đó?

- Thưa ông, chúng tôi là tù khổ sai vượt ngục. Chúng tôi từ Trinidad đến và thuyền của chúng tôi vừa bị sóng xô vào đá vỡ cách đây vài tiếng đồng hồ. Tôi là người đứng đầu nhóm, và tôi có thể khẳng định rằng không có ai trong chúng tôi đã làm một điều gì phạm pháp, dù chỉ là phạm pháp rất nhẹ.

Ông trưởng ban an ninh quay về phía ông bác sĩ Naal nói gì bằng tiếng Hà Lan một lát. Hai người đang bàn cãi thì có một người đi xe đạp đến. Hắn ta nói rất nhanh và rất ồn ào, khi thì nói với bác sĩ Naal, khi thì nói với ông trưởng phòng an ninh.

- Ông Naal, tại sao ông lại nói với người kia rằng chúng tôi là kẻ trộm?

- Người này (ông ta chỉ người vừa đi xe đạp đến) đã báo cho tôi biết từ trước khi tôi gặp các ông rằng hồi nãy hắn núp sau một bụi xương rồng theo dõi các ông, đã trông thấy các ông vào trong nhà rồi lại ra. Người này là người làm thuê cho tôi, chuyên trông nom mấy con lừa.

- Thế ra vì chúng tôi đi vào nhà cho nên chúng tôi là kẻ trộm sao? Thưa ông, những điều ông nói thật là ngu xuẩn. Chúng tôi chỉ uống một ít nước mà ông gọi là trộm cướp?

- Thế còn cái túi đựng tiền thì sao?

- Cái túi thì quả tình tôi có mở ra, lại còn làm đứt cái dây buộc nữa. Ngoài ra tôi tuyệt nhiên không làm gì khác hơn là nhìn xem thử đó là thứ tiền gì để cho biết mình đang ở đâu. Sau đó cẩn thận để túi tiền y nguyên ở chỗ cũ, trên lò sưởi.

Ông trưởng phòng an ninh nhìn thẳng vào mắt tôi rồi đột ngột quay sang người đi xe đạp nói một thôi, giọng rất nghiêm khắc. Bác sĩ Naal làm một cử chỉ như định nói điều gì. Ông trưởng phòng an ninh lập tức ngăn lại một cách dứt khoát, theo kiểu Đức. Ông ta bắt người kia lên ngồi bên cạnh viên cảnh sát lái xe rồi cùng lên xe với hai tên cảnh sát khác và bỏ đi. Naal và người cùng đến với ông ta trở vào với chúng tôi ông ta nói:

- Tôi phải nói cho các ông rõ rằng người đó nói với tôi là cái túi tiền đã biến đâu mất. Trước khi cho khám các ông, ông trưởng

phòng đã hỏi cung người đó, vì nghi ngờ là hắn nói dối. Nếu các ông vô tội, tôi rất lấy làm tiếc về sự việc vừa qua, nhưng đó không phải lỗi của tôi.

Không đầy mười lăm phút sau xe của ông trưởng phòng an ninh trở lại, và ông ta nói với tôi. Ông đã nói đúng sự thật, người kia là một kẻ nói dối khôn nặn. Hắn sẽ bị trừng trị vì đã có ý định làm hại các ông: trong tình cảnh của các ông mà bị buộc tội như vậy thì sẽ bị trừng trị hết sức nặng.

Trong khi đó người kia được đưa lên thùng xe tải, năm người trong chúng tôi cũng được đưa lên đấy. Tôi toan lên theo thì ông trưởng phòng an ninh giữ tôi lại và nói: “Ông ngồi lên xe tôi, bên cạnh người lái xe”.

Chiếc xe này đi trước chiếc xe tải, và chẳng bao lâu nhìn lại không còn thấy nó đâu nữa. Xe lăn trên những đoạn đường rải nhựa rất phẳng, rồi chúng tôi vào thành phố: nhà cửa ở đây đều xây theo kiểu Hà Lan. Mọi thứ đều sạch sẽ tinh tươm, và đa số người qua đường đều đi xe đạp: hàng trăm người đi đi lại lại trong thành phố trên hai bánh xe như vậy. Chúng tôi vào đồn cảnh sát. Từ một văn phòng lớn trong đó có nhiều viên sĩ quan cảnh sát mặt toàn đồ trắng, mỗi người có một bàn viết riêng, chúng tôi đi sang một phòng khác có máy điều hòa không khí. Trong phòng rất mát. Một người cao lớn lực lưỡng có mái tóc vàng, trạc bốn mươi tuổi, đang ngồi trên một chiếc ghế bành. Ông ta đứng dậy và nói bằng tiếng Hà Lan một lúc. Sau khi trao đổi mấy câu với ông này, ông trưởng phòng an ninh nói bằng tiếng Pháp:

- Tôi xin giới thiệu với các ông chỉ huy trưởng cảnh sát Curacao. Thưa ông chỉ huy trưởng, người này là một người Pháp đứng đầu cái nhóm sáu người mà chúng tôi vừa bắt.

- Cám ơn ông trưởng phòng. Tôi rất hân hạnh được chào đón ông đến Curacao với tư cách người bị đắm thuyền. Tên ông là gì?

- Henri.

- Vậy thưa ông Henri, ông đã phải trải qua những giờ phút rất khó chịu vì chuyện cái túi tiền, nhưng sự cố này cũng rất có lợi

cho ông vì nó chứng minh một cách chắc chắn rằng ông là một người lương thiện. Tôi sẽ cắt cho ông một gian phòng sáng sủa có giường nằm để ông nghỉ ngơi. Trường hợp của ông sẽ được đưa lên cho quan thống đốc xét duyệt, và ngài sẽ có những chỉ thị thích hợp. Ông trưởng phòng an ninh hoặc là bản thân tôi sẽ bênh vực ông trước mặt ngài.

Ông ta bắt tay tôi, và chúng tôi đi ra ngoài. Ra đến sân, bác sĩ Naal xin lỗi tôi và hứa sẽ nói hộ cho chúng tôi. Hai giờ sau, cả sáu anh em chúng tôi bị giam vào một căn phòng rất lớn hình chữ nhật, hai bên có đặt khoảng mười hai cái giường ở giữa có một cái bàn gỗ dài và mấy chiếc ghế dài. Chúng tôi đưa mấy tờ dollars Trinidad qua khung cửa sổ có chấn song cho một viên cảnh sát, nhờ hắn mua thuốc lá, giấy quần thuốc và diêm. Hắn không chịu cầm tiền và trả lời những gì chúng tôi chẳng hiểu.

- Cái tên cảnh sát màu gỗ mun này có vẻ quy lách lắm, Clousiot nói. - Chưa có cách gì kiếm thuốc mà hút được

Tôi ra gõ cửa thì thấy cửa mở ngay. Một người nhỏ bé, chắc là dân bản xứ, mặc một bộ đồ sẫm kiểu áo tù, có dính một con số trước ngực để cho khỏi nhầm, nói với chúng tôi:

- Tiền? Cigarettes?

- Không. Tabac, diêm quẹt và giấy.

Mấy phút sau hắn trở vào với đủ ba thứ đó, và thêm vào đây còn có một cái hũ lớn bốc hơi, đựng sô-cô-la hay ca-ca. Mỗi người chúng tôi uống một bát (người tù đã đem đủ sáu cái bát lớn đến).

Đến quá trưa, họ đến gọi tôi. Tôi trở lại văn phòng ông chỉ huy trưởng cảnh sát.

- Quan thống đốc đã ra lệnh cho tôi để các ông tự do trong sân nhà tù. Xin ông nói với các bạn ông đừng tìm cách trốn, vì làm như vậy sẽ đưa tới những hậu quả nghiêm trọng đối với mọi người. Với tư cách là thuyền trưởng, riêng ông có thể ra phố hai giờ một buổi sáng - từ mười đến mười hai giờ - và mỗi buổi chiều từ ba giờ đến năm giờ. Ông có tiền không?

- Có Tiền Anh, và tiền Pháp.

- Một viên cảnh sát mặc thường phục sẽ cùng đi với ông, nhưng ông muốn đi đâu cứ đi tự do.

- Chúng tôi sẽ được xử lý như thế nào?

- Có lẽ chúng tôi sẽ tìm cách gửi các ông từng người một lên những chiếc tàu chở dầu thuộc nhiều nước khác nhau. Curacao có một nhà máy lọc dầu thuộc loại lớn nhất thế giới, chuyên xử lý dầu mỏ của Venezuela. Mỗi ngày ở đây có từ hai mươi đến hai mươi lăm tàu chở dầu thuộc đủ quốc tịch ra vào. Đó sẽ là giải pháp mà các ông mơ ước, vì các ông sẽ đến được những nước mà các ông chọn, không gặp phải một trở ngại gì.

- Chẳng hạn như những nước nào? Panama, Costa Rica, Guatemala, Nicaragua, Mexico, Canada, Cuba, Hoa Kỳ và các nước thuộc Anh?

- Không được, Châu Âu cũng không được. Các ông cứ yên tâm, cứ tin tưởng vào chúng tôi, để cho chúng tôi tìm cách giúp các ông bắt đầu một cuộc đời mới.

- Cám ơn ông chỉ huy trưởng.

Tôi kể lại tất cả những điều đó một cách thật trung thành cho các bạn tôi nghe. Clousiot, người đa nghi nhất trong bọn, nói với tôi:

- Ý cậu thế nào hở Papi?

- Tôi chưa biết, tôi e rằng đây là một cái mẹo cốt để chúng mình chịu ngồi yên, không vượt ngục.

- Tôi cũng e rằng cậu có lý. - Clousiot nói.

Anh chàng người Bretagne thì lại tin vào cái kế hoạch tuyệt vời này. Anh chàng “chuyên sử dụng bàn là” hơn hử nói:

- Thôi thế là không còn phải ngồi thuyền nữa, không phải trôi dạt phiêu lưu nữa, lần này thì chắc chắn là an toàn. Cứ việc lên một chiếc tàu chở dầu lớn, mỗi người đến một nước nào đó và chính thức nhập tịch.

Leroux cũng nghĩ như thế.

- Thế còn cậu thì sao hử Maturette? - Tôi hỏi.

Và cậu bé con mười chín tuổi ấy, cậu bé trưởng giả chỉ vì tình cờ mà trở thành tù khổ sai ấy, chàng thiếu niên có những nét mặt thanh tú hơn cả dung nhan của một thiếu nữ ấy, đã nói với cái giọng dịu dàng của cậu:

- Thế các anh tin rằng những tên cảnh sát đầu vuông ấy sẽ làm cho chúng ta mỗi người một tấm thẻ căn cước giả hay ít nhất cũng khả nghi? Tôi thì tôi không tin. Quá lắm họ cũng chỉ có thể làm ngơ để chúng ta lén lút từng người một leo lên một chiếc tàu chở dầu sắp nhổ neo, thế thôi. Hơn nữa họ có làm như vậy chẳng cũng chỉ là để tống táng chúng ta đi mà không phải đau đầu. Ý của tôi là như thế đấy. Tôi không tin nổi chuyện này.

Tôi rất ít khi ra phố, thỉnh thoảng chỉ đi một lát vào buổi sáng để mua vài thứ. Chúng tôi ở đây đã được một tuần mà vẫn không có tin gì mới. Chúng tôi bắt đầu sốt ruột. Vào một buổi chiều thấy có ba ông linh mục, có cảnh sát đi theo, vào thăm lần lượt các phòng giam tập thể và xà-lim. Họ dừng lại khá lâu ở căn buồng giam kề cận với phòng chúng tôi, nơi có nhốt một người da đen bị buộc tội hiếp dâm. Đoán rằng họ sẽ đến phòng chúng tôi, chúng tôi gọi nhau về phòng hết, ai ngồi yên giường nấy. Quả nhiên cả ba ông linh mục cùng vào, bên cạnh có bác sĩ Naal, ông chỉ huy trưởng cảnh sát và một ông nữa đeo lon, chắc là một sĩ quan hàng hải.

- Thưa Đức Cha (cách gọi cấp Giám mục trong cách xưng hô của người công giáo), mấy người này là người Pháp, ông chỉ huy trưởng cảnh sát nói. - Họ có một hạnh kiểm mẫu mực.

- Cha rất mừng cho các con. Ta hãy ngồi xuống quanh bàn này, như thế nói chuyện với nhau dễ hơn.

Mọi người ngồi xuống, kể cả những người đi theo đức Giám mục. Người ta mang vào một chiếc ghế đầu ban nãy để ở trước cửa ra vào sân, và đặt ở đầu bàn để đức Giám mục ngồi đấy có thể trông rõ mọi người. Người Pháp hầu hết đều là người công giáo.

- Trong số các con có ai không theo đạo không?

Không ai giơ tay cả. Tôi nghĩ rằng ông linh mục của nhà lao Conciergerie hầu như đã rửa tội cho tôi và do đó tôi phải tự coi mình như người có đạo.

- Các bạn ạ, cha cũng là người gốc Pháp, cha tên là Irénée de Bruyne. Tổ tiên của cha là những người theo tân giáo thuộc phái Huguenots sang tị nạn ở Hà Lan trong thời kỳ hoàng hậu Catherine de Médicis giết chóc và truy nã người theo đạo Tin lành. Vậy cha là người có giống máu Pháp, cha làm giám mục của địa phận Curacao, một thành phố có nhiều tín đồ tin lành hơn là tín đồ công giáo, nhưng các tín đồ công giáo thì lại có đức tin trọn vẹn, rất chăm đi lễ và cầu nguyện. Tình thế của các con nay ra sao?.

- Chúng con chờ được lần lượt đưa lên các tàu chở dầu.

- Đã có bao nhiêu người được ra đi theo cách này?

- Chưa có người nào.

- Hừm! Ông thấy thế nào hử ông chỉ huy trưởng? Xin ông trả lời bằng tiếng Pháp, vì ông nói tiếng Pháp giỏi lắm.

- Thưa Đức Cha, quan thống đốc đã thành thật có ý muốn giúp mấy người này theo công thức đó, nhưng tôi phải nói thành thật rằng kể cho đến hôm nay, chưa có một thuyền trưởng nào chịu nhận một người đi tị nạn kiểu ấy, chủ yếu là vì họ không có hộ chiếu.

- Chính phải bắt đầu từ vấn đề này. Quan thống đốc không thể cấp cho mỗi người một tờ hộ chiếu đặc biệt hay sao?

- Tôi không biết ạ. Ngài chưa bao giờ bàn với tôi việc này.

- Ngày kia cha sẽ làm một buổi lễ mi-sa để cầu nguyện cho các con. Chiều mai các con có vui lòng đến xưng tội không? Cha sẽ thân hành nghe lời xưng tội của các con ngõ hầu cầu nguyện Đức Chúa lòng lành tha tội cho các con. Ông sẽ cho họ đến nhà thờ lúc ba giờ chiều ngày mai, có được không?

- Được ạ!

- Cha mong rằng họ sẽ được đi xe riêng hay xe tắc xi đến nhà thờ.

- Thừa Đức Cha, chính con sẽ đưa họ đến, - bác sĩ Naal nói.

- Cám ơn con. Các con ạ, cha không dám hứa gì với các con đâu. Ngoại trừ một lời duy nhất mà chân thực: ngay từ phút này cha sẽ cố gắng hết sức để giúp ích cho các con.

Thấy Naal hôn chiếc nhẫn của Đức Giám mục, sau đó đến anh chàng người Bretaglle, chúng tôi cũng ghé môi lên chiếc nhẫn, rồi đưa Đức Cha ra chiếc xe đang đỗ ở ngoài sân.

Hôm sau, mọi người đều đến xưng tội với đức Giám mục. Tôi là người xưng tội sau cùng.

Nào, con hãy bắt đầu xưng cái tội nặng nhất của con đi.

- Thừa Cha, trước hết con chưa được rửa tội, nhưng một vị linh mục nhà lao ở bên Pháp có nói với con rằng dù đã được rửa tội hay chưa được rửa tội thì cũng đều là con của Đức Chúa lòng lành.

- Vị linh mục ấy nói đúng. Thôi được. Ta sẽ ra khỏi buồng xưng tội và con sẽ kể hết cho cha nghe.

Tôi kể tỉ mỉ cuộc đời tôi cho đức Giám mục nghe. Ngài nghe hồi lâu, rất kiên nhẫn, rất chăm chú, không một lần nào ngắt lời tôi. Đức Cha cầm lấy hai bàn tay tôi trong tay mình và chốc chốc lại nhìn vào mắt tôi, nhưng đôi khi ở những đoạn khó nói, đức Cha lại nhìn xuống đất để cho tôi đỡ ngượng ngùng. Vị linh mục sáu mươi tuổi ấy có một đôi mắt và một gương mặt trong sáng đến nỗi nó phản ánh một cái gì trẻ thơ. Tâm hồn trong trẻo và chắc chắn là tràn đầy một lòng nhân hậu vô biên tỏa ra trong từng nét mặt một của Đức Cha, và cái nhìn màu xám nhạt của Đức Cha thấm vào tôi như một chất cam-lô thấm vào một vết thương. Bằng một giọng dịu dàng, rất dịu dàng, hai bàn tay ấm áp vẫn cầm lấy hai tay tôi, Đức Cha nói với tôi ngọt ngào nhỏ nhẹ đến nỗi nghe như một tiếng thì thầm:

- Thượng đế đôi khi để cho con cái của Người phải chịu đựng sự độc ác của người đời, để cho kẻ được thử thách trở nên vững mạnh hơn và cao quý hơn bao giờ hết. Con thấy không, nếu con không phải trèo lên ngọn núi khổ nhục kia, thì không bao giờ con có thể tự nâng mình lên cao đến thế và tiến đến gần chân lý của

Thượng đế đến như vậy. Hơn nữa: những con người, những cơ chế, những cái bánh xe răng cưa của bộ máy ghê tởm đã nghiền nát con, những con người xấu xa từ căn bản đã hành hạ và hãm hại con cách này cách nọ đều đã giúp con một việc rất lớn: chúng đã làm sống dậy trong con một con người mới cao cả hơn con người trước kia, và ngày nay sở dĩ con có được ý thức về danh dự, về lòng nhân hậu, về tình thương, và có được nghị lực cần thiết để khắc phục mọi chướng ngại và trở thành một con người tôn quý hơn, cũng là nhờ họ. Những ý nghĩ về việc trả thù, trừng phạt từng người tùy theo mức nghiêm trọng của sự tổn hại mà họ đã gây ra cho con không thể phồn vinh trong một con người như con. Con phải là một cứu tinh cho những người khác chứ không phải là một người sống để làm hại, dù con có đủ lý do để làm điều ác một cách công bằng. Chúa đã đại lượng với con, Chúa đã nói với con: “Con hãy tự giúp mình, và ta sẽ giúp con”. Chúa đã giúp con mọi điều và lại còn cho phép con cứu những người khác và đưa họ trở về với tự do. Nhất là con chớ nghĩ rằng tất cả những tội lỗi con đã phạm phải nó trầm trọng đến thế. Có nhiều người có địa vị xã hội cao đã phạm những tội còn nghiêm trọng hơn các tội lỗi của con rất nhiều. Chỉ có điều là họ không được trừng phạt theo cách phán xử của xã hội loài người để có cơ hội tự nâng cao mình lên như con.

- Con xin cảm ơn cha. Cha đã đem lại cho con một hạnh phúc lớn lao, và điều đó sẽ còn lại trong suốt đời con. Con sẽ không bao giờ dám quên - Và tôi ôm hôn đôi bàn tay của đức giám mục.

- Con ơi, con sẽ lại ra đi và lại phải đương đầu với những cơn hiểm nghèo khác. Cha muốn rửa tội cho con trước lúc khởi hành. Con nghĩ sao?

- Thưa Cha, xin Cha tạm thời cứ để nguyên cho con sống trong tình trạng này. Ba con đã nuôi dạy con ở ngoài tôn giáo. Ba con có một tấm lòng vàng. Khi mẹ con chết đi, ba con càng thương con hơn trước; người đã có được những cử chỉ, những lời lẽ, những cách chăm nom chiều chuộng của một người mẹ. Con có cảm giác rằng nếu con chịu rửa tội thì con dường như thể phản bội ba con. Xin Cha để cho con một thời gian sống hoàn toàn tự do với một căn cước xác định, một nếp sinh hoạt bình thường, để đến khi nào con

có thể viết thư cho ba con, con sẽ hỏi xem con có thể từ bỏ cái triết lý của ba con để chịu rửa tội mà không làm cho người phiền lòng hay không.

- Cha hiểu ý con con ạ, và Cha tin chắc rằng Chúa cũng đồng lòng với con. Cha nguyện phước lành cho con và cầu xin Chúa phù hộ con.

- Những lời lẽ ấy của Đức Cha Irénée de Bruyne quả là một bức chân dung trọn vẹn của ngài, - bác sĩ Naal nói như vậy sau khi nghe tôi kể lại buổi xưng tội.

- Thưa ông đúng như vậy. Còn bây giờ ông định sao đây?

- Tôi sẽ xin quan thống đốc ra lệnh cho hải quân dành ưu tiên cho tôi khi nào có dịp bán đấu giá những chiếc thuyền tịch thu được của bọn buôn lậu. Ông sẽ cùng đến với tôi để cho ý kiến và chọn chiếc nào vừa ý ông. Còn như lương thực và áo quần thì rất dễ thôi.

Kể từ ngày gặp đức Giám mục, chúng tôi luôn luôn có khách đến thăm, nhất là buổi chiều vào khoảng sáu giờ. Những vị khách ấy muốn làm quen và tìm hiểu thêm chúng tôi. Họ ngồi trên mấy chiếc ghế dài để hai bên bàn, mỗi người đều có đem đến một cái gì đấy đặt lên giường chúng tôi, chẳng nói chẳng rằng. Vào khoảng hai giờ trưa, hôm nào cũng có những “người em gái của người nghèo” (đó là tên gọi dòng nữ tu của họ) cùng đi với “mẹ bề trên” của họ (bà này nói tiếng Pháp rất giỏi) đến thăm chúng tôi. Túi xách của họ bao giờ cũng đựng đầy những món ăn ngon lành do họ nấu nướng lấy. Nữ tu sĩ bề trên còn rất trẻ, không đến bốn mươi. Bà đội mũ trắng nên không thấy rõ màu tóc, nhưng mắt bà xanh và lông mày bà vàng. Bà thuộc một dòng họ danh gia vọng tộc ở Hà Lan (thông tin của bác sĩ Naal). Bà có viết thư về Hà Lan để nhờ người ta tìm một cách khác với cách gửi chúng tôi ra biển. Chúng tôi đã cùng sống qua những buổi chuyện trò thú vị, và bà tu sĩ đã bắt chúng tôi để chuyện vượt ngục mấy lần. Đôi khi bà yêu cầu tôi kể lại lần nữa cho các nữ tu sĩ cùng đi với bà (có mấy người biết tiếng Pháp). Cứ mỗi lần tôi quên hay bỏ qua một chi tiết, bà lại khẽ nhắc: “Henri, sao kể nhanh thế. Anh lại bỏ qua chuyện con

chim hocco rồi... Sao hôm nay anh lại quên mất chuyện đàn kiến? Chuyện này quan trọng lắm đấy, vì chính do đàn kiến mà anh bị Le Breton Mặt nạ bắt gặp!”. Tôi kể những việc ấy ra đấy vì đó là những giờ phút thật êm đềm, thật hoàn toàn tương phản với tất cả những gì chúng tôi đã sống qua, nó như một thứ ánh sáng thiên đường huyền ảo chiếu lên con đường của sự thối nát đang dần dần bị xóa đi trong đời chúng tôi.

Tôi đã được xem chiếc thuyền họ định dành cho chúng tôi. Đó là một chiếc thuyền tuyệt đẹp dài tám mét, trụ đáy rất lớn, cột buồm rất cao, với những lá buồm rộng mênh mông. Nó được đóng rất chắc, quả là một chiếc thuyền lý tưởng cho những chuyến vượt biển của dân buôn lậu. Nó được trang bị rất đầy đủ, nhưng đâu đâu cũng chỉ chút những dấu xi của hải quan. Trong buổi bán đấu giá, một ông khách trả giá đầu là sáu ngàn florins, tức khoảng một ngàn dollars. Cuối cùng chúng tôi mua được nó với giá sáu ngàn lẻ một florins, sau khi bác sĩ Naal rỉ tai nói gì với ông khách kia.

Năm ngày sau chúng tôi đã sẵn sàng. Được sơn lại bóng loáng, nhét đầy thức ăn được xếp ngăn nắp dưới căn hầm, cái thuyền có sàn này quả là một tặng phẩm đế vương. Sau cái va-li cá nhân đựng toàn áo quần mới, sáu đôi giày và đủ mọi thứ cần thiết cho trang phục, được xếp vào một cái bọc lớn bằng vải không thấm nước rồi được cất vào cái khoang kín ở cuối thuyền.

Nhà tù ở Rio Hacha

Vừa tảng sáng, chúng tôi lên đường. Ông bác sĩ và các chị nữ tu đều đến tiễn. Thuyền tách khỏi bờ xây một cách dễ dàng, gió lồng ngay vào buồm và chúng tôi dong thuyền tiến thẳng ra khơi. Mặt trời lên, rạng rỡ, một ngày bình yên đang chờ đợi chúng tôi. Ngay lập tức tôi nhận thấy chiếc thuyền quá nhiều diện tích buồm mà lòng thuyền không đủ nặng. Tôi quyết định phải thận trọng. Thuyền phóng hết tốc lực. Nó quả là một con ngựa đua tuyệt vời về tốc độ, nhưng lại là một con ngựa dễ trở chứng. Chúng tôi đi theo hướng chính tây. Cả bọn đã quyết định đổ lên lút vào bờ Colombia để thả ba người đã nhập bọn với chúng tôi ở Trinidad. Họ chẳng ưa gì những chuyến vượt bể dài ngày, họ bảo là họ tin

tôi, nhưng không tin thời tiết. Quả tình, theo những dự báo khí tượng trong các tờ báo đọc ở nhà tù, phải dự kiến một thời tiết xấu và thậm chí những trận bão lốc.

Tôi phải công nhận là họ có quyền lựa chọn, và chúng tôi thống nhất với nhau là tôi sẽ cho họ đổ bộ vào một bán đảo tiêu điều và hoang vắng gọi là Guajira. Còn chúng tôi thì cả ba người sẽ lại lên đường đến Honduras thuộc Anh. Thời tiết tuyệt đẹp và đêm đầy sao với một vành trăng lưỡi liềm khá sáng làm cho cái kế hoạch đổ bộ này thêm dễ dàng. Chúng tôi tiến thẳng vào bờ biển Colombia, tôi thả neo, và các bạn cứ dần dà đo chiều sâu xem thử đã có thể đổ bộ được chưa. Chẳng may nước rất sâu và chúng tôi phải tiến đến gần một bờ biển toàn đá cho đến khi nước chỉ còn sâu độ một thước rưỡi: một việc làm khá nguy hiểm. Chúng tôi bắt tay nhau, bọn kia xuống từng người một rồi đội va-li trên đầu đi vào bờ. Chúng tôi nhìn theo họ mà không khỏi cảm thấy hơi buồn. Những người bạn ấy đã xử sự với chúng tôi một cách đứng đắn, họ đã tỏ ra đủ sức giữ vững trong nhiều hoàn cảnh khó khăn. Họ rời thuyền cũng đáng tiếc.

Trong khi họ đi vào bờ, gió tự dưng lặng hẳn. Thật chó má! Miễn sao đừng lọt vào mắt những người ở trong cái làng Rio Hacha có đánh dấu trên bản đồ! Đó là hải cảng đầu tiên có cảnh sát đóng. May ra thì không. Tôi có cảm giác rằng chúng tôi đã đi quá chỗ bờ biển được đánh dấu khá xa, nếu căn cứ vào ngọn hải đăng nhỏ ở mũi đá mà chúng tôi vừa đi qua..

Chờ đợi, chờ đợi... Ba người kia đã đi khuất sau khi vẫy khăn từ biệt. Gió, sao mãi không có gió hờ trời! Phải có gió chứ, để tách ra khỏi đất Colombia vốn là một dấu chấm hỏi đối với chúng tôi! Thật vậy, không thể biết họ có giao trả tù vượt ngục hay không. Cả ba chúng tôi đều thích cái giải pháp cố định của xứ Honduras thuộc Anh hơn là tình trạng lập lờ ở Colombia. Mãi đến ba giờ chiều mới có gió. Tôi kéo hết buồm lên và thuyền bắt đầu lướt nhẹ, có lẽ nghiêng hơi quá mức một chút. Thuyền đi được hơn hai giờ thì một chiếc xuồng máy chở đầy người đi thẳng về phía chúng tôi. Họ bắn chỉ thiên để ra lệnh cho chúng tôi dừng lại. Tôi làm ngơ phóng thẳng, cố tăng khoảng cách để ra khỏi lãnh hải

Colombia. Không được. Máy chiếc xuống kia rất mạnh, và chỉ một tiếng rưỡi sau nó đã đuổi kịp chúng tôi. Đứng trước mười họng súng trường chĩa vào ngực, chúng tôi phải đầu hàng.

Những người đã bắt chúng tôi, không rõ là lính hay là cảnh sát, người nào cũng có một dáng dấp đặc biệt: một cái quần bản xưa kia đã từng có màu trắng, những chiếc áo len dệt chắc chắn là chưa từng giặt bao giờ, thùng lổ chỗ, ai nấy đều đi chân không, trừ viên “chỉ huy”, tuy hắn ăn mặc tử tế hơn và sạch hơn một chút. Áo quần thì tồi tàn như vậy, nhưng vũ khí thì có thể nói là họ được trang bị “đến tận răng”: một cái băng giắt đầy đạn làm thất lưng, những khẩu súng trường của quân đội chính quy được bảo quản rất tốt, và thêm vào đấy, một con dao găm lớn có bao da, cán vừa đúng tầm tay. Người được họ gọi là chỉ huy có bộ mặt điển hình của thứ người lai thổ dân thuộc loại sát nhân bẩm sinh. Hắn đeo một khẩu súng lục lớn mắc vào một cái nịt giắt đầy đạn. Vì họ chỉ biết nói tiếng Tây Ban Nha, chúng tôi không hiểu họ nói gì, nhưng trong cách nhìn, trong cử chỉ, trong giọng nói của họ đều không thấy có chút gì là thiện cảm, mọi thứ đều lộ rõ vẻ thù địch.

Chúng tôi đi bộ từ cảng đến nhà tù, qua làng Rio Hacha (ban nãy đúng là làng này), bốn phía có sáu tên đầu trâu mặt ngựa đi kèm cồng thêm ba đứa đi cách chúng tôi hai mét, súng chĩa vào chúng tôi. Như vậy, chuyến nhập cảnh này không lấy gì làm thân thiện lắm.

Chúng tôi bước vào sân một nhà tù, xung quanh có một dãy tường thấp. Trong sân có vài chục tù nhân râu ria bản thủ, người đứng kẻ ngồi, họ cũng nhìn chúng tôi với những đôi mắt thù địch.

- Vamos, Vamos. - Chúng tôi hiểu rằng họ muốn nói “đi đi, đi đi”. Đối với chúng tôi điều đó hơi khó thực hiện vì Clousiot tuy đã đỡ nhiều nhưng vẫn phải đi bằng cái chân bó bột cho nên không thể đi nhanh được.

Viên “chỉ huy” ban nãy ở lại phía sau, bây giờ đã bắt kịp chúng tôi, tay cầm cái đĩa bản và tám vài tráng nhưa. Hắn đang ăn bánh và sô-cô-la của chúng tôi, và chúng tôi hiểu ngay rằng họ sẽ tước hết các thứ của chúng tôi. Quả nhiên chúng tôi không làm.

Họ nhốt chúng tôi vào một gian phòng bẩn thỉu, cửa sổ có song sắt to. Giữa đất có những tấm ván dài ở một đầu có đặt một thứ gối bằng gỗ: đó là giường.

Khi bọn cảnh sát đã ra ngoài và khóa cửa lại, một tù nhân đến cạnh cửa sổ của chúng tôi nói:

- Francais? Francais!
- Anh muốn gì?
- Francais à, không tốt, không tốt!
- Không tốt? Cái gì không tốt?
- Cảnh sát.
- Cảnh sát à?
- Ủ! Cảnh sát không tốt. - Nói đoạn hắn bỏ đi.

Đêm đã qua, gian phòng được soi sáng bằng một ngọn đèn điện rất yếu. Muối bay vo ve quanh tai chúng tôi và thỉnh thoảng lại lọt vào mũi.

- Chà, đẹp mặt thật. Chỉ tại chúng mình nhận cho ba gã kia đổ bộ vào đây.

- Cậu nói thế làm gì, chúng mình làm sao mà biết được nông nổi như thế này. Căn bản là vì không có gió.

- Tại cậu vào gần bờ quá, - Clousiot nói.

- Thôi câm mồm đi. Bây giờ không phải là lúc tự buộc tội và buộc tội người khác. Đây là lúc phải dựa vào nhau, phải hòa thuận hơn bao giờ hết.

- Xin lỗi cậu, cậu nói đúng đấy Papi ạ. Không phải lỗi của ai cả.

Ôi! Thật là bất công quá sức: đã vật lộn hết bao nhiêu hơi sức mà kết cục lại thế này thì thật quá thảm hại. Họ chưa khám xét chúng tôi. Cái plan của tôi còn để trong túi, tôi vội vàng đút nó vào người. Clousiot cũng làm theo. Chúng tôi không ném nó đi là phải. Vả chẳng đó là một thứ ví không thấm nước và rất gọn, dễ giấu. Theo đồng hồ của tôi thì lúc bấy giờ là tám giờ tối. Họ đem cho

chúng tôi một ít đường chưa lọc màu nâu nâu, mỗi người được một cục to bằng nắm tay, và ba cái bánh gì làm bằng bột gạo luộc chín có bỏ muối.

- Buenas noches!

- Chắc như thế có nghĩa là “chúc ngủ ngon” - Maturette nói.

Sáng hôm sau lúc bảy giờ họ dọn cho chúng tôi ở ngoài sân một thứ cà-phê tuyệt ngon rót vào mấy cái cốc bằng gỗ. Đến tám giờ viên chỉ huy đi qua. Tôi xin hấn ra thuyền lấy đồ đạc. Không biết là hấn không hiểu hay giả vờ thế. Tôi càng nhìn hấn càng thấy rõ hấn có bộ mặt của một tên sát nhân bẩm sinh. Ở hông bên trái của hấn có đeo một cái chai nhỏ bọc trong túi da, hấn rút chai ra, mở nút và uống một ngụm, rồi khạc ra và chìa cái chai cho tôi. Trước cái cử chỉ thân thiện đầu tiên này tôi thấy cần cầm lấy chai và uống một ngụm. Rất may là chỉ uống một ngụm, vì đó là một thứ lửa đặc vị côn. Tôi nuốt vội rồi ho sặc sụa. Thấy thế, tên cảnh sát Anh-điêng lai da đen cười hô hô.

Đến mười giờ thấy mấy người mặc thường phục trắng thắt ca-vát đến. Họ có cả thầy sáu bảy người cùng bước vào một tòa nhà mà tôi đoán là nơi làm việc của giám đốc nhà lao. Họ cho gọi chúng tôi vào. Họ đều ngồi trên những chiếc ghế tựa xếp thành hình bán nguyệt trong một gian phòng có treo một bức tranh lớn vẽ một sĩ quan da trắng đeo rất nhiều huân chương:

“Presidente Alfonso Lopez de Colombia”. Một trong những người mặc thường phục dùng tiếng Pháp cho phép Clousiot ngồi xuống ghế, còn chúng tôi thì đứng. Người ngồi giữa, gầy gò, có cái mũi điều hâu, đeo kính không có khung, bắt đầu hỏi cung tôi. Người thông ngôn không dịch gì cả, mà đợi cho người kia nói hết rồi mới thuật lại với tôi:

- Cái ông vừa nói đó và lát nữa sẽ hỏi cung anh là ông quan tòa của thành phố Rio Hacha, mấy người kia là những ông thư lại bạn của ông ta. Còn tôi là thông ngôn. Tôi là người Haiti chuyên trông coi các công trình điện lực trong quận này. Tôi tin rằng trong số các ông kia, tuy họ không nói ra, có mấy người hiểu tiếng Pháp ít nhiều, có lẽ ngay cả ông quan tòa cũng thế.

Ông quan tòa sốt ruột vì những lời giảng giải này và bắt đầu dùng tiếng Tây Ban Nha hỏi cung tôi. Người thông ngôn Haiti lần lượt phiên dịch các câu hỏi đáp.

- Các anh là người Pháp?

- Vâng.

- Các anh từ đâu đến?

- Từ Curacao.

- Trước đó?

- Trinidad.

- Trước đó?

- Martinique.

- Các anh nói dối. Lãnh sự của chúng tôi ở Curacao đã được báo trước cách đây hơn một tuần là phải canh phòng bờ biển vì có sáu tù nhân vượt ngục của một trại tù thuộc Pháp sẽ tìm cách đổ bộ vào đây.

- Vâng. Chúng tôi là những người tù vượt ngục từ trại khổ sai.

- Vậy tức là từ Cayenne?

- Vâng.

- Nếu một nước tôn quý như nước Pháp đã đày các anh đi xa như vậy và trừng trị các anh nghiêm khắc như vậy thì các anh ắt phải là những tên cướp rất nguy hiểm?

- Có lẽ thế.

- Kẻ trộm hay sát nhân?

- Giết người không có chủ ý.

- à matador, cũng thế thôi. Vậy các anh là matador? Còn ba người kia đâu?.

- Họ ở lại Curacao.

- Anh lại nói dối rồi. Các anh đã cho họ lên bờ cách đây sáu mươi cây số, ở một vùng gọi là Castillette. Họ đã bị bắt, và vài giờ nữa sẽ có mặt ở đây. Các anh lấy trộm chiếc thuyền kia ở đâu?

- Không phải đâu. Đức Giám mục Curacao cho chúng tôi đây.

- Được! Các anh sẽ bị giữ ở đây cho đến khi quan thống đốc quyết định cách xử lý các anh. Vì đã vi phạm pháp luật bằng cách cho ba tên đồng lõa của các anh đổ bộ lên lãnh thổ Colombia rồi sau đó mưu toan chạy ra biển, tôi xử viên thuyền trưởng, tức là anh, ba tháng tù ngồi, còn hai người kia một tháng. Các anh phải có hạnh kiểm tốt nếu các anh không muốn bị trừng phạt nhục thể: các cảnh sát viên ở đây là những người rất cứng rắn. Các anh có cần nói gì không?

- Không. Tôi chỉ muốn thu nhặt những đồ đạc và lương thực của chúng tôi còn để lại dưới thuyền.

- Tất cả các thứ đó đều đã bị hải quan tịch thu, trừ một cái quần, một cái áo sơ-mi, một cái áo vét và một đôi giày cho mỗi người trong bọn các anh. Phần còn lại đều bị tịch thu, các anh chớ nài thêm: không có cách gì khác, đây là pháp luật.

Chúng tôi lui ra ngoài sân. Ông quan tòa bị những người tù khốn khổ trong xứ vây quanh: “Bác sĩ ơi, bác sĩ!” Ông ta trịnh trọng đi qua đám tù, vẻ hết sức khệnh khạng, không trả lời, không dừng lại. Họ ra khỏi nhà tù và đi khuất.

Đến một giờ trưa ba người đã cùng đi thuyền với chúng tôi đến trên một chiếc xe tải, có bảy tám người cầm súng đi kèm theo. Họ xách va-li xuống xe, về tui nghỉu. Chúng tôi trở vào phòng cùng với họ..

- Chúng tôi đã phạm phải một sai lầm quái gở và đã làm lụy đến các anh một cách không thể nào tha thứ được, anh Pappilon ạ. Bây giờ anh có muốn giết tôi thì giết đi, tôi sẽ không chống đỡ đâu, chúng tôi không phải là đàn ông nữa, chỉ là một bọn pê-đê* (do chữ pédéraste, nguyên có nghĩa là “thích trẻ con” về sau biến nghĩa thành “đồng tính luyến ái” hay “kê gian” cũng được dùng theo nghĩa “ái nam ái nữ” hay “đồng cô”). Chúng tôi làm như thế

chỉ vì sợ đi biển, ấy thế mà qua những điều tôi được biết về xứ Colombia và dân Colombia thì những mối hiểm nghèo ở biển chỉ là trò đùa so với cái nguy cơ bị lọt vào tay những tên ác ôn như vậy. Có phải vì thiếu gió mà các anh bị bắt không?

- Phải, Breton ạ. Tôi sẽ không giết ai đâu: chẳng có ai đáng giết cả, chẳng qua chúng ta đều nhầm. Tôi chỉ có việc từ chối, không chịu đưa các anh vào bờ là xong: sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra hết.

- Anh quá tốt, Papi ạ!

- Không, tôi chỉ công bằng. - Tôi kể lại cho họ cuộc hỏi cung vừa rồi, đoạn nói tiếp - Cũng có thể ông thống đốc sẽ phóng thích chúng ta.

- Phải phải. Như có ai đã từng nói: ta cứ hy vọng đi hy vọng làm cho con người ta sống.

- Theo ý tôi các nhà chức trách của cái xứ bán khai này không thể có quyết định gì về trường hợp của chúng tôi. Chỉ có các cấp cao của chính phủ mới quyết định được việc chấp nhận chúng tôi ở Colombia, trả chúng tôi cho nước Pháp, hay cho chúng tôi xuống thuyền đi tiếp. Sẽ là một sự mỉa mai quỷ quái nếu những con người không hề có điều gì phải thù oán hay trách cứ chúng tôi lại có một quyết định khắc nghiệt nhất đối với chúng tôi, vì chúng tôi chưa hề làm điều gì phạm pháp trên lãnh thổ của họ.

Chúng tôi ở đây đã được một tuần không có gì thay đổi tuy chúng tôi cũng có nghe nói là người ta định giải đến một thành phố lớn hơn cách đây hai trăm cây số, đó là thành phố Santa Marta. Những tên cảnh sát có bộ mặt cướp biển hay sát nhân kia không hề thay đổi thái độ với chúng tôi; hôm qua, chỉ thiếu chút nữa tôi đã bị một tên trong bọn chúng bắn chết vì đã lấy lại cục xà phòng mà tôi để quên ở chỗ rửa mặt. Chúng tôi vẫn ở trong căn phòng nhưng nhúc nhúc những muỗi ấy, may thay bây giờ nó có sạch hơn một chút so với ngày chúng tôi mới đến, nhờ có Maturette và anh chàng người Bretagne ngày nào cũng cọ rửa. Tôi bắt đầu tuyệt vọng, mất lòng tin. Cái nòi giống người Colombia này, vốn là một sự lai tạp giữa thổ dân Anh-điêng và người da đen hoặc giữa

người Anh-điêng với người Tây Ban Nha, thời trước đã từng là những chủ nhân của xứ này, đã làm cho tôi mất lòng tin. Có một tù nhân Colombia cho chúng tôi mượn một tờ báo cũ xuất bản ở Santa Marta, ở trang nhất có đăng sáu bức ảnh của chúng tôi, và ở phía dưới là ảnh viên chỉ huy cảnh sát đội cái mũ dạ to tướng, mồm ngậm xì-gà, và ảnh một chục tên cảnh sát cầm súng. Tôi hiểu rằng cuộc vây bắt chúng tôi đã được tiểu thuyết hóa và vai trò của các nhân vật này đã được phóng đại lên. Có thể tưởng đâu cả cái xứ Colombia này đã nhờ chiến công của bọn kia vây bắt được chúng tôi mà thoát khỏi được nguy cơ gì khủng khiếp lắm. Thế nhưng nhìn bức ảnh chụp “bọn kẻ cướp”, chắc người nào xem báo cũng phải thấy những người trên ảnh dễ có thiện cảm hơn nhiều so với những bộ mặt cảnh sát trên bức ảnh kia. Bọn “cướp” trông như những người dân lành vô tội, còn bọn cảnh sát thì xin lỗi! Từ tên chỉ huy trở xuống đều không thể lẫn và đâu được

Bây giờ biết làm thế nào? Tôi đã bắt đầu biết được mấy từ ngữ tiếng Tây Ban Nha: vượt ngục là fugarse, tù nhân là preso, giết là matar, xích là cadena, khóa tay là esposas, đàn ông là hombre, đàn bà là mujer.

Trốn thoát khỏi Rio Hacha

Trong sân nhà tù có một anh chàng lúc nào cũng thấy đeo khóa tay. Tôi kết bạn với anh ta. Hai người hút chung một điếu xì-gà: thứ xì-gà dài và mảnh, rất nặng. Tôi hiểu ra rằng anh ta đi buôn lậu, cứ đi đi về về hết xứ Venezuela lại đảo Araba. Anh ta bị buộc tội là đã giết mấy người lính canh bờ biển và hiện đang đợi xét xử. Có những ngày anh ta điềm tĩnh lạ lùng, nhưng lại có những ngày khác anh ta tỏ ra dễ bị kích động và dễ cáu bẳn. Tôi nhận thấy anh ta điềm tĩnh lại khi có người vào thăm và đưa cho anh mấy chiếc lá để nhai. Một hôm anh ta cho tôi một nửa chiếc lá thế là tôi hiểu ngay. Lưỡi tôi, lợi tôi và môi tôi đều tê dại đi, trở thành vô tri vô giác. Những chiếc lá này là lá cô ca: Người đàn ông ba mươi lăm tuổi này, hai cánh tay và tám ngực đều phủ một lớp lông quăn đen thẫm chắc phải có một sức lực phi thường. Hai bàn chân không của anh ta ở phía dưới có một lớp chai dày đến nỗi

thình thoảng anh ta lại rút từ đáy ra một mảnh chai hay là một cái đinh đã cắm ngập vào đáy nhưng chưa chạm đến thịt. Một buổi tối tôi nói với anh buôn lậu:

- Fuga (trốn), anh và tôi, (tôi đã nhờ người tù Haiti tìm cho một cuốn từ điển Pháp - Tây Ban Nha và đã học được mấy từ cần thiết như từ “trốn”). Anh kia đã hiểu và ra hiệu nói với tôi rằng anh ta cũng muốn trốn, nhưng không biết làm thế nào thoát được cái khóa tay.

Đó là một bộ khóa Mỹ, có một khe hở để đút chìa khóa vào: đó chắc chắn phải là một cái chìa khóa đẹp. Anh chàng người Bretagne làm cho tôi một cái móc bằng dây thép đập dẹp ở đầu. Sau mấy lần thử, tôi đã mở được cái khóa của anh bạn mới bất cứ lúc nào tôi muốn. Ban đêm anh ta bị giam riêng trong một căn xà-lim có chấn song sắt khá lớn. Ở phòng chúng tôi chấn song rất mảnh, chắc chắn là có thể nong ra được. Vậy chỉ cần cửa một cái song là đủ: song sắt của buồng giam Antonio (tên người buôn lậu Colombia).

- Làm thế nào có được một sacette (một cái cửa)?
- Plata (tiền).
- Cuanto (bao nhiêu)?
- Một trăm pesos.
- Dollar?
- Mười.

Nói tóm lại là với mười dollars mà tôi đưa cho anh ta, Antonio đã có được hai lưới cửa sắt. Tôi vẽ hình xuống sân giảng giải cho anh ta hiểu rằng mỗi lần đã cửa được một ít thì phải lấy mặt cửa sắt trộn với ruột bánh mì bịt chỗ cửa lại cho kín. Vào phút cuối, trước khi Antonio về xà-lim, tôi mở một vòng khóa cho anh ta. Trong trường hợp có ai muốn kiểm tra khóa, anh ta chỉ có việc ấn một cái là vòng khóa đóng sập lại ngay. Anh ta cửa ba đêm mới đút được cái song sắt. Anh ta nói rằng không đầy một phút anh ta có thể cửa đứt hẳn và tin chắc là có thể dùng tay bẻ quặt nó ra. Sau đó anh ta sẽ đến tìm tôi.

Trời mưa luôn, cho nên anh ta nói rằng “La primera noche de lluvia” (đêm mưa đầu tiên) anh ta sẽ đến. Đêm hôm ấy trời mưa như trút. Các bạn tôi đều biết rõ các dự định của tôi, không có ai muốn đi theo tôi vì họ đều nghĩ rằng miền tôi muốn đến quá xa. Nơi tôi định đến là ở cuối bán đảo Colombia, giáp giới Venezuela. Trên tấm bản đồ của chúng tôi có ghi rằng miền đất này được gọi là Guajira, đó là một lãnh thổ đang tranh chấp, không thuộc Colombia, mà cũng không thuộc Venezuela. Anh bạn Colombia của tôi nói rằng “đó là đất của thổ dân Anh-điêng” và ở đây không có một thứ cảnh sát nào, của Colombia cũng không, của Venezuela cũng không. Chỉ có vài người buôn lậu đi qua vùng này. Đi như vậy rất nguy hiểm vì người Anh-điêng Guajiros không chấp nhận cho một người văn minh đi vào lãnh thổ của họ.

Càng vào sâu trong vùng càng nguy hiểm. Ở bờ biển có những người Anh-điêng làm nghề đánh cá: qua trung gian của những người Anh-điêng khác văn minh hơn họ một chút, họ giao dịch buôn bán với làng Castillete và với xóm La Ve la. Antonio không muốn đến vùng ấy. Máy người bạn của anh ta hoặc chính bản thân anh ta đã từng giết vài ba người Anh-điêng trong một trận đánh nhau với họ, vào hôm chiếc thuyền chở hàng lậu của anh ta buộc lòng phải lánh vào bờ biển thuộc địa phận của họ. Nhưng Antonio cam kết là sẽ đưa tôi đến sát vùng Guajira, sau đó tôi phải đi tiếp một mình. Tôi không cần phải nói thì các bạn cũng thừa hiểu tất cả những cuộc bàn bạc như vậy giữa Antonio và tôi đều hết sức công phu, vì anh ta hay dùng những từ không hề có trong từ điển.

Vậy thì đêm hôm ấy trời mưa như trút. Tôi đứng gần cửa sổ. Một tấm ván đã được tháo ra khỏi giường từ lâu: chúng tôi sẽ dùng nó để nong các chân song ra. Hai đêm trước chúng tôi đã thử thì thấy chỉ cần dẫm lên tấm ván là song sắt oằn ngay.

- Listo (sẵn sàng).

Khuôn mặt Antonio hiện ra trong đêm, dí sát vào chân song. Cùng với Maturette và anh chàng người Bretagne, tôi dẫm lên tấm ván đặt chen vào giữa hai chân song: không những hai cái chân

song bị nong ra hai bên mà một cái còn tuột chân ra nữa. Hai bạn đẩy tôi ra ngoài, và trước khi tôi lọt ra họ vỗ mạnh vào hông tôi mấy cái: đó chính là những cái bắt tay của bạn bè chúc tôi lên đường may mắn. Hai chúng tôi đã đứng giữa sân. Trận mưa to trút lên các mái tôn gây nên một tiếng ồn điếc tai. Antonio cầm tay tôi kéo đến sát tường. Nhảy qua tường dễ như bỡn, vì nó chỉ cao có hai mét. Thế mà tôi vẫn bị đứt tay vì cọ vào mấy cái mảnh chai cắm ở trên tường. Không sao, cứ lên đường. Cái anh chàng Antonio quỷ quái kia vẫn nhận ra lối đi dưới trận mưa dày đặc, cách ba thước đã không trông thấy gì. Anh ta lợi dụng nó để đi từ đầu làng đến cuối làng rồi men theo một con đường len lỏi giữa rừng và bờ biển. Khuya thế này mà cũng thấy một ánh đèn ở phía trước. Chúng tôi phải đi vòng vào rừng để tránh chỗ ấy (May thay rừng ở chỗ này không rộng lắm), rồi lại đi ra đường. Chúng tôi đi dưới trời mưa cho đến sáng. Lúc ra đi anh ta đã cho tôi một cái lá coca để tôi nhai theo kiểu vẫn thấy anh ta làm ở nhà tù. Khi trời sáng tôi chẳng thấy mệt chút nào. Không biết có phải nhờ cái lá ấy không? Chắc chắn là phải. Khi trời đã sáng chúng tôi vẫn tiếp tục đi. Thỉnh thoảng anh ta lại nằm rạp xuống và áp tai xuống mặt đất ướt sũng nước mưa. Rồi chúng tôi lại đi tiếp. Anh ta có một kiểu đi rất lạ. Chẳng ra chạy mà cũng chẳng ra đi, đó là những bước nhảy ngắn liên tiếp, khoảng cách rất đều, hai tay như chèo trong không khí. Vừa rồi chắc hẳn anh ta có nghe thấy một tiếng động gì khả nghi, vì anh ta kéo tôi vào rừng. Trời vẫn mưa. Quả nhiên, nhìn xuống đường tôi thấy có một cái máy kéo đang kéo một cái hồ-lô san đất, chắn hẳn họ đang sửa đường.

Mười giờ rưỡi sáng. Mưa đã tạnh, trời đã hửng nắng. Chúng tôi đã đi vào rừng sau hơn một cây số đi trên lề cỏ chứ không đi giữa đường. Nằm nghỉ ở dưới một lùm cây rậm rạp, xung quanh toàn bụi rậm mọc dày đặc và đầy gai góc, tôi nghĩ là ở đây chẳng còn sợ gì thế nhưng Antonio vẫn không cho tôi hút thuốc hay nói chuyện khe khẽ. Thấy anh ta vẫn nuốt nước lá coca, tôi bắt chước làm theo nhưng một cách dè dặt hơn. Anh ta có một túi đựng hơn hai chục lá, có đưa ra cho tôi xem. Bộ rằng thượng hảo hạng của anh lấp lánh trong bóng tôi khi anh ngoác mồm ra cười nhưng

không thành tiếng. Vì xung quanh đầy muỗi, anh ta nhai một điều xì gà rồi lấy nước miếng trộn lẫn nicotin bôi lên mặt và lên tay. Tôi cũng làm như vậy. Từ đây trở đi muỗi không dám bầu vào nữa.

Bảy giờ tối. Đêm đã xuống nhưng đường vẫn sáng quá vì có trăng. Antonio để ngón tay lên con số chín và nói: “Lluvia (mưa)”. Tôi hiểu rằng đến chín giờ trời sẽ mưa. Quả nhiên đến chín giờ hai mươi thì trời đổ mưa, chúng tôi lại lên đường. Để theo kịp Antonio tôi đã học được cái kiểu đi nhảy nhót và chèo hai tay trong không khí. Đi như thế không có gì khó lại nhanh hơn là đi nhanh, mà vẫn không phải là chạy. Trong đêm ấy chúng tôi đã ba lần phải tránh vào rừng để nhường đường cho một chiếc xe hơi du lịch, một chiếc xe vận tải và một chiếc xe bò có hai con lừa kéo. Nhờ có lá coca, đến sáng tôi vẫn không thấy mệt. Đến tám giờ mưa tạnh, và vẫn như hôm qua chúng tôi đi nhẹ nhẹ trên cỏ khoảng hơn một cây số rồi nấp vào rừng. Ngậm mấy cái lá kia có một cái bất tiện là không thể ngủ được. Từ khi ra đi chúng tôi chưa có lần nào chớp mắt. Đôi đồng tử của Antonio giãn to đến nỗi không thấy trông xanh đâu nữa. Mắt tôi chắc cũng vậy. Chín giờ tối. Trời mưa. Đường như trời đợi đến đúng giờ ấy thì bắt đầu đổ mưa. Về sau tôi được biết rằng ở miền nhiệt đới khi trời bắt đầu mưa vào một giờ nào đấy thì suốt tuần trăng ngày nào cũng sẽ bắt đầu mưa vào giờ ấy và cũng sẽ tạnh vào giờ ấy. Đêm nay khi bắt đầu đi chúng tôi nghe những tiếng gọi í ới rồi trông thấy những ánh đèn. “Castillette”, Antonio nói. Con người quỷ quái ấy nắm lấy tay tôi không chút do dự và chúng tôi lại vào rừng, rồi sau hai giờ đi rất khó nhọc chúng tôi lại trở ra đường cái. Chúng tôi đi, hay nói là nhảy nhót thì đúng hơn, cho đến hết đêm và gần hết buổi sáng. Nắng đã hong khô áo quần chúng tôi mặc trên người. Chúng tôi ướt đã ba ngày rồi, và kể từ miếng đường đen chúng tôi ăn vào ngày thứ nhất, đã ba ngày chúng tôi chưa ăn thêm một chút gì. Antonio có vẻ như tin chắc rằng chúng tôi sẽ không gặp những người xấu. Anh ta đi một cách vô tư lự và đã mấy giờ liền anh ta không áp tai xuống đất nghe ngóng gì cả. Vì con đường đi dọc bãi biển, Antonio chặt một cái gậy. Bây giờ chúng tôi đi trên cát ướt. Chúng tôi đã rời hẳn đường cái. Antonio dừng lại xem xét một cái vết r่อง năm mươi phân đi

từ biển lên đến chỗ cát khô. Anh ta đi theo cái vết và khi đến chỗ nó loe rộng ra thành hình tròn, Antonio cắm gậy xuống. Khi rút gậy lên thấy có một chất nước vàng vàng như lòng đỏ trứng gà dính ở đầu gậy. Chúng tôi bới cát thành cái lỗ và chẳng bao lâu thấy hiện ra một mớ trứng, ba bốn trăm cái gì đó không biết nữa. Đó là trứng con vích, một loại rùa biển. Trứng này không có vỏ, chỉ bọc một lớp da mỏng. Chúng tôi lột lấy cái áo sơ-mi mà Antonio đã cởi ra, để đến một trăm quả trứng. Chúng tôi rời bãi biển, băng qua đường để lại đi vào rừng. Đến một chỗ thật kín đáo, chúng tôi bắt đầu ăn, chỉ ăn lòng đỏ thôi nhé - Antonio dặn tôi như vậy. Với hàm răng chó sói của anh ta, Antonio cắn đứt lớp da bọc quanh trứng, để cho lòng trắng chảy hết rồi hút cái lòng đỏ. Anh ta cắn cả một loạt trứng, rồi vừa đưa cho tôi một cái vừa hút cái kia. Nó đến vỡ bụng, chúng tôi nằm dài ra đất, đầu gối lên chiếc áo vét. Antonio nói: *Manana tu sigues so lo dos dias más. De manana enadelante no hay policias* (Mai anh tiếp tục đi một mình hai ngày nữa. Kể từ mai sẽ không có cảnh sát đâu)

Đồn biên phòng cuối cùng: mười giờ tối nay. Chúng tôi nhận ra vị trí của đồn biên phòng này nhờ tiếng chó sủa, và đến gần hơn thì trông thấy một ngôi nhà nhỏ đèn thấp sáng trưng Antonio tránh các thứ đó một cách tài tình. Từ đây chúng tôi đi suốt đêm không cần đề phòng gì cả. Đường đi không rộng, nó chỉ là một con đường mòn, nhưng cũng có thể cảm thấy là nó được dùng thường xuyên vì lối đi không hề có cỏ. Nó rộng khoảng năm mươi phân và đi dọc theo cánh rừng, cao hơn bãi biển chừng hai mét. Có nhiều chỗ thấy rõ vết móng ngựa và móng lừa. Antonio ngồi lên một cái rễ cây to và ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Trời nắng rất gắt. Đồng hồ tôi chỉ mười một giờ, nhưng nhìn mặt trời thì phải đến giữa trưa: nếu cắm thẳng một cây gậy xuống đất thì không hề thấy bóng hắt xuống, vậy là đúng giữa trưa, tôi liền sửa đồng hồ lại thành mười hai giờ. Antonio dốc cái túi đựng lá coca ra: còn cả thấy bảy cái. Anh ta đưa cho tôi bốn cái và giữ lại ba cái. Tôi đi vào rừng một lát rồi quay lại đưa cho anh ta một trăm năm mươi dollars Trinidad và sáu mươi florins. Anh ta ngơ ngác nhìn tôi hết sức ngạc nhiên sờ sờ lên mấy tờ giấy bạc, không hiểu nổi tại sao nó lại có thể mới

tin như vậy và làm sao nó lại không bao giờ bị ướt nhất là anh ta không lần nào thấy tôi đem ra phơi phóng gì cả. Anh ta cảm ơn tôi, tay cầm cả nắm giấy bạc, suy nghĩ hồi lâu rồi lấy sáu tờ năm florins, vị chi là ba mươi florins, rồi trả cho tôi số còn lại. Tuy tôi có nài, anh ta nhất định không chịu lấy thêm.

Lúc này có thể nhận thấy ở Antonio có một cái gì thay đổi. Chúng tôi đã dự định là sẽ chia tay nhau ở đây, nhưng bây giờ anh có vẻ như muốn đưa tôi đi thêm một ngày nữa. Sau đó anh sẽ quay trở lại, - anh ta vừa nói vừa ra hiệu cho tôi hiểu như thế. Thế là chúng tôi lại cùng lên đường, sau khi nuốt mấy cái lòng đỏ trứng vích và châm một điếu xì-gà (việc này phải mất hơn nửa tiếng đồng hồ mới làm được vì phải xát hai hòn đá vào nhau cho lửa bén vào một nhúm râu khô). Chúng tôi đi được hơn ba tiếng đồng hồ thì thấy một người cưỡi ngựa đi thẳng về phía chúng tôi. Người ấy đội một cái mũ rộng vành, chân đi ủng, không mặc quần mà mặc một thứ slíp bằng da, một cái áo sơ-mi màu xanh lá cây và một cái áo vét cũng màu xanh lá cây nhưng đã phai bạc, kiểu nhà binh. Vũ khí mang theo là một khẩu các bin rất đẹp và một khẩu súng lục to tướng đeo ở thắt lưng.

- Caramba! Kia Antonio, cậu đây à? - Người ấy reo lên.

Từ rất xa Antonio đã nhận ra người cưỡi ngựa, anh ta không nói gì với tôi cả, nhưng tôi biết chắc là như vậy. Người kia xuống ngựa: đó là một người đàn ông cao lớn, nước da màu đồng đỏ, trạc bốn mươi tuổi là ít Hai người vỗ rất mạnh lên vai nhau mấy cái. Cách chào thân ái này về sau tôi sẽ còn gặp nhiều ở các nơi.

- Còn gã kia là ai thế?

- Companero de fuga (bạn vượt ngục), người Pháp.

- Cậu đi đâu?

- Đến nơi nào thật gần dân chài Anh-điêng.

- Anh này muốn đi qua lãnh thổ Anh-điêng, vào Venezuela rồi từ đó tìm cách trở về Aruba hay Curacao.

- Anh-điêng Guajiros: không tốt, - người kia nói.

- Anh không có vũ khí, hãy cầm lấy cái này. - Hắn đưa cho tôi một con dao găm có cả bao da, cán làm bằng sừng đánh bóng. Chúng tôi ngồi xuống bên vệ đường. Tôi cởi giày ra: hai chân tôi đều rớm máu. Antonio và người cưỡi ngựa nói gì rất nhanh với nhau, có thể thấy rõ rằng dự định của tôi đi qua lãnh thổ Guajira không làm cho họ hài lòng chút nào. Antonio ra hiệu cho tôi lên ngựa: đôi giày buộc dây lại quàng ngang vai, tôi sẽ để trần đôi chân cho những vết thương khô lại. Tôi hiểu được những điều đó qua những cử chỉ của Antonio. Người cưỡi ngựa lên ngựa, Antonio đưa tay ra cho tôi, và chưa kịp hiểu ra sao, tôi đã được ngồi trên lưng con ngựa vừa bắt đầu phi nước đại, sau lưng người bạn của Antonio. Suốt một ngày và một đêm chúng tôi đã phi ngựa như thế. Thỉnh thoảng người kia dừng ngựa lại, đưa cho tôi một chai rượu hồi, và cứ mỗi lần như thế tôi lại uống một hớp. Đến tảng sáng anh ta dừng lại. Mặt trời đã lên. Anh ta đưa cho tôi một bánh pho-mát cứng như sắt và hai cái bánh nướng, sáu cái lá coca, lại biểu tôi một cái túi đặc biệt để đựng thứ lá này, không thấm nước, buộc vào thắt lưng. Rồi anh ta vỗ mạnh mấy cái lên vai tôi như đã từng làm với Antonio, rồi lên ngựa và phi đi.

Người Anh-dieng

Tôi đi đến một giờ trưa. Không còn rừng rậm nữa, nhìn đến tận chân trời cũng không thấy cây cối gì. Mặt biển lấp lánh như bạc dưới ánh nắng chói chang. Tôi đi chân không, đôi giày của tôi vẫn khoác trên vai trái. Đến khi định nằm xuống, tôi trông thấy lờ mờ ở phía xa năm sáu khóm cây, hoặc là năm sáu tảng đá gì đấy, lúi sâu vào trong bãi biển. Tôi thử ước lượng khoảng cách: có lẽ chừng mười cây số. Tôi lấy một nửa lá coca khá to rồi vừa nhai vừa đi khá nhanh. Một tiếng đồng hồ sau tôi phân biệt được những vật mà ban hãy tôi gọi là năm sáu khóm cây: đó là những túp lều lợp tranh hay lợp rạ, mà cũng có thể là lợp một thứ lá gì đó màu nâu nhạt. Từ một túp lều có một làn khói bay lên. Rồi tôi trông thấy người. Họ đã trông thấy tôi. Tôi nhận ra những tiếng reo và những cử chỉ của một nhóm người hướng ra phía biển. Tôi nhìn ra phía ấy thì thấy bốn chiếc thuyền đi nhanh vào bờ và từ trên thuyền có

mười người lên bờ. Tất cả tụ tập lại phía trước mấy túp lều và nhìn về phía tôi. Tôi thấy rõ cả đàn ông lẫn đàn bà đều trần truồng, phía trước có một vật gì vừa đủ che bộ phận sinh dục. Tôi thông thả đi về phía họ. Có ba người chống tay lên ba cái cung và cầm mỗi người một mũi tên. Không có một cử chỉ nào, dù là thù địch hay thân thiện. Một con chó cất tiếng sủa và giận dữ chồm vào cắn tôi ở phía dưới bắp chân, ngoạm mất một mảnh quần... Nó toan xông vào cắn nữa thì một mũi tên nhỏ không biết từ đâu bắn ra (về sau tôi được biết rằng nó đã được thổi ra từ một cái ống xi đồng) đâm vào mông nó, nó vội chuồn mất, vừa chạy vừa kêu ăng ẳng rồi mất hút trong một cái nhà nào đấy. Tôi bước khập khiễng về phía họ, vì con chó đã cắn tôi khá đau. Tôi chỉ còn cách nhóm người kia có mười thước. Không hề có một người nào cử động hay nói năng gì, bọn trẻ con đều đứng sau lưng mẹ chúng. Thân hình họ đều rám nắng, ánh lên như đồng đỏ, gân guốc, tuyệt đẹp. Mấy người đàn bà đều có đôi vú trắng, cứng và chắc, nuốm vú rất to. Chỉ thấy mỗi một bà có đôi vú sệ xuống.

Trong đám có một người tư thế uy nghi, nét mặt thanh tú, dáng dấp để lộ một sự tôn quý rõ ràng. Tôi đi thẳng về phía người ấy. Người ấy không có cung tên gì cả, tầm vóc vừa bằng tôi, tóc cắt gọn ghê có để một cái bờm rậm cắt ngang lông mày. Hai tai người ấy lấp trong đám tóc rủ xuống vừa quá dái tai, màu đen huyền, trông như có ánh tím. Hai mắt người ấy màu xám sắt. Trên ngực, trên cánh tay và trên đôi chân đều không có lấy một sợi lông. Cặp đùi màu đồng đỏ rất gân guốc và cặp chân thanh tú với những đường cong rất đẹp cũng gân guốc như vậy. Người ấy đi chân không. Khi đã đến cách người ấy ba thước, tôi đứng lại. Bấy giờ người ấy bước tới hai bước và nhìn thẳng vào mắt tôi. Cuộc khảo sát này kéo dài hai phút. Trên khuôn mặt ấy không có một nét nào cử động, trông như mặt một pho tượng đồng có đôi mắt xéch. Rồi người ấy mỉm cười và đưa tay sờ lên vai tôi. Lúc bấy giờ mọi người đến chạm tay vào tôi và một cô gái Anh-điêng trẻ tuổi cầm lấy tay tôi kéo vào bóng rợp do một túp lều hắt xuống. Đến đấy cô ta vén ống quần tôi lên. Mọi người đều đến ngồi thành vòng tròn xung quanh. Một người đàn ông đưa cho tôi một điều thuốc quán bằng

lá đã châm sẵn, tôi cầm lấy và bắt đầu hút. Mọi người đều cười lớn khi thấy cách hút của tôi, vì họ hút thuốc bằng cách để đầu có lửa vào trong miệng, đàn ông cũng như đàn bà đều thế. Chỗ bị chó cắn không chảy máu nữa, nhưng một miếng da bằng nửa đồng xu đã bị bong mất. Cô con gái nhỏ hết lông ở chỗ ấy đi rồi lấy gạo nước biển mà một con bé Anh-điêng vừa đi múc về rửa kỹ vết thương. Cô ta nặn cho nó chảy máu ra. Chưa vừa lòng, cô còn dùng một mảnh sắt mài nhọn cào vào hai vết răng cắn mà cô vừa nong rộng ra. Tôi cố ngồi thật yên, không để lộ vẻ đau đớn gì cả, vì mọi người đang quan sát tôi. Một cô gái Anh-điêng khác toan vào giúp một tay, nhưng cô ta gạt phắt ra. Trông thấy thế, mọi người cười phá lên. Tôi hiểu là cô ta muốn tỏ ra cho cô kia hiểu rằng tôi thuộc quyền sở hữu riêng của cô ta: chính vì thế mà họ cười. Rồi cô ta cắt hai ống quần của tôi ở phía trên đầu gối một quãng. Cô nghiền mấy chùm rong biển mà người ta vừa mang tới trên một tảng đá đắp lên vết thương và buộc lại bằng những mảnh vải vừa cắt ở quần tôi ra. Hải lòng vì công việc đã xong, cô ta ra hiệu cho tôi đứng dậy.

Tôi đứng dậy, cởi áo vét ra. Lúc ấy cô gái nhìn vào cổ áo phanh rộng của tôi và trông thấy hình con bướm xăm ở khoảng dưới cổ tôi. Cô nhìn một lúc, rồi thấy có những hình xăm khác nữa, cô tự tay cởi áo sơ-mi của tôi ra để nhìn cho rõ. Đàn ông cũng như đàn bà, ai nấy đều lấy làm thú vị với những hình xăm trên ngực tôi: ở bên phải là một phạm nhân; ở bên trái là một cái đầu phụ nữ; ở phía trên bụng là một cái đầu hổ; trên cột sống là một người thủy thủ bị đóng đinh trên giá thập tự, và chạy dài suốt có lưng là một cảnh săn hổ có cả những người đi săn, những khóm cọ, những con voi và những con hổ. Khi trông thấy những hình xăm này, bọn đàn ông gạt mấy người đàn bà ra và ngấm ngấm, sờ sờ từng hình một cách tỉ mỉ. Sau khi vị thủ lĩnh đã phát biểu, mỗi người đều góp thêm ý kiến riêng của mình. Kể từ lúc ấy tôi đã được bọn đàn ông thu nạp hẳn vào bộ tộc. Mấy người đàn bà thì đã thu nạp tôi ngay từ phút đầu, sau khi thủ lĩnh đã mỉm cười và chạm tay vào vai tôi.

Chúng tôi đi vào nếp nhà tranh lớn nhất, và đến đây tôi hoàn toàn bị lạc hướng. Ngôi nhà làm bằng đất nện màu đỏ gạch. Vách nhà hình tròn, có tám cửa ra vào và ở bên trong, sườn nhà được dùng làm nơi mắc mấy cái võng ngũ sắc, màu rất tươi, đan bằng len thuần chất, dòn vào một góc. Ở giữa có một tảng đá tròn và đẹp màu nâu, mặt mài nhẵn, xung quanh có những phiến đá dẹt dùng để ngồi. Trên vách có treo nhiều khẩu súng hai nòng, một thanh gươm của nhà binh, và những cánh cung to nhỏ đủ cỡ treo la liệt khắp nơi. Tôi còn nhận thấy có một cái vỏ rùa rất lớn, một người có thể nằm gọn vào đấy, một cái lò sưởi làm bằng những phiến đá khô xếp chồng lên nhau rất khớp làm thành một tổng thể gọn gàng mà không hề có vết trát. Trên bàn có đặt một nửa trái bầu khô đựng vài ba nắm ngọc trai. Họ cho tôi uống một thứ nước quả lên men rất ngon, có vị chua - ngọt, đựng trong một thứ bát bằng gỗ, rồi dọn lên cho tôi một con cá lớn nặng ít nhất hai ki-lô nướng bằng than gỗ, đặt trên một tàu lá chuối. Họ mời tôi ăn: tôi nhận lời và thông thả ăn. Khi tôi đã ăn hết con cá ngon tuyệt vời, cô gái ban nãy cầm tay tôi dắt tôi ra bãi biển cho tôi rửa tay và súc miệng bằng nước biển. Rồi chúng tôi lại quay về ngôi nhà lớn. Chúng tôi ngồi quây thành vòng tròn, cô gái Anh-điêng ngồi cạnh tôi, bàn tay đặt trên đùi tôi. Vừa nói vừa làm cử chỉ, tôi và những người thổ dân cố gắng tìm cách hiểu nhau.

Vị thủ lĩnh đứng phát dậy đi vào phía trong nhà lấy ra một viên đá trắng rồi đến vẽ lên bàn, thoát tiên là những người Anh-điêng trần truồng và khóm làng của họ, rồi đến biển. Ở bên phải cái làng Anh-điêng, ông ta vẽ những ngôi nhà có cửa sổ, mấy người đàn ông và đàn bà mặc áo quần. Đàn ông thì cầm súng hay cầm gậy. Ở bên trái, ông ta vẽ một cái làng khác, có những người đàn ông cầm súng và đội mũ, mặt mày dữ tợn, đàn bà thì mặc áo. Sau khi tôi đã xem kỹ mấy hình vẽ, ông ta nhận thấy mình đã bỏ sót một cái gì đó bèn vẽ một con đường đi từ làng Anh-điêng đến khóm nhà bên phải, rồi một con đường khác đi sang cái làng bên trái. Để tôi thấy rõ phương hướng, ông ta lại vẽ ở phía Venezuela, tức bên phải, một cái mặt trời được thể hiện bằng một vòng tròn và những nét tua tủa ở xung quanh, và bên phía làng Colombia, một cái mặt

trời có một đường khúc khuỷu cắt ngang. Không thể nhầm lẫn được: một bên là mặt trời mọc, bên kia là mặt trời lặn. Vị thủ lĩnh trẻ tuổi ngắm tác phẩm của mình một cách đầy tự hào, và mọi người lần lượt đến xem hình vẽ. Khi thấy tôi đã hiểu rõ ông ta muốn nói gì, vị thủ lĩnh lại cầm viên đá phấn lên gạch chi chít lên hai làng kia, chỉ để nguyên làng của ông ta. Tôi hiểu ông muốn nói với tôi rằng người ở hai làng kia đều ác, rằng ông không muốn có liên quan gì với họ, và chỉ có làng ông là tốt. Ông ta nói những điều ấy với ai kia chứ!

Người ta dùng một tấm giẻ bằng len nhúng nước lau sạch mặt bàn. Khi bàn đã khô, vị thủ lĩnh đưa viên đá phấn cho tôi: bây giờ đến lượt tôi phải kể chuyện mình bằng hình vẽ. Chuyện của tôi thì phức tạp hơn chuyện của ông ta. Tôi vẽ một người hai tay bị trói và hai người có vũ khí đứng nhìn hắn; rồi vẽ người bị trói bỏ chạy và hai người kia đuổi theo, súng chĩa vào hắn. Tôi vẽ lại cảnh ấy hai lần, lần sau khoảng cách giữa tôi và những người đuổi theo xa hơn lần trước, và đến lần cuối cùng thì hai tên cảnh sát đứng lại còn tôi thì chạy tiếp về phía làng của họ, gồm có mấy người Anh-điêng và con chó, đứng ở phía trước là vị thủ lĩnh đang dang hai tay về phía tôi.

Hình vẽ của tôi chắc không đến nỗi quá tồi, vì sau một cuộc bàn tán khá lâu giữa mấy người đàn ông, vị thủ lĩnh dang hai tay ra như trong hình vẽ của tôi. Họ đã hiểu.

Ngay đêm hôm ấy, cô gái Anh-điêng đưa tôi về túp lều của cô trong đó còn có sáu người đàn bà và bốn người đàn ông cùng ở. Cô mắc lại cái võng bằng len ngũ sắc rất đẹp và rất rộng, hai người có thể nằm ngang võng thoải mái. Tôi đến nằm vào cái võng vừa mắc, nhưng lại nằm dọc. Thấy thế cô gái đến cạnh một cái võng khác và nằm ngang lên đấy. Tôi cũng bắt chước làm theo, và lúc bảy giờ cô liền đến nằm cạnh tôi. Cô sờ lên người tôi, sờ lên tai, lên mắt, lên miệng tôi với mấy ngón tay dài và thon nhưng rất xù xì, chi chít những vết sẹo nhỏ, nhưng sắc cạnh. Đó là những vết đứt do san hô để lại khi các cô gái lặn xuống biển nhặt trai có ngọc. Khi đến lượt tôi, tôi lại vuốt ve khuôn mặt cô, cô cầm lấy tay tôi, rất ngạc nhiên vì thấy nó mịn, không có chai. Sau một tiếng đồng hồ nằm với

nhau trên vông chúng tôi đứng dậy và đi sang ngôi nhà lớn của thủ lĩnh. Họ đưa cho tôi mấy khẩu súng để tôi xem thử nó tốt hay xấu, đó là những khẩu súng trường sản xuất tại Saint-Etienne, cỡ 12 và 16. Họ có sáu hộp đựng đầy đạn chì double zéro.

Cô gái Anh-điêng của tôi tầm vóc trung bình, có đôi mắt màu xám sẫm giống như vị thủ lĩnh, đường nét rất thanh tú, bộ tóc tết thành bím dài ngang hông, có một đường ngôi ở giữa. Vú cô rất đẹp, cao và hình quả lê. Đầu vú thâm hơn nước da màu hồng đỏ ở xung quanh và nuốm vú rất dài. Cô không biết hôn, khi cần cô chỉ khẽ cắn cắn vào môi tôi. Chỉ ít lâu tôi đã dạy được cho cô cách hôn theo kiểu người văn minh. Những khi hai chúng tôi cùng đi đâu, cô không chịu đi bên cạnh tôi, nói thế nào cũng không được, cô cứ đi theo sau tôi. Có một túp lều không ai ở, nay đã bắt đầu dột nát. Với sự giúp đỡ của mấy người đàn bà khác cô lấy lá dừa lợp lại cái mái, và vá lại vách nhà bằng đất sét đỏ rất dẻo. Người Anh-điêng có đủ các thứ dụng cụ và vũ khí bằng sắt: dao, dao găm, dao phát, rìu, cuốc nhỏ, nạng chĩa. Cũng có những dụng cụ bằng đồng bằng nhôm, bình tưới nước, soong chảo, còn có một thứ đá mài quay, một thứ lò nướng, các thứ thùng bằng sắt và bằng gỗ. Họ nằm trên những cái vông hết sức rộng bằng len thuần chất được trang trí bằng những đường viền đan và những hoa văn ngũ sắc dùng những màu rất sặc sỡ, màu đỏ tươi màu xanh lam, màu đen huyền, màu vàng hoàng yến. Ngôi nhà chẳng bao lâu đã sửa xong, và cô gái bắt đầu đem về đây những đồ dùng mà mấy người Anh-điêng khác cho cô: một cái kiềng tròn có ba chân, một cái vông vừa cho bốn người lớn nằm ngang, mấy cái ly, mấy cái hũ bằng sắt tây, mấy cái soong, v.v... Lại có cả một bộ đồ thúng lư nữa.

Chúng tôi vượt ve, mơn trớn nhau đã được mười lăm ngày, tức từ ngày tôi đến đây, nhưng cô gái nhất định không chịu đi đến cùng và mỗi khi tôi nài ép cô phản ứng rất mạnh. Tôi không sao hiểu nổi, vì chính cô đã khiêu khích tôi mà đến lúc chót thì cô lại không chịu. Trên người cô không bao giờ có chút vải vóc gì trừ cái khố hẹp, buộc xung quanh cái có rất mảnh của cô bằng một sợi dây nhỏ, hai mông hoàn toàn để trần. Không hề qua một chút lễ nghi nào, chúng tôi đã dọn đến ở ngôi nhà nhỏ vừa sửa sang xong. Nhà

có ba cửa, một cửa chính ở giữa, hai cửa phụ đối diện nhau. Vì vách nhà hình tròn cho nên ba cái cửa ấy làm thành một hình tam giác cân. Mỗi cái cửa đều có một công dụng riêng: cửa phía bắc dành cho tôi, tôi chỉ được ra vào bằng cửa này mà thôi. Cửa phía nam là cửa dành cho cô ấy. Tôi không được ra vào bằng cửa của cô ta, và cô ta không được dùng cửa của tôi. Bạn bè thì đi cửa lớn, còn tôi và cô ta chỉ được đi cửa này khi đưa khách vào nhà.

Sau khi chúng tôi đã dọn đến ở hẳn ngôi nhà này cô gái mới thực sự là của tôi. Tôi không muốn đi vào chi tiết, nhưng đó quả là một người tình nồng nhiệt và nhờ trực giác mà trở nên thành thạo. Cô ấy quấn vào tôi như một sợi dây leo. Dấu kỷ mọi người, tôi chải đầu cho cô và tết tóc thành bím cho cô. Tôi không bao giờ dám làm như vậy khi chưa biết chắc là không có ai có thể trông thấy, vì một người đàn ông không được chải đầu cho vợ bao giờ, cũng không được xát tay vợ bằng một hòn đá giống như đá bọt, cũng không được hôn môi và hôn vú vợ theo một kiểu nào đấy. Cô rất vui sướng khi được tôi chải đầu, một niềm hạnh phúc vô biên hiện rõ trên gương mặt cô, pha lẫn nỗi lo sợ (nhỡ có ai trông thấy thì chết!).

Lali (đó là tên cô) và tôi đã có nhà riêng. Có một điều khiến tôi phải lầy lăm lạ, là không bao giờ cô ta dùng mấy cái lò hay xoong nồi bằng sắt hoặc bằng nhôm, cô không bao giờ uống nước bằng cốc thủy tinh, lúc nào cũng dùng những thứ bằng đất nung do dân làng tự làm lấy.

Cái bình tưới nước thì dùng để rửa ráy, bằng cách hứng nước ở cái gương sen ở đầu vòi. Đi ngoài thì đi xuống biển.

Tôi thường tham dự vào việc tách vỏ trai để tìm ngọc. Việc này do những người đàn bà lớn tuổi nhất làm. Mỗi người thiếu phụ làm nghề vớt trai đều có một cái túi riêng. Những viên ngọc tìm được trong vỏ trai được chia như sau: một phần cho vị thủ lĩnh vốn là đại diện của cộng đồng, một phần cho người chèo thuyền, một nửa phần cho người mở trai và một phần rưỡi cho người lặn mò trai. Khi còn ở với gia đình, người con gái có được bao nhiêu ngọc trai đều đem cho ông bác hay ông chú. Cho đến bây giờ tôi vẫn

không hiểu nổi tại sao chính cái ông bác (hay ông chú) ấy cũng là người đầu tiên đi vào nhà hai người sắp lấy nhau: ông ta cầm cánh tay người vợ quàng vào lưng người chồng và cầm cánh tay phải của người chồng đặt lên bụng người vợ, sao cho ngón tay trở đặt đúng vào rốn. Làm xong cái thủ tục đó, ông ta ra về.

Vậy thì tôi có dự vào công việc mở trai, nhưng tôi không dự vào việc vớt trai, vì họ chưa lần nào mời tôi lên một chiếc thuyền. Họ vớt trai hơi xa bờ, phải gần đến năm trăm mét. Có những người Lali đi vớt trai về, hai đùi hay cạnh sườn bị san hô cào xước hết. Đôi khi có những vết xước sâu đến chảy máu. Những khi đó Lali lấy rong biển sát vào chỗ xước. Tôi không bao giờ làm một việc gì mà người ta không ra hiệu bảo tôi làm.

Tôi không bao giờ vào nhà thủ lĩnh nếu ông ta hay một người nào khác không cầm tay tôi dắt vào.

Lali có ý nghi ngờ rằng có ba cô gái Anh-điêng trạc tuổi cô cứ hay đến nằm trong đám cỏ gần sát cửa nhà chúng tôi để nhìn trộm hay nghe trộm xem thử chúng tôi làm những gì khi ở nhà một mình với nhau. Hôm qua tôi đã gặp người Anh-điêng đảm đương công việc liên lạc giữa làng thổ dân với xóm dân cư Colombia gần nhất, cách đồn biên phòng hai cây số. Xóm này được gọi là La Vela. Người Anh-điêng ấy có hai con lừa và đeo một khẩu các-bin Winchester tự động. Cũng như mọi người, anh ta không mặc áo quần gì ngoài cái khố. Anh ta không biết lấy một chữ Tây Ban Nha nào, cho nên tôi không thể hiểu tại sao anh ta lại có thể giao dịch đổi chác gì với những người Colombia. Tôi lấy tự điển Pháp - Tây Ban Nha tra xem những thứ tôi cần thì tiếng Tây Ban Nha viết như thế nào, và ghi ra một tờ giấy: kim, mực chàm và mực đỏ chỉ khâu - vì ông thủ lĩnh đã nhiều lần yêu cầu tôi xăm hình cho ông ta. Anh chàng Anh-điêng làm liên lạc này người bé nhỏ và khô đét. Trên người anh ta có một vết sẹo khủng khiếp bắt đầu từ cái xương sườn thấp nhất, chạy suốt ngực cho đến vai bên phải. Từ vết thương cũ, thịt lồi lên làm thành một đường sẹo nổi to bằng ngón tay.

Người ta bỏ ngọc trai vào trong một cái hộp đựng xì-gà. Cái hộp được chia ra thành từng ngăn, mỗi ngăn đựng một cỡ ngọc. Khi người Anh-điêng này ra đi, tôi được phép của thủ lĩnh đi theo anh ta. Để cho tôi quay về chứ đừng đi thẳng, thủ lĩnh đã cho tôi mượn một khẩu súng hai nòng và sáu viên đạn. Do một cách suy nghĩ đơn giản, ông ta tin chắc rằng đã mượn súng như vậy thì tôi thế nào cũng phải quay lại. Vì ông không thể nào tưởng tượng được rằng đang cầm một vật không phải là của mình mà người ta lại có thể bỏ đi hẳn được. Vì hai con lừa đều không phải chở gì hết, nên người Anh-điêng cưới một con, tôi cưới một con. Chúng tôi đi suốt ngày trên con đường mà tôi đã dùng để đến đây nhưng đến cách đồn biên phòng khoảng ba bốn cây số người Anh-điêng quay lưng về phía biển và đi sâu vào vùng đất liền.

Đến năm giờ chúng tôi đến một bờ suối có năm nếp nhà của người Anh-điêng. Cả xóm kéo ra xem tôi. Người Anh-điêng cùng đi với tôi nói, nói mãi cho đến lúc có một người đàn ông đến: ở người này cái gì cũng giống người Anh-điêng. mắt, tóc, mũi, trừ nước da. Da hắc trắng nhờ nhờ và mắt hắc đo đỏ giống như người bạch tạng. Hắc mặc quần ka-ki. Đến đây tôi hiểu rằng người Anh-điêng ở làng tôi không bao giờ đi quá chỗ này. Người Anh-điêng da nhợt nói với tôi bằng tiếng Tây Ban Nha:

- Buenos dias (chào). Anh ta là người tù đã vượt ngục với Antonio phải không? Anotnio với tôi là người anh em kết nghĩa bằng máu. - Để “kết nghĩa” với nhau, hai người buộc tay vào nhau, rồi mỗi người lấy dao rạch tay người kia và lấy máu của mình bôi lên tay người kia, sau đó lại liếm chỗ máu dính trên tay người kia.

- Anh cần gì?

- Một cái kim, một ít mực chàm và mực đỏ. Chỉ có thể thôi.

- Một tuần nữa sẽ có.

Hắn nói tiếng Tây Ban Nha giỏi hơn tôi, và có thể thấy rằng hắn biết cách liên hệ với những người văn minh, tổ chức những cuộc đổi chác sao cho có lợi về phía những người cùng chủng tộc. Khi tôi chuẩn bị ra về, hắn trao cho tôi một cái chuỗi đeo cổ làm

bằng những đồng tiền bằng bạc của xứ Colombia xâu lại, nói là gửi cho Lali.

- Hãy trở lại đây thăm tôi, - người Anh-điêng da nhợt dặn tôi.

Để cho chắc bụng là tôi sẽ trở lại, hẳn cho tôi mượn một cái cung.

Tôi ra về một mình chưa đi được nửa đường thì đã thấy Lali cùng đi với một cô em còn ít tuổi, chỉ mười hai hay mười ba là cùng. Lali thì chắc chắn là đã mười sáu hoặc mười tám tuổi. Cô ấy xông vào tôi như một con điên, cào cấu ngực tôi vì tôi đã che mặt lại, rồi cắn dữ dội vào cổ tôi. Tôi dùng hết sức bình sinh mới giữ được cô. Đột nhiên cô bình tĩnh hẳn đi. Tôi bế cô gái nhỏ tuổi lên lưng lừa và ôm lưng Lali đi phía sau. Chúng tôi thông thả trở về làng. Giữa đường tôi giết được một con cú. Tôi đã bắn trúng nó mà chả biết đó là con gì, chỉ thấy hai con mắt sáng lên trong đêm tối. Lali một mực đòi mang con cú về, tôi phải buộc nó vào yên lừa. Đến tảng sáng chúng tôi về tới làng. Tôi mệt quá, chỉ muốn tắm một cái. Lali tắm cho tôi, rồi trước mặt tôi cô cởi khố của cô em gái, bắt đầu tắm cho em, rồi lại tự tắm rửa cho mình.

Khi cả hai chị em về nhà thì tôi đang ngồi đợi nước sôi để uống với chanh và đường. Đến đây xảy ra một sự việc mà mãi về sau tôi mới hiểu. Lali đẩy em gái vào lòng tôi, cầm hai tay tôi quàng ngang lưng cô bé: lúc bấy giờ tôi nhận thấy cô em của Lali không mặc khố, trên cổ đeo chuỗi tiền mà tôi đã cho Lali. Tôi không biết làm thế nào để ra khỏi cái tình thế lạ lùng này. Tôi đành khế ẩy cô bé ra, nhắc cô bé lên và cho nằm xuống vống. Tôi cởi cái chuỗi đeo cổ và đem khoác vào cổ Lali. Lali nằm xuống cạnh em gái, còn tôi thì nằm xuống cạnh Lali. Mãi về sau tôi mới hiểu rằng cô ta tưởng tôi đi hỏi dò đây đó để tìm cách ra đi vì có lẽ tôi không được sung sướng với cô ta, và chắc em gái cô ta có thể đủ sức giữ tôi lại. Khi tôi thức dậy thì thấy tay Lali bưng chặt lấy hai mắt tôi. Lúc bấy giờ đã rất muộn: phải đến mười một giờ trưa. Cô em gái không còn dậy nữa. Lali đắm đuối nhìn tôi với đôi mắt to màu xám và khế cắn vào khoe môi tôi. Cô sung sướng bày tỏ cho

tôi thấy rằng cô đã hiểu là tôi yêu cô và sợ dĩ tôi đi không phải vì cô không biết cách giữ tôi lại.

Lúc bảy giờ trước nhà chúng tôi có một người ngồi đợi. Đó là người Anh-điêng thường ngày vẫn chèo thuyền cho Lali đi biển. Anh ta nhoẻn miệng cười với tôi nhắm mắt lại và làm những điệu bộ rất dễ thương để cho tôi hiểu rằng anh ta biết Lali đang ngủ. Tôi ngồi xuống bên cạnh anh ta, nghe anh ta nói những điều mà tôi không hiểu. Người anh ta lực lưỡng và trẻ trung lạ thường, dáng vóc như một lực sĩ. Anh ta ngắm nghía hồi lâu những hình xăm trên người tôi, xem xét kỹ lưỡng từng hình một, rồi ra hiệu cho tôi là anh ta muốn nhờ tôi xăm hình cho. Tôi gật đầu ưng thuận, nhưng hình như anh ta cho rằng tôi không biết. Lali bước ra. Cô đã bôi dầu lên khắp người. Cô biết rằng tôi không thích như vậy, nhưng cô làm bộ điệu để tôi hiểu rằng hôm nay không có nắng thành thử nước biển rất lạnh. Những điệu bộ, cử chỉ ấy, mà Lali làm một cách vừa nghiêm trang vừa đùa bỡn, duyên dáng và đẹp mắt đến nỗi tôi cứ giả vờ không hiểu để buộc cô phải làm đi làm lại mấy lần. Khi tôi ra hiệu bảo Lali làm lại, cô bĩu môi, và cái bĩu môi ấy nói rất rõ: “Có phải là anh ngốc quá không hiểu được, hay tại em vụng quá không làm cho anh hiểu được tại sao em lại phải bôi dầu vào người?”.

Ông thủ lĩnh đi ngang trước mặt chúng tôi, có hai cô Anh-điêng theo sau. Hai cô xách một con thần lằn xanh to tướng nặng phải đến bốn năm cân, còn ông thủ lĩnh thì cầm cung lên. Ông ta vừa mới bắn được con thần lằn và mời tôi lát nữa sang nhà ăn thịt nó. Lali nói gì với ông ta không rõ, chỉ thấy ông ta chạm tay lên vai tôi và chỉ ra biển. Tôi hiểu rằng ông ta cho phép tôi đi ra biển với Lali nếu tôi muốn. Cả ba chúng tôi: Lali, người chèo thuyền thường ngày cho cô, và tôi, cùng ra đi. Chiếc thuyền nhỏ của họ rất nhẹ, làm bằng một thứ gỗ xốp mềm như diên điển, đưa xuống nước rất dễ. Họ vác chiếc thuyền trên vai lội xuống nước và cứ thế đi một quãng. Cách họ cho thuyền xuất phát rất lạ: người đàn ông Anh-điêng lên thuyền trước, tay cầm một cái chèo to tướng. Lali, nước lút ngang ngực, giữ cho chiếc thuyền cân bằng và không để cho nó lúi về phía bờ, tôi leo lên ngồi ở giữa, thế rồi bỗng nhiên,

thoát một cái, Lali đã ngồi gọn trên thuyền đúng vào lúc người đàn ông Anh-điêng ấn mạnh chèo đẩy thuyền ra biển. Các đợt sóng giống như những cuộn vải, càng xa bờ càng lớn. Cách bờ khoảng năm sáu trăm mét có một thứ kênh: ở đây đã có hai chiếc thuyền đang vớt trai. Lali đã buộc mấy bím tóc lên đầu bằng năm sợi dây da màu đỏ, ba sợi buộc ngang, hai sợi buộc dọc, tất cả đầu được quấn vào cổ. Tay cầm một con dao lớn, Lali lần theo thanh sắt nặng đến mười lăm cân vốn dùng làm neo mà người đàn ông vừa ném xuống đáy biển.

Chiếc thuyền đứng tại chỗ nhưng không phải là đứng yên, vì cứ mỗi đợt sóng nó lại nhô lên rồi hạ xuống. Hơn ba tiếng đồng hồ Lali cứ trôi lên lặn xuống, từ đáy biển lên mặt biển. Ở đây không trông thấy đáy, nhưng cứ vào khoảng thời gian Lali phải mất mà suy ra thì chắc phải sâu từ mười lăm đến mười tám mét. Mỗi lần ngoi lên, trong cái túi của cô đều có trai, người đàn ông Anh-điêng dốc cái túi cho trai đổ vào lòng thuyền. Trong ba tiếng đồng hồ ấy Lali không lần nào lên thuyền. Khi cần nghỉ, cô vịn mạn thuyền đứng yên khoảng từ năm đến mười phút. Chúng tôi đã hai lần đổi chỗ mà Lali vẫn không lên thuyền. Ở chỗ thứ hai, trong túi thấy có nhiều trai hơn, và kích thước của nó cũng lớn hơn. Chúng tôi vào bờ. Lali đã leo lên thuyền và chẳng mấy chốc sóng đã đẩy chúng tôi vào bãi cát.

Người đàn bà Anh-điêng đang đợi. Lali và tôi để cho bà ta và người đàn ông kia đưa trai lên bãi cát. Khi mớ trai đã ráo nước, Lali không để cho bà già tách miệng chúng ra, chính cô bắt đầu làm việc đó. Cô nhanh nhẹn dùng mũi dao mở khoảng ba chục con mới thấy được một viên ngọc. Tôi khỏi phải nói với các bạn rằng trong khi đó tôi đã chén hết ít nhất là hai tá. Chắc nước ở dưới đáy phải lạnh lắm, vì thịt con nào cũng rất mát. Lali khe khẽ moi viên ngọc ra: nó to như một hạt đậu cô-ve. Viên ngọc này thuộc loại ngọc trai cỡ lớn. Nó sáng quá! Thiên nhiên đã cho nó những sắc thái óng ả, uyển chuyển nhưng không quá lòe loẹt. Lali dùng hai ngón tay cầm viên ngọc lên bỏ vào miệng ngậm một lát, rồi lấy ra bỏ vào miệng tôi. Bằng một loạt cử chỉ nhai, cô làm cho tôi hiểu rằng cô muốn cắn vỡ viên ngọc và nuốt đi. Tôi từ chối, nhưng

những cử chỉ van nài của cô đẹp đến nỗi tôi phải làm theo ý cô: tôi nhai vỡ viên ngọc và nuốt các mảnh vụn. Cô tách bốn năm con trai nữa cho tôi ăn, có lẽ để cho viên ngọc vào bụng tôi kỳ hết. Cô bắt tôi nằm ngửa ra bãi cát, rồi như đứa con nít, cô banh miệng tôi ra nhìn kỹ xem có còn mảnh vụn nào trong răng không. Sau đó chúng tôi ra về, để cho hai người kia tiếp tục công việc.

Tôi ở đây đã được một tháng. Tôi không tính nhằm được, vì ngày nào tôi cũng ghi ngày tháng lên một tờ giấy. Máy cái kim đã được gửi đến từ lâu cùng với ba thứ mực dùng để xăm hình: đỏ, xanh, và tím. Tôi đã phát hiện ở nhà ông thủ lĩnh ba con dao cạo Sulliguen. Ông ta không bao giờ dùng thứ dao này để cạo râu, vì người Anh-điêng không có râu. Ông chỉ dùng một trong ba con dao cạo để cạo tóc: cạo như vậy tóc đứt rất đều thành từng lớp đuổi nhau. Tôi đã xăm cho Zato (tên của thủ lĩnh). Được một hình trên cánh tay. Đó là hình một người Anh-điêng, trên đầu có cắm những chiếc lông chim đủ màu. Ông ta thích mê đi và ra hiệu dặn tôi đừng xăm cho ai trước khi xăm xong một hình thật lớn trên ngực ông. Ông ta muốn có cái đầu hỏ như của tôi, với bộ răng nanh thật nhọn. Tôi cười, vì tôi không biết vẽ cho thật khéo để có được một cái đầu hỏ đẹp như vậy.

Lali đã nhổ hết lông trên người tôi. Hễ phát hiện ra được sợi nào là cô lập tức nhổ đi và lấy rong biển giã nhỏ trộn với tro xát vào. Hình như thứ thuốc này làm cho lông khó mọc lại thật.

Cái công xã Anh-điêng này được gọi là Guajira. Họ ở ven bờ biển và vùng đồng bằng cho đến chân núi. Trong núi có những công xã khác được gọi là Motilones. Mấy năm sau tôi sẽ có dịp tiếp xúc với những người này. Người Guajiros, như tôi đã nói, có tiếp xúc gián tiếp với thế giới văn minh thông qua những cuộc đổi chác. Những người Anh-điêng ở bờ biển giao cho người Anh-điêng da nhợt những viên ngọc trai và cả những con rùa bể nữa. Rùa được đổi sống, nặng đến khoảng một trăm rưỡi ký lô. Ở đây không bao giờ có loại rùa to và nặng như ở sông Oneroca hay sông Maroni có những con có thể đến bốn trăm ký lô, mai đôi khi dài đến hai mét trên một mét chiều rộng. Khi bị đặt ngửa, chúng không tự lật sấp lại được. Tôi đã trông thấy mấy con như vậy bị đặt nằm ngửa đến

ba tuần, không được ăn uống gì cả mà vẫn sống, trước khi bị đem đi đổi. Còn loại thần lằn xanh thì thịt rất ngọt, trắng, mềm và ngọt, trứng của nó vùi vào cát để cho nắng nung lên cũng có hương vị rất mặn mà. Chỉ riêng cái vẻ ngoài của nó trông không có gì ngon lành cả.

Cứ mỗi lần Lali đi vớt trai, cô lại đem về nhà những viên ngọc thuộc phần cô. Những viên ngọc ấy cô đều cho tôi tất. Tôi cất nó vào một cái cốc bằng gỗ không phân biệt viên to, viên trung bình hay viên nhỏ. Tôi chỉ cất trong một cái hộp riêng hai viên ngọc màu hồng, ba viên đen và bảy viên có màu xám kim loại đẹp kinh khủng. Tôi lại còn có một viên ngọc lớn ba màu hình thù như hạt đậu, và cũng to bằng một hạt đậu trắng hay đậu đỏ ở châu Âu. Ba màu ấy làm thành ba lớp chồng lên nhau, và tùy theo thời tiết, một trong ba màu hiện rõ hơn và màu kia: khi thì lớp màu đen, khi thì lớp màu kia nâu như thép cũ, khi thì lớp màu bạc có ánh hồng. Nhờ có ngọc trai và rùa, bộ lạc Guajiros này không thiếu thứ gì. Chỉ có điều là họ có những vật mà họ chẳng biết dùng làm gì, trong khi đó thì lại thiếu những thứ khác lẽ ra có thể có ích cho họ. Chẳng hạn cả bộ lạc không có lấy được một tấm gương. Cũng may tôi bắt được một mảnh kim loại có lẽ từ một chiếc thuyền bị đắm long ra, có một mặt mạ kền, tôi dùng nó để soi mặt khi cần cạo râu.

Sách lược của tôi đối với các bạn tôi rất dễ dàng: tôi không làm điều gì có thể có hại đến uy thế của thủ lĩnh, và càng tránh những việc có thể xúc phạm đến một ông già Anh-điêng sống một mình trong vùng đồng bằng cách đây bốn cây số giữa một bầy rắn, hai con dê và một tá cừu. Đó là ông thầy mo chung của mấy xóm Guajiros ở xung quanh. Thái độ đó khiến cho không có người nào ganh tỵ hay có ác cảm với tôi. Sau hai tháng tôi đã được mọi người hoàn toàn coi như người nhà. Ông thầy mo còn có vài chục con gà. Vì trong hai xóm Anh-điêng mà tôi biết không hề thấy có nuôi dê, cừu và gà gì cả, tôi suy ra rằng việc nuôi gia súc là một đặc quyền của ông thầy mo. Những người đàn bà Anh-điêng thay phiên nhau cứ mỗi buổi sáng một người đội cái rổ đựng cá và sò mới vớt được đem đến cho ông ta. Ngoài ra còn có những chiếc bánh bột ngô vừa

làm sáng hôm ấy và được nướng chín trên những hòn đá nung lửa. Thỉnh thoảng họ trở về làng với mấy quả trứng và một ít sữa đông váng, nhưng không phải hôm nào cũng có. Khi nào ông thầy mo muốn tôi đến thăm ông ta, ông ta gửi riêng cho tôi ba quả trứng và một con dao bằng gỗ chuốt thật trơn. Lali đi theo tôi đến nửa đường và ngồi đợi tôi dưới bóng những cây xương rồng khổng lồ. Lần đầu tiên chính cô đã đặt con dao bằng gỗ ấy vào tay tôi rồi giờ tay chỉ hướng cho tôi đi.

Ông thầy mo Anh-điêng đã già lắm rồi. Ông ta sống trong một cảnh dơ bẩn cùng cực dưới một cái lều căng bằng những tấm da bò, còn nguyên lông, mặt có lông trở vào phía trong. Ở giữa lều có đặt ba hòn đá quây quanh một bếp lửa mà người ta cảm thấy là được để cháy suốt đêm ngày. Ông ta không ngủ trên võng mà trên một thứ giường làm bằng cành cây, cách mặt đất hơn một mét. Cái lều khá rộng, phải đến hai mươi mét vuông. Nó không có vách, chỉ phía có gió được che bằng mấy cành cây. Tôi đã được nhìn thấy hai con rắn, một con dài gần ba mét, to bằng cánh tay, còn con kia dài chừng một mét, có một hoa văn hình chữ V màu vàng trên đầu. Tôi tự nhủ: “Hai con rắn này đã ngốn bao nhiêu gà và trứng không biết!” Tôi không hiểu làm thế nào mà bấy nhiêu dê, cừu, gà và cả con lừa nữa đều có chỗ nương thân dưới mái lều này. Ông già xem xét tôi từng li từng tí, rồi bắt tôi cởi cái quần mà Lali đã biến thành quần soóc, và khi tôi đã trần truồng như con nhộng, ông ta bắt tôi ngồi lên một hòn đá bên cạnh bếp lửa. Rồi ông ta thả vào lửa những cái lá xanh làm khói bốc lên mù mịt, sặc mùi bạc hà. Đám khói vay kín xung quanh tôi làm tôi ngạt thở. Nhưng tôi hầu như không ho, cố kiên nhẫn ngồi đợi trong mười phút khói mới tan đi. Sau đó ông ta đốt cái quần của tôi và đưa cho tôi hai cái khố của người Anh-điêng, một bằng da cừu, một bằng da rắn, mềm mại như một chiếc găng tay. Ông ta lại đeo vào cánh tay tôi một cái vòng đan bằng dây da dê, da cừu và da rắn. Nó rộng mười phân và được buộc vào tay bằng một sợi dây làm bằng da rắn đã thuộc có thể thắt chặt lại hay nới rộng ra tùy ở mắt cá chân trái, ông thầy mo có một cái mũ sâu quảng to bằng một đồng bạc hai francs, bầu đầy ruồi nặng. Chốc chốc ông ta lại đuổi chúng đi, và khi nào bị

quá nhiều quá nhiều thì ông ta lấy tro rắc lên chỗ bị loét. Được ông thầy mo chấp nhận rồi, tôi định ra về thì ông ta đưa cho tôi một con dao bằng gỗ nhỏ hơn con dao ông đã gửi cho tôi. Về sau Lali sẽ cắt nghĩa cho tôi hiểu rằng khi nào tôi muốn gặp ông thầy mo, tôi phải gửi cho ông con dao nhỏ này, và nếu ông ta bằng lòng cho tôi gặp, ông ta sẽ gửi con dao to.

Tôi từ già ông thầy mo già sau khi nhận thấy da mặt và da cổ của ông nhăn nheo đến nhường nào. Cái miệng móm mém của ông chỉ còn có năm cái răng, ba ở hàm dưới và hai ở hàm trên, đều là răng cửa. Mắt ông, cũng hình quả hạnh nhân như tất cả những người Anh-điêng khác, có đôi mi húp đến mỗi khi nhắm lại thì làm thành hai cục thịt tròn. Ông ta không còn lông mày lông mi gì nữa, nhưng tóc thì vẫn đen và cứng, dài đến tận vai và được xén rất thẳng. Cũng như mọi người Anh-điêng, ở phía trước mặt ông có một bờm tóc cắt ngang lông mày.

Tôi ra về với một cảm giác ngượng ngịu vì đôi mắt đit lộ thiên. Tôi cảm thấy mình buồn cười quá. Thôi, đã vượt ngục thì đành phải thế. Không nên đùa với người Anh-điêng: vi phạm tục lệ của họ là không xong đâu. Muốn được tự do thì cũng phải chịu khó chấp nhận một vài điều bất tiện. Lali nhìn cái khó cười như nắc nẻ, phô hai hàm răng đẹp chẳng kém gì những viên ngọc trai mà cô vớt được, cô xem xét cái vòng đeo tay và cái khó thứ hai bằng da rắn. Để kiểm tra xem tôi đã được hun khói chưa, cô ngửi kỹ người tôi. Cũng xin mở ngoặc nói thêm rằng khứu giác của người Anh-điêng rất tinh. Tôi đã quen với cảnh sống này và nhận thấy không nên tiếp tục sinh hoạt quá lâu theo kiểu này, vì đến một lúc nào đó có thể người ta không còn muốn đi đâu nữa.

Lali thường xuyên quan sát tôi, cô mong cho tôi tham gia tích cực hơn cuộc sống chung của bộ lạc. Chẳng hạn cô đã trông thấy tôi đi đánh cá, cô biết rằng tôi chèo rất giỏi và điều khiển chiếc xuồng nhẹ một cách thành thạo. Từ đó đến chỗ muốn rằng chính tôi chèo xuồng cho cô đi vớt trai không có gì là xa. Nhưng tôi thì lại không muốn thế. Lali là người lặn giỏi nhất trong đám con gái làng này, bao giờ thuyền cô cũng vớt được nhiều trai hơn và cũng là những con trai to hơn, tức là nằm sâu hơn cả. Tôi lại biết

rằng người thanh niên Anh-điêng chèo thuyền cho cô là em trai của thủ lĩnh. Chèo thuyền của Lali thay cho anh ta tức là làm cho anh ta thiệt thòi, vậy tôi không được làm điều đó. Nhưng khi Lali thấy tôi tư lự, cô lại đi tìm em gái. Cô bé này mừng rỡ chạy đến và đi vào nhà bằng cái cửa dành cho tôi. Điều đó chắc phải có một ý nghĩa quan trọng. Thường hai người cùng đến một lúc trước cái cửa lớn quay ra biển. Đến đây mỗi người đi một phía: Lali đi một vòng rồi vào bằng cửa của mình, còn Zoraima đi vào cửa của tôi. Zoraima vú mới nhú, tóc cũng chưa dài, mái tóc cô cắt thành đường thẳng chấm xuống ngang cằm, cái bờm trên trán xuống quá lông mày, gần chấm đến mi. Mỗi lần Lali gọi em đến như vậy, cả hai chị em đều xuống biển tắm, rồi khi vào nhà họ đều cởi khó treo lên vông. Mỗi lần ở nhà chúng tôi ra về, cô bé lần nào cũng rất buồn vì tôi đã không lấy cô ta. Hôm trước, cả ba chúng tôi đang nằm trên vông, Lali đang nằm giữa thì chợt đứng dậy và khi nằm xuống thì lại nằm ra ngoài để cho tám thân trần truồng của Zoraima áp vào người tôi.

Người Anh-điêng thường chèo thuyền cho Lali bị thương ở đầu gối, đó là một vết đứt rất rộng và rất sâu. Mấy người đàn ông đã khiêng anh ta đến nhà ông thầy mo, và khi trở về, đầu gối anh được trát một lớp đất sét trắng. Vậy là sáng hôm ấy tôi phải chèo thuyền cho Lali đi vớt trai. Tôi cũng cho thuyền ra biển đúng như người kia vẫn làm những lần trước, và thao tác của tôi đã được thực hiện khá chính xác. Tôi đưa Lali ra xa hơn thường lệ một chút. Cô ta rạng rỡ vì vui sướng khi thấy chỉ có hai người đi cùng thuyền. Trước khi lặn cô xoa dầu lên người. Tôi nhìn xuống đáy biển đen ngòm, nghĩ rằng nước ở đây chắc phải lạnh lắm. Ba cái vây cá mập nhô lên trên mặt nước đi qua khá gần chỗ chúng tôi, tôi chỉ cho Lali xem, nhưng cô không thềm để ý. Lúc bảy giờ vào khoảng mười giờ sáng, trời nắng. Cái túi đựng ngọc trai quấn xung quanh cánh tay trái, con dao giắt vào bao da đeo rất chặt ở thắt lưng, Lali nhảy xuống nước mà không hề làm cho thuyền trông tránh như những người khác thường làm khi đập thuyền để lấy đà nhảy xuống. Cô lặn xuống đáy nước đen ngòm với một tốc độ khó lòng tưởng tượng nổi. Lần lặn đầu tiên này chắc chỉ để thăm dò, vì

trong túi thấy có ít trai. Tôi nảy ra một ý. Trên thuyền có một cuộn dây da rất lớn. Tôi buộc một đầu dây vào cái túi, đưa túi cho Lali và khi cô lặn xuống tôi tháo cuộn dây ra: sợi dây da theo cô xuống đến tận đáy. Chắc Lali đã hiểu ý tôi vì một lát sau cô ngoi lên, không đem theo cái túi. Tay bám vào thuyền để nghỉ sau chuyến lặn khá lâu này, cô ra hiệu cho tôi kéo cái túi lên. Tôi kéo, kéo nữa, nhưng đến một lúc nào đó thấy dây bị mắc kẹt, chắc là cái túi bị vướng vào san hô. Lali lặn xuống để gỡ nó ra, cái túi đầy được một nửa, tôi trút trai vào lòng thuyền. Sáng hôm ấy, sau tám lần lặn sâu mười lăm mét, chiếc thuyền đã gần đầy. Khi Lali leo lên thuyền, mép thuyền chỉ còn nhô lên trên mặt nước có hai phân. Khi tôi định kéo neo lên, chiếc thuyền chở quá nhiều trai suýt chìm nghỉm. Chúng tôi đành phải tháo dây neo ra buộc vào một cái chèo cho nó nổi lên bèngh tại chỗ để đánh dấu nơi thả neo rồi chèo thuyền vào. Chúng tôi vào bờ bình yên vô sự.

Bà già đang chờ chúng tôi, và anh chàng Anh-điêng thường đi với Lali cũng đang ngồi trên cát khô ở chỗ thường tách trai tìm ngọc. Anh ta rất hài lòng khi thấy số trai vớt được nhiều như vậy. Lali giảng giải cho anh ta hiểu cách làm của tôi: buộc cái túi vào dây để nguyên dưới đáy thì khi lên cô được nhẹ hơn, do đó tiết kiệm được thời gian, cho nên mới nhặt được nhiều trai hơn. Anh ta nhìn cái túi để xem tôi buộc như thế nào và xem xét rất kỹ cái nút buộc. Anh ta tháo nó ra và thử thắt lại như cũ: chỉ một lần anh ta đã thắt được ngay. Anh ta đưa mắt nhìn tôi có vẻ rất tự hào.

Mở hết chỗ trai ra, bà già lấy được mười ba viên ngọc, Lali thường ngày không bao giờ ở lại xem bà già làm việc này, mà về nhà ngay rồi đợi người ta đem phần của mình về, nhưng lần này thì cô ngồi lại cho đến khi mở con trai cuối cùng. Tôi ăn đến ba tá là ít, Lali thì chỉ ăn năm sáu con. Bà già chia phần chỗ ngọc trai vừa nhặt được. Mười ba viên gần bằng nhau, đều xấp xỉ to bằng hạt đậu Hà Lan. Bà già tách ra ba viên cho thủ lĩnh, ba viên cho tôi, hai viên cho bà ta, và năm viên cho Lali. Lali lấy ba viên phần tôi đưa cho tôi. Tôi cầm lấy và đưa cho người Anh-điêng bị thương. Anh ta không chịu lấy, nhưng tôi mở tay anh ta ra, giúi ngọc vào và bóp tay anh lại. Đến lúc ấy anh ta mới nhận. Vợ và con gái anh

ta này giờ im lặng ngồi cách đây một quãng nhìn chúng tôi, thấy thế liền cất tiếng cười mừng rỡ và đến nhập bọn với chúng tôi. Tôi giúp họ dìu anh ta về nhà. Cảnh này được lặp đi lặp lại trong gần hai tuần, lần nào tôi cũng giao lại phần ngọc của tôi cho người đàn ông Anh-điêng. Hôm qua tôi giữ lại một trong sáu viên ngọc thuộc phần của tôi. Về đến nhà tôi đã bắt Lali ăn nó. Lali phát cuồng lên vì vui sướng, ca hát suốt cả buổi chiều.

Thỉnh thoảng tôi lại đến gặp người Anh-điêng da nhợt. Anh ta bảo tôi gọi anh là Zorillo, tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là con cáo nhỏ. Anh ta nói với tôi là thủ lĩnh sai anh hỏi tôi xem thử tại sao tôi không xăm cho ông hình đầu hổ đi, tôi phân trần rằng sợ dĩ tôi chưa dám xăm vì tôi không biết vẽ cho thật giống cái đầu hổ của tôi. Vừa nói vừa tra từ điển, tôi yêu cầu anh ta kiếm cho tôi một tấm gương hình chữ nhật rộng bằng ngực tôi, một tờ giấy trong, một cái bút lông nhỏ nét và một lọ mực, một ít giấy than hay nếu không kiếm được chì một cây bút chì nét thật to và thật đậm. Tôi cũng nhờ anh ta kiếm một ít áo quần vừa khổ người tôi và cứ để ở nhà anh ta với ba cái áo sơ-mi ka-ki. Tôi được anh ta cho biết rằng cảnh sát có hỏi anh ta về tôi và Antonio. Anh ta đã nói với họ rằng tôi đã vượt núi sang Venezuela, còn Antonio thì bị rấn cán chết rồi. Anh ta cũng biết rằng mấy người Pháp vượt ngục hiện đang ở nhà tù Santa Marta.

Trong nhà Zorillo cũng có đủ những thứ đồ đặc linh tinh pha tạp như trong nhà ông thủ lĩnh: một đồng lớn những cái hũ bằng đất sét có vẽ những hoa văn được người Anh-điêng ưa chuộng, đó là những thứ đồ gốm rất nghệ thuật về hình dáng cũng như màu sắc và hoa văn; những cái vồng tuyệt đẹp bằng len thuần chất, cái thì trắng muốt, cái thì có màu sắc, có dải viền. Những tấm da rắn, da thằn lằn, da ếch ương, tấm nào cũng rất lớn và được thuộc kỹ; những cái giỏ đan bằng dây leo trắng hoặc nhiều màu. Anh ta nói rằng tất cả những vật ấy đều là sản phẩm của những bộ lạc Anh-điêng thuộc cùng một chủng tộc với bộ lạc của tôi nhưng lại sống trong rừng rậm cách đây hai mươi lăm ngày đường. Hơn hai mươi chiếc lá coca mà anh ta cho tôi cũng từ đây đến. Khi nào mỗi mẹt chán chương, tôi sẽ nhai một chiếc lá là thấy đỡ ngay. Tôi từ già

Zorillo và yêu cầu anh ta khi nào tiện thì đem tất cả những vật tôi đã kê và thêm vào đây mấy tờ báo hay tạp chí bằng tiếng Tây Ban Nha, vì với cuốn từ điển, trong hai tháng qua tôi đã học thêm được khá nhiều. Anh ta không có tin tức gì của Antonio, chỉ biết rằng vừa qua lại có một cuộc đụng độ giữa các đội canh phòng bờ biển với bọn buôn lậu. Năm người lính và một người buôn lậu đã bị giết, nhưng chiếc thuyền thì không bắt được. Chưa bao giờ tôi trông thấy một giọt rượu mạnh ở trong làng, nếu không kể thứ nước quả lên men mà tôi đã có lần nói đến. Trông thấy một chai rượu hồi trong nhà Zorillo, tôi hỏi xin anh ta. Anh ta từ chối. Nếu tôi muốn uống ở đây thì cứ uống, nhưng đem về thì anh ta không cho.

Cái anh bạch tạng này là một bậc hiền minh. Tôi từ già Zorillo và ra về với một con lừa mà anh ta cho tôi mượn để trở lại (anh ta cam đoan rằng đến mai nó sẽ tự tìm đường về nhà một mình). Tôi chỉ đem về một gói kẹo lớn đủ màu, mỗi cái kẹo đều bọc giấy mịn, và sáu mươi bao thuốc lá. Lali đợi tôi cách làng hơn ba cây số cùng với cô em gái. Cô không gây gổ gì cả và chịu đi bên cạnh tôi, chịu để cho tôi quàng lưng. Thỉnh thoảng cô đứng lại và hôn lên môi tôi theo kiểu văn minh. Về đến làng, tôi đến thăm ông thủ lĩnh và biếu ông gói kẹo với chỗ thuốc lá kia. Chúng tôi ngồi trước cửa ngôi nhà ông thủ lĩnh, quay mặt ra biển.

Chúng tôi uống nước quả lên men đựng trong những cái chum bằng đất nên lúc nào cũng mát. Lali ngồi ở bên phải tôi, hai tay ôm lấy đùi tôi, còn cô em ngồi ở bên trái, cũng với tư thế như vậy. Hai cô đều ngậm kẹo. Gói kẹo để mở trước mặt chúng tôi, đàn bà trẻ con trong nhà chốc chốc lại ra bóc mấy cái. Ông thủ lĩnh khẽ đẩy đầu Zoraima vào đầu tôi và ra hiệu cho tôi hiểu rằng cô ta muốn làm vợ tôi như Lali. Lali cầm lấy vú Zoraima ra hiệu nói rằng nó hơi nhỏ cho nên tôi mới không muốn lấy em gái cô. Tôi nhún vai, thế là mọi người cười rộ. Tôi thấy hình như Zoraima rất khổ sở. Tôi liền quàng tay quanh cổ cô, ôm cô vào lòng và vuốt ve đôi vú của cô: mặt Zoraima lập tức sáng bừng lên vì hạnh phúc. Tôi hút vài điếu thuốc lá. Mấy người Anh-điêng cũng thử hút xem sao, nhưng được vài hơi họ đã vứt đi để quay trở về với điếu thuốc

lá quần của họ, đầu có lửa ngậm trong miệng. Tôi đứng dậy chào mọi người rồi cầm tay Lali ra về. Lali đi sau tôi và Zoraima đi sau chị cô. Chúng tôi quạt lò than nướng mấy con cá thật to: món này bao giờ cũng làm thành cả một bữa tiệc ngon lành. Tôi vui vào than hồng một con tôm hùm nặng ít nhất hai cân. Chúng tôi lại ăn hết món này một cách ngon lành.

Tôi đã nhận được tấm gương, tờ giấy mịn và tờ giấy trong để đồ hình, một ống keo mà tôi không hề nhờ mua nhưng có thể có ích cho tôi, mấy cây bút chì than, lọ mực và cây bút lông. Tôi dùng một sợi dây treo tấm gương ngang tầm ngực tôi ở tư thế ngồi: Trong gương hiện ra rõ nét cái đầu hổ xăm trên mình tôi, với đủ các chi tiết. Lali và Zoraima tò mò nhìn tôi làm việc một cách đầy hứng thú. Tôi cầm bút lông đồ lại từng nét, nhưng vì mực cứ chảy xuống, tôi phải dùng đến keo, pha nó vào mực. Từ đây mọi sự đều ổn. Sau ba buổi làm việc như thế, mỗi buổi một tiếng đồng hồ, trên tấm gương đã có được một bản sao chính xác của cái đầu hổ.

Lali đã đi mời ông thủ lĩnh, Zoraima cầm hai tay tôi để lên ngực cô, cô có vẻ khổ sở và si mê, đôi mắt cô tràn đầy tình yêu và dục vọng đến nỗi tôi phải ôm lấy cô, và cũng chẳng hiểu rõ mình làm gì, tôi chiếm hữu thân xác cô ngay dưới đất, ở giữa nhà. Cô khẽ buông một tiếng rên, nhưng thân thể cô rướn thẳng lên vì khoái lạc và dính chặt vào tôi không chịu buông ra nữa. Tôi nhẹ nhàng gỡ ra rồi xuống bên tấm vì người tôi đầy đất. Zoraima đi theo tôi, và chúng tôi cùng tắm với nhau. Tôi kỳ lưng cho cô, cô xát hai chân vào hai tay tôi, rồi chúng tôi cùng về nhà. Lali đang ngồi ở chỗ chúng tôi vừa nằm với nhau, khi chúng tôi về thì cô đã hiểu hết. Cô đứng dậy quàng tay lên cổ tôi và âu yếm hôn tôi, rồi cô lấy cánh tay em gái và dìu nó đi ra bằng cửa của tôi, đoạn quay lại và ra bằng cái cửa dành riêng cho mình. Tôi nghe thấy những tiếng đập vách từ phía ngoài. Tôi ra thì trông thấy Lali, Zoraima và hai người đàn bà khác nữa đang dùng một thanh sắt để đục vách. Tôi hiểu rằng họ muốn khoét thêm một cái cửa thứ tư. Để cho vách khỏi nứt ra quá rộng, họ dùng cái bình tưới nước vào vách. Chỉ một lát sau cái cửa đã khoét xong. Zoraima xua những mảnh vỡ ra

ngoài. Từ nay trở đi một mình cô sẽ ra vào cái cửa này, cô sẽ không bao giờ dùng đến cửa của tôi nữa.

Ông thủ lĩnh đến cùng với ba người Anh-điêng và người em trai (vết thương ở chân anh này nay đã gần thành sẹo). Ông ta nhìn cái hình vẽ trên gương và nhìn bóng mình trong gương. Ông ta kinh ngạc và vui mừng khi thấy cái đầu hổ được vẽ đẹp như vậy và khi thấy mặt mình được phản chiếu trong gương. Ông ta không hiểu tôi định làm gì. Lúc bảy giờ mực đã khô, tôi đặt tấm gương lên bàn, để tờ giấy trong lên mặt gương và bắt đầu đồ lại. Công việc này rất dễ, chẳng mấy chốc mà xong. Cây bút chì sao lại đúng từng nét vẽ, không đầy một nửa giờ sau, trước khi đôi mắt đầy hứng thú của mọi người, tôi đã có được một hình vẽ cũng hoàn mỹ không kém gì nguyên bản. Mỗi người lần lượt cầm tờ giấy lên ngắm nghía, so sánh cái đầu hổ trên ngực tôi với cái đầu hổ trên tờ giấy. Tôi cho Lali nằm lên bàn, nhấp một ít nước lên bụng cô bằng một cái khăn ướt rồi đặt một tờ giấy than lên đấy và trên cùng là tờ giấy của hình vẽ. Tôi vẽ một vài đường, và sự kinh ngạc của mọi người lên đến cực độ khi họ thấy trên bụng của Lali hiện rõ một phần của hình vẽ. Mãi đến lúc ấy ông thủ lĩnh mới hiểu rằng bao nhiêu công sức của tôi này giờ là để làm vừa lòng ông ta.

Những con người không biết giả dối, vì chưa được qua một quá trình giáo dục của người văn minh, bao giờ cũng phản ứng một cách tự nhiên, cảm thụ như thế nào thì phản ứng như thế. Họ hài lòng hay bất mãn, vui hay buồn, thấy hứng thú hay đứng đưng đều là một cách tự phát và hồn nhiên. Tính ưu việt của những người Anh-điêng thuần nhất như mấy người Guajiros này thật rõ ràng. Họ vượt chúng ta về mọi mặt, vì khi họ đã thấm nạp một người nào vào khối cộng đồng của họ thì tất cả những gì họ có đều là của người ấy, và về phần họ, khi nhận được của người ấy một sự quan tâm dù nhỏ nhất đến đâu thì cái tâm hồn hết sức nhạy cảm của họ cũng xúc động sâu xa. Tôi đã quyết định vạch trước những nét chính bằng dao cạo để ngay trong buổi đầu tiên những đường viền của hình vẽ đã ăn hằn vào da. Sau đó tôi sẽ dùng ba cây kim đóng vào một cái que nhỏ xăm thêm vào những đường đã vạch rồi xăm tiếp những đường khác. Hôm sau tôi bắt tay vào việc.

Thủ lĩnh Zato nằm trên bàn. Sau khi đồ lại một lần nữa cái hình vẽ trên giấy mịn sang một tờ giấy trắng khác dai hơn, tôi dùng một cây bút chì cứng và một tờ giấy than in cái hình ấy lên da bụng ông. Lớp da này đã được bôi sẵn một lớp hồ loãng bằng đất sét trắng pha với nước, rồi để cho khô. Hình vẽ được in lên rất rõ, tôi để một lúc cho nó khô hẳn. Ông thủ lĩnh nằm yên trên bàn, người cứng đờ, không dám nhúc nhích, ngay cả cái đầu cũng không dám nghiêng qua nghiêng lại vì sợ làm hỏng cái hình vẽ mà tôi đã cho ông ta xem trong tấm gương. Tôi dùng dao cạo vạch tất cả các nét chính. Máu chỉ rỉ ra chút ít, rỉ ra đến đâu tôi lau đến đấy, khi tất cả những đường nét giấy than hằn lên đã được thay bằng những đường rạch mảnh màu đỏ, tôi lấy mực chàm bôi lên khắp ngực. Mực chỉ khó ăn ở những chỗ tôi rạch hơi mạnh, vì ở những chỗ ấy máu cứ làm cho mực không ngấm xuống được, còn nhìn chung thì hình vẽ nổi lên rất rõ và rất đẹp. Tám ngày sau Zato đã có cái đầu hổ trên ngực, mồm há to, với cái lưỡi màu hồng, bộ nanh trắng, cái mũi và bộ ria đen, và cả đôi mắt nữa. Tôi rất hài lòng về tác phẩm của mình: nó đẹp hơn cái đầu hổ của tôi, màu sắc tươi hơn. Khi vảy đã tróc hết tôi dùng kim châm lại một vài chỗ chưa được đậm. Zato hài lòng đến nỗi ông ta bảo Zorillo đặt mua sáu tấm gương phát cho mỗi nhà một tấm và hai tấm nữa cho nhà ông ta.

Những ngày, những tuần, những tháng lần lượt trôi qua. Bây giờ đã là tháng tư và như vậy tôi ở đây đã được bốn tháng. Sức khỏe tôi rất tốt. Cơ bắp tôi đều mạnh và đôi chân tôi đã quen đi đất cho nên có thể đi bộ rất xa mà không mệt trong những chuyến đi săn các giống thằn lằn lớn. Vừa rồi tôi quên không nói rằng sau buổi đi thăm ông thầy mo lần đầu tôi đã yêu cầu Zorillo kiếm cho tôi một ít thuốc i-ốt, một ít nước oxy một ít bông, mấy cuộn bông, mấy chục viên ký ninh và stovarsol. Đạo trước ở bệnh viện tôi đã thấy một người tù khổ sai có một cái mụn loét to không kém gì cái mụn của ông thầy mo. Tôi thấy Chatal, người y tá nghiền một viên stovarsol rồi rắc vào đấy. Zorillo đã đem các thứ đó đến cho tôi, lại tự động đưa thêm một ít thuốc mỡ nữa. Tôi đã gửi con dao gỗ nhỏ cho ông thầy mo, và ông ta đã trả lời bằng cách gửi con dao của

ông cho tôi. Tôi phải năn nỉ mãi và nói đi nói lại đủ cách ông ta mới chịu để cho tôi chữa. Nhưng tôi mới bôi thuốc được vài ba lần thì cái mụn đã thu hẹp lại chỉ còn một nữa, sau đó ông ta tiếp tục tự bôi thuốc lấy, rồi đến một ngày kia ông ta gửi cho tôi con dao gỗ lớn để tôi đến xem ông ta đã khỏi hẳn. Không bao giờ có ai biết rằng chính tôi đã chữa cho ông ta khỏi.

Hai cô vợ của tôi không buông tôi ra được một phút. Khi nào Lali đi vớt trai thì Zoraima ở nhà với tôi. Còn hễ Zoraima đi thì Lali ngồi chơi với tôi. Thủ lĩnh Zato sinh con trai. Khi chuyển bụng, vợ ông ra bãi biển chọn một tảng đá lớn để tránh ở phía sau cho đừng ai trông thấy, một bà vợ khác của Zato bưng cho bà một cái giỏ lớn đựng bánh nướng, nước ngọt và những tảng đường đen hai cân một. Chắc bà ta để vào lúc bốn giờ chiều, vì đến khi mặt trời lặn bà vừa reo vừa đi về phía làng, hai tay giơ cao đứa con. Trước khi bà ta về đến nơi thì Zato cũng đã biết rằng đó là một đứa con trai. Tôi đoán được rằng nếu đó là một đứa con gái thì bà vợ sẽ lẳng lặng bế con về, không reo hò gì cả, không giơ cao đứa con lên như vậy. Lali dùng điệu bộ giảng giải cho tôi hiểu điều đó. Người đàn bà Anh-điêng đi tới rồi dừng lại sau khi giơ cao đứa con lên. Zato dang hai tay ra phía trước và reo lên, nhưng vẫn đứng yên tại chỗ. Lúc bảy giờ người mẹ lại bước tới mấy thước nữa, lại giơ cao đứa con, reo lên rồi đứng lại. Zato lại reo và dang hai tay ra. Cứ như thế năm sáu lần trong khoảng ba bốn chục mét cuối cùng. Zato vẫn đứng yên ở ngưỡng cửa nhà mình. Ông ta đứng trước cái cửa lớn, và mọi người đều chen chúc ở hai bên. Người mẹ đứng lại khi chỉ còn năm sáu bước, bà ta giơ cao đứa con và reo lên. Lúc bảy giờ Zato tiến tới luôn hai tay dưới nách thằng bé, bế nó lên cao, rồi quay về phía đông reo ba tiếng và giơ nó lên ba lần. Rồi ông ta đặt thằng bé ngồi trên cánh tay phải, cho nó nằm ngang trên ngực, cho đầu nó chui vào nách mình rồi lấy cánh tay trái che nó. Xong ông ta đi vào cửa lớn mà không quay lại. Mọi người đều vào theo, người mẹ vào sau cùng. Có bao nhiêu nước quả lên men đều đem ra cho mọi người uống hết.

Suốt cả tuần ấy, từ sáng đến chiều người ta tưới nước vào khoảng đất ở trước mặt nhà của thủ lĩnh Zato, rồi cả đàn ông lẫn

đàn bà đến giẫm chân cho đất dễ xuống. Rốt cuộc họ có được một cái sân hình tròn rất rộng bằng đất sét nện chặt. Ngày hôm sau họ dựng một cái lều lớn bằng da bò, và tôi đoán biết sắp có hội hè đến nơi. Dưới lều da họ bày hơn hai mươi cái chum lớn bằng đất nung rồi rót nước quả lên men vào. Họ đặt những phiến đá xếp thành hàng lối và xung quanh chất những đồng cui, khô có, xanh có, mỗi ngày một chất cao thêm. Trong số cui đó có một phần lớn đã được biến tấp vào từ lâu, nay đã khô, trắng và nhẵn.

Có những thân cây rất lớn đã được kéo từ biển lên không biết từ bao giờ: Trên các phiến đá họ đã dựng hai cái cọc phía trên chĩa đôi cao bằng nhau: đó là hai cột trụ của một cái lò quay khổng lồ. Bốn con rùa lật ngửa, hơn ba mươi con thần lằn khổng lồ hãy còn sống, móng chân bị bắt chéo vào nhau không chạy đi đâu được, hai con cừu: cả đàn hy sinh vật ấy đang chờ người ta làm thịt. Ngoài ra còn có ít nhất là hai ngàn cái trứng rùa biển.

Một buổi sáng nọ có khoảng mười lăm người cưỡi ngựa đến, tất cả đều là người Anh-điêng, cổ đeo vòng, đội mũ rơm vành rất rộng, đóng khố, chân, đùi và mông để trần, mình mặc áo không tay bằng da cừu lộn trái. Ai nấy đều giắt một con dao găm lớn ở thắt lưng, có hai người đeo súng săn hai nòng, người cầm đầu có một khẩu các bin tự động và mặc một chiếc áo vét rất đẹp, ống tay bằng da đen, thắt một cái nịt giắt đầy đạn. Ngựa họ cưỡi rất đẹp, nhỏ nhưng hăng, con nào lông cũng màu xám có đốm trắng. Trên mông ngựa đều có buộc một bó cỏ khô. Từ xa họ đã báo hiệu cho mọi người biết họ đến bằng những phát súng, nhưng vì họ phi nước đại cho nên vừa nghe tiếng súng đã thấy họ đến nơi ngay. Vị thủ lĩnh của đoàn người này giống Zato và em trai ông một cách kỳ lạ, tuy có lớn tuổi hơn. Xuống ngựa, vị thủ lĩnh ấy đi thẳng về phía Zato và hai người chạm tay vào vai nhau. Vị khách đi vào nhà một mình, Zato theo sau, rồi lại đi ra, trên tay bế thẳng bé mới đẻ. Ông ta giơ nó ra cho mọi người trông rõ, rồi làm những cử chỉ giống như Zato đã làm hôm trước: sau khi đưa nó về hướng mặt trời mọc, ông ta dấu nó dưới nách và che cánh tay trái lên, rồi đi vào nhà. Bảy giờ tất cả những người cưỡi ngựa đều nhảy xuống đất, buộc ngựa cách đấy một quãng, bó cỏ khô treo lưng lửng ở cổ từng con.

Vào khoảng giữa trưa một tốp đàn bà Anh-điêng đi trên một cái xe lớn có bốn ngựa kéo, vào làng. Người đánh xe là Zorillo. Trên xe có cả thảy đến hai mươi người đàn bà, đều còn trẻ, và bảy tám đứa bé đều là con trai.

Trước khi Zorillo đến, tôi đã được giới thiệu với cả đoàn người cưỡi ngựa, bắt đầu từ vị thủ lĩnh. Zato chỉ cho tôi để ý thấy ngón chân út bên trái của ông ta bắt chéo lên trên ngón thứ tư. Em trai ông ta cũng thế, và vị thủ lĩnh mới đến cũng lại như vậy. Sau đó ông ta lại chỉ cho tôi thấy rằng phía dưới cánh tay của mỗi người đều có một thớ nốt ruồi đen giống nhau. Tôi hiểu rằng người khách mới đến là anh ruột của thủ lĩnh làng tôi. Những hình xăm trên người Zato được mọi người ngắm khía khen ngợi, nhất là cái đầu hổ.

Tất cả những người đàn bà Anh-điêng mới đến đều có hoa văn đủ các màu sắc vẽ khắp người, chỉ trừ khuôn mặt. Lali khoác những chuỗi san hô vào cổ mấy người đàn bà, và những chuỗi vỏ ốc vào cổ mấy người khác. Tôi để ý đến một người đàn bà Anh-điêng rất đẹp, cao hơn những người khác vốn có tầm vóc trung bình. Cô ta có những đường nét của một người đàn bà ý trông nghiêm giống như một bức phù điêu trên mặt những chiếc mề-day mà người ta thường đeo ở cổ. Tóc cô ta màu đen có ánh tím, mắt màu cẩm thạch, rất to, với đôi hàng mi rất dài và đôi mày cong rất đẹp. Tóc cô ta cắt theo kiểu Anh-điêng, phía trước có bờm xén thẳng, phía trên có đường ngôi ở giữa chia mái tóc ra làm hai phần rũ xuống hai bên tai. Mái tóc được cắt rất thẳng ở khoảng giữa cổ. Đôi vú bằng cẩm thạch gần sát nhau ở phía góc mở ra hai bên một cách hài hòa.

Lali giới thiệu tôi với cô ta và dắt cô ta về nhà chúng tôi cùng với Zoraima và một cô gái Anh-điêng khác rất trẻ mang theo mấy cái cốc gỗ và một bó bút lông. Số là mấy người đàn bà mới đến này có nhiệm vụ vẽ hoa văn cho phụ nữ trong làng. Tôi được chứng kiến cái công trình nghệ thuật mà cô gái xinh đẹp kia thực hiện trên người Lali và Zoraima. Bút lông của họ làm bằng một que gỗ có gắn một dúm len ở đầu. Cô gái chấm nó vào mấy cái cốc đựng thuốc màu để vẽ. Tôi cũng lấy cây bút lông của tôi ra, và bắt đầu

từ rón Lali, tôi vẽ một cây hoa có hai cánh đi lên hai bờ vú, rồi vẽ những cánh hoa màu hồng trên hai vú, còn đầu vú thì tôi bôi vàng. Trông như một bông hoa hé nở, ở giữa có nhụy vàng. Ba cô con gái kia muốn tôi vẽ cả cho họ nữa. Việc này tôi phải hỏi Zorillo. Anh ta đến và nói rằng một khi họ đã bằng lòng thì tôi muốn vẽ gì cho họ cũng được cả. Tôi đã lâm vào một tình thế thật đặc biệt. Suốt hơn hai tiếng đồng hồ tôi phải vẽ màu lên bụng và vú của tất cả các cô Anh-điêng, khách cũng như chủ. Zoraima nhất định đòi tôi vẽ thật giống như Lali. Trong khi đó, dân làng đã quay xong mấy con cừu và nướng thịt hai con rùa đã được đã được xẻ ra từng miếng. Thịt của nó đỏ tươi giống như thịt bò, trông rất ngon lành.

Tôi được ngồi gần Zato và bố ông ta ở dưới lều. Đàn ông ăn một bên, đàn bà ăn bên kia, không kể những người bưng dọn thức ăn cho chúng tôi. Đám hội kết thúc bằng một thứ điệu vũ, khi đã khá khuya. Để đệm cho điệu vũ, một người đàn ông Anh-điêng thổi một cây sáo bằng gỗ phát ra những âm thanh cao hơi đơn điệu và đánh lên hai cái trống bằng da cừu. Có nhiều người, cả đàn ông lẫn đàn bà, say rượu, nhưng không thấy xảy ra chuyện gì khó coi. Ông thầy cũng cười lừa đến dự. Ai cũng nhìn cái sẹo màu hồng đã thay thế cho cái mụn sâu quảng mà mọi người đều biết rõ. Họ đều lấy làm ngạc nhiên khi thấy nó đã khỏi. Chỉ có Zorillo và tôi là biết rõ ngọn ngành, Zorillo giảng giải cho tôi biết rằng thủ lĩnh của bộ lạc đến dự hội là ông bố của Zato, thường được gọi là Justo, có nghĩa là Công Bằng. Ông ta là người chuyên xử các vụ tranh chấp giữa những người thuộc các bộ lạc khác nhau trong chủng tộc Guajiros. Anh ta cũng nói cho tôi biết rằng khi có chuyện xích mích với người Iapus, một chủng tộc Anh-điêng khác, hai bên họp lại để bàn xem sẽ mở cuộc chiến tranh với nhau hay dàn xếp với nhau. Khi một người Anh-điêng bị một người thuộc chủng tộc khác giết chết, họ có thể tránh được chiến tranh bằng cách thỏa thuận với nhau là kẻ giết người bồi thường cho bộ lạc có người bị giết. Nhiều khi của bồi thường có thể lên tới hai trăm con bò, vì các vùng núi và chân núi, bộ lạc nào cũng nuôi được rất nhiều bò. Đáng tiếc là họ không bao giờ tiêm chủng bò để phòng ngừa bệnh sốt lở mồm và các bệnh dịch thường làm chết rất nhiều súc vật.

Zorillo cho rằng tình hình đó cũng có mặt tốt, vì nếu không có những thứ bệnh ấy thì số súc vật sẽ quá nhiều. Bò của người Anh-diêng không được đem bán công khai ở Colombia hay ở Venezuela, mà chỉ được đổi chác quanh quẩn trong phạm vi lãnh thổ Anh-diêng, vì người ta sợ bệnh sốt lở mồm sẽ lan vào hai xứ này. Nhưng, vẫn theo Zorillo, trong vùng núi người ta buôn lậu gia súc rất nhiều. Vị khách của bộ lạc thủ lĩnh Công Bằng nhờ Zorillo bảo tôi đến thăm ông ta trong làng của bộ lạc do ông đứng đầu. Làng này hình như có đến một trăm mái nhà. Ông ta bảo tôi cùng đến với Lali và Zoraima, ông ta sẽ cho một nếp nhà riêng, và dặn tôi đừng đem gì theo vì ở đây tôi có đủ các thứ cần dùng, chỉ cần mang theo những dụng cụ xăm hình để xăm cho ông ta một cái đầu hổ. Ông ta tháo cái nịt gân bằng da đen thắt ở cổ tay ra tặng tôi. Theo Zorillo thì đó là một cử chỉ có ý nghĩa quan trọng cho biết rằng ông ta là bạn của tôi và trước những ý muốn của tôi ông ta sẽ không đủ sức từ chối. Ông ta hỏi tôi xem tôi có muốn có một con ngựa không, tôi trả lời là có nhưng tôi không dám nhận vì ở đây hầu như không có cỏ. Ông ta liền nói rằng Lali hay Zoraima mỗi khi cần có thể đến cắt cỏ ở một nơi chỉ cách làng tôi nửa ngày đi ngựa, ông ta chỉ rõ cách đi đến nơi ấy và nói thêm rằng ở đây cỏ tốt và ngon. Tôi đành nhận con ngựa mà ông nói là chỉ ít nữa ông sẽ gửi đến cho tôi

Nhân dịp Zorillo ở lại đây khá lâu, tôi nói rằng tôi tin anh ta và hy vọng rằng anh ta sẽ không phản bội tôi khi tôi cho anh biết ý định đi Venezuela. Anh ta liền nói rõ cho tôi biết những mối nguy hiểm của những vùng nằm trong khoảng ba mươi cây số hai bên biên giới. Theo những tài liệu của dân buôn lậu thì phái Venezuela nguy hiểm hơn phía Colombia. Mặt khác, bản thân anh ta có thể đưa tôi đi về phía Colombia gần đến tận Santa Marta, và nói thêm rằng tôi đã từng đi qua đường này, và theo anh ta thì đi Colombia có lợi hơn. Anh ta bằng lòng giúp tôi kiếm một cuốn từ điển khác hay tốt hơn là những cuốn sách học tiếng Tây Ban Nha trong đó có những câu mẫu. Theo anh ta nếu tôi tập giả vờ nói cà lăm thật dữ thì sẽ rất có lợi vì khi nghe tôi nói người ta sẽ sốt ruột và sẽ tự nói nốt những câu dở dang mà không để ý đến cách phát âm lơ lớ của tôi. Thế là chúng tôi đã nhất trí: anh ta sẽ mua cho tôi mấy cuốn

sách, một tấm bản đồ càng chi tiết càng tốt và khi cần sẽ đảm đương việc giúp tôi bán ngọc trai để lấy tiền Colombia. Zorillo giải cho tôi hiểu rằng người Anh-điêng, bắt đầu từ ông thủ lĩnh, chỉ có thể tán thành quyết định ra đi của tôi, vì một khi tôi đã muốn thế, họ sẽ lấy làm tiếc nhưng cũng sẽ hiểu rằng tôi tìm cách trở về với đồng chủng là lẽ tự nhiên. Cái khó là Zoraima và nhất là Lali. Cả hai người, nhất là Lali, đều rất có thể bắn chết tôi. Mặt khác, Zorillo cũng cho tôi biết một điều mà tôi không ngờ: Zoraima đã có thai. Trước đó tôi không để ý, cho nên nghe nói như vậy tôi rất kinh ngạc.

Hội hè đã kết thúc, khách khứa đã ra về, cái lều da bò đã được tháo gỡ, mọi việc trở lại như cũ, ít nhất là bề ngoài. Tôi đã nhận được con ngựa của thủ lĩnh Justo tặng, một con tuần mã màu xám có đốm trắng, đuôi dài sát đất, bờm màu xám bạch kim rất đẹp. Lali và Zoraima chẳng bằng lòng chút nào, và ông thầy mo có cho gọi tôi đến để nói cho tôi biết rằng Lali và Zoraima có hỏi ông ta xem thử nếu họ cho con ngựa ăn thủy tinh đâm vụn cho nó chết đi thì họ có bị sao không. Ông thầy mo đã trả lời hai cô là không được làm như thế vì tôi được một ông thần Anh-điêng nào đó che chở cho nên nếu hai cô bỏ thủy tinh vụn vào thức ăn của ngựa thì chỗ thủy tinh đó tức khắc sẽ chui vào bụng hai cô. Ông ta nói thêm rằng theo ông không có gì đáng sợ về phía họ nữa, nhưng điều đó cũng không chắc hoàn toàn. Tôi phải coi chừng. Còn về phần tôi thì sao? Không sao cả, ông ta nói thế. Nếu hai cô thấy tôi sửa soạn ra đi thật, quá lắm họ cũng chỉ có thể giết tôi bằng một phát súng, nhất là Lali. Liệu tôi có thể tìm cách thuyết phục họ để họ cho tôi đi, hứa rằng tôi nhất định sẽ trở lại không? Tôi ký, không bao giờ được để cho họ thấy rằng tôi muốn ra đi.

Ông thầy mo đã nói được cho tôi hiểu tất cả những điều: đó đúng hôm ấy ông ta cho gọi cả Zorillo đến làm thông ngôn. Tình hình rất nghiêm trọng cho nên phải đề phòng hết cách, Zorillo kết luận như vậy. Tôi về nhà. Zorillo cũng về bằng một con đường khác - (khi đến đây, anh ta cũng đã giữ ý đi một con đường khác hẳn con đường của tôi). Trong làng không có ai biết là Zorillo lên chỗ ông thầy mo cùng một lúc với tôi.

Đã sáu tháng trôi qua, và tôi rất nóng lòng muốn ra đi. Có một hôm đi đâu về, tôi bắt gặp Lali và Zoraima lom khom trên tấm bản đồ. Hai cô đang cố đoán xem những hình vẽ ngoằn ngoèo trên tờ giấy kia là cái gì. Hai cô ngại nhất là cái hình có những mũi tên chỉ ra bốn phương trời. Rốt cục họ chẳng hiểu gì nhưng vẫn đoán rằng tờ giấy này có một cái gì rất hệ trọng đối với cuộc đời của vợ chồng chúng tôi. Bụng Zoraima đã bắt đầu to lên khá rõ. Lali hơi ghen và bắt tôi phải làm tình vào bất cứ giờ nào không kể ngày hay đêm, hễ có nơi thuận tiện một chút là được. Zoraima cũng đòi làm tình, nhưng may thay, chỉ ban đêm thôi. Tôi đã đến thăm thủ lĩnh Công Bằng, ông của Zato. Cả Lali và Zoraima cũng cùng đi với tôi. Rất may là hôm trước tôi đã giữ lại hình vẽ đầu hổ, cho nên bây giờ tôi có thể dùng nó để đồ lên ngực ông thủ lĩnh. Trong sáu ngày việc xăm hình đã xong, vì lớp vảy đầu đã tróc rất nhanh sau khi ông ta rửa ngực bằng nước có bỏ chút vôi sống. Justo hài lòng đến nỗi mỗi ngày ông soi gương đến mấy lần. Trong khi tôi còn ở đấy thì Zorillo đến. Với sự đồng ý của tôi, anh ta nói chuyện với thủ lĩnh về dự định của tôi, vì tôi muốn ông đổi cho tôi con ngựa. Ngựa của người Guajiros màu xám có đốm trắng không hề có ở Colombia, nhưng ông thủ lĩnh có ba con ngựa hồng, vốn là ngựa xứ Colombia. Biết được ý định của tôi, ông ta cho người đi bắt ngựa ngay. Tôi chọn một con có vẻ điềm tĩnh nhất ông ta liền ra lệnh đóng yên, lắp bàn đạp và một cái hàm thiếc, vì ngựa của họ không có yên, và hàm thiếc chỉ là một khúc xương. Sau khi đã trang bị tôi theo kiểu Colombia, thủ lĩnh đặt vào tay tôi sợi dây cương bằng da nâu, rồi trước mặt tôi ông ta đếm cho Zorillo ba mươi chín đồng tiền vàng mỗi đồng ăn một trăm pesos. Zorillo có nhiệm vụ giữ số tiền này để trao lại cho tôi khi tôi ra đi. Ông ta muốn tặng tôi khẩu các-bin Winchester tự động của ông ta, nhưng tôi từ chối. Vả lại Zorillo cũng đã nói rằng tôi không thể mang vũ khí vào Colombia được. Lúc bảy giờ thủ lĩnh Công Bằng đưa cho tôi hai mũi tên dài bằng ngón tay bọc trong một cái túi da nhỏ. Zorillo nói cho tôi biết rằng những mũi tên này đã được tẩm một thứ thuốc độc rất mạnh và rất quý.

Zorillo chưa bao giờ thấy mà cũng chưa bao giờ có những mũi tên tẩm thuốc độc. Anh ta có nhiệm vụ giữ mấy mũi tên này cho đến khi tôi lên đường. Tôi không biết làm thế nào để bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với lòng tốt tuyệt vời của thủ lĩnh Công Bằng. Ông ta nói tôi qua Zorillo rằng ông ta biết được ít nhiều về cuộc đời tôi và tôi nghĩ rằng cái phần mà ông ta chưa biết chắc phải phong phú lắm, vì dưới mắt ông tôi là một con người hoàn hảo; ông ta nói lại rằng đây là lần đầu tiên trong đời ông được biết rõ về một người da trắng, trước kia ông coi tất cả những người da trắng như là những kẻ thù, nhưng từ nay ông sẽ quý mến họ và tìm cách biết thêm một người nữa giống như tôi. Ông nói:

- Anh hãy nghĩ cho kỹ trước khi lên đường đi đến một vùng đất có nhiều kẻ thù của anh và rời bỏ vùng đất này, nơi mà anh chỉ có những người bạn.

Ông ta lại nói rằng Zato và bản thân ông sẽ trông nom Lali và Zoraima, rằng đứa con của Zoraima bao giờ cũng sẽ có được một vị trí vinh hiển trong bộ lạc (nếu nó sẽ là con trai, dĩ nhiên). Ông nói tiếp:

- Tôi thì tôi chẳng muốn anh ra đi. Nếu anh ở lại, tôi sẽ cho anh cô gái xinh đẹp mà anh đã gặp trong ngày hội. Đó là một đứa con gái tốt, và nó cũng yêu anh. Nếu vậy anh có thể ở lại đây với tôi. Anh sẽ có một ngôi nhà lớn và muốn có bao nhiêu bò cũng được.

Tôi từ giã con người tuyệt vời đó và trở về làng. Suốt dọc đường, Lali không nói một câu nào. Cô ngồi sau lưng tôi, trên con ngựa hồng. Cái yên cà vào đùi làm cho cô đau, nhưng cô vẫn không hé răng. Zoraima chung ngựa với một người Anh-điêng. Zorillo trở về làng anh ta bằng một con đường khác. Ban đêm trời hơi lạnh. Tôi mặc cho Lali chiếc áo vét bằng da cừu mà thủ lĩnh Công Bằng mới cho tôi. Cô cứ để mặc, không nói lấy một lời, không biểu lộ một cảm xúc gì. Người cô im như pho tượng. Cô cứ để cho tôi mặc áo vào người, chỉ thế thôi. Ngựa chạy có xóc nhiều, cô cũng không ôm lưng tôi để ngồi cho vững. Về đến làng, trong khi tôi ghé chào Zato, cô dắt ngựa về trước, buộc dây cương vào cột nhà, ném một bó cỏ

trước mặt nó, không tháo yên, không tháo hàm thiếc. Tôi ngồi với Zato đến một tiếng đồng hồ rồi về nhà.

Khi nào buồn, người Anh-điêng, nhất là phụ nữ, có một gương mặt trầm ngâm, kín như bưng, không một thớ thịt nào cử động, đôi mắt chìm đắm trong nỗi buồn nhưng lại không bao giờ khóc. Họ có thể rên rỉ, nhưng họ không khóc. Đang nằm, tôi trở mình vô tình chạm phải bụng Zoraima lần nữa. Cái vồng này mắc rất thấp. Tôi nằm xuống thì cảm thấy có ai chạm vào nó. Tôi giả vờ ngủ. Lali ngồi trên một súc gỗ và im lặng nhìn tôi không nhúc nhích. Một lát sau tôi lại cảm thấy sự có mặt của Zoraima: cô có thói quen bóp nát mấy bông hoa cam rồi xát lên người, cho nên da cô có một mùi thơm rất riêng biệt. Những bông hoa ấy cô thường mua từng túi nhỏ của một người đàn bà Anh-điêng thỉnh thoảng vẫn ghé vào làng. Khi tôi thức dậy hai cô vẫn ngồi ở đấy, im lìm bất động. Mặt trời đã lên, lúc ấy vào khoảng tám giờ. Tôi dẫn hai người ra bãi biển và nằm xuống lớp cát khô. Lali và Zoraima đều ngồi cạnh tôi. Tôi vuốt lên đôi vú và lên bụng Zoraima, nhưng cô vẫn lạnh như băng. Tôi kéo Lali nằm xuống và hôn cô, nhưng cô mím chặt môi lại. Người chèo thuyền đã đến đợi Lali. Chỉ nhìn gương mặt của cô thôi, anh ta cũng hiểu ngay và lảng đi nơi khác. Tôi thành thật xót xa nhưng tôi chẳng biết làm cách nào, chỉ biết ôm ấp vuốt ve họ để cho họ thấy rõ tôi yêu họ. Họ vẫn chẳng nói không rằng. Chỉ nghĩ đến cuộc sống của họ sau khi tôi ra đi, tôi cũng đã thấy rồi bởi cả ruột gan trước nỗi đau lớn lao của họ. Lali muốn làm tình ngay cho bằng được. Cô hiến thân cho tôi một cách hầu như tuyệt vọng. Vì nguyên do gì? Nguyên do chỉ có thể có một: cô sao có thai với tôi. Sáng hôm ấy, lần đầu tiên tôi trông thấy một cử chỉ ghen tuông của Lali đối với Zoraima. Lúc bấy giờ tôi đang vuốt ve cái bụng và đôi vú của Zoraima còn cô thì cắn nhẹ vào tóc tai tôi. Chúng tôi đang nằm trên bãi biển ở một nơi kín gió trên cát mịn. Lali đi tới, cầm lấy cánh tay em, rồi vuốt lên cái bụng hơi phồng lên của cô em, rồi lại vuốt lên cái bụng phẳng và trơn của mình. Zoraima lập tức đứng dậy nhường chỗ cho chị bên cạnh tôi, vẻ như muốn nói: chị có lý.

Hai cô ngày nào cũng làm hết món này đến món nọ cho tôi ăn, nhưng hai cô thì chả ăn gì hết. Đã ba ngày rồi họ không ăn gì. Tôi thắng ngựa và suýt phạm một sai lầm nghiêm trọng, sai lầm đầu tiên kể từ hơn năm tháng nay: tôi định đến thăm ông thầy mo mà không chờ được phép. Giữa đường tôi chợt nhớ ra, nên không dám vào thẳng mà chỉ đi qua đi lại cách lều ông ta khoảng hai trăm mét. Ông ta đã trông thấy tôi và ra hiệu gọi tôi đến. Tôi tìm cách làm cho ông ta hiểu rằng Lali và Zoraima không chịu ăn nữa. Ông ta cho tôi một cái hạt gì giống như hạt dẻ, dặn tôi bỏ vào chum nước ngọt trong nhà. Tôi về nhà và bỏ cái hạt vào cái chum lớn. Hai cô đã uống nước nhiều lần mà tôi vẫn chẳng thấy họ ăn gì cả. Lali không đi vớt trai nữa. Hôm nay, sau bốn ngày nhịn đói hoàn toàn, cô đã làm một việc thật là điên rồ: cô đã bơi ra biển cách bờ gần hai trăm mét và đem ba mươi con sò về cho tôi ăn. Nỗi tuyệt vọng căm lạng của họ làm cho tôi hoang mang đến nỗi tôi cũng không ăn được nữa. Tình trạng này đã kéo dài được sáu ngày. Lali phải nằm, người cô hâm hấp sốt. Trong sáu ngày trời cô chỉ mút nước vài quả chanh, ngoài ra chẳng có gì nữa. Zoraima ăn mỗi ngày một lần vào giữa trưa. Tôi không còn biết làm thế nào nữa.

Hôm đó tôi ngồi cạnh Lali. Lali nằm trên một chiếc võng mà tôi đã gấp lại trải xuống đất thành một thứ nệm, mắt cô nhìn đắm đắm lên mái nhà, người cô bất động. Tôi nhìn Lali rồi lại nhìn Zoraima với cái bụng cộm lên, rồi cũng chẳng hiểu rõ tại sao, nước mắt tôi trào ra: tôi khóc. Khóc cho bản thân, hay khóc cho họ? Ai mà biết được! Tôi khóc, nước mắt chảy ròng ròng trên hai má. Zoraima thấy thế liền cất tiếng rên rỉ, lúc bấy giờ Lali ngoảnh lại và thấy mặt tôi giàn giụa nước mắt. Cô đứng phắt dậy, đến ngồi vào lòng tôi, rên khe khẽ. Cô ôm hôn tôi và vuốt ve tôi. Zoraima quàng một cánh tay lên vai tôi, Lali thì bắt đầu nói những gì không rõ, vừa nói vừa rên rỉ. Zoraima đáp lại, hình như cô trách móc chị. Lali lấy một cục đường đen to bằng nắm tay bỏ vào nước khuấy trước mặt tôi và uống hai hớp hết sạch. Rồi cô cùng ra ngoài với Zoraima, tôi nghe thấy tiếng họ dắt ngựa ra, và đến khi tôi ra thì đã thấy nó được thắng yên cương đầy đủ, dây cương buộc vào

dầu yên. Tôi đem theo cái áo da cừu cho Zoraima, và Lali đặt lên yên một cái vông gấp lại. Zoraima lên ngựa trước, ngồi sát cổ con ngựa, tôi ngồi giữa và Lali ngồi sau. Lúc bấy giờ tôi hoang mang đến nỗi ra đi chẳng chào ai mà cũng chẳng báo cho thủ lĩnh biết.

Lali kéo dây cương, vì tôi tưởng họ định đi đến nhà ông thầy mo nên đã cho ngựa đi về hướng ấy. Hóa ra không phải, Lali kéo dây cương rồi nói: “Zorillo”. Chúng tôi đi gặp Zorillo, Lali ngồi bám vào thắt lưng tôi thật chặt, mấy lần hôn vào cổ tôi. Tôi thì tay trái cầm cương còn tay phải tôi vuốt ve Zoraima của tôi. Chúng tôi đến làng Zorillo vừa đúng lúc anh ta từ Colombia trở về với ba con lừa và một con ngựa chở rất nặng. Chúng tôi vào nhà. Lali nói trước, rồi Zoraima.

Và đây là những điều Zorillo đã nói lại cho tôi hiểu: kể cho đến khi trông thấy tôi khóc, Lali đã tưởng rằng tôi là một con người Da trắng không hề coi cô ta ra gì. Lali biết rằng tôi sắp ra đi, nhưng tôi giả dối như con rắn vì tôi không bao giờ chịu nói gì hay làm gì cho cô hiểu điều đó. Cô ấy nói rằng cô thất vọng vô cùng, vì cô vẫn nghĩ rằng một người như cô có thể làm cho một người đàn ông hạnh phúc được. Cô nghĩ rằng một người đàn ông được thỏa mãn thì không bao giờ lại bỏ đi, rằng sau một sự đổ vỡ trầm trọng như vậy không còn lý do gì để cho cô tiếp tục sống nữa. Zoraima cũng nói đại loại như vậy, và thêm vào đấy lại còn lo rằng con trai cô đẻ ra sẽ giống như bố nó: một con người chẳng biết nói năng, ăn ở dối trá và đòi hỏi ở vợ mình những chuyện khó làm đến nỗi, mặc dầu sẵn sàng hy sinh tính mạng cho chồng, họ cũng không tài nào hiểu được tại sao tôi lại muốn xa lánh cô ấy như thể cô ấy là con chó đã cắn tôi hôm tôi mới đến? Tôi trả lời:

- Lali ạ, nếu bố em ôm, em sẽ làm gì?
- Em sẽ đi trên chông gai để đến săn sóc bố.
- Nếu người ta săn đuổi em như một con thú để giết em, thì đến cái ngày mà em có thể chống trả được em sẽ làm gì?
- Em sẽ đi tìm kẻ thù của em khắp mọi nơi, để chôn nó xuống thật sâu, sâu đến nỗi nó không còn có thể nhúc nhích trong cái lỗ chôn nó được nữa.

- Làm xong tất cả những việc đó, em sẽ làm gì nếu em có hai người vợ tuyệt vời đang đợi em?

- Em sẽ cưới ngựa trở về.

- Đó là điều mà anh sẽ làm, chắc chắn như vậy.

- Thế nếu khi anh trở về em đã già và xấu thì sao?

- Anh sẽ về từ lâu trước khi em già và xấu.

- Phải, nước trong mắt anh đã chảy ra: như vậy là anh không bao giờ có thể cố tình xa lánh chúng em. Cho nên bây giờ anh muốn ra đi lúc nào em cũng bằng lòng, nhưng anh phải đi giữa ban ngày, trước mặt mọi người, chứ không phải ra đi vụng trộm như thằng ăn cắp. Anh phải ra đi đúng như anh đã đến đây, đúng vào giờ ấy, ăn mặc chỉnh tề. Anh phải nói rõ người nào được anh giao nhiệm vụ trông nom chúng em đêm ngày. Zato là vị thủ lĩnh của chúng em, nhưng phải có một người nữa trông nom chúng em. Anh phải nói cho mọi người nghe rằng nhà này vẫn là nhà của anh, rằng không có một người đàn ông nào trừ con trai anh nếu trong bụng Zoraima là một đứa con trai, không có một người đàn ông nào có quyền bước chân vào nhà anh. Vậy Zorillo phải đến đây vào ngày anh ra đi. Để nói lại cho mọi người nghe tất cả những điều anh cần nói.

Chúng tôi đã ngủ lại nhà Zorillo. Đêm ấy là một đêm dịu ngọt và êm ái lạ thường. Những tiếng thì thầm và những âm thanh êm dịu phát ra từ miệng hai đứa con gái của thiên nhiên ấy có những âm hưởng ái ân mạnh mẽ và sâu xa đến nỗi tôi rung động đến tận đáy lòng. Cả ba chúng tôi cùng cưới ngựa trở về làng, đi rất thong thả để nương nhẹ cái bụng của Zoraima. Tôi phải ra đi đúng vào ngày thứ chín sau khi bắt đầu tuần trăng, vì Lali muốn cho tôi biết chắc cô đã có mang chưa. Tuần trăng trước, cô không thấy kinh nguyệt. Lali sợ mình có thể nhầm, nhưng nếu tuần trăng này lại không thấy nữa thì như thế có nghĩa là một đứa con đã bắt đầu phôi thai trong mình cô. Zorillo sẽ đem theo tất cả các thứ áo quần tôi sẽ mặc: tôi sẽ mặc các thứ ấy vào sau khi đã nói chuyện với dân làng với tư cách đầy đủ của một người dân Guajiro. Nghĩa là trong bộ trang phục của dân tộc - cái khố. Trước

đấy một hôm, chúng tôi sẽ phải cùng đến gặp ông thầy mo, cả ba người. Ông ta sẽ nói cho chúng tôi biết là trong nhà phải để ngỏ cái cửa của tôi hay phải đóng nó lại. Vì phải nương nhẹ cái bụng của Zoraima, chúng tôi cho ngựa đi trên đường về một cách chậm chạp. Tuy vậy, chuyến đi này không có gì buồn bã. Hai cô vợ của tôi thà biết rõ sự thật còn hơn là bị bỏ lại trong một tình thế không minh bạch và chịu đựng những tiếng chê cười của đàn bà và đàn ông trong làng. Khi Zoraima sinh con, cô sẽ chọn một người chèo thuyền để đi mò trai, cô sẽ cố gắng mò thật nhiều ngọc để dành cho tôi.

Lali cũng sẽ đi mò trai nhiều hơn trước để có công việc làm cho đỡ buồn. Tôi rất tiếc là đã không học tiếng Guajiro: tôi chỉ biết được mười lăm tiếng là cùng. Giá tôi chịu khó học, tôi có thể nói với Lali và Zoraima biết bao nhiêu điều cần nói, nhất là những điều không thể nói qua một người phiên dịch. Chúng tôi đã về đến làng. Việc đầu tiên cần phải làm là đến gặp Zato để xin lỗi vì vừa rồi ra đi không nói gì với ông. Zato cũng cao thượng như cha ông. Tôi chưa kịp nói thì ông đã đặt bàn tay lên cổ tôi và nói “Uilu (anh im đi)”. Còn mười hai ngày nữa sẽ có trăng non. Cộng thêm tám ngày tôi phải đợi nữa là hai mươi ngày: đến ngày thứ hai mươi một tôi sẽ lên đường.

Tôi xem lại bản đồ, dự định thay đổi một vài chi tiết trong cách đi qua các làng mạc, vừa xem vừa nghĩ lại những điều mà thủ lĩnh Công Bằng đã nói với tôi. Để có nơi nào tôi sẽ được sung sướng hơn ở đây, nơi mà mọi người đều yêu quý tôi? Hay là tôi sẽ tự mình chuốc lấy tai họa khi trở về với thế giới văn minh?

Tương lai sẽ trả lời cho tôi biết.

Ba tuần ấy đã trôi qua như một giấc mơ kỳ ảo. Lali đã có đủ bằng chứng để biết chắc rằng cô có mang: thế là sẽ có hai hay ba đứa trẻ đợi tôi về. Sao lại ba? Lali nói với tôi rằng mẹ cô đã hai lần đẻ sinh đôi. Chúng tôi đã đến gặp ông thầy mo. Không, không được đóng cửa. Chỉ lấy một cành cây chắn ngang cửa là đủ. Cái vông mà ba chúng tôi thường nằm phải đem căng lên trần nhà. Lali và Zoraima lúc nào cũng phải cùng đi ngủ một lúc vì hai cô bây giờ

chỉ là một. Rồi ông ta bảo chúng tôi ngồi quanh ngọn lửa, bỏ một nắm lá xanh vào và hun khói chúng tôi hơn mười phút. Xong đâu đấy chúng tôi về nhà chờ Zorillo đến. Ngay tối hôm ấy anh ta đến thật. Chúng tôi đốt một đồng lửa ở phía trước, và dân làng đến ngồi xung quanh nói chuyện với chúng tôi suốt đêm. Thông qua Zorillo, tôi nói với mỗi người một đôi lời thân ái, và người ấy cũng đáp như thế. Khi mặt trời mọc tôi lui vào nhà với Lali và Zoraima.

Suốt ngày hôm sau chúng tôi quấn quít bên nhau. Zoraima ôm lấy tôi để cảm thấy rõ hơn là tôi đang ở trong cô, Lali quấn quanh tôi như một sợi dây leo, tôi như bị đóng chặt vào cô... Đến chiều là giờ ra đi. Tôi nói với thủ lĩnh thông qua Zorillo:

- Thừa thủ lĩnh Zato vị tù trưởng lớn của cái bộ lạc đã tiếp nhận tôi và đã cho tôi tất cả, tôi buộc lòng phải thưa với thủ lĩnh rằng thủ lĩnh cần cho phép tôi đi xa bộ lạc trong nhiều tuần trăng.

- Tại sao anh lại muốn xa rời các bạn anh?

- Tại vì tôi cần phải đi trừng phạt những kẻ đã săn đuổi tôi như một con thú. Nhờ thủ lĩnh, tôi đã có nơi nương náu trong làng này, tôi đã được sống hạnh phúc, ăn uống no đủ, có được những người bạn cao quý, hai người vợ đã đưa ánh nắng vào lòng ngực tôi. Nhưng tất cả những điều đó không thể biến một người đàn ông như tôi thành một con thú khi đã gặp được một nơi ẩn nấp ấm cúng thì cứ nằm lại đấy suốt đời vì sợ phải đau khổ nếu rời chỗ ấy lên đường đấu tranh. Tôi đi tìm những kẻ thù của tôi để đối chọi với chúng, đi tìm người cha già đang cần đến tôi. Ở đây tôi để lại linh hồn của tôi, tôi để lại những đứa con nẩy mầm từ tình yêu thương của chúng tôi. Nếp nhà tranh của tôi là của họ và của những đứa con tôi khi chúng ra đời.

Tôi hy vọng rằng nếu có ai quên điều đó thì thủ lĩnh Zato sẽ nhắc cho họ nhớ. Tôi yêu cầu là ngoài sự trông nom riêng của thủ lĩnh, thủ lĩnh còn cho một người đàn ông tên là Usli đêm ngày bảo vệ gia đình tôi. Tôi đã yêu thương tất cả các bạn rất nhiều và tôi sẽ mãi mãi yêu thương các bạn. Tôi sẽ làm hết sức mình để chóng trở về đây. Nếu tôi chết trong khi làm tròn bổn phận, những ý nghĩ cuối cùng của tôi sẽ hướng về các người, Lali, Zoraima và các con

tôi, và hướng về các người, những người dân làng Anh-điêng Guajiro, là gia đình của tôi

Tôi trở vào nhà, Lali và Zoraima vào theo, Tôi mặc áo quần: sơ-mi và quần ka-ki, đi tất và giày cao cổ. Rất lâu tôi đã ngoảnh lại nhìn kỹ từng chi tiết cái làng thơ mộng nơi tôi đã sống qua sáu tháng. Cái bộ lạc Guajiro mà người ta kính sợ, mà các bộ lạc khác cũng như người da trắng đều kiêng dè, đối với tôi đã là một bến bờ yên tĩnh để nghỉ ngơi, một nơi nương tựa không gì sánh nổi để tránh khỏi sự độc ác của con người. Tôi đã tìm thấy ở đây tình yêu, sự thanh bình và sự tôn quý. Xin từ biệt những người Guajiro, những người Anh-điêng hoang dã của bán đảo Colombia - Venezuela này, và xin Thượng đế phù hộ cho các người. Thật may là cái lãnh thổ rộng lớn của các người không thuộc hẳn về một quốc gia nào và thoát khỏi sự xâm nhập của hai nền văn minh kề cận. Cách sống hoang dã và cách tự vệ hồn nhiên của các người đã dạy cho tôi một điều rất quan trọng cho tương lai: thà làm một người Anh-điêng hoang dã còn hơn làm một ông cử nhân luật.

Xin từ biệt Lali và Zoraima, hai người đàn bà tuyệt vời với những phản ứng thật gần gũi với thiên nhiên, không hề biết tính toán, những con người hoàn toàn hồn nhiên tự phát, vào lúc chia tay, bằng một cử chỉ giản dị đã bỏ vào một cái túi vải nhỏ tất cả những viên ngọc trai đang có trong nhà. Tôi sẽ trở về, đó là điều chắc chắn, không thể nào khác được. Bao giờ? Như thế nào?

Tôi không biết, nhưng tôi tự hứa là sẽ trở về.

Cuối buổi chiều hôm ấy, Zorillo lên ngựa, và chúng tôi đi về phía Colombia. Tôi đội một cái mũ rơm. Tôi đi bộ, tay cầm cương dắt con ngựa đi bên cạnh. Tất cả những người dân trong làng, không trừ một ai, đều đưa cánh tay trái lên che mặt và dang cánh tay phải về phía tôi. Cử chỉ đó họ dùng để nói với tôi rằng họ không muốn nhìn thấy tôi ra đi vì điều đó quá đau lòng, và tay họ dang ra là để giữ tôi lại. Lali và Zoraima đi theo tôi trong khoảng gần một trăm mét. Tôi tưởng họ sắp ôm hôn tôi, nhưng bỗng nhiên họ rống lên một tiếng và bỏ chạy thẳng về nhà, không quay lại.

V. TRỞ VỀ THẾ GIỚI VĂN MINH

- Nhà tù Santa Marta

Ra khỏi lãnh thổ của vùng Guajira thuộc người Anh-điêng không có gì khó, chúng tôi vượt qua các đồn biên phòng Lavela bình yên vô sự. Tất cả đoạn đường dài mà tôi và Antonio phải chạy mất bấy nhiêu ngày mới đi hết, thì bây giờ đi ngựa mất có hai ngày. Nhưng không phải chỉ có các đồn biên phòng kia là nguy hiểm: ngoài ra còn có một dải đất hơn một trăm hai mươi cây số kéo dài đến Rio Haeha, cái làng mà tôi đã bỏ trốn.

Có Zorillo bên cạnh, tôi đã làm cuộc thí nghiệm đầu tiên về cách dùng tiếng Tây Ban Nha trong khi nói chuyện trong một thứ quán có bán thức uống và thức ăn, với một người thường dân Colombia. Kết quả không đến nỗi tồi, và như Zorillo đã nói cho tôi hiểu, tật nói lắp nặng có tác dụng rất nhiều khi người ta muốn dấu giọng điệu và cách nói của người ngoại quốc. Chúng tôi lại lên đường đi Santa Marta. Theo dự kiến, Zorillo sẽ chia tay với tôi ở giữa đường và quay trở lại đúng sáng hôm nay.

Zorillo đã chia tay với tôi. Chúng tôi đã quyết định là anh ta sẽ đưa con ngựa của tôi về. Vì có một con ngựa tức là có nơi ăn chốn ở, là định cư trong một làng nhất định và do đó rất có thể rơi vào cái tình thế phải trả lời những câu hỏi phiền phức: “Anh ở lại X, vậy có biết ông Mỗ không? ông lý trưởng làng anh tên là gì? Bà Y hiện nay ra sao? Hiện nay ai làm ở trạm?”.

Không, tốt hơn là tôi đi bộ, rồi đi xe buýt hay xe tải và đến Santa Marta thì có thể đi xe lửa. Đối với mọi người tôi sẽ là một người “forastero” (một người ở nơi khác đến), đang đi kiếm việc nơi này nơi nọ, ở đâu có việc thì làm và làm bất cứ việc gì.

Zorillo đã đổi cho tôi ba đồng tiền vàng, mỗi đồng ăn một trăm pesos. Anh ta lại cho tôi một ngàn pesos. Một người thợ giỏi

kiếm được từ tám đến mười pesos mỗi ngày, vậy với số tiền kia tôi có thể sống được khá lâu.

Tôi đã lên một chiếc xe vận tải đang đi đến một nơi rất gần Santa Marta, một hải cảng khá lớn, cách nơi Zorillo chia tay với tôi quãng một trăm hai mươi cây số. Chiếc xe này đến đây để chở dê hay sơn dương gì đấy tôi cũng không rõ. Cứ cách sáu hay mười cây số lại có một cái quán là nơi nào cũng vậy. Anh lái xe cứ trông thấy quán xuống xe và mời tôi vào. Anh ta thì mời còn tôi thì trả tiền. Và mỗi lần như thế anh ta lại uống năm sáu cốc rượu rất mạnh. Tôi thì chỉ giả vờ uống một cốc. Xe đi được dăm chục cây số anh ta đã say khướt. Anh ta say đến nỗi đi lạc, lái xe vào một đoạn đường bùn lầy: xe bị sa lầy không ra được nữa. Thế mà anh lái xe người Colombia kia không hề nao núng: anh ta leo lên thùng xe nằm và bảo tôi lên ca- bin mà ngủ. Tôi chẳng còn biết làm thế nào nữa. Còn đến bốn mươi cây số mới đến Santa Marta. Có anh ta thì tôi đỡ phải trả lời những câu hỏi của những người tình cờ gặp giữa đường, và tuy xe hay dừng lại như vậy, đi xe vẫn cứ nhanh hơn đi bộ.

Khoảng gần sáng tôi quyết định ngủ một giấc. Khi tôi thức dậy đã gần bảy giờ sáng. Một chiếc xe chở đồ có hai con ngựa kéo đi đến. Chiếc xe tải đồ giữa đường làm cho nó không đi qua được. Họ đánh thức tôi dậy, tưởng tôi là người lái xe vì tôi nằm trong ca- bin. Tôi nói cà lăm, giả bộ làm người ngủ say mới giật thót thức dậy chẳng biết mình đang ở đâu nữa.

Anh lái xe cũng thức dậy và bàn cãi với người đánh xe ngựa. Loay hoay mãi vẫn không sao đưa chiếc xe tải ra khỏi đoạn đường lầy. Bùn ngập đến tận trục bánh xe, chẳng còn biết làm thế nào được. Trên chiếc xe ngựa kéo kia có hai nữ tu sĩ mặc đồ đen, đầu đội mũ xơ, và ba đứa con gái nhỏ. Sau nhiều lần bàn cãi, hai người đàn ông thỏa thuận được với nhau là sẽ phát quang những bụi rậm ở bên đường để cho chiếc xe kia qua được chỗ mắc nghẽn dài khoảng hai mươi mét.

Mỗi người cầm một chiếc “machete” (một con dao phát thường dùng để chặt mía, đi đường ai cũng cầm một cái) họ chặt

tất cả những gì có thể làm vướng xe, còn tôi thì cố hướng dẫn cái xe đi hướng nào cho đỡ lặn bánh vào những chỗ còn rậm và những chỗ có thể lún xuống bùn. Khoảng hai giờ sau, chiếc xe ngựa kéo đã có thể đi tiếp. Chính vào lúc ấy hai bà xơ, sau khi cảm ơn tôi, hỏi xem tôi đi đâu. Tôi nói: “Santa Marta”

- Thế thì sao lại đi đến đường này, phải quay trở lại với chúng tôi. Chúng tôi sẽ đưa ông về gần đến Santa Marta, chỉ cách tám cây số nữa thôi.

Tôi không thể từ chối được, vì làm như thế sẽ có vẻ không bình thường. Mặt khác tôi cũng định nói rằng tôi muốn ở lại với người lái xe tải để giúp anh ta, nhưng muốn thế phải nói rất dài, cho nên tôi đành nói:

“Graeias, gracias (cảm ơn, cảm ơn)”.

Thế là tôi ngồi ở phía sau cái xe có hai con ngựa kéo cùng với ba con bé; hai cô tu sĩ thì ngồi trên chiếc ghế dài bên cạnh người đánh xe.

Chiếc xe lên đường, và chúng tôi đã đi đủ nhanh để vượt qua cái khoảng năm sáu cây số bùn lầy mà chiếc xe tải đã đi nhằm vào. Ra đến đường cái, xe bắt đầu chạy khá nhanh và đến khoảng giữa trưa chúng tôi dừng lại cạnh một cái quán để ăn trưa. Ba đứa bé và người đánh xe ngồi ở một bàn, còn hai cô nữ tu sĩ và tôi ngồi ở bàn bên cạnh. Hai cô đều còn trẻ, từ hai mươi lăm đến ba mươi tuổi là cùng. Da họ rất trắng.

Một cô người Tây Ban Nha còn cô kia người ái Nhĩ Lan. Cô nữ tu ái Nhĩ Lan hỏi khế tôi.

- Ông không phải là người ở đây, phải không?

- Có chứ, tôi là người ở Baranquilla.

- Không, ông không phải là người Colombia, tóc ông vàng thế... còn nước da ông thâm màu chẳng qua vì rám nắng. Ông từ đâu đến?

- Từ Rio Hacha.

- Ở đây ông làm gì?

- Thợ điện.

- À! Tôi có một người bạn ở Công ty điện lực, tên là Perez, người Tây Ban Nha. Ông có quen ông ta không?

- Thế thì thích quá.

Ăn xong, hai nữ tu sĩ đứng dậy đi rửa tay, rồi cô người ái Nhĩ Lan trở lại một mình. Cô nhìn tôi rồi nói bằng tiếng Pháp:

- Tôi không tổ giác ông đâu, nhưng chị bạn của tôi nói là chị ấy đã trông thấy ảnh của ông trên báo. Ông là người tù Pháp đã vượt ngục khỏi nhà tù Hacha phải không?

Tôi mà chối thì tình hình sẽ còn nghiêm trọng hơn.

- Phải, ma soeur ạ. Tôi van ma soeur đừng tổ giác tôi. Tôi không phải là người xấu như người ta đăng trên báo đâu. Tôi là người vốn kính yêu Chúa.

Cô nữ tu người Tây Ban Nha trở ra, cô kia liền nói “đúng”. Cô người Tây Ban Nha trả lời một câu gì rất nhanh tôi không hiểu. Hai cô có vẻ như đang suy nghĩ điều gì. Họ đứng dậy rồi lại vào phòng rửa tay. Trong khoảng năm phút họ vắng mặt, tôi phản ứng rất nhanh. Phải bỏ đi trước khi họ trở lại, hay cứ ngồi đây? Nếu họ định tổ giác tôi thì cũng thế thôi, vì nếu tôi bỏ đi thì người ta sẽ tìm ra tôi khá nhanh. Vùng này không có một Selva (rừng) rậm, và những lối đi ra các con đường cái đưa về thành phố sẽ được kiểm soát ngay. Tôi quyết định là sẽ phó thác cho số phận: cho đến ngày hôm nay, tôi chưa đến nỗi quá rủi ro.

Hai cô nữ tu đã trở lại, cả hai đều tươi cười. Cô người ái Nhĩ Lan hỏi tên tôi.

- Enrique.

- Thế thì ông Enrique ạ, ông sẽ cùng đi với chúng tôi về tu viện, cách Santa Marta tám cây số. Ngồi cùng xe với chúng tôi, dọc đường ông không phải sợ gì cả. Ông đừng nói, mọi người sẽ tưởng ông là người làm công trong tu viện.

Hai cô nữ tu sĩ trả tiền ăn cho cả nhóm. Tôi mua một tút thuốc lá mười hai bao và một cái bật lửa. Chúng tôi lại lên đường.

Suốt dọc đường hai cô nữ tu không nói gì với tôi nữa, và tôi rất biết ơn họ về sự tế nhị đó. Làm như vậy người đánh xe sẽ không nhận thấy tôi nói tiếng Tây Ban Nha không sõi. Cuối buổi trưa xe dừng lại cạnh một cái quán lớn. Ở đây có một chiếc xe buýt đỏ, trên xe thấy đề: “Rio Hacha - Santa Marta”.

Tôi thấy muốn lên xe này. Tôi liền nói với cô nữ tu người ái Nhĩ Lan là tôi có ý định dùng chiếc xe buýt này.

- Nguy hiểm lắm, - cô nói, - vì trước khi đến Santa Marta có ít nhất hai trạm cảnh sát kiểm tra giấy “cedula” (căn cước) của người đi đường, nhưng ngòi xe của chúng tôi thì không bị hỏi đâu.

Tôi cảm ơn cô một cách nhiệt thành, và nỗi lo âu của tôi từ khi bị họ phát hiện đã hoàn toàn tan biến. Tôi gặp được hai cô nữ tu tốt bụng này thật là cực kỳ may mắn. Quả nhiên chập tối chúng tôi đi ngang một đồn cảnh sát (“alcabale”). Một chiếc xe buýt đi từ Santa Marta đến Rio Hacha đang bị cảnh sát kiểm tra. Tôi nằm ngửa trên chiếc xe ngựa, cái mũ rơm úp lên mặt, giả vờ ngủ. Một trong ba đứa bé, tuổi chừng lên tám, đang gói đầu vào vai tôi ngủ thật sự. Khi chiếc xe đi ngang, người đánh xe ghìm ngựa lại đứng vào giữa chiếc xe buýt và đồn cảnh sát.

- Como estan por qui? (ở đây khỏe cả chứ?) - cô nữ tu người Tây Ban Nha nói.

- Muy bien, Hermana (Khỏe lắm ma soeur ạ).

- Me alegro, vamonos, muchanos (Tôi rất mừng, chúng mình đi thôi).

Thế là chúng tôi điềm nhiên đi tiếp.

Đến mười giờ tôi lại gặp một đồn cảnh sát nữa, thấp đèn sáng trưng: Hai bên đường có hai dãy xe đang đứng đợi, đủ các thứ xe, thứ gì cũng có. Một dãy từ bên phải, dãy của chúng tôi từ bên trái. Cảnh sát đang mở các thùng xe nhìn vào phía trong. Tôi trông thấy họ bắt một người đàn bà xuống xe, bà ta đang lục tìm giấy tờ trong túi xách. Rốt cục bà ta bị đưa vào đồn, chắc vì không có cedula. Trong trường hợp đó thì chẳng còn biết làm thế nào. Các cỗ xe lần lượt đi qua. Vì có hai dãy xe cho nên không thể vượt hàng

được. Chúng tôi đành đợi. Tôi thấy mình nguy mất rồi. Phía trước chúng tôi là một cái xe buýt rất nhỏ chật ních hành khách. Trên mui xe có nhiều va-li và bó lớn, ở phía sau cũng có một thứ lưới to đựng đầy những bó đồ đạc. Bốn viên cảnh sát xua hành khách xuống. Xe chỉ có một cửa ra ở phía trước. Đàn ông và đàn bà lần lượt xuống xe. Có mấy bà bế con. Rồi họ lại lên xe từng người một.

- Cedula Cedula?

Mỗi hành khách đều rút ra một tấm thẻ có dán ảnh đưa cho cảnh sát xem. Chưa có lần nào Zorillo nói với tôi về việc này. Giá tôi biết trước, có lẽ tôi có thể tìm cách kiếm một tấm thẻ căn cước giả. Tôi nghĩ rằng nếu chuyện này mà qua được, tôi sẽ trả với bất cứ giá nào để kiếm lấy một cedula trước khi đi từ Santa Marta đến Baranquilla, một thành phố rất lớn trên bờ Đại Tây Dương: hai trăm năm mươi ngàn dân, - cuối từ điển có ghi như vậy.

- Trời ơi, sao họ kiểm soát chiếc xe buýt kia lâu đến thế! Cô nữ tu người ái Nhĩ Lan ngoảnh lại nói với tôi: “Cứ yên tâm, Enrique ạ”. Tôi lập tức thấy oán giận câu nói bất cần này, chắc chắn là người đánh xe đã nghe thấy.

Đã đến lượt xe của chúng tôi tiến vào khu vực đèn chiếu sáng trung kia. Tôi đã quyết định ngồi dậy. Tôi thấy nằm có thể gây ấn tượng là tôi có ý trốn tránh. Tôi ngồi tựa lưng vào máy tấm ván tháo ra tháo vào được ở sau xe và nhìn về phía lưng hai nữ tu sĩ. Người ta chỉ có thể nhìn nghiêng vào mặt tôi, tôi lại đội mũ trùm thụp trên đầu, nhưng đã chú ý đừng kéo vành mũ xuống quá thấp.

- Como estan todos por qui? (ở đây các ông khỏe cả chứ?) - cô nữ tu người Tây Ban Nha lại hỏi.

- May bien, Hermans. Y como viajan tan tarde? (Thưa các xơ rất khỏe~ Sao các soeur đi đường muộn thế?).

- Por una urgencia, por eso no me dentengo. Osmos muy apuradas (Có việc rất gấp, thành thử xin các ông đừng làm chúng tôi muộn thêm. Chúng tôi đang vội lắm).

- Vayanse con Dios, Hermanas (Xin các xơ lên đường có Chúa phù hộ).

- Gracias, hijos. Que Dios les proteja (Cám ơn anh em. Xin Chúa phù hộ tất cả).

- Amen - mấy người cảnh sát nói.

Thế là chúng tôi điềm nhiên đi qua, chẳng bị ai xét hỏi gì cả. Những phút hồi hộp vừa qua hình như đã gây chứng đau bụng cho hai cô nữ tu nhân hậu, vì đi được một trăm thước thì hai cô bảo cho xe dừng lại rồi xuống xe đi khuất vào trong rừng một lát.

Chúng tôi lại lên đường. Tôi lấy thuốc ra hút. Tôi xúc động đến nỗi khi cô người ái Nhĩ Lan lên xe, tôi nói: “Cám ơn ma soeur”.

Cô nói với tôi: “Không có chi, nhưng vừa rồi chúng tôi sợ đến nỗi trong bụng rối loạn cả lên”.

Vào khoảng nửa đêm chúng tôi về đến tu viện. Tường cao, cổng lớn, Người đánh xe dắt ngựa về cho ăn, còn cái xe cùng với ba đứa con gái được đưa vào phía trong tu viện. Trên bậc thềm, một cuộc tranh luận rất hăng nổ ra giữa bà nữ tu gác cửa và hai cô nữ tu của tôi. Cô người ái Nhĩ Lan nói với tôi rằng cô không thể đánh thức bà Mẹ Bề Trên để xin phép cho tôi ngủ lại trong tu viện. Đến đây tôi phân vân không biết quyết định như thế nào. Lẽ ra tôi phải nhanh chóng lợi dụng tình hình này để rút lui và đi bộ đến Santa Marta, vì tôi biết chỉ còn có tám cây số.

Về sau, sai lầm này tôi đã phải đền bằng bảy năm khổ sai.

Cuối cùng, khi đã đánh thức được bà Mẹ Bề Trên, người ta cất cho tôi một căn buồng ở tầng thứ ba. Nhìn ra cửa sổ tôi có thể trông thấy ánh đèn của thành phố. Tôi phân biệt được cả ngọn hải đăng và những chiếc đèn hiệu của tàu thủy đậu ở cảng. Một chiếc tàu rất lớn đang rời cảng.

Tôi ngủ thiếp đi, và khi người ta đến đập cửa buồng thì mặt trời đã mọc. Đêm vừa qua tôi mơ thấy một giấc chiêm bao khủng khiếp. Lali mở bụng ra trước mặt tôi và đứa con của chúng tôi rơi ra từng mảng một. Tôi cạo râu rửa mặt thật nhanh, rồi mặc áo quần xuống nhà dưới. Ở chân cầu thang, cô nữ tu người ái Nhĩ Lan đón tôi, trên môi thoáng một nụ cười:

- Chào ông Henri. Ông ngủ có ngon không?

- Thưa ma soeur rất ngon.

- Xin mời ông đến văn phòng Mẹ Bề Trên. Mẹ muốn gặp ông.

Chúng tôi bước vào văn phòng. Một người đàn bà đang ngồi sau bàn giấy. Một gương mặt hết sức nghiêm khắc của một người trạc năm mươi tuổi hay hơn nữa, đang nhìn tôi bằng đôi mắt đen không có chút gì thân thiện.

- Senor, sa ba usted hablar espanol? (ông có biết nói tiếng Tây Ban Nha không?)

- Muy po co (rất ít).

- Bueno, la Hermana va servir de interprete (được, nữ tu sĩ đây sẽ làm thông ngôn).

- Nghe nói ông là người Pháp?

- Thưa Mẹ vâng.

- Ông đã vượt ngục ra khỏi nhà tù Rio Hacha?

- Thưa mẹ vâng.

- Khoảng bảy tháng.

- Trong thời gian ấy anh làm cái gì?

- Tôi ở với người Anh-điêng.

- Cái gì? ông mà ở với người Guajiros? Không thể tin được, những con người mọi rợ ấy chưa bao giờ cho ai ở trên lãnh thổ của họ. Chưa có một nhà truyền giáo nào lọt vào nổi, ông có thể tưởng tượng được không. Tôi không chấp nhận câu trả lời của ông. Vừa qua ông ở đâu? Ông nói thật đi.

- Thưa Mẹ, tôi ở với người Anh-điêng, và tôi có bằng chứng về việc này.

- Bằng chứng gì?

- Một số ngọc trai do họ vớt được.

Tôi tháo cái túi cài vào giữa lưng áo vét của tôi và đưa cho bà Mẹ Bề Trên. Bà ta mở túi, thò tay vào bốc ra một nắm hạt trai.

- Có bao nhiêu viên?

- Tôi không biết ạ, có lẽ khoảng năm sáu trăm gì đấy

- Đây không phải là một bằng... chứng. Có thể là ông đã lấy trộm của một nơi khác.

- Thưa Mẹ, để cho lương tâm của Mẹ được thanh thản, nếu Mẹ vui lòng tôi sẽ xin ở lại đây trong một thời hạn để Mẹ có thể xác minh xem có một vụ mất trộm ngọc trai nào mới xảy ra hay không. Tôi có tiền. Tôi có thể trả tiền ăn ở. Tôi xin hứa là tôi sẽ không đi đâu ra khỏi buồng cho đến ngày Mẹ quyết định cho tôi đi.

Bà tu sĩ nhìn tôi trừng trừng. Tôi nghĩ ngay, chắc bà ta tự nhủ: “Thế nếu anh trốn đi thì sao? Anh đã từng vượt ngục, mà ở đây thì dễ trốn hơn nhiều”

- Tôi xin để lại túi ngọc trai nhờ Mẹ giữ dùm. Đây là tất cả tài sản của tôi. Tôi biết rằng nó nằm trong những bàn tay đáng tin cậy.

- Thôi được, cứ như thế. Không, ông không cần phải tự giam hãm trong buồng. Buổi sáng và buổi chiều ông có thể xuống vườn trong khi các nữ tu sĩ đang ở nhà thờ. Ông sẽ ăn dưới nhà bếp cùng với mấy người làm công.

Qua cuộc tiếp kiến này, tôi yên tâm được một nửa. Khi tôi sắp trở lên buồng, cô nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan dẫn tôi xuống nhà bếp. Một chén cà phê sữa lớn, một khoanh bánh mì đen rất tươi và một ít bơ. Cô nữ tu chứng kiến bữa ăn sáng của tôi không nói một lời, và cứ đứng trước mặt tôi, không ngồi xuống. Cô có chiều lo lắng.

Tôi nói:

- Cám ơn ma soeur vì tất cả những gì mà ma soeur đã làm cho tôi.

-Lẽ ra tôi muốn làm nhiều hơn thế, nhưng từ bây giờ trở đi tôi không còn làm gì được nữa, anh bạn Henri!

Nói đoạn cô ra khỏi nhà bếp.

Ngồi bên cửa sổ, tôi nhìn ra phía thành phố, hải cảng, lại nhìn ra biển. Những cánh đồng ở xung quanh được chăm bón rất

tốt. Tôi không sao thoát ra khỏi cái cảm giác là mình đang lâm nguy. Cảm giác đó mạnh đến nỗi tôi quyết định ngay đêm nay sẽ trốn đi. Thôi không cần đến mấy viên ngọc trai kia nữa, bà ta cứ việc giữ lấy cho tu viện hay cho cá nhân bà ta cũng được, cái bà Mẹ Bề trên ấy. Bà ta không tin tôi. Và lại chắc tôi không nhầm, vì làm sao bà lại không nói được tiếng Pháp trong khi bà là người Catalonge, lại là Mẹ Bề trên của một tu viện, tức là người rất có học: thật hiếm có. Kết luận: tôi nay tôi sẽ bỏ đi.

Phải, chiều nay tôi sẽ xuống sân để xem có thể trèo qua tường ở chỗ nào. Khoảng một giờ trưa, có tiếng gõ cửa:

- Ông Henri, mời ông xuống ăn.

- Cám ơn, tôi xuống ngay.

Ngồi xuống bàn ăn trong nhà bếp, tôi vừa mới động đến món thịt trộn với khoai tây luộc thì cánh cửa mở toang, bốn viên cảnh sát mặc đồ trắng, tay cầm súng trường, và một viên hạ sĩ quan tay cầm súng lục hiện ra.

- No tè mueve, o te mao! (Ngồi im không thì chết ngay!)

Viên hạ sĩ quan khóa tay tôi lại. Cô nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan thét lên một tiếng rất lớn và ngắt đi. Hai bà nữ tu đang ở trong bếp vội vực cô ta lên.

- Vamos (Đi)!, hấn nói, rồi cùng tôi đi lên buồng.

Cái tay nải của tôi bị mở ra lục soát. Họ tìm thấy ngay ba mươi sáu đồng tiền vàng ăn một trăm peso, nhưng lại bỏ qua cái túi da đựng hai mũi tên độc. Chắc họ tưởng đó là hai cây bút chì. Với một vẻ đắc chí không hề giấu giếm, viên hạ sĩ quan bỏ cả mấy đồng tiền vàng vào túi. Họ giải tôi đi.

Năm tên cảnh sát đưa tôi lên một chiếc xe cũ kỹ. Người lái xe mặc đồ cảnh sát, da đen như than. Chiếc xe phóng hết tốc lực. Tôi hoàn toàn tuyệt vọng, chẳng còn buồn kháng cự, chỉ cố giữ một thái độ tự trọng. Không việc gì phải tìm cách để cho họ nường nhẹ hay thương xót. Hãy là một trượng phu, và phải nhớ rằng không bao giờ được mất hy vọng. Những ý nghĩ ấy lướt qua rất nhanh trong trí tôi. Và khi tôi xuống xe, ý chí làm kẻ trượng phu và nhất

thiết không để cho mình trông như một mớ giẻ rách nó mạnh mẽ đến nỗi câu nói đầu tiên của viên sĩ quan ra đón tôi là: “Cái gã người Pháp này ghê gớm thật, lọt vào tay chúng ta mà nó chẳng có vẻ sợ sệt một tý nào”. Tôi được đưa vào phòng giấy của viên sĩ quan. Tôi bỏ mũ và, không đợi cho người ta bảo, tôi ngồi xuống ghế, cái tay nải đặt giữa hai chân.

- Tu sabes hablar espanol? (Anh có biết nói tiếng Tây Ban Nha không).

- Không.

- Llame el zapatero (Gọi thằng thợ giày ra đây).

Một lát sau một người thấp bé mặc tạp dề xanh vào phòng, tay cầm một cái búa thợ giày.

- Anh là người tù Pháp đã vượt ngục ở Rio Hacha cách đây một năm?

- Không.

- Anh nói dối.

- Tôi không nói dối. Tôi không phải là người tù Pháp đã vượt ngục ở Rio Hacha cách đây một năm.

- Cởi khóa tay cho hắn. Còn anh cởi áo vét và áo sơ-mi ra. (Hắn lấy một tờ giấy rồi xem xét người tôi. Tất cả các hình xăm đều được hắn ghi nhận).

- Tay trái của anh không có ngón cái. Đúng. Chính anh.

- Không phải là tôi, vì tôi ra đi không phải cách đây một năm. Tôi ra đi bảy tháng.

- Thì cũng thế.

- Đối với anh thì cũng thế, nhưng đối với tôi thì không.

- Rõ: anh là kẻ giết người chuyên nghiệp điển hình. Dù là người Pháp hay là người Colombia, tất cả những kẻ giết người chuyên nghiệp (matadores) đều như nhau: không sao khuất phục nổi. Tôi chỉ là phó chỉ huy của nhà tù này. Tôi không biết người ta

sẽ xử lý với anh như thế nào. Hiện giờ thì tôi sẽ cho anh ở chung với các bạn cũ của anh.

- Bạn cũ nào?

- Một người Pháp mà anh đã đưa vào Colombia.

Tôi đi theo mấy viên cảnh sát, họ dẫn tôi vào một phòng gian có hàng song sắt trông ra sân. Tôi gặp lại cả năm bạn tôi. Chúng tôi ôm nhau hôn. “Thế mà chúng mình cứ tưởng cậu đã thoát hẳn được rồi”, Clousiot nói. Maturette khóc như một thằng con nít (và lại nó cũng chỉ là thằng con nít thôi). Ba người kia cũng rầu rĩ.

Được gặp lại họ, tôi lại thấy mình có thêm sức.

- Cậu kể đi, - họ nói.

- Sau hăng. Các cậu thì sao?

- Chúng mình thì ở đây đã được ba tháng.

- Họ đối xử ra sao?

- Chẳng khá mà cũng chẳng tồi. Chúng mình đang đợi chuyển sang Baranquilla, và đến đấy hình như người ta sẽ trao chúng mình lại cho các nhà chức trách Pháp.

- Thật là một lũ khôn kiếp! Có cách gì vượt ngục không?

- Vừa mới đến một cái đã nghĩ đến vượt ngục à?

- Nhiều khi cũng thật quá tệ! Cậu tưởng tôi tự dưng bỏ cuộc sao? Chúng canh phòng có ngặt lắm không?

- Ban ngày thì thường thôi, nhưng ban đêm có một đội canh riêng chúng mình.

- Mấy đứa?

- Ba tên giám thị.

- Còn cái chân cậu thế nào rồi?

- Ổn rồi, thậm chí đi cũng không cà nhắc nữa.

- Bị nhốt suốt ngày à?

- Không, ngày nào cũng đi dạo trong sân để phơi nắng, buổi sáng hai tiếng đồng hồ, buổi chiều ba tiếng.

- Bọn tù người Colombia ra sao?

- Có những tay rất nguy hiểm thì phải, kẻ trộm và giết người có cả.

Quá trưa hôm ấy, vào giờ đi dạo trong sân, tôi đang nói chuyện riêng với Clousiot thì họ gọi. Ở đây tôi gặp viên chỉ huy nhà tù, bên cạnh có viên phó chỉ huy ban sáng. Chiếc ghế danh dự được dành cho một người nước da rất đậm, gần như đen. Màu da giống một người Châu Phi đen hơn là một người Anh-điêng. Mái tóc ngắn và quăn đúng là mái tóc của người Châu Phi. Hắn gần xấp xỉ năm mươi tuổi, hai mắt đen và độc ác. Một bộ ria cắt rất sát trên một đôi môi dày, một cái miệng hằn học. Áo sơ-mi của hắn để phanh ngực, không có ca-vát. Ở ngực áo bên trái có gắn một cái dải nửa trắng nửa xanh, cuống của một thứ huy chương nào đấy. Anh thợ giày cũng có mặt ở đây.

- Anh người Pháp kia, anh đã bị bắt lại sau bảy tháng vượt ngục. Trong thời gian ấy anh đã làm gì?

- Tôi ở với người Guajiros.

- Đừng có giỡn mặt tao, không tao cho một trận bây giờ.

- Tôi nói sự thật.

- Chưa từng có ai ở với người Anh-điêng được cả. Chỉ trong một năm nay thôi đã có hai mươi lăm lính canh phòng bờ biển bị họ giết.

- Không phải đâu, những người lính canh bờ biển ấy bị bọn buôn lậu giết chết.

- Sao anh biết?

- Tôi đã ở đây bảy tháng. Người Guajiros không bao giờ ra khỏi lãnh thổ của họ.

- Thôi được, cũng có thể đúng. Anh đã lấy trộm ba mươi sáu đồng vàng ăn một trăm pesos ở đâu?

- Đó là tiền của tôi. Thủ lĩnh của bộ lạc vùng núi tên là Công Bằng đã cho tôi số tiền ấy.

- Làm sao một thằng Anh-điêng lại có thể có được một gia sản như vậy để mà cho anh?

- Thế thì thưa xếp, trước đây có xảy ra vụ trộm tiền vàng nào không?

- Đúng là không có. Trong các hồ sơ chưa bao giờ thấy. Tuy vậy vẫn phải điều tra thêm.

- Xin ông điều tra đi, việc đó có lợi cho tôi.

- Anh đã phạm một tội nặng khi vượt ngục Rio Hacha, và còn phạm một tội nặng hơn nữa khi giúp Antonio vượt ngục: hắn sắp bị xử bắn vì giết nhiều lính canh phòng bờ biển. Bây giờ người ta đã biết rằng chính anh đang bị nhà chức trách Pháp truy nã, Anh là tù chung thân. Anh là một tên giết người chuyên nghiệp nguy hiểm. Vì vậy ta sẽ không mạo hiểm để cho anh có dịp vượt ngục lần nữa bằng cách giam chung anh với mấy người Pháp khác. Anh sẽ bị nhốt xà-lim cho đến khi chuyển đi Baranquilla. Mấy đồng tiền vàng sẽ được trả cho anh khi đã xác minh được là không có vụ trộm tiền vàng nào xảy ra.

Tôi ra ngoài và họ lôi tôi đến cầu thang dẫn xuống dưới đất. Sau khi xuống hơn hai mươi lăm bậc thì đến một dãy hành lang tối mờ mờ hai bên có những cái chuồng chật. Họ mở một chuồng ra và đẩy tôi vào. Khi cánh cửa sắt mở ra hành lang được đóng lại, mùi thối bốc lên từ nền đất nhớp nháp. Có tiếng gọi tôi từ bốn phía. Mỗi cái chuồng có song sắt đều giam một hay ba tù nhân.

- Francés, Francés: Que a hecho? Por que esta a qui? (Anh người Pháp kia Anh phạm tội gì thế? Tại sao anh lại ở đây?). Anh có biết rằng những chuồng giam này là những chuồng giam của tử thần không?

- Im cả đi! Để cho anh ta nói - Có tiếng quát.

- Phải, tôi là người Pháp. Tôi bị giam ở đây vì tôi đã vượt ngục ở Rio Hacha.

Cái tiếng Tây Ban Nha giả cây của tôi được họ hiểu ngay.

- Anh cần biết mấy điều này, anh nghe kỹ đây: ở cuối chuồng giam có một tấm ván để nằm. Bên phải có một cái hộp đựng nước. Phải uống dè dè, vì mỗi sáng chỉ được một ít, mà xin thêm thì không được đâu. Bên trái có một cái xô để đi ngoài. Anh lấy cái áo vét mà bịt lại. Ở đây không cần áo ngoài vì quá nóng, cứ lấy áo mà bịt xô cho đỡ thôi. Chúng tôi đều bịt xô bằng áo quần cả.

Tôi đứng sát vào song sắt để cố nhìn mặt các bạn tù. Chỉ thấy rõ được hai người ở trước mặt đang ngồi sát song sắt, hai chân thò ra ngoài. Một trong hai người đó có những nét mặt của loại người Anh-điêng lai Tây Ban Nha, kiểu như mấy tên cảnh sát đầu tiên đã bắt tôi ở Rio Hacha; người kia là một người da đen có nước da rất sáng, trẻ và đẹp trai. Anh ta cho tôi biết rằng đến giờ thủy triều lên, nước ngập vào các xà lim. Tôi không nên sợ vì không bao giờ nó lên quá bụng. Chuột có leo lên người thì đừng bắt, mà phải đánh. Bắt thì nó cắn.

Tôi hỏi:

- Anh bị nhốt ở đây được bao lâu rồi?

- Hai tháng.

- Còn mấy người kia.

- Không bao giờ quá ba tháng. Ai đã qua ba tháng mà không được chuyển ra, thì tức là phải chết ở đây.

- Người ở đây lâu nhất đã được bao lâu rồi?

- Tám tháng, nhưng chẳng còn sống được mấy đôi nữa đâu. Đã gần một tháng nay anh ta chỉ quỳ chứ không đứng lên được. Đến ngày nào có thủy triều lên, anh ta sẽ chết đuối thôi.

- Nhưng thế thì nước các anh là một xứ sở man rợ sao?

- Tôi có bao giờ nói là xứ tôi văn minh đâu. Còn nước anh thì cũng chẳng văn minh gì hơn, vì anh bị xử chung thân đấy thôi. Ở xứ Colombia này thì hoặc hai mươi năm, hoặc xử tử. Nhưng không bao giờ có chuyện chung thân.

- Thôi đi, đâu cũng thế thôi.

- Anh giết nhiều người lắm à?
- Không, chỉ có một thôi.
- Vô lý! Giết có một người mà bị lâu thế à?
- Tôi cam đoan là đúng như thế.
- Thế thì rõ là nước anh cũng mọi rợ như nước tôi.
- Thôi đừng cãi nhau về chuyện nước anh nước tôi nữa. Anh nói đúng. Cảnh sát thì ở đâu cũng là cứt cả.
- Còn anh anh có tội gì?
- Tôi đã giết hai vợ chồng và cả thằng con.
- Tại sao?
- Chúng nó đã đem thằng em tôi cho lợn ăn.
- Chẳng lẽ! Chuyện gì mà gớm ghiếc thế
- Thằng em tôi lên năm, ngày nào nó cũng ném đá thằng con nhà ấy, mấy lần trúng đầu.
- Đó không phải là một lý do.
- Khi tôi biết chuyện tôi cũng nói thế.
- Làm sao anh biết chuyện?
- Thằng em tôi đi đâu mất từ ba hôm, tôi đi tìm mãi mới thấy một chiếc dép của nó trong đồng phân. Chỗ phân này xúc ra từ chuồng lợn nhà nó. Tôi bôi phân lợn lên thì thấy một chiếc tát đầy máu. Tôi đã hiểu. Mụ vợ đã thú nhận trước khi tôi giết cả nhà chúng nó. Tôi đã cho chúng nó cầu kinh trước khi bắn. Phát thứ nhất tôi bắn gãy chân thằng bố.
- Anh giết họ là phải. Anh sẽ bị xử ra sao?
- Hai mươi năm là cùng.
- Tại sao anh bị giam xà-lim?
- Tôi đã đánh một tên cảnh sát có họ với vợ chồng bà kia. Hắn làm ở nhà tù này. Bây giờ hắn đã được đưa đi nơi khác. Không có hắn tôi mới được yên.

Cửa hành lang được mở ra. Một tên gác ngục đi vào với hai tù nhân khiêng một cái thùng bằng gỗ. Có thể đoán biết được rằng phía sau họ còn có hai tên gác cầm súng nữa. Hai người tù vào từng chuồng một bưng mấy cái xô đựng phân ra đổ vào cái thùng. Mùi nước đái và mùi phân xông lên nồng nặc, tường đến chết ngạt. Không ai nói gì. Khi họ đến chuồng tôi, người tù vào lấy xô đánh rơi một cái gói nho nhỏ xuống đất. Tôi vội lấy chân hất vào phía trong. Khi họ đã ra tôi thấy trong gói có hai bao thuốc lá, một cái bật lửa và một mảnh giấy có viết mấy dòng chữ Pháp. Trước hết tôi châm hai điếu thuốc lá ném cho hai người ở trước mặt tôi. Rồi tôi gọi người tù kế bên bảo hắn thò tay ra bắt lấy một bao thuốc lá để chuyển cho những người tù khác. Phân phát xong tôi châm điếu thuốc của tôi lên và đưa bức thư ra sát hành lang để đọc. Nhưng ánh sáng ở ngoài hành lang không đủ. Tôi bèn lấy tờ giấy gói, cuộn lại rồi bật lửa đốt lên. Tôi đọc vội:

“Cam đảm lên Papi nhé, cứ tin tưởng vào chúng mình. Hãy coi chừng. Mai chúng mình sẽ gửi giấy và bút chì để cậu viết cho chúng mình. Chúng mình ở bên cạnh cậu cho đến chết”.

Mảnh giấy ấy làm cho tôi thấy ấm lòng. Nó đã đem lại cho tôi bao nhiêu sức lực! Tôi không cô độc, tôi có thể trông cậy vào bạn bè.

Không có ai nói. Ai nấy đều mãi hút thuốc. Cuộc phân phát thuốc lá cho tôi biết rằng có cả thầy mười chín người trong mấy cái chuồng giam của tử thần này. Thế là lần này tôi lại bị đưa vào con đường của sự thối nát, và bây giờ sự thối nát ấy đã ngập lên đến cổ! Mấy bà xơ tự gọi là những người “Em Gái của Chúa lòng lành” ấy chính là những đứa em gái của Quỷ. Nhưng có điều hoàn toàn chắc chắn là kẻ đã tố giác tôi không phải là cô nữ tu người ái Nhĩ Lan hay cô người Tây Ban Nha. Ôi! Tôi ngu biết chừng nào khi tin vào các nữ tu sĩ ấy? Không phải họ đâu. Có lẽ là người đánh xe chẳng? Đã hai ba lần tôi và cô nữ tu kia trót nói tiếng Pháp: thật là sơ xuất. Có thể anh ta đã nghe thấy chẳng? Thôi, điều ấy có quan trọng gì! Lần này thì sa lưới hẳn rồi, lần này chỉ có đi tong. Nữ tu sĩ người đánh xe hay là Mẹ Bề trên, chung quy kết quả vẫn là một.

Thế là tôi đành đi đời trong cái chuồng ghê tởm cứ mỗi ngày lại hai lần ngập nước này. Trong chuồng nóng nực và khó thở đến nỗi tôi phải cởi sơ-mi, rồi cởi nốt cả cái quần. Tôi tháo giày và đem móc hết các thứ lên cửa song sắt.

Thử tưởng tượng là tôi đã vượt hai ngàn năm trăm cây số để cuối cùng đến nông nỗi này? Kết quả thật là mỹ mãn! Lạy Chúa! Chúa đã từng hào phóng, đại lượng đối với tôi như vậy, mà bây giờ lại bỏ rơi tôi sao? Có lẽ Chúa giận tôi chẳng, vì dù sao Chúa đã cho tôi tự do, sự tự do chắc chắn nhất, đẹp đẽ nhất. Chúa đã cho tôi một cộng đồng, và cộng đồng ấy đã thu nạp tôi hoàn toàn. Chúa đã cho tôi không phải là một một mà những hai người vợ tuyệt vời. Và cả ánh nắng, cả biển khơi. Lại cả một nếp nhà tranh trong đó tôi là người chủ tuyệt đối. Với cuộc sống giữa thiên nhiên, cuộc sống nguyên thủy, hoang dã nhưng êm đềm và thanh thản biết bao nhiêu. Đó thật là một món quà có một không hai mà Chúa đã tặng tôi: được hoàn toàn tự do, không có cảnh sát, không có quan tòa, không có những kẻ ganh tỵ và những kẻ độc ác xung quanh tôi! Thế mà tôi đã không biết giá trị vô song của nó. Vùng biển ấy nước xanh đến nỗi trông như đen huyền, những buổi mặt trời mọc và mặt trời lặn đầy một hương vị dịu ngọt và thanh thản, cái nếp sống không hề cần đến tiền bạc, trong đó tôi không phải thiếu một thứ gì cần thiết cho sự sống của một con người: tất cả những cái đó tôi đã chà đạp lên, đã khinh miệt nó. Tôi đã từ bỏ những cái đó để đi đâu? Để trở về với những xã hội không thèm nhìn nhận đến tôi. Với những con người thậm chí cũng chẳng buồn bỏ công tìm hiểu xem thử trong tôi có gì còn vớt vát được không. Về với một thế giới đang hắt hủi tôi, đang đẩy tôi ra xa mọi niềm hy vọng. Với những tập thể chỉ nghĩ đến mỗi một việc: tiêu diệt tôi bằng bất cứ phương tiện nào.

Khi được tin tôi bị bắt, chúng nó sẽ mừng lắm đấy: mười hai miếng pho-mát trong hội đồng bồi thẩm, thành Polein thôi tha, mấy tên cảnh sát và tên biện lý. Vì thế nào cũng sẽ có một nhà báo nào đấy chuyển cái tin này về Pháp.

Lại còn những người thân của tôi nữa. Khi bọn cảnh sát đến nhà để báo cho họ biết tôi đã vượt ngục, họ đã mừng rỡ biết bao

nhiều khi được biết rằng con họ hay anh họ đã thoát ra khỏi bàn tay của bọn đao phủ này! Bây giờ được tin tôi bị bắt lại, họ lại phải đau khổ một lần thứ hai.

Tôi đã sai vô cùng khi từ bỏ bộ lạc của tôi. Phải, tôi có thể nói “bộ lạc của tôi” như vậy, vì mọi người trong bộ lạc ấy đều đã chấp nhận tôi như một thành viên của bộ lạc. Tôi đã sai và tôi xứng đáng phải chịu những gì đã xảy đến với tôi. Ấy thế nhưng... Tôi vượt ngục đâu phải để làm tăng dân số người Anh-điêng ở Nam Mỹ? Lạy Chúa, Chúa phải hiểu rằng tôi cần phải sống lại trong một xã hội văn minh bình thường và chứng minh cho mọi người thấy rằng tôi có thể làm một thành viên của xã hội đó mà không gây thành một hiểm họa cho nó. Đó là số mệnh đích thực của tôi - có sự tham dự của Người hay không có sự phù hộ của người cũng vậy. Tôi phải chứng minh cho bằng được rằng tôi có thể, rằng tôi đang và sẽ là một con người bình thường nếu không phải là tốt hơn những thành viên khác của bất kỳ tập thể nào của bất kỳ đất nước nào.

Tôi hút thuốc. Nước bắt đầu lên. Bây giờ đã ngang mắt cá tôi. Tôi gọi:

- Anh Da Đen, nước vào chuồng giam bao nhiêu lâu thì rút hết?

- Còn tùy thủy triều mạnh hay nhẹ. Một giờ, hai giờ là cùng.

Tôi nghe thấy mấy người tù kêu: *Esta llegando* (Nó đến).

Nước lên từ từ, rất chậm. Người lai và người Da đen bám lên song sắt. Chân họ buông thõng ra ngoài hành lang, tay họ ôm lấy mấy cái chấn song. Có tiếng động dưới nước: đó là một con chuột cống to bằng con mèo đang bơi lồm bồm. Nó đang tìm cách leo lên chấn song. Tôi cầm lấy một chiếc giày và khi nó bơi đến gần tôi đánh một cái thật mạnh lên đầu nó. Nó vừa bơi ra hành lang vừa kêu chí chöhe. Anh tù Da đen nói với tôi:

- Francés, anh nổi máu đi săn rồi đấy. Không sao giết hết được chúng nó đâu. Leo lên chấn song đi, bám chặt vào và ngồi yên đấy.

Tôi làm theo lời anh ta, nhưng mấy cái chân song hằn vào đùi rất đau, cứ cái tư thế này thì tôi chẳng chịu đựng được bao lâu. Tôi lấy cái áo vét bị xé rách phân buộc lên chân song và cưỡi lên đấy. Nó làm thành một thứ ghế để cho tôi có thể chịu đựng được cái tư thế không lấy gì làm thoải mái kia, vì vậy giờ tôi gần như được ngồi.

Cuộc xâm lăng này của nước thủy triều, của chuột cống, của các loài rết và cua nhỏ li ti được nước lùa tới là cái điều kinh tởm nhất, có sức làm mất tinh thần nhất mà một con người có thể chịu đựng. Một giờ sau, khi nước đã rút hết, trong chuồng còn lại một lớp bùn lầy lưa dày hơn một phân. Tôi đi giày vào để khỏi phải lội trong lớp bùn này. Anh Da đen ném cho tôi một mảnh ván dài mười phân, bảo tôi dùng để gạt bùn ra ngoài hành lang, bắt đầu từ chỗ đặt tám ván dùng làm giường ngủ, rồi từ cuối chuồng cho đến chỗ ra vào. Công việc choán hết cả nửa giờ và buộc tôi phải nghĩ đến mỗi một việc ấy thôi. Như thế cũng đã có được một chút gì ích lợi. Từ bây giờ đến đợt thủy triều sau, Tôi sẽ không bị ngập nước: như thế có nghĩa là trong mười một tiếng đồng hồ, vì sau cùng là giờ nước tràn vào. Phải tính đủ sáu giờ nước biển rút xuống và năm giờ nước biển dâng lên. Tôi tự nhủ một cách hơi lố bịch: Bướm bướm, số mày là phải chịu ảnh hưởng của thủy triều. Dù mày muốn hay không, mặt trăng cũng có một tầm quan trọng lớn lao đối với mày và đời mày. Chính nhờ thủy triều lên xuống mà mày đã ra khỏi sông Maroni một cách dễ dàng khi trốn khỏi trại khổ sai. Khi mày ra đi từ Trinidad và từ Curacao, mày cũng đã phải tính đến ngày giờ thủy triều lên xuống. Sở dĩ mày bị bắt ở Rio Hacha chính là vì thủy triều xuống không đủ mạnh để mày rời bờ biển thật nhanh và cho đến bây giờ mày lại thường xuyên phải chịu đựng nước thủy triều.

Trong số những người sẽ đọc mấy trang này, nếu một ngày nào nó sẽ được xuất bản, có lẽ cũng sẽ có những người thương hại tôi ít nhiều khi biết những nỗi cơ cực mà tôi phải chịu đựng trong chuồng giam của người xứ Colombia. Đó là những người tốt. Còn những người khác, họ hàng thân thuộc của mười hai miếng phomat đã xử tội tôi, hoặc là có bà con với viên biện lý thì sẽ nói:

“Đáng đời cho nó, ai bảo nó vượt ngục? Nếu nó chịu ở yên trong trại khổ sai thì đâu đến nỗi!” Thế thì tôi xin nói với các người một điều, nói với những người tốt cũng như những miếng pho-mát kia. Tôi không tuyệt vọng, không tuyệt vọng một chút nào, và tôi còn nói hơn thế nữa: tôi thà bị nhốt trong những chuồng giam của cái pháo đài cũ do bọn giáo hình Tây Ban Nha xây lên ở Colombia còn hơn bị giam ở Quần đảo Salut là nơi mà lẽ ra tôi phải có mặt vào giờ này. Ở đây tôi còn phải làm rất nhiều mới hòng có cơ vượt ngục, và dù nằm trong cái hầm thối tha này, tôi cũng tự hào là đã cách xa trại tù đến hai ngàn năm trăm cây số. Chúng nó sẽ phải thi hành rất nhiều biện pháp đề phòng mới có thể bắt tôi đi ngược chiều đoạn đường hai ngàn năm trăm cây số ấy. Tôi chỉ tiếc có một điều: bộ lạc Guajiros của tôi, Lali và Zoraima, và cuộc sống tự do trong thiên nhiên, không có những tiện nghi của người văn minh, nhưng cũng không có cảnh sát, không có nhà tù và càng không có những chuồng nhốt người như thế này. Tôi nghĩ rằng những người bạn hoang dã của tôi, họ không bao giờ lại có thể nảy ra cái ý bắt một kẻ thù của họ phải chịu một cực hình như thế này, và lại càng không bao giờ nảy ra cái ý dùng một cực hình như thế với tôi, một người không hề làm phương hại gì đến người dân Colombia.

Tôi nằm xuống tám ván và hút hai ba điếu thuốc lá ở tận trong cũi xà-lim để những người khác đừng nhìn thấy. Khi trả tám ván nhỏ lại cho người da đen, tôi đã ném cho anh ta một điếu thuốc lá châm sẵn, và anh ta cũng làm như tôi vì hỗ trợ với các bạn tù.

Những chi tiết này tưởng chừng như không có gì đáng kể, nhưng đối với tôi nó rất có giá trị. Nó chứng tỏ rằng chúng tôi còn giữ lại được chút lịch sự và hỗ trợ tế nhị.

ở đây không phải như ở nhà lao Conciergerie, tôi có thể mơ mộng và thả hồn đi lang thang trong không gian mà không cần phải bị mất bằng một chiếc khăn mùi soa cho đỡ chói.

Ai đã báo cho cảnh sát biết là tôi đang ở trong tu viện? Ôi, nếu một ngày kia tôi biết được, thì tội này sẽ phải đền. Rồi tôi lại tự nhủ: thôi đừng nói nhảm nữa Bướm bướm! ở Pháp mày còn bao

nhiều việc phải làm để trả thù, còn cái xứ sở heo hút này thì thôi đi mà đến đây không phải để làm điều ác! Người ấy nhất định sẽ bị chính cuộc sống trừng phạt, và nếu một ngày kia mà phải trở lại đây, thì đó không phải để trả thù, mà để đem lại hạnh phúc cho Lali và Zoraima, cho cả mấy đứa con của mà nữa. Nếu mà sẽ trở về xứ này, thì đó sẽ là vì họ và vì tất cả những người Guajiros đã ban cho mà cái vinh dự được chấp nhận trong bộ lạc của họ như một người đồng chủng. Tôi hãy còn ở trên con đường của sự thối nát, nhưng tuy bị nhốt trong một cái chuồng thấp hơn mực nước, dù người ta có muốn hay không thì vẫn đang vượt ngục, vẫn đang bước trên con đường đi tới tự do. Điều đó không thể nào phủ nhận được”.

Tôi đã nhận được một ít giấy, một cây bút chì, hai bao thuốc lá. Tôi ở đây đã được ba ngày. Nói là ba đêm mới đúng. Vì ở đây bao giờ cũng tối. Trong khi tôi chăm một điều Piel Roja, tôi phải lấy làm khâm phục lòng tận tụy của các tù nhân đối với nhau. Anh tù người Colombia chuyển cho tôi gói đồ kia là làm một việc rất liều. Nếu bị chúng bắt được, chắc chắn anh ta sẽ phải ném mùi chuồng giam dưới đất. Không phải anh ta không biết điều đó, cho nên nhận lời giúp tôi trong cuộc đầy ải này không phải chỉ là can đảm mà còn là làm một nghĩa cử cao thượng phi thường. Vẫn dùng cách đốt cuộn giấy, tôi đọc:

“Papillon ơi, chúng mình biết cậu chịu đựng được. Cừ lắm! Cho chúng mình biết tin nhé. Chúng mình vẫn thế. Một nữ tu sĩ biết nói tiếng Pháp có đến thăm cậu người ta không cho cô ấy nói chuyện với chúng mình, nhưng một người tù Colombia cho chúng mình biết rằng anh ta đã kịp nói cho nữ tu sĩ biết là anh tù người Pháp đang bị nhốt vào chuồng tử thần. Cô ấy nói: Tôi sẽ trở lại. Chỉ có thể thôi. Các bạn cậu hôn cậu.

Trả lời không phải là việc dễ, nhưng tôi vẫn tìm cách viết được mấy chữ: “Cám ơn các cậu về mọi thứ: ở đây ổn cả, tôi chịu đựng được. Các cậu hãy viết đơn gửi ông lãnh sự Pháp, may ra thì được. Lúc nào cũng cử một cậu thôi, để khi có chuyện gì thì chỉ một cậu bị phạt. Đừng chạm tay vào hai mũi tên. Vượt ngục muôn năm!”

Vượt ngục ở Santa Marta

Mãi hai mươi tám ngày sau, nhờ sự can thiệp của một ông lãnh sự Bỉ ở Santa Marta tên là Klausen, tôi mới được ra khỏi cái hầm khủng khiếp kia. Người tù Da đen, tên là Palacios, đã được ra ba tuần sau khi tôi đến: anh ta đã có cái sáng kiến nhờ bà mẹ (khi bà ấy đến thăm) báo với lãnh sự Bỉ rằng có một người Bỉ bị giam trong hầm. Anh nảy ra cái ý đó vì có một ngày chủ nhật anh trông thấy một tù nhân người Bỉ được ông lãnh sự đến thăm. Vậy là một hôm họ dẫn tôi lên phòng giấy viên chỉ huy. Hắn nói với tôi:

- Anh là người Pháp, tại sao anh lại khiếu nại với lãnh sự Bỉ?

Trong phòng giấy có một ông mặc đồ trắng trạc năm mươi tuổi, mái tóc vàng nhạt gần như trắng ở phía trên một gương mặt tròn trĩnh, hồng hào và tươi tắn, đang ngồi trong chiếc ghế bành, một cái cặp da đặt trên đùi. Tôi hiểu ngay tình thế:

- Chính ông nói tôi là người Pháp chứ không phải tôi. Tôi công nhận là tôi đã vượt ngục từ một nhà tù Pháp, nhưng tôi là người Bỉ.

- À! Ông thấy chưa - ông lãnh sự có bộ mặt cha xứ nói.

- Sao anh không nói từ trước?

- Tôi thiết tưởng điều đó không có gì quan trọng đối với các ông, vì thực tình tôi không hề có một hành động nào đáng coi là phạm pháp thực sự trên đất của các ông ngoài việc tôi bỏ trốn, một hành động bình thường đối với tất cả mọi tù nhân.

- Bueno, tôi sẽ để anh ở chung với các bạn anh. Nhưng thưa Señor Lãnh sự, tôi xin nói trước rằng hễ có âm mưu vượt ngục là tôi nhốt lại chỗ cũ. Các người đưa anh này ra chỗ cắt tóc rồi đưa vào phòng giam bọn đồng lõa.

- Cám ơn ngài lãnh sự - tôi nói bằng tiếng Pháp, cám ơn ngài rất nhiều đã chịu phiền đến đây vì tôi.

- Trời ơi! Anh đã phải khổ sở biết chừng nào trong những cái chuồng giam khủng khiếp ấy? Thôi anh đi ngay đi. Không thì nhớ

ra hẳn lại đổi ý, cái thằng súc sinh ấy. Tôi sẽ trở lại thăm anh. Tạm biệt.

Người cắt tóc không có mặt ở đây cho nên họ đưa tôi về phòng các bạn. Chắc trông mặt mũi tôi kỳ quặc lắm, vì họ cứ nói không ngớt:

- Có còn là cậu đầu nữa? Vô lý quá! Cái lũ khốn kiếp ấy đã làm gì cậu, đến nỗi cậu bây giờ như thế này? Cậu nói đi, nói với chúng mình một cái gì đi. Cậu có mù không? Mắt cậu làm sao thế? Sao lại mở ra nhắm vào lia lịa thế?

- Đó là vì tôi chưa quen được với thứ ánh sáng này. Ở đây sáng quá, mắt tôi quen chỗ tối cho nên bị chói đấy thôi.

Tôi ngồi xuống và nhìn vào phía cuối phòng:

- Nhìn vào đây đỡ hơn. Cậu sặc mùi đồ thôi, không thể tưởng tượng được! Minh mấy cậu cũng toàn mùi thôi!

Tôi đã cởi hết áo quần ra, và các bạn xếp nó vào cạnh cửa. Hai tay tôi, lưng tôi, hai ống chân tôi chỉ chít những vết đốt đỏ đỏ như vết rệp đốt ở nhà, và những vết cắn của đàn cua tí hon nổi trên mặt nước thủy triều. Tôi trông rất gớm ghiếc, và không cần gương soi, tôi cũng biết như vậy. Năm người tù khổ sai đã chứng kiến biết bao điều khủng khiếp mà lúc này cũng phải nghẹn ngào không nói được. Clousiot gọi một tên cảnh sát đến, nói rằng nếu không có người cắt tóc thì ngoài sân cũng có nước để tắm rửa chứ. Tên kia nói là phải đợi giờ đi dạo.

Tôi trần truồng bước ra sân. Clousiot cầm theo mấy thứ đồ sạch cho tôi thay. Được Maturette giúp một tay, tôi tắm đi tắm lại mấy lần bằng thứ xà bông đen nội địa. Tôi càng kỳ càng ra nhiều ghét. Cuối cùng sau nhiều lần sát xà-bông và dội nước, tôi cảm thấy mình đã sạch. Tôi phơi nắng trong năm phút thì khô, và mặc áo quần vào. Người cắt tóc đã đến. Anh ta định dùng tông-đơ cắt ngắn tóc tôi. Tôi nói:

- Không. Cắt bình thường thôi và cạo râu cho tôi. Tôi sẽ trả tiền.

- Bao nhiêu?

- Một peso.

- Cắt cho cẩn thận vào, - Clousiot, nói, - tôi sẽ cho anh hai pesos.

Khi đã tắm rửa sạch sẽ, tóc tai cắt gọn, râu ria cạo nhẵn, áo quần thơm tho, tôi cảm thấy như người chết đi sống lại. Các bạn tôi cứ hỏi tôi tới tập:

- Thế nước lên đến đâu? Thế còn chuột cống? Lại còn đàn rết? Bùn thì sao? Lại còn lũ cút nữa? Với lại cút ở trong mấy cái xô nổi lên và các xác chết thì sao? Đó là những người chết tự nhiên hay là những người treo cổ tự sát? Hay là những người bị bọn cảnh sát “tự tử cho chết”?

Những câu hỏi cứ kế tiếp nhau bất tận, và vì nói nhiều, tôi đâm khát nước. Ngoài sân nhà tù có một người bán cà-phê. Trong ba tiếng đồng hồ chúng tôi được đứng ngoài sân, tôi đã uống đến một chục chén cà- phê đặc pha “papelón” (đường vàng chưa lọc). Thứ cà-phê ấy tôi thấy là món uống ngon nhất trần gian. Anh Da đen trước giam ở chuồng đối diện có đến chào tôi. Anh khẽ khẽ cho tôi câu chuyện mẹ anh khiếu nại với ông lãnh sự Bỉ. Tôi siết chặt tay anh. Anh ta rất hãnh diện vì đã nghĩ ra cách giúp tôi. Anh tạm biệt tôi trong một tâm trạng hết sức vui sướng, nói rằng mai gặp lại sẽ nói chuyện thêm, còn hôm nay thế là đủ.

Tôi có cảm giác phòng giam các bạn tôi là một cung điện. Clousiot có một cái võng thuộc quyền sở hữu của anh, vì anh ta đã bỏ tiền ra mua được. Anh ta bắt tôi phải nằm cái võng ấy. Tôi nằm ngang lên võng. Anh ta rất lấy làm lạ, nhưng tôi giải thích cho anh ta hiểu rằng chỉ có những kẻ không biết nằm võng mới nằm dọc mà thôi

Ăn, uống, ngủ, đánh cờ, đánh bài bằng những con bài Tây Ban Nha, nói tiếng Tây Ban Nha với nhau và với bọn cảnh sát cũng như với các tù nhân Colombia để tập nói cho thạo: tất cả những hoạt động ấy giúp cho chúng tôi qua được ngày và cả một phần đêm nữa.

Đi nằm từ chín giờ tối là rất khổ. Lúc bảy giờ những chi tiết về cuộc vượt ngục từ bệnh viện Saint-Laurent cho đến Santa Marta thì nhau hiện ra từng mớ, nó điếu qua mắt tôi và đòi một sự tiếp tục. Cuốn phim không thể dừng lại ở đây, nó phải được chiếu tiếp, nó sẽ còn tiếp anh bạn ạ. Hãy để cho tôi lại sức, rồi anh có thể biết chắc là sẽ còn nhiều diễn biến mới nữa, anh cứ tin tôi! Tôi đã tìm lại được hai mũi tên nhỏ và hai cái lá coca, một đã khô hằn, một hãy còn hơi xanh. Tôi nhai cái lá xanh. Cả bọn nhìn tôi sững sốt. Tôi giảng giải cho các bạn biết rằng đó là thứ lá mà người ta dùng để làm thuốc phiện trắng (cocaine).

- Cậu đùa đấy chứ?

- Thử ném mà xem.

- Ừ, mà thật, nó làm cho lưỡi và môi mất cảm giác.

- Ở đây có bán à?

- Không biết. Clousiot này, cậu làm thế nào mà thỉnh thoảng lại thấy có tiền thế.

- Mình đã đổi tiền ở Rio Hacha, và từ đây bao giờ mình cũng có tiền để tiêu trước mặt mọi người. Còn tôi, - tôi nói, - tôi có ba mươi sáu đồng tiền vàng ăn một trăm pesos, hiện viên chỉ huy đang giữ, giá trị hiện nay của mỗi đồng là ba trăm pesos. Đến một ngày nào đây tôi sẽ nêu vấn đề này lên. Bọn chúng nó toàn là bọn chết đói, cậu nên mặc cả với hắn thì hơn.

- Cũng là một ý hay.

Hôm chủ nhật tôi có nói chuyện với ông lãnh sự Bỉ và người tù Bỉ. Người tù này mang tội thất tín đối với một công ty trồng chuối Mỹ. Ông lãnh sự đã chấp nhận yêu cầu của tôi nhờ ông che chở cho cả bọn chúng tôi ông ta đã hợp thức hóa một tờ khai trong đó tôi ghi là ra đời ở Bruxelles trong một gia đình người Bỉ.

Tôi có kể cho ông ta nghe chuyện mấy bà xơ và cái túi ngọc trai. Nhưng ông ta là người theo đạo tin lành, không hề quen các bà xơ và các ông linh mục. Ông chỉ hơi quen đức giám mục một chút mà thôi. Về món tiền vàng thì ông khuyên tôi đừng đòi. Việc đó quá nguy hiểm. Khi được chuyển đến Branquilla, phải cho ông

biết trước hai mươi bốn tiếng đồng hồ, và lúc bảy giờ “ông có thể đòi số tiền đó trước mặt tôi, - ông lãnh sự nói như vậy, - vì nếu tôi không hiểu lầm thì có những nhân chứng biết việc này”.

- Vâng.

- Nhưng bây giờ ông đừng đòi gì hết, viên chỉ huy rất có thể lại nhốt ông vào mấy cái chuồng khủng khiếp ấy và có lẽ thậm chí còn có thể sai chúng nó giết ông.

- Mấy chục đồng tiền vàng ấy quả là một gia sản. Giá trị hiện nay của mỗi đồng không phải là ba trăm pesos như ông tưởng đâu, mà là năm trăm năm mươi pesos. Vậy thì đó là một món tiền lớn. Không nên cảm đồ quý. Còn về mấy hạt ngọc trai thì đó là chuyện khác. Ông cứ để cho tôi có thì giờ suy nghĩ.

Tôi hỏi anh tù Da đen xem thử anh có muốn vượt ngục với tôi không, và theo anh nên hành động như thế nào. Da mặt anh ta xám hẩn đi khi nghe nói chuyện vượt ngục.

- Tôi van anh, anh bạn ạ. Anh đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa. Nếu bại lộ, anh sẽ phải nhận lấy một cái chết dần dà khủng khiếp nhất. Anh đã được ném qua rồi đấy. Anh phải đợi đến Baranquilla đã. Còn ở đây thì làm như thế chẳng khác nào tự sát. Anh muốn chết lắm à? Nếu không, anh hãy ngồi yên. Trong cả xứ Colombia này không có một nơi nào có thứ chuồng giam như anh đã từng biết đâu. Vậy thì việc gì phải linh ở đây?

- Phải nhưng ở đây tường không cao, chắc tương đối dễ.

- Hombre, facil o no, anh đừng trông mong gì vào tôi Tôi không đi mà cũng không giúp anh đâu. Thậm chí tôi không thể nghe anh nói chuyện này nữa đâu.

Cuối cùng anh ta bỏ đi, vẻ hết sức sợ hãi, sau khi nói: “Francés, anh không phải là một người bình thường, anh phải là người điên loạn mới có thể nghĩ đến những chuyện như thế ở đây, ở Santa Marta”.

Sáng nào và trưa nào tôi cũng nhìn các tù nhân Colombia bị giam ở đây vì những tội nặng. Họ đều có những bộ mặt sát nhân, nhưng có thể cảm thấy họ đã chịu khuất phục. Nỗi kinh hoàng bị

giam xuống những cái chuồng kia đã làm cho họ hoàn toàn tê liệt về mọi phương diện. Cách đây bốn năm hôm chúng tôi đã thấy người ta đưa từ dưới hầm lên một người cao lớn hơn tôi đến một cái đầu, được gọi là “El Caiman” (Cá sấu). Anh ta nổi tiếng là một người hết sức nguy hiểm. Tôi nói chuyện với anh ta, rồi sau ba bốn lần cùng đi dạo, tôi nói:

- Caimán, quieres fugarte con mi go? (Anh có muốn vượt ngục với tôi không?)

Anh ta nhìn tôi như thể nhìn quỷ Sa tan, và nói:

- Để lại bị giam xuống đây nếu thất bại? Không đâu, xin cảm ơn. Tôi thà giết mẹ tôi còn hơn trở về đây

Đó là thí nghiệm cuối cùng của tôi. Không bao giờ tôi nói với ai về việc vượt ngục nữa.

Chiều hôm ấy tôi thấy viên chỉ huy nhà tù đi qua.

Hắn dừng lại nhìn tôi rồi nói:

- Thế nào, ổn chứ?

- Ổn, nhưng sẽ còn ổn hơn nếu tôi có mấy đồng tiền vàng của tôi.

- Tại sao?

- Tại vì tôi sẽ có tiền thuê trạng sư.

- Vào đây.

Hắn đưa tôi vào phòng giấy. Ở đây chỉ có hắn và tôi. Hắn đưa cho tôi một miếng xì gà - tình hình khá đây - châm lửa cho tôi - mỗi lúc một khá hơn.

- Anh có biết tiếng Tây Ban Nha đủ để hiểu và trả lời cho rõ nếu chúng ta nói với nhau rất chậm không?

- Có.

- Tốt. Anh vừa nói là anh muốn bán hai mươi sáu đồng tiền vàng của anh.

- Không, ba mươi sáu đồng tiền vàng của tôi.

- À phải, phải? Và dùng để thuê trạng sư phải không? Nhưng chỉ có anh và tôi biết là anh có mấy đồng ấy.

- Không, còn có viên trung sĩ và năm người đi bắt tôi, ngoài ra còn có viên phó chỉ huy đã nhận món tiền ấy trước khi trao lại cho ông. Rồi lại có ông lãnh sự nước tôi nữa.

- À! À! Bueno. Đã nhiều người biết như thế thì càng tốt, vì như thế ta sẽ hành động một cách quang minh chính đại. Anh có biết không, tôi đã giúp anh một việc rất lớn. Tôi đã im đi, không chuyển phiếu điều tra cho các lực lượng cảnh sát của các nước anh đã đi qua để biết rõ họ có hồ sơ gì về một vụ trộm tiền vàng hay không.

- Lẽ ra ông phải làm việc đó mới đúng.

- Không, không làm thì có lợi cho anh hơn.

- Xin cảm ơn ông chỉ huy.

- Anh muốn tôi đem bán hộ anh à?

- Giá bao nhiêu?

- Thì cái giá mà anh nói là người ta đã trả cho anh lần anh bán ba đồng ấy: ba trăm pesos. Anh sẽ cho tôi ăn hoa hồng mỗi đồng một trăm pesos để đền đáp cái công của tôi đã giúp anh. Anh thấy thế nào?

- Không. Anh trả cho tôi từng mười đồng một và tôi sẽ cho anh không phải là một trăm mà là hai trăm pesos mỗi đồng. Việc mà anh đã làm cho tôi đáng được trả công như thế.

- Francés, anh quá tinh ma. Tôi thì chỉ là một anh sĩ quan Colombia hèn mọn, quá tin người và hơi ngốc nghếch, còn anh là người thông minh, và như tôi đã nói, quá tinh ma.

- Vậy anh có đề nghị gì phải chăng hơn không?

- Ngày mai tôi sẽ gọi người mua đến đây, trong phòng giấy này. Hắn sẽ xem mấy đồng tiền vàng, sẽ trả giá, sau đó được bao nhiêu ta chia đều. Một là thế hai là không có gì hết. Tôi gửi anh đi Baranquilla, kèm theo món tiền, hoặc tôi giữ nó lại để điều tra.

- Không, đây là đề nghị cuối cùng của tôi: người ấy sẽ đến đây xem, rồi toàn bộ số dư trên ba trăm năm mươi pesos mỗi đồng tiền vàng sẽ là của anh.

- Esta bien (Được rồi), tu tienes mi palabra (anh có thể tin ở lời hứa của tôi). Nhưng một số tiền lớn như thế, anh cất vào đâu?

- Khi nhận tiền, anh sẽ mời ông lãnh sự Bỉ đến. Tôi sẽ đưa tiền cho ông ta để thuê trạng sư.

- Không, tôi không muốn có nhân chứng.

- Anh không có gì phải lo, tôi sẽ ký giấy xác nhận rằng anh đã trả cho tôi đủ ba mươi sáu đồng tiền vàng. Anh cứ nhận đi, và nếu anh xử sự đứng đắn với tôi, tôi sẽ bàn với anh một việc khác.

- Việc gì?

- Anh cứ tin tôi. Việc này cũng hời như việc kia, và trong việc thứ hai ta sẽ chia đều

- Cual es? (Cái gì đấy?) Anh nói đi.

- Mai anh làm nhanh đi, rồi đến năm giờ chiều, khi tiền của tôi đã được an toàn trong tay ông lãnh sự của tôi, tôi sẽ nói cho anh biết việc kia.

Cuộc thương lượng đã diễn ra khá lâu. Khi tôi hài lòng trở ra sân, các bạn tôi đã về phòng giam.

- Thế nào, ông việc ra sao?

Tôi kể cho họ nghe hết cuộc nói chuyện vừa qua các bạn lăn ra cười, tuy tình cảnh họ chẳng có gì đáng lấy làm vui.

- Cái thằng cha ấy cáo thật! Nhưng cậu đã át giọng hắn. Cậu có tin là hắn sẽ thực hiện đúng như thế không? Tôi cuộc một trăm pesos lấy hai trăm là hắn chịu rồi. Có ai dám cuộc với tôi không?

- Không, tôi cũng nghĩ là hắn sẽ chịu.

Suốt đêm hôm ấy tôi suy nghĩ. Vụ thứ nhất thì thế là xong. Vụ thứ hai cũng sẽ xong thôi, vì hắn sẽ mừng rơn lên khi được đi lấy túi ngọc trai. Còn lại vụ thứ ba. Vụ thứ ba... là tôi định đút cho hắn tất cả số tiền tôi thu lại được để hắn làm ngơ cho tôi lấy trộm

một chiếc thuyền trong cảng. Chiếc thuyền này tôi có thể mua bằng số tiền tôi còn giữ lại trong plan: Để xem hắn có cưỡng nổi sự cám dỗ hay không. Tôi mất gì mà sợ? Sau hai vụ thứ nhất hắn không còn dám trừng phạt tôi nữa. Sau sẽ biết. Đừng bán da gấu, v.v... Việc gì phải đợi khi đến Baranquilla? Thành phố lớn hơn thì nhà tù cũng vững chắc hơn, được giám sát kỹ hơn và tường cao hơn. Tôi phải quay về sống với Lali và Zoraiam: tôi sẽ vượt ngục thật nhanh, về đây đợi mấy năm, rồi sẽ đi vào vùng núi với cái bộ lạc nuôi bò, và sẽ bắt mối liên hệ với người Venezuela. Bằng bất cứ giá nào tôi cũng phải thành công trong chuyến vượt ngục này. Suốt đêm tôi nằm suy nghĩ đường đi nước bước để thực hiện vụ thứ ba.

Hôm sau, công việc được tiến hành khá chóng vánh. Vào lúc chín giờ sáng họ đến gọi tôi ra gặp ông khách đang đợi tôi ở phòng giấy viên chỉ huy. Khi tôi đến, tên cảnh sát đã đi gọi tôi đứng ngoài, để một mình tôi vào. Trước mặt tôi là một người đàn ông trạc sáu mươi tuổi mặc đồ màu xám nhạt, thất ca-vát xám. Trên bàn đặt một chiếc mũ dạ màu xám rộng vành kiểu như mũ cao bồi. Một viên ngọc trai lớn màu xám lẫn màu xanh bạc nổi bật lên trong một thứ khung cài trên ca-vát. Người đàn ông gầy gò và khô đét này không phải không có một vẻ trang nhã nhất định.

- Chào ông.

- Ông có nói được tiếng Pháp không?

- Thưa ông có, tôi vốn là người Liban. Được biết ông có những đồng tiền vàng một trăm pesos, tôi rất quan tâm. Với giá năm trăm pesos mỗi đồng, ông có nhượng lại được không?

- Không, sáu trăm năm mươi pesos.

- Như vậy là ông không biết giá rồi? Giá tôi đa bây giờ là năm trăm năm mươi pesos.

- Ông ạ, vì ông lấy hết nên tôi xin nhượng lại với giá sáu trăm.

- Không, năm trăm năm mươi.

Cuối cùng hai bên ngã giá là năm trăm tám mươi pesos. Thế là việc mua bán đã xong xuôi.

- Qué han dicho? (Anh vừa nói gì thế?)

- Chúng tôi đã ngã giá năm trăm tám mươi. Chiều nay sẽ giao hàng.

Ông khách ra về. Viên chỉ huy đứng dậy nói với tôi:

- Rất tốt, thế thì tôi được bao nhiêu?

- Hai trăm năm mươi pesos mỗi đồng. Ông thấy không, tôi cho ông một số tiền gấp hai lần rưỡi cái số mà ông yêu cầu, tức một trăm pesos mỗi đồng.

Hắn mỉm cười rồi nói: “Thế còn việc kia?”

- Trước hết ông lãnh sự chiều nay phải có mặt để tôi trao tiền. Sau khi ông ấy ra về tôi sẽ nói cho anh biết việc thứ hai.

- Thế thì có một việc nữa thật à?

- Anh có thể tin tôi.

- Biên, ojalá (thật đấy nhé).

Đến hai giờ, ông lãnh sự và người đàn ông Liban đã có mặt. Người này đưa cho tôi hai mươi ngàn tám pesos. Tôi trao mười hai ngàn sáu trăm cho ông lãnh sự và năm ngàn hai trăm tám mươi cho viên chỉ huy. Tôi ký cho viên chỉ huy một tờ biên lai nói là đã nhận đủ ba mươi sáu đồng tiền vàng một trăm pesos. Khi chỉ còn lại viên chỉ huy trong phòng giấy, tôi kể cho hắn nghe câu chuyện giữa tôi và bà Mẹ Bề trên.

- Bao nhiêu hạt ngọc?

- Năm sáu trăm gì đấy.

- Cái bà Mẹ Bề trên ấy là một mụ ăn cắp. Lẽ ra mụ ta phải đem trả cho anh lúc anh bị bắt, hay là gửi đến đây cho anh, nếu không thì nộp cho cảnh sát. Tôi sẽ tố giác mụ ta.

- Không, anh sẽ đến gặp bà ta và trao cho bà ta một bức thư, anh sẽ yêu cầu bà ta mời cô nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan đến.

- Tôi hiểu: cô này sẽ đọc bức thư viết bằng tiếng Pháp của anh và dịch ra cho mọi người nghe. Được, tôi đi đây.

- Hãy đợi tôi viết bức thư đã.

- À, ừ nhỉ? José, chuẩn bị xe và hai cảnh sát viên - Hẳn gọi qua cánh cửa hé mở.

Tôi ngồi vào bàn giấy viên chỉ huy, và trên một tờ giấy có ăng-tét của nhà tù, tôi viết bức thư sau đây:

“Kính gửi bà Bè trên của tu viện”, nhờ vị nữ tu sĩ ái Nhĩ Lan tốt bụng và đầy tình nhân ái chuyển giúp.

Khi chúa đã dẫn dắt tôi đến nhà bà, nơi tôi tưởng sẽ nhận được sự giúp đỡ mà theo luật Cơ đốc giáo bất cứ ai đang bị truy nã lòng bất đều có quyền được hưởng, tôi đã trao gửi bà một túi ngọc trai thuộc quyền sở hữu của tôi để bà có cơ sở để tin rằng tôi sẽ không lén lút ra đi khỏi ngôi nhà mà Chúa đã giao cho bà cai quản. Một kẻ ti tiện nào đó đã nghĩ rằng bổn phận của hắn và tổ giác tôi với cảnh sát, và họ đã nhanh chóng đến bắt tôi ngay dưới mái nhà bà. Tôi hy vọng rằng cái linh hồn đê tiện đã có hành động này không phải là linh hồn của một trong những người con gái của Chúa đang tu tại viện của bà. Tôi không thể nói với bà rằng tôi tha thứ cho cái linh hồn thối nát ấy, vì nói như vậy không đúng sự thật. Ngược lại, tôi sẽ thiết tha xin Chúa hoặc một trong các vị thánh của Chúa trừng phạt không thương tiếc kẻ đã phạm một tội lỗi quái đản như vậy. Thưa bà Bè trên, tôi xin bà trao lại cho ông chỉ huy Cesario cái túi ngọc trai mà tôi đã gửi bà giữ hộ. Ông ấy sẽ đưa lại cho tôi một cách trung thực, tôi tin chắc như vậy. Bức thư này có giá trị như một tờ biên lai. Kính xin bà nhận ở đây, v.v...”

Vì tu viện cách Santa Marta có tám cây số, nên chỉ một tiếng rưỡi sau là xe đã trở về. Viên chỉ huy nhà tù cho gọi tôi.

- Xong. Anh đếm thử xem có thiếu không.

Tôi đếm. Không phải để biết là thiếu viên nào không vì tôi không hề biết trong túi có bao nhiêu viên, mà để biết hiện nay có bao nhiêu viên trong tay gã ma-cô này: có cả thảy năm trăm bảy mươi hai viên.

- Đúng cái túi này chứ?

- Đúng.

- No falta? (không thiếu chứ?)

- Không. Bây giờ anh kể đi.

- Khi tôi đến tu viện, bà Mẹ Bề trên đang ở trong sân. Hai viên cảnh sát cùng đi đã đứng nghiêm hai bên, tôi nói: “Thưa bà, vì một việc rất hệ trọng mà chắc bà có thể đoán được, tôi cần nói chuyện với vị nữ tu sĩ người ái Nhĩ Lan trước mặt bà”.

- Rồi sao nữa?

- Cô nữ tu sĩ run run trong khi đọc bức thư cho bà Bề trên nghe. Bà này không nói gì cả. Chỉ cúi đầu xuống, rồi lên mở ngăn kéo bàn giấy ra lấy túi ngọc và nói với tôi: “Đây, cái túi ngọc trai vẫn y nguyên. Xin chúa tha thứ cho kẻ đã phạm một tội ác như vậy đối với người ấy. Xin ông nói lại với người ấy rằng chúng tôi đang cầu nguyện cho anh ta”. Thế đấy, Hombre - Viên chỉ huy kết thúc, mặt mày rạng rỡ. Bao giờ thì có thể bán chỗ ngọc này?

- Mãnana (mai).

- Tôi sẽ không hỏi anh những viên ngọc này ở đâu ra, tôi biết anh là một matador nguy hiểm, nhưng bây giờ tôi cũng biết anh là một người trung thực và có danh dự. Anh hãy cầm lấy súc giăm-bông, chai rượu này và mấy ổ bánh mì Pháp này nữa, để cùng với các bạn ăn mừng cái ngày đáng ghi nhớ này.

- Chào anh.

Thế là tôi đem về trại giam một chai rượu Chianti hai lít, một súc giăm-bông hun khói gần ba ký lô và bốn ổ bánh mì dài của Pháp. Quả là một bữa tiệc ngày hội. Giăm-bông, bánh mì và rượu vơi đi rất nhanh. Ai nấy đều ăn uống hết sức ngon lành.

- Cậu có tin là một ông trạng sư sẽ có thể làm được cho chúng mình một cái gì không?

Tôi bật cười. Tội nghiệp, đến như họ mà cũng tin vào cái chuyện trạng sư này!

- Tôi không biết. Cần phải nghiên cứu và hỏi ý kiến trước khi trả tiền.

- Tốt hơn cả là chỉ trả tiền trong trường hợp có kết quả. - Clousiot nói.

- Đúng đấy, phải tìm một ông luật sư nào chấp nhận điều kiện ấy.

Tôi không nói chuyện này nữa. Tôi hơi xấu hổ. Hôm sau, cái ông người Liban lại đến: “Việc này phức tạp lắm, - ông ta nói. - Trước hết phải phân loại ngọc theo kích thước, rồi theo màu sắc, rồi theo hình dáng, xem thử ngọc tròn hay có hình dáng không đều.

Nói tóm lại, không những việc này phức tạp, mà ngoài ra người Liban còn nói rằng ông ta phải tìm một người mua thông thạo hơn ông. Trong bốn ngày công việc đã xong. Ông ta trả ba mươi ngàn pesos. Vào lúc chót tôi đã lấy ra một viên ngọc màu hồng và hai viên màu đen để tặng bà vợ ông lãnh sự Bỉ. Đúng như những thương gia lành nghề, họ nhân dịp nói với tôi rằng riêng ba viên ngọc ấy đã trị giá năm ngàn pesos rồi. Nhưng tôi vẫn lấy về.

Ông lãnh sự Bỉ làm khó dễ mãi rồi mới chịu nhận ba viên ngọc. Ông sẽ giữ số tiền mười lăm ngàn pesos. Vậy là bây giờ tôi có cả thảy hai mươi bảy ngàn pesos.

Cần phải hoàn thành tốt đẹp việc thứ ba.

Tôi cần phải làm thế nào để thực hiện việc này đây? ở Colombia một người thợ giỏi được trả công từ tám đến mười pesos mỗi ngày. Vậy hai mươi bảy ngàn pesos là một món tiền lớn. Tôi phải tranh thủ thời cơ. Viên chỉ huy đã lĩnh hai mươi ba ngàn pesos. Thêm hai mươi bảy ngàn nữa hẳn sẽ có được năm mươi ngàn pesos.

- Ông chỉ huy này, nếu làm nghề buôn bán, cần phải có bao nhiêu vốn mới có được một mức sống cao hơn mức sống của ông?

- Muốn buôn bán khá giả thì phải có một số vốn từ bốn mươi lăm đến sáu mươi ngàn pesos.

- Số vốn này để được bao nhiêu lãi? Có được gấp ba lần tiền lương của ông không? Hay bốn lần?

- Nhiều hơn. Phải năm sáu lần số tiền tôi được hưởng.

- Thế tại sao ông không chuyển sáng làm nghề buôn bán?

- Vì tôi chỉ có được một nửa số vốn cần thiết.

- Ông chỉ huy ạ, tôi có một việc thứ ba muốn bàn với ông.

- Thôi anh đừng đùa.

- Không, tôi không đùa đâu. Anh có muốn lấy số hai mươi bảy ngàn pesos của tôi không? Nó sẽ là của anh khi nào anh muốn.

- Bằng cách nào?

- Anh để cho tôi đi.

- Francés này, tôi biết anh không tin tôi. Trước đây có lẽ anh có lý. Nhưng bây giờ, khi tôi đã nhờ anh mà thoát khỏi cảnh bần cùng, có thể mua một cái nhà và cho con đi học trường tư, thì anh phải biết rằng tôi là bạn của anh. Tôi không muốn ăn gian của anh mà cũng không muốn người ta giết chết anh: ở đây tôi không thể làm gì cho anh được, dù anh có biếu tôi cả gia tài. Tôi không có cách gì giúp anh vượt ngục với ít nhiều hy vọng thành công đâu.

- Thế nếu tôi chứng minh được cho anh thấy là có cách thì sao?

- Thì ta sẽ xem, nhưng anh phải nghĩ cho kỹ đi đã

- Anh có quen ai làm nghề đánh cá không?

- Có.

- Người đó có thể đưa tôi ra biển và bán thuyền cho tôi không?

- Tôi không biết.

- Thuyền của anh ta giá chừng bao nhiêu?

- Hai ngàn pesos.

- Nếu tôi cho người ấy bảy ngàn và cho anh hai mươi ngàn, thì như thế đã được chưa?

- Francés ạ, với tôi thì mười ngàn là đủ, anh phải giữ lấy ít nhiều mà dùng chứ.

- Anh thu xếp mọi việc đi.

- Anh sẽ đi một mình à?

- Không.

- Máy người?

- Ba người cả thầy.

- Để tôi thử nói chuyện với anh bạn đánh cá đã.

Tôi rất kinh ngạc trước sự thay đổi thái độ của gã này đối với tôi. Với cái mặt sát nhân của hắn, hắn che giấu ở đáy lòng những tình cảm khá tốt đẹp.

Ra sân, tôi đã nói chuyện với Clousiot và Maturette họ nói với tôi rằng tôi thích thế nào thì cứ thế mà làm, họ sẵn sàng theo tôi. Tôi rất xúc động và hài lòng khi thấy họ giao phó tính mạng của họ vào tay tôi như vậy. Tôi sẽ không phụ lòng tin của họ, tôi sẽ thận trọng đến cùng cực, vì tôi đã lĩnh lấy một trách nhiệm lớn lao. Nhưng tôi phải nói cho ba bạn kia biết. Lúc bảy giờ đã gần chín giờ tối. Chúng tôi vừa đánh xong một ván domino. Đây là thì giờ cuối cùng trong ngày mà chúng tôi có được để uống cà~phê. Tôi gọi: "Cafe-tero!" Rồi chúng tôi bắt đầu ngồi uống sáu chén cà-phê nóng.

- Tôi cần nói chuyện với các bạn. Đây. Tôi nghĩ là bây giờ tôi đã có thể lên đường vượt ngục. Tiếc thay, chỉ đi được ba người thôi. Lẽ tự nhiên là tôi phải đi với Clousiot và Maturette là hai người đã cùng vượt ngục với tôi từ đầu. Nếu một trong các bạn thấy có điều gì chưa thông, bạn đó hãy nói thẳng ra, tôi sẽ lắng nghe.

- Không, - anh chàng người Bretagne nói, - làm như vậy là đúng về mọi phương diện. Trước hết vì các anh đã cùng ra khỏi trại khổ sai với nhau. Thứ đến, sở dĩ các anh lâm vào tình cảnh này chính là tại chúng tôi đã muốn đổ bộ xuống Colombia,

Papillon ạ, dù sao cũng cảm ơn anh đã hỏi ý kiến chúng tôi. Nhưng anh hoàn toàn có quyền làm như thế. Chúng tôi cầu mong Chúa giúp các anh thành công, vì nếu các anh bị bắt thì chắc mười phần là phải chết trong những điều kiện hết sức kinh khủng.

- Chúng tôi biết, - Clousiot và Maturette cùng nói một lúc.

Chiều hôm sau viên chỉ huy nói chuyện với tôi rằng bạn hẳn bằng lòng. Hắn hỏi tôi xem chúng tôi cần chở theo những gì trên thuyền.

- Một thùng năm mươi lít nước ngọt, hai mươi kí-lô bột ngô và sáu lít dầu. Chỉ thế thôi.

- Carajo! - Viên chỉ huy kêu lên. - Ra biển mà chỉ đem theo ngân ấy thôi?

- Thế thôi.

- Anh thật cừ khôi, Francés ạ.

Thế là xong cả. Hắn đã quyết tâm làm vụ thứ ba.

Hắn lạnh lùng nói thêm:

- Anh có tin hay không thì tùy, nhưng tôi làm việc này cho các con tôi và sau đó là cho anh. Một người gan góc như anh xứng đáng được giúp như vậy.

Tôi biết rằng hắn nói thật. Tôi cảm ơn hắn.

- Anh sẽ làm thế nào để người ta đừng thấy rõ quá là tôi đồng lòng để cho anh trốn?

- Anh sẽ không bị liên lụy đâu. Tôi sẽ đi vào ban đêm, lúc đã sang phiên gác của viên phó chỉ huy.

- Kế hoạch của anh như thế nào?

- Ngày mai anh bắt đầu bắt một viên cảnh sát trong đội gác đêm. Ba ngày sau anh bắt thêm một đứa nữa. Khi chỉ còn một đứa gác, anh cho dựng một cái chòi canh đối diện với cửa phòng giam. Đến đêm mưa đầu tiên, tên lính gác sẽ vào trú mưa trong chòi canh và tôi sẽ nhảy ra cái cửa sổ phía sau. Về hệ thống đèn xung quanh tường, anh phải tìm cách tự mình làm cháy cầu chì. Đó là

việc duy nhất tôi yêu cầu anh phải tự làm. Anh có thể làm cháy cầu chì bằng cách ném một sợi dây đồng dài một mét, hai đầu buộc hai hòn đá, quàng lên hai sợi dây điện đi từ cột điện đến dây đèn mắc ở phía trên bức tường. Về phần anh bạn đánh cá thì cái thuyền phải được buộc vào bờ bằng một sợi xích có khóa, nhưng anh ta phải phá hỏng cái khóa đi để tôi khỏi mất thì giờ mở bằng chìa, mấy lá buồm phải xếp thế nào cho chúng tôi có thể kéo ngay lên được, và đặt sẵn ba cái chèo lớn để rời bờ trước khi hứng được gió.

- Nhưng thuyền đã có một động cơ nhỏ, - viên chỉ huy nói.

- À! Thế thì càng tốt: anh ta phải để máy nổ ở số không như thể để sưởi máy, trong khi anh ta ghé vào quán cà phê gần nhất để uống chén rượu. Khi thấy chúng tôi đến, anh ta phải đứng cạnh thuyền, mặc áo trắng nhựa đen.

- Thế còn tiền thì sao?

- Tôi sẽ cắt đôi xấp tiền hai mươi ngàn pesos của anh làm hai nửa. Cái món bảy ngàn pesos tôi sẽ trả trước cho anh bạn đánh cá. Tôi sẽ đưa trước cho anh một nửa xấp bạc đã cắt đôi, nửa kia thì một trong mấy người khác ở lại sẽ đưa cho anh sau. Người đó là người nào thì tôi sẽ nói cho anh biết.

- Anh vẫn không tin tôi à? Tệ quá.

- Không, không phải là tôi không tin anh, nhưng anh có thể thất bại thế nào đấy trong khi làm cháy cầu chì và lúc bảy giờ tôi sẽ không trả tiền, vì không cháy cầu chì thì tôi không thể đi được.

- Đồng ý.

Mọi thứ đã sẵn sàng. Thông qua viên chỉ huy, tôi đã trả bảy ngàn pesos cho người đánh cá. Đã năm ngày nay chỉ có một tên canh sát gác đêm trong mỗi phiên. Cái chòi canh đã dựng xong. Chỉ còn đợi trời mưa đêm, nhưng vẫn chưa có đêm nào mưa cả. Chấn song đã được cửa bằng những lưới cửa do viên chỉ huy cấp, vết cửa đã được ngụy trang rất kín, ngoài ra lại còn được che khuất bằng một cái lồng chim trong đó có nuôi một con vẹt đã bắt đầu biết chửi “merde” (cứt) bằng tiếng Pháp. Chúng tôi đều như

đang ngồi trên đồng than hồng. Viên chỉ huy đã nhận được một nửa xấp giấy bạc cất đôi. Đêm nào chúng tôi cũng đợi. Trời vẫn không mưa.

Theo kế hoạch, hễ mưa được một tiếng đồng hồ là viên chỉ huy phải làm cháy cầu chì từ bên ngoài dãy tường. Vẫn không mưa. Mùa này mà như vậy thật hết sức vô lý. Từ sớm, hễ thấy một đám mây nho nhỏ ở bên kia chân song là lòng chúng tôi lại tràn trề hy vọng. Nhưng cuối cùng vẫn chẳng thấy mưa đâu. Có thể phát cuồng lên được. Mọi thứ đã được chuẩn bị xong xuôi từ mười sáu ngày nay: mười sáu đêm thao thức đợi chờ, quả tim thót lên tận họng. Một sáng chủ nhật, viên chỉ huy thân hành ra sân tìm tôi và đưa tôi vào phòng giấy.

Hắn trả cho tôi xấp bạc cất đôi và ba ngàn pesos nguyên.

- Có chuyện gì thế?

- Bạn ơi, bạn chỉ còn một đêm nay nữa mà thôi. Ngày mai đến sáu giờ sáng là cái bạn bị đưa đi Baranquilla. Tôi chỉ giao cho anh ba ngàn pesos của anh bạn đánh cá, vì phần còn lại anh ta đã tiêu hết cho các anh rồi. Nếu Chúa cho trời mưa đêm nay, anh bạn sẽ đợi anh và khi nhận thuyền anh sẽ trả số tiền này cho anh ta. Tôi tin anh, tôi biết là tôi không có gì phải lo sợ cả.

Đêm ấy trời không mưa.

Những chuyện vượt ngục ở Baranquilla

Đến sáu giờ sáng, tám người lính và hai người cảnh binh do một trung úy chỉ huy khóa tay chúng tôi lại và đưa chúng tôi lên một chiếc xe tải nhà binh.

Chúng tôi lên đường đi Baranquilla. Xe vượt qua cái khoảng cách một trăm tám mươi cây số trong ba tiếng rưỡi đồng hồ. Đến mười giờ sáng chúng tôi đã đến cái nhà tù được gọi là “80”, calle Medellin ở Baranquilla. Bấy nhiêu cố gắng để được đi Baranquilla mà rốt cục vẫn đến đây rồi! Đây là một thành phố lớn. Hải cảng quan trọng nhất của xứ Colombia trên Đại Tây Dương, nhưng đặt ở phía trong cửa sông Rio Magdalena. Nhà tù của nó cũng là một

nhà tù lớn: bốn trăm tù nhân và gần một trăm giám thị. Nó được tổ chức như mọi nhà tù ở châu Âu. Hai bức tường có đường đi tuần tra, cao hơn tám mét.

Bộ chỉ huy của nhà tù, đứng đầu là viên giám đốc Don Gregorio, đón tiếp chúng tôi. Nhà tù có bốn khoảng sân. Hai bên này, hai bên kia. Giữa hai bên là một cái nhà thờ dài trong đó thường làm lễ mi-sa, những cũng dùng làm nơi tiếp khách. Chúng tôi được phân vào cái sân dành cho những tù nhân nguy hiểm nhất. Khi lục soát họ đã phát hiện được số tiền hai mươi ba ngàn pesos và hai mũi tên. Tôi tự thấy có bốn phận phải nói trước cho ông giám đốc biết là mấy mũi tên này có tầm thuốc độc, và điều đó chẳng có gì làm tăng được mối thiện cảm của họ đối với chúng tôi.

- Mấy thằng Pháp ấy có cả tên độc nữa đấy!

Bị giam trong cái nhà tù Baranquilla này đối với chúng tôi là thời đoạn nguy nhất trong cuộc phiêu lưu của chúng tôi. Thật vậy, chính đây là nơi mà chúng tôi sẽ bị giao lại cho nhà chức trách Pháp. Phải, Baranquilla đối với chúng tôi chung quy là cái nhà tù khổng lồ của nó, làm thành một điểm mốc. Nhất định phải vượt ngục bằng bất cứ giá nào, dù có phải hy sinh đến đâu cũng bất chấp. Canh bạc này tôi phải đánh xả lảng.

Phòng giam của chúng tôi ở chính giữa sân. Vả chăng đây không phải là một căn phòng mà là một cái chuồng: một cái mái bằng xi-măng đặt trên những dẫy chấn song lớn, ở bốn góc có chỗ rửa mặt và đi ngoài.

Những người tù khác, có khoảng chừng một trăm, được phân vào những căn buồng khoét trong bốn bức tường của khoảng sân rộng hai mươi mét trên bốn mươi, mỗi buồng có một dẫy chấn song trông ra sân. Mỗi dẫy chấn song có lợp một thứ mái hiên bằng tôn để cho mưa khỏi hắt vào buồng giam. Chỉ có sáu tù nhân người Pháp chúng tôi trong cái chuồng trung tâm để hở bốn bên, đêm ngày đều phô ra trước mắt các tù nhân khác, nhưng nhất là trước mắt bọn lính gác. Suốt ngày chúng tôi có thể ra sân hay vào chuồng tùy ý từ sáu giờ sáng đến sáu giờ tối. Ở ngoài sân có thể nói chuyện, đi dạo, thậm chí ăn uống cũng được.

Chúng tôi đến được hai ngày thì họ tập trung cả sáu người trong nhà thờ trước mặt ông giám đốc, mấy viên cảnh sát và bảo toán phóng viên nhiếp ảnh. Các anh là tù vượt ngục từ trại khổ sai Pháp ở Guyane?

- Chúng tôi chưa bao giờ phủ nhận điều đó.

- Mỗi người trong các anh đã phạm những tội gì mà bị xử nghiêm khắc như vậy?

Điều đó không có gì quan trọng. Điều quan trọng là chúng tôi không hề làm điều gì phạm pháp trên đất Colombia, thế mà nước các ông không những khước từ cái quyền của chúng tôi được làm lại cuộc đời, mà còn cam tâm làm kẻ săn người, làm hiến binh cho chính phủ Pháp.

- Nước Colombia nghĩ rằng mình không được chấp nhận các anh vào lãnh thổ.

- Nhưng bản thân tôi và hai người nữa, trước đây cũng như hiện giờ, chúng tôi đều nhất quyết không ở trên đất này. Người ta đã bắt ba chúng tôi giữa biển chứ không phải trong khi đang đổ bộ lên đất này. Ngược lại lúc ấy chúng tôi đang cố hết sức đi thật xa nước các ông.

Phóng viên một tờ báo công giáo nói:

- Người Pháp hầu hết đều là người công giáo, cũng như người Colombia chúng tôi vậy.

- Có thể các người đều được rửa tội theo công giáo, nhưng cách xử sự của các người ít có gì giống với cách xử sự của người thờ Chúa.

- Thế anh trách cứ chúng tôi những gì?

- Các người là những kẻ cộng tác với bọn cai ngục đang săn đuổi chúng tôi. Hơn nữa các người làm chính cái việc của bọn họ. Các người đã tước đoạt chiếc thuyền của chúng tôi với tất cả những đồ đạc thuộc quyền sở hữu của chúng tôi, mà đó lại là quà tặng của những người công giáo trên đảo Curacao được Đức Giám mục Irénée de Bruyne tôn quý đại diện. Chúng tôi không thể chấp

nhận rằng các người không chịu để cho chúng tôi tìm cách tự phục hồi, và tệ hơn nữa các người không cho chúng tôi đi tiếp bằng phương tiện của chính chúng tôi để tìm đến một đất nước nào có thể thừa nhận khả năng đó. Điều này thì không ai có thể dung thứ được.

- Các anh oán trách người Colombia chúng tôi ư?

- Không phải bản thân người Colombia, mà cái hệ thống luật pháp và công an của họ.

- Anh muốn nói gì?

Tôi muốn nói rằng mọi sai lầm đều có thể sửa lại khi người ta muốn. Các người hãy để cho chúng tôi ra đi bằng đường biển đến một nước khác.

- Chúng tôi sẽ cố gắng đòi quyền đó cho các ông.

Khi chúng tôi trở ra sân Maturette nói với tôi:

- Đây? Anh hiểu rồi chứ? Lần này thì không còn ảo tưởng gì nữa anh ạ! Chúng mình đã nằm trên chảo, và nhảy xuống chẳng dễ gì đâu.

- Các bạn ơi, tôi không biết là nếu hợp quán lại chúng ta có mạnh hơn không, nhưng tôi xin nói với các bạn rằng mỗi người từ nay có quyền muốn làm gì thì làm. Còn tôi, nhất định tôi phải vượt ngục ra khỏi cái nhà tù số “80” trứ danh này.

Hôm thứ năm họ gọi tôi ra phòng tiếp khách trong nhà thờ. Tôi trông thấy một người ăn mặc sang trọng trại bốn mươi lăm tuổi. Tôi càng nhìn càng thấy giống Louis Dega lạ lùng.

- Anh là Papillon phải không?

- Vâng.

- Tôi là Joseph, em trai của Louis Dega. Tôi có đọc báo, cho nên bây giờ tôi đến thăm anh.

- Cám ơn.

- Anh có gặp anh tôi ở bên ấy không? Anh có quen anh ấy không?

Tôi kể lại cho Joseph nghe câu chuyện của Dega cho đến ngày hai chúng tôi chia tay ở bệnh viện. Anh ta cho tôi biết rằng Louis bây giờ đang ở Quần đảo Salut: anh ta biết tin này nhờ một bức thư gửi từ Marseille. Khách đến thăm tù ở nhà thờ của trại giam là vào ngày thứ năm và ngày chủ nhật. Joseph nói với tôi rằng ở Baranquilla có độ mươi, mười hai người Pháp đem vợ con sang đây để tìm cách làm giàu. Họ đều làm nghề trùм điếm. Trong một khu vực riêng của thành phố có khoảng gần hai mươi gái điếm đang duy trì cái truyền thống cao cả của nước Pháp về nghệ thuật mãi dâm trang nhã và khôn khéo. Ở đây cũng vẫn những kiểu người đàn ông và đàn bà đúng hệt như từ Le Caire đến Liban, từ nước Anh đến nước Úc, từ Buenos-Aires đến Caracas, từ Sài Gòn đến Brazzaville, đang truyền bá trên khắp trái đất cái nghề chuyên môn xưa cũ như nhân loại: nghề mãi dâm và cách sử dụng nghề này để sống sung túc. Joseph Dega cho tôi biết một điều thật hay ho: mấy ông trùм điếm ở người Pháp ở Baranquilla đang lo lắng. Họ sợ rằng chúng tôi đến ở nhà tù của thành phố này sẽ kinh động đến sự yên ổn của họ, làm phương hại đến cái ngành thương mại đang phồn vinh của họ. Quả nhiên, nếu trong chúng tôi có người vượt ngục, cảnh sát sẽ đến tìm những người đó trong các “casetas” của mấy cô điếm người Pháp, dù người vượt ngục không bao giờ đến nhờ cậy gì các cô hay các ông trùм cả. Hậu quả gián tiếp là công an có thể phát hiện ra khá nhiều điều: giấy tờ giả mạo, giấy phép cư trú quá hạn hay mất hiệu lực. Đi tìm chúng tôi sẽ đưa đến những cuộc kiểm tra căn cước và quyền cư trú. Trong khi đó có những người đàn bà và cả những người đàn ông nữa mà nếu bị lộ thì có thể phiền to.

Như thế là tôi đã được thông báo kỹ tình hình. Joseph Dega nói thêm rằng anh ta sẵn sàng giúp đỡ tôi bất cứ việc gì, thứ năm và chủ nhật nào anh cũng sẽ vào thăm tôi. Tôi cảm ơn con người tốt bụng ấy: về sau anh ta đã cho tôi thấy rõ rằng, theo các báo, nhà chức trách Colombia đã chính thức đồng ý trao trả chúng tôi cho nước Pháp.

Tôi gọi các bạn lại.

- Thưa các Ngài. Tôi có rất nhiều điều cần thưa lại các Ngài.

- Gì thế - Cả năm cùng đồng thanh thốt lên một lượt

- Trước hết là đừng có ảo tưởng. Việc trao trả đã quyết định xong xuôi. Một chiếc tàu đặc biệt của Guyane thuộc Pháp sẽ đến đây chở chúng ta về trại khổ sai. Thứ đến là sự có mặt của chúng ta gây ra nhiều lo âu cho mấy ông trùm đi đồng hương với chúng ta đã lập nghiệp trong thành phố này. Không phải cái ông vừa đến thăm tôi đâu. Ông này thì cóc cần. Nhưng các bạn đồng nghiệp của ông ta sợ rằng một người trong chúng ta vượt ngục thì họ sẽ gặp phải nhiều phiền hà.

Cả bọn cười phá lên. Họ tưởng tôi nói đùa. Clousiot nói:

- Thưa ngài ma-cô Jean Mỗ, xin ngài vui lòng chuẩn y cho tôi vượt ngục, có được không ạ?

- Thôi đừng giỡn nữa. Nếu mấy con đi có đến thăm ta, phải báo nó đừng đến nữa. Đồng ý chứ?

- Đồng ý.

Như tôi đã nói, trong sân của chúng tôi có khoảng một trăm tù nhân người Colombia. Họ tuyệt nhiên không phải là những thằng ngốc. Có nhiều tay thứ thiệt: kẻ trộm ưu tú, chuyên gia làm bạc giả, giấy giả, những tên bịp bợm tinh xảo, những tên chuyên cướp của có vũ khí những tên buôn lậu ma túy mà mấy tên sát nhân chuyên nghiệp đã nhờ kinh nghiệm phong phú mà trở thành điều luyện trong cái nghề này, một nghề rất tầm thường ở Châu Mỹ. Ở đây những kẻ giàu có, các chính khách và các phần tử lưu manh đã thành đạt đều thuê những tên sát nhân chuyên nghiệp này làm việc cho họ.

Màu da của họ rất khác nhau. Từ trước da đen nhánh của người Sénégalais đến nước da màu lá trà của người Créoles ở Martinique thuộc Pháp; từ màu gạch của người Anh-điêng thuộc chủng tộc Mongoloid với bộ tóc trơn màu đen có ánh tím đến màu da trắng thuần chủng. Tôi thử bắt liên lạc với họ, tìm hiểu khả năng và ý chí vượt ngục của một vài cá nhân được chọn lọc kỹ càng. Phần đông những người đó đều như tôi: vì bị xử dài hạn hoặc sợ bị xử dài hạn, họ sống trong tư thế luôn sẵn sàng vượt ngục.

Trên chóp bốn bức tường của khoảng sân hình chữ nhật này có một con đường tuần tra ban đêm thấp đèn rất sáng, ở mỗi góc tường đều có một cái chòi canh nhỏ có một tên lính gác đứng ở trong. Như vậy đêm ngày lúc nào cũng có bốn tên lính canh thường trực, cộng thêm một tên nữa đứng trong sân, ở cạnh cửa nhà thờ. Tên này không cầm vũ khí. Thức ăn khá đầy đủ, và có nhiều tù nhân bày bán những món ăn và những món uống như cà phê hay nước ngọt làm bằng các thứ quả vùng này: cam, dứa, đu đủ, v.v... mua từ bên ngoài vào. Thỉnh thoảng mấy gã tiểu thương này lại bị một vụ cướp bằng vũ lực được thực hiện một cách nhanh chóng lạ thường. Chưa kịp thấy có ai đến thì họ đã bị trùm lên một tấm khăn lớn không sao kêu cứu được nữa, kèm theo đấy là một mũi dao gí vào sườn hay vào cổ, chỉ cần nhúc nhích một cái là bị đâm sâu vào thịt. Nạn nhân bị lột hết số tiền thu được trước khi có thì giờ hiểu được việc gì đã xảy ra. Khi tấm khăn được bỏ ra thì đồng thời cũng có một quả đấm nện vào gáy. Không bao giờ có ai hở miệng nói gì sau khi sự việc đã xảy ra. Đôi khi người bán hàng “đóng cửa hiệu” nghĩa là cất hết những thứ hàng đang bán, và dò xem ai đã cướp mình. Nếu hắn dò ra được thì sẽ có một trận huyết chiến, bao giờ cũng dùng dao.

Hai tên kẻ trộm Colombia đến gặp tôi để bàn việc. Tôi lắng nghe họ rất chăm chú. Theo họ thì trong thành phố có những tên canh sát đồng lõa với kẻ trộm. Mỗi khi đến phiên tuần phòng của họ trong một khu vực nào đấy, họ báo cho đồng lõa biết để đến hành nghề trong khu vực này.

Hai người khách của tôi biết hết những tên canh sát này và nói với tôi rằng nếu trong tuần này không có một trong những tên canh sát đó đến gác cửa nhà thờ thì thật là không may. Tôi phải làm sao có được một khẩu súng ngắn, do một người khách vào thăm đưa lên cho. Tên canh sát kiêm kẻ trộm kia sẽ dễ dàng nhận lời giả vờ bị chúng tôi bắt phải gõ vào cánh cửa sau của nhà thờ dẫn vào một trạm gác nhỏ gồm có bốn hay sáu tên lính canh. Trong lúc bất ngờ, bị chúng tôi chĩa súng vào mặt, bọn này sẽ phải để cho chúng tôi chạy ra đường. Lúc bấy giờ chỉ còn có việc trà trộn vào những người qua đường đi lại tấp nập ở đoạn này.

Tôi không thấy vừa lòng lắm với kế hoạch này.

Muốn đưa một khẩu súng ngắn vào tù, đó phải là một khẩu súng cỡ rất nhỏ, tôi đã là một khẩu 6,35. Một khẩu súng nhỏ như vậy rất có thể không đủ sức làm cho bọn lính gác hoảng sợ. Hoặc giả một trong bọn chúng có thể có một phản ứng bất giờ và chúng tôi sẽ đành phải giết hắn. Tôi từ chối.

Không phải chỉ có tôi đứng ngồi không yên vì khát khao hành động, mà các bạn tôi cũng vậy. Chỉ có chỗ khác nhau là thỉnh thoảng, trong những ngày buồn nản, họ có khi đành lòng chấp nhận rằng chiếc tàu đến chở chúng tôi sẽ gặp được chúng tôi còn ở trong nhà tù. Từ đó đến chỗ chịu thua không xa. Thậm chí họ còn bàn bạc xem thử về đến trại chúng tôi sẽ bị xử lý ra sao, phải chịu những hình phạt gì.

- Tôi không thể nghe nổi những câu chuyện ngu xuẩn của các cậu. Khi nào các cậu muốn nói muốn bàn đến cái thứ tương lai ấy, các cậu chớ để tôi nghe thấy, hãy kéo nhau ra một góc nào đấy mà bàn. Miễn đừng có lôi cái số phận mà các cậu nói tới chỉ có thể chấp nhận được nếu chúng ta đều là những kẻ tàn phế bất lực. Các cậu đã tàn phế cả rồi sao? Trong đám các cậu có cậu nào bị thiên? Nếu có thì cho tôi hay. Vì tôi nói cho các cậu biết: khi tôi nghĩ đến vượt ngục, thì đó là vượt ngục cho cả bọn. Tôi nghĩ đến long óc ra để thu xếp cách vượt ngục chỉ vì tôi muốn cả bọn chúng mình cùng vượt ngục. Sáu người cùng vượt ngục không phải là chuyện dễ. Vì nếu chỉ mỗi một mình tôi thì khi thấy cái ngày ấy đã quá gần mà mình chưa làm được gì cả, tôi rất dễ giải quyết: tôi giết một tên cảnh sát Co-lom-bia để kéo dài thời gian. Tôi mà giết một tên cảnh sát thì họ không đời nào lại trao trả tôi cho nhà chức trách Pháp. Lúc bấy giờ tôi sẽ có thì giờ rộng rãi. Và vì trong trường hợp này tôi vượt ngục một mình, cho nên mọi sự sẽ dễ dàng hơn.

Hai người tù Colombia chuẩn bị một kế hoạch khác, cũng khá tinh xảo. Sáng chủ nhật vào giờ xem lễ, nhà thờ bao giờ cũng đầy những tù nhân và những người khách vào thăm. Lúc đầu mọi người cùng xem lễ rồi khi buổi lễ đã xong, trong nhà thờ chỉ còn lại những tù nhân có khách đến thăm. Hai người Colombia yêu cầu

tôi chủ nhật tới sẽ vào nhà thờ xem lễ để nắm vững cách diễn biến và thu xếp chương trình hành động cho chủ nhật sau. Họ đề nghị tôi đứng ra làm người cầm đầu cuộc nổi loạn. Nhưng tôi từ chối cái vinh dự ấy: tôi chưa biết được thật kỹ những người sẽ cùng hành động.

Tôi nắm vững được trong tay bốn tù nhân Pháp.

Anh chàng người Bretagne và anh chàng “Bàn là” không đồng ý tham gia. Cũng chẳng sao, họ chỉ có việc đứng đến nhà thờ. Đến ngày chủ nhật, chúng tôi, tức bốn người trong cuộc, sẽ đến dự buổi xem lễ. Cái nhà thờ này hình chữ nhật. Trong cùng là bàn thờ; ở khoảng giữa nhà thờ, mỗi bên có một cái cửa mở ra sân. Cửa chính đưa thẳng vào trạm gác. Cửa này có một dãy chấn song, ở bên kia là đội gác, gồm khoảng hai mươi cảnh binh. Cuối cùng, sau lưng họ là cửa ra phố.

Vì trong mỗi buổi lễ, nhà thờ bao giờ cũng đông nghịt, bọn lính gác mở chấn song và xếp hàng sát cạnh nhau đứng chắn cửa trong suốt buổi lễ. Trong số những người khách vào thăm tù nhân sẽ có hai người đồng lõa và mấy người khác giấu vũ khí trong người. Đó là mấy người đàn bà mang những khẩu súng ngắn buộc vào phía trong bắp vế. Khi mọi người đã vào trong nhà thờ, họ sẽ tuôn súng cho hai người đàn ông kia. Đó sẽ là hai khẩu súng cỡ to, 38 hay 45. Người tù đứng đầu cuộc nổi loạn sẽ nhận được một khẩu súng ngắn từ tay một người đàn bà, và người này sẽ lập tức ra khỏi nhà thờ. Hễ cậu bé giúp lễ rung chuông lần thứ hai, cả bọn phải hành động vào cùng một lúc. Phần việc của tôi là giơ một con dao lớn và hòng viên giám đốc nhà tù Don Grégorio, nói: “Da la orden de nos dejar, panar, sinh, te mao”. (Hãy ra lệnh bảo họ để cho chúng tôi đi ra, nếu không tôi giết anh).

Một người khác cũng sẽ làm như vậy với ông linh mục. Ba người kia, từ ba góc khác nhau, sẽ chĩa súng vào mấy tên cảnh sát đứng ở cửa chấn song của lối vào chính. Hễ tên nào không bỏ súng xuống thì phải bắn chết ngay. Những người tham cuộc không có vũ khí sẽ ra trước. Ông linh mục và ông giám đốc sẽ được dùng làm bình phong cho hậu quân. Nếu mọi việc diễn biến một cách bình

thường, tốp cảnh sát đều sẽ bỏ súng xuống đất. Những tù nhân có súng ngắn sẽ lừa họ vào nhà thờ. Chúng tôi sẽ ra ngoài, sau đó đóng cửa chắn song trước, rồi đến cánh cửa gỗ. Căn phòng dùng làm trạm canh sẽ bỏ trống vì cả tốp cảnh sát đều phải đứng dự buổi xem lễ. Ở bên ngoài, cách đây năm mươi mét, sẽ có một chiếc xe tải đậu sẵn, phía sau có móc một cái thang nhỏ để lên xe thật nhanh. Chiếc xe tải sẽ khởi hành sau khi người đứng đầu cuộc nổi loạn lên xe. Người này sẽ lên xe sau cùng. Sau khi dự một buổi xem lễ, tôi đồng ý với kế hoạch này. Mọi việc đều diễn ra như Fernando đã miêu tả.

Joseph Dega sẽ không vào thăm chúng tôi vào chủ nhật tới. Anh ta biết rõ tại sao. Anh ta sẽ chuẩn bị một chiếc xe tắc-xi giả để cho chúng tôi khỏi phải lên xe tải, và sẽ đưa chúng tôi đến một chỗ trống cũng là do anh ta chuẩn bị. Suốt tuần ấy tôi ở trong một tình trạng kích thích cao độ và rất nóng lòng chờ lúc hành động. Fernando đã tìm cách có được một khẩu súng lục bằng một phương tiện khác. Đó là một khẩu 45 của quân Cảnh vệ Colombia, một vũ khí rất đáng sợ. Đến thứ năm, một cô gái trong nhóm “chị em” của Joseph vào thăm tôi. Cô ta rất hòa nhã ân cần, và cho tôi biết rằng chiếc tắc-xi sẽ đón chúng tôi là một chiếc xe sơn màu vàng, chúng tôi sẽ không thể nhầm lẫn được. O K., cảm ơn.

- Chúc các anh may mắn.

Cô ta hôn lên hai má tôi một cách dịu dàng và không khỏi có phản xúc động.

- En tra, en tra (mời vào, mời vào). Hãy vào cho chặt ngôi nhà thờ này để lắng nghe tiếng nói của Chúa, ông linh mục nói.

Clousiot đã sẵn sàng từ đầu đến chân. Maturette hai mắt sáng long lanh, còn người kia không rời tôi một tấc. Rất điềm tĩnh, tôi đứng vào chỗ đã định. Don Gregorio, viên giám đốc nhà tù, ngồi trên một chiếc ghế tựa bên cạnh một bà béo. Tôi đứng sát đường. Bên phải tôi là Clousiot, bên trái tôi là hai bạn kia, đều ăn mặc tử tế để đến khi ra đường không bị người ta để ý. Con dao của tôi đã mở sẵn, được áp sát vào cánh tay phải bằng một sợi dây thun và khuất hẳn trong ống tay áo sơ-mi ka-ki cài kỹ ở cổ tay. Bây giờ

phải chờ đến lúc “nâng mình thánh”, khi mọi người cúi đầu xuống như thể để tìm một cái gì ở dưới đất, và cậu bé giúp lễ sau khi rung chuông rất nhanh, sẽ cho nghe ba hồi chuông tách bạch. Hồi chuông thứ hai là hiệu lệnh của chúng tôi, mỗi người đều biết rõ lúc ấy mình phải làm gì.

Hồi chuông thứ nhất, hồi thứ hai... Tôi lao vào Don Gregorio, con dao dí sát cái cổ to và nhăn nhoe của ông ta. Ông linh mục kêu: “Misericordia, no me ma ta (Xin tha cho, đừng giết tôi)” và tuy không nhìn thấy, tôi nghe rõ ba người kia ra lệnh cho bọn lính gác bỏ súng xuống. Mọi việc đều trôi chảy. Tôi nắm chặt cái cổ áo bộ com-lê rất đẹp của Don Gregorio, nói: Sigua y no tengas miedo, no te ha ré dao. (Theo tôi và đừng sợ, tôi không làm gì ông đâu). Ông linh mục được giữ yên bằng một con dao cạo dí sát họng, gần nhóm chúng tôi. Fernando nói: vamos, Francès, vamos a la salida. (Ta đi thôi, anh bạn Pháp, ra cửa đi).

Lòng khắp khởi vì niềm vui đắc thắng, tôi xua các bạn về phía cửa dẫn ra đường, thì bỗng nhiên có hai tiếng súng nổ cùng một lúc. Fernando gục xuống, và một trong những người có súng cũng ngã lảo ra. Tôi vẫn tiến thêm được một thước nữa, nhưng lúc bấy giờ bọn lính gác đã đứng dậy và giơ súng chặn lại. May thay giữa họ với chúng tôi có mấy người đàn bà, nên họ không dám bắn. Lại hai phát súng trường nữa, sau đó là một phát súng lục. Người bạn có súng thứ ba của chúng tôi vừa bị bắn chết sau khi đã bíp bắn một phát hú họa làm bị thương một người con gái. Don Gregorio mặt xanh như tàu lá, nói với tôi:

- Đưa dao đây.

Tôi đưa dao cho ông ta. Tiếp tục đánh nhau chẳng có ích gì. Trong khoảng không đầy nửa phút tình thế đã bị đảo ngược lại.

Hơn một tuần sau tôi được biết rằng cuộc nổi loạn đã thất bại vì một tù nhân thuộc một sân khác lúc bấy giờ đứng ở ngoài nhà thờ để xem mọi người làm lễ. Ngay những giây đầu tiên chúng tôi hành động, hắn đã báo cho bọn lính canh ở trên thành. Những tên này đã nhảy từ trên bức tường cao hơn sáu mét này xuống sân, hai tên nhảy xuống hai bên nhà thờ, rồi qua những chấn song cửa hai

cửa ngang, họ bắn vào hai người đang đứng trên một chiếc ghế dài chia súng vào tốp cảnh sát. Sau đó vài giây họ lại bắn gục người thứ ba lúc bảy giờ đi qua tầm bắn của họ. Sau đó là một cuộc “corrida”* (*trận đấu bò tót, trong đó những người đấu bò (toreadores) phải giết chết con bò) ngoạn mục. Tôi lúc bảy giờ đang đứng cạnh viên giám đốc bắt ông ta ra lệnh này nọ. Rốt cục mười tù nhân trong đó có bốn chúng tôi bị xích lại và nhốt vào xà lim, chỉ được ăn bánh mì với nước lã.

Don Grégorio đã tiếp Joseph Dega. Ông ta cho gọi tôi lên nói rằng để làm vui lòng Joseph, ông ta sẽ cho tôi trở ra sân cùng với các bạn tôi. Nhờ có Joseph, mười ngày sau cuộc nổi loạn, tất cả chúng tôi đều được trở về khoảng sân cũ và cùng được giam chung trong phòng giam trước kia. Khi về đến phòng giam, tôi yêu cầu các bạn im lặng vài phút để tưởng nhớ đến Fernando và hai người bạn của anh ta đã chết trong khi hành động. Trong một buổi vào thăm Joseph cho tôi biết rằng anh ta đã tổ chức một cuộc quyên tiền, và trong giới trùm điếm anh ta đã thu được năm ngàn pesos để đút cho Don Grégorio. Cử chỉ này làm cho chúng tôi có phần coi trọng bọn trùm điếm hơn trước chút ít. Bây giờ tôi sẽ làm gì? Biết phát minh ra cách gì khác đây? Chẳng lẽ tôi lại chịu thua và đợi chuyển tàu kia mà không hành động gì cả hay sao?

Nằm trong phòng rửa mặt chung, tránh được ánh nắng gay gắt, tôi có thể kín đáo theo dõi cách thức đi lại của bọn lính canh trên con đường tuần tra. Ban đêm cứ mười phút họ lại lần lượt gọi nhau: “Lính canh, hãy coi chừng.” Làm như vậy viên chỉ huy đội canh có thể kiểm tra xem trong bọn tên lính canh có tên nào ngủ không. Nếu có ai không trả lời, người kia gọi lại cho đến khi hắn trả lời mới thôi.

Tôi tưởng đã tìm được một chỗ sơ hở. Số là ở mỗi chòi canh đặt ở bốn góc đường đi tuần đều có treo một cái lon buộc vào một sợi dây. Khi một người lính canh muốn uống cà phê, hắn gọi người cafetero đến rót cho hắn một hay hai chén cà phê vào lon, rồi kéo dây lên mà uống. Cái chòi canh ở cuối sân bên phải hơi nhô ra phía sân một chút. Tôi tự nhủ là nếu tôi có được một cái móc to buộc vào đầu một sợi dây đan, nó sẽ có thể mắc vào cái chòi canh

ấy một cách dễ dàng. Chỉ trong mấy giây tôi có thể vượt qua bức tường trông ra đường. Vấn đề duy nhất là làm sao vô hiệu hóa được tên lính canh. Bằng cách nào?

Tôi trông thấy tên lính canh đứng dậy đi mấy bước trên con đường tuần tra. Tôi thấy hình như hắn nóng quá không chịu nổi và đang ra sức chống lại cơn buồn ngủ. Thôi đúng rồi, phải làm thế nào cho hắn ngủ? Trước hết tôi sẽ đang sợi dây, và nếu kiếm được một cái móc chắc chắn, tôi sẽ tìm cách làm cho hắn ngủ và cố thể phen nữa. Trong hai ngày một sợi dây dài gần bảy mét đã được tết bằng tất cả những chiếc áo sơ-mi bằng vải bền mà chúng tôi kiếm được, nhất là những chiếc áo bằng vải ka-ki. Cái móc thì tìm tương đối dễ, đó là thanh sắt đỡ một cái mái hiên lắp ở cửa các phòng giam cho mưa khỏi hắt vào. Joesph Dega đã đem đến cho tôi một chai thuốc ngủ rất mạnh. Theo lời chỉ dẫn thì mỗi lần chỉ được uống mười giọt. Cái chai đựng gần mười thìa xúp lớn. Tôi tìm cách làm cho tên lính canh chịu uống cà phê của tôi biếu và quen dần với việc ấy. Hắn thông cái lon xuống, tôi rót cho hắn mỗi lần ba cốc cà phê. Vì dân Colombia đều hay rượu, mà thứ thuốc ngủ kia lại có vị giống như rượu hồi, cho nên tôi nhờ kiếm một chai rượu hồi. Tôi nói với tên lính canh:

- Anh muốn uống cà phê pha kiểu Pháp không?
- Nó là thế nào.
- Có cho cả rượu hồi vào đấy.
- Để thử xem, cho tôi nếm đã.

Nhiều tên lính canh đã được nếm mùi cà phê rượu hồi của tôi. Bây giờ mỗi lần tôi mời cà phê họ đều nói: “kiểu Pháp nhé!”.

- Có ngay. - Tôi cứ thế rót rượu hồi vào.

Giờ G đã đến. Ấy là vào giữa trưa một ngày thứ bảy. Trời nóng kinh khủng. Các bạn tôi biết không thể nào có thì giờ cho hai người vượt qua tường được, nhưng một người tù Colombia có một cái tên A-rập là Ali nói với tôi là hắn sẽ treo sau tôi. Tôi đồng ý. Tôi đi với anh này thì các bạn tôi khỏi bị nghi là đồng lõa và khỏi bị phạt về sau. Mặt khác tôi không thể cầm sẵn dây và móc được

vì tên lính canh có đủ thì giờ quan sát tôi trong khi tôi chuyển cà phê lên. Theo ý kiến chung của các bạn tôi, nội trong năm phút hắn phải bị đo ván.

Lúc bảy giờ đã đến “kém năm”. Tôi gọi tên lính canh.

- Thế nào?
- Vẫn thế thôi.
- Anh có uống cà phê không?
- Có pha kiểu Pháp ấy, ngon hơn.
- Đợi tí nhé, có ngay đây.

Tôi đến cafetero: “Hai cà phê”. Trong cái lon của tôi đã rót sẵn cả chai thuốc ngủ. Nếu uống chừng ấy mà sau năm phút hắn không lăn đùng ra thì thật hết chỗ nói! Tôi đến góc tường và hắn trông thấy tôi rót rượu hồi vào lon rõ rành rành.

- Uống tí nhé?
- Ừ!

Tôi rót thêm chút nữa, rồi trút cả sang lon của hắn. Hắn lập tức kéo lên.

Năm phút, mười, mười lăm, hai mươi phút trôi qua! Hắn vẫn chưa ngủ. Tệ hơn nữa, đáng lẽ ngồi xuống thì hắn lại cầm súng đi đi lại lại một lát. Thế mà hắn đã uống hết sạch chứ không phải không. Đến một giờ trưa đã đổi gác rồi.

Như ngồi trên đồng than hồng, tôi theo dõi từng cử động của hắn. Không có dấu hiệu gì thấy hắn đã thấm thuốc. À! hắn vừa vấp chân một cái. Hắn ngồi xuống trước chòi canh, khẩu súng trường chống giữa hai chân. Đầu hắn nghiêng sang một bên. Các bạn tôi và hai ba người tù Colombia biết chuyện cũng đang theo dõi những phản ứng của hắn một cách mải mê không kém gì tôi.

- Nào bắt đầu đi, - tôi nói với gã người Colombia.
- Dây đâu!

Anh ta đang sửa soạn ném dây thì tên lính canh đứng dậy, để khẩu súng rơi xuống đất, vươn vai rồi co chân bước mấy bước

tại chỗ. Gã người Colombia ngừng lại vừa đúng lúc. Chỉ còn mười tám phút nữa là đến giờ đổi gác. Tôi thầm cầu cứu Chúa: “Lạy Chúa giúp chúng tôi một lần nữa! Tôi van Chúa đừng bỏ rơi tôi!” Nhưng tôi kêu mãi vẫn chẳng thấy gì: cái ông Chúa của người Cơ đốc giáo nhiều khi cũng ít thông cảm với người ta lắm, nhất là đối với tôi, một người vô thần.

Clousiot lại gần tôi nói:

- Thế này thì thật! Đến bây giờ mà thằng kia vẫn chưa ngủ thì là thật!

Tên lính canh định cầm súng lên nhưng lúc cúi xuống nhặt khẩu súng hắn bỗng ngã nhào ra đường tuần tra, như thể bị sét đánh. Gã người Colombia ném cái móc lên, nhưng nó lại trượt xuống. Anh ta ném lần nữa. Lần này thì mắc. Anh ta kéo xuống mấy cái để xem thử đã chắc chưa. Tôi cũng kiểm tra lại một lần nữa và khi tôi đạp chân vào tường và co tay lại để leo lên, Clousiot nói:

- Coi chừng Nó đến đổi gác kia kìa.

Tôi vừa kịp rút lui trước khi bị họ nhìn thấy. Được sự thôi thúc tự nhiên của bản năng tự vệ và bản năng đoàn kết của những người tù, một tập tù nhân Co-lom-bia, khoảng mười người, chạy đến vây quanh lấy tôi, tôi liền trà trộn vào bọn họ. Chúng tôi đi dọc bờ tường, để mặc sợi dây lủng lẳng ở phía sau. Một tên cảnh sát trông đội đến đổi gác đã trông thấy cái móc và tên lính canh nằm sấp bên cạnh khẩu súng. Hắn chạy hai ba bước đến ấn vào nút còi bóng động, yên chí rằng vừa xảy ra một cuộc vượt ngục. Người ta đưa cáng đến khiêng tên lính đang ngủ. Bây giờ có đến hơn hai chục tên cảnh sát trên đường tuần tra. Don Grégorio cũng có mặt trong đám ấy. Ông ta ra lệnh kéo sợi dây lên. Cái móc đang nằm trong tay ông ta. Một lát sau bọn cảnh sát đã vây quanh sân, súng chĩa và các tù nhân. Họ bắt đầu gọi tên. Gọi đến tên ai thì người ấy phải trở về buồng giam. Lạ thay! Không thiếu ai cả. Họ liền lấy khóa khóa trái các buồng giam lại.

Lại điểm danh lần thứ hai, và kiểm tra từng buồng. Không, không có ai mất tích cả. Đến ba giờ, họ lại cho chúng tôi ra sân.

Chúng tôi được biết rằng tên lính canh kia hiện đang ngáy như sấm, và tất cả các biện pháp được đem ra dùng không sao đánh thức hắn dậy được: người đồng lõa Colombia của tôi cũng thất vọng không kém gì tôi. Vừa qua anh ta tin chắc mười phần thế nào cũng thành công! Anh ta lớn tiếng chửi bới các thứ hàng Mỹ, vì thuốc ngủ vừa rồi là thuốc Mỹ.

- Biết làm thế nào bây giờ?

- Làm lại chứ còn thế nào nữa! - Tôi chỉ biết trả lời có thế.

Anh ta tưởng tôi muốn nói là phải tìm cách đánh thuốc ngủ một tên lính canh một lần nữa. Thật ra tôi đang nghĩ là phải tìm một cách khác.

Anh ta nói:

- Anh tưởng là bọn cảnh sát ấy ngu đến nỗi sẽ có một thằng nữa chịu uống cà phê theo kiểu Pháp à? Mặc dầu không khí lúc bấy giờ thật bí bách, tôi vẫn không sao nhin cười được.

- Chắc chắn là sẽ có chứ!

Tên lính canh đã ngủ ba ngày và bốn đêm. Đến khi hắn thức dậy, dĩ nhiên hắn báo cáo là chính tôi đã đánh thuốc ngủ cho hắn khi tôi cho hắn uống cà phê pha theo kiểu Pháp. Don Grégorio cho gọi tôi lên để đối chất với hắn. Viên chỉ huy đội lính canh rút gươm định đánh tôi. Tôi nhảy lùi vào góc phòng và thách thức hắn. Hắn giơ cao gươm lên, Don Grégorio xông vào can liền bị một nhát sóng gươm vào vai. Ông ta gục xuống, xương đòn gãy làm đôi. Ông ta kêu to đến nỗi viên sĩ quan kia chỉ còn quan tâm đến ông ta. Hắn đỡ ông ta dậy. Don Grégorio kêu cứu om sòm.

Từ các phòng giấy bên cạnh, tất cả các nhân viên dân sự đều chạy sang. Thế là nổ ra một cuộc ẩu đả giữa viên sĩ quan, hai viên cảnh sát khác và tên lính canh đã bị tôi đánh thuốc ngủ với khoảng một chục viên chức dân sự đang muốn trả thù cho ông giám đốc. Trong cuộc “tangana” này, nhiều người bị thương nhẹ. Người duy nhất bình yên vô sự là tôi. Vấn đề quan trọng bây giờ không còn là trường hợp của tôi nữa mà là vụ xô xát giữa ông giám

độc và viên sĩ quan. Khi ông giám đốc đã được trở vào bệnh viện, người thay thế ông dẫn tôi trở ra sân:

- Việc anh sẽ được xét sau, Francés ạ.

Hôm sau viên giám đốc, vai bó bột, đến yêu cầu tôi viết một bản khai báo tố cáo viên sĩ quan. Tôi khai lại một cách thích thú tất cả những gì người ta muốn tôi khai. Họ đã quên hẳn câu chuyện thuốc ngủ. Chuyện này đối với họ không có gì thú vị nữa: càng may cho tôi.

Mấy ngày sau, Joseph Dega tình nguyện tổ chức một cuộc vượt ngục từ bên ngoài. Vì tôi có nói với anh ta rằng vượt ngục ban đêm là không thể được vì đèn thấp quanh đường đi tuần trên thành phố rất sáng, anh ta tìm cách để cắt dòng điện. Nhờ một thợ điện mạch bảo anh ta đã tìm ra: cần phải hạ cầu giao ở một cái trạm biến thế ở bên ngoài nhà tù. Về phần tôi, tôi đã mua tên lính canh ở phía đường cũng như ở cửa nhà thờ. Việc đó hóa ra phức tạp hơn là người ta tưởng. Trước hết tôi buộc lòng phải thuyết phục Don Gregorio trả lại cho tôi mười ngàn Pesos lấy cớ là để nhờ Joseph gửi cho gia đình tôi, dĩ nhiên đồng thời tôi cũng “cưỡng bách” ông ta nhận hai ngàn pesos để mua quà tặng vợ ông, rồi sau khi đã xác định được người phân bố các phiên gác và giờ đổi gác, lại phải mua cả người này nữa. Hẳn sẽ được ba ngàn pesos, nhưng hẳn không chịu can thiệp vào những cuộc thương lượng với hai tên lính canh kia. Một mình tôi phải đi tìm họ và thương lượng với họ. Sau đó tôi sẽ cho anh ta biết tên và anh ta sẽ cắt phiên gác cho họ đúng vào giờ tôi yêu cầu. Công việc chuẩn bị cho cuộc vượt ngục mới này phải mất hơn một tháng. Cuối cùng, mọi việc đã được ấn định từng phút một. Vì không phải giữ gìn gì với tên canh sát gác ngoài sân, chúng tôi sẽ cửa chấn song bằng một cái cửa kim loại có đủ bộ sậu. Tôi có ba lưỡi cửa. Người tù Colombia ném cái móc hôm trước đã được báo trước. Anh ta sẽ cửa chấn song cửa mình làm nhiều lần. Vào đêm hành động, một người bạn của anh ta, ít lâu nay đã giả vờ điên, sẽ đánh choang choang lên một miếng tôn kẽm và gân cổ lên hát thật to. Anh bạn tù Colombia biết rằng tên lính canh chỉ thỏa thuận cho hai người Pháp vượt ngục và đã nói trước rằng nếu có thêm một người thứ ba lên thành hẳn sẽ bắn. Tuy vậy

anh ta vẫn muốn cầu may và nói với tôi rằng nếu cứ theo sát nhau mà trèo thì trong bóng tối tên lính canh không thể trông thấy rõ là có một người hay hai. Clousiot và Maturette đã bóc thăm để quyết định ai sẽ cùng đi với tôi. Clousiot đã thắng.

Cái đêm không trăng mà chúng tôi chờ đợi đã đến. Viên đội và hai viên canh sát đã nhận một nửa số tiền mà mỗi người được hưởng. Lần này tôi không phải cắt đôi nữa, vì đã có những tờ giấy bạc được cắt đôi sẵn. Sau này họ sẽ đến lĩnh nửa còn lại ở Barrio Chino, cửa hiệu của vợ Joseph Dega.

Đèn tắt. Chúng tôi cựa chân song. Không đầy mười phút đã dứt. Mình mặc quần dài và áo sơ-mi sẫm màu, chúng tôi ra khỏi buồng giam. Người tù Colombia ra nhập bọn khi chúng tôi đi ngang. Anh ta chỉ mặc một cái si-líp đen. Tôi leo lên chân song cửa của một buồng giam xây trong tường, đi vòng qua mái hiên, ném cái móc buộc vào ba thước dây. Chỉ ba phút sau tôi đã đứng trên đường đi tuần, không một tiếng động. Nằm sấp sát đất, tôi đợi Clousiot. Đêm tối như mực. Tôi bỗng trông thấy, hay nói cho đúng hơn cảm thấy một bàn tay giơ ra, tôi cầm lấy và kéo mạnh. Một tiếng động khủng khiếp vang lên. Đó là vì khi người Clousiot trườn qua giữa mái hiên và bức tường, cái khóa thắt lưng của anh đã vướng vào cái mái tôn. Dĩ nhiên khi nghe tiếng động tôi ngừng kéo. Tám tôn không kêu nữa. Tôi lại kéo Clousiot, tưởng rằng anh ta đã gỡ được, và mặc cho tám tôn kêu vang dội, tôi kéo thật mạnh làm cho chỗ vướng bị bật ra, rồi lôi anh ta lên trên đường đi tuần.

Có mấy phát súng nổ từ các chòi canh của các khu vực khác nhưng ở khu vực chúng tôi vẫn im lặng. Vì hốt hoảng khi nghe tiếng súng, chúng tôi nhảy xuống một con đường thấp cách bờ tường đến chín mét trong khi đáng lẽ phải đi sang bên phải rồi nhảy xuống một con đường khác chỉ cách có năm mét. Kết quả: Clousiot bị gãy lại chân phải. Tôi cũng không đứng dậy được: tôi bị gãy xương cá hai bàn chân. Về sau tôi sẽ biết rõ đó là hai cái xương gót chân. Người tù Colombia bị sái một bên đầu gối. Mấy phát súng đã làm cho đội gác đêm chạy ra phố. Họ chiếu một ngọn đèn pin lớn vào chúng tôi và chĩa súng bắt chúng tôi đứng im. Tôi bật khóc vì uất ức. Tệ hơn nữa là bọn canh sát không chịu tin rằng tôi

không đứng dậy được. Tôi phải dùng hai đầu gối bò dưới hàng trăm mũi lưới lê thức vào người mà lê vào phòng giam. Clousiot thì nhảy lò cò một chân, người Colombia cũng vậy. Đầu tôi chảy máu dữ dội vì một phát báng súng.

Mấy phát súng đã đánh thức Don Grégorio đang ngủ trong phòng giấy: may thay, đêm hôm ấy ông ta trực ở nhà tù. Không có ông ta họ đã đánh chết chúng tôi bằng báng súng và lưới lê rồi. Kẻ hăng máu nhất trong khi đánh đập tôi chính là viên đội mà tôi đã đút tiền để cắt phiên gác cho hai tên lính canh đồng lõa.

Don Grégorio chặn đứng ngay trận đánh đập dã man ấy, ông đe dọa sẽ đưa họ ra tòa nếu họ đánh chúng tôi trọng thương. Câu thần chú ấy làm cho họ tê liệt ngay. Hôm sau cái chân của Clousiot bó bột ở bệnh viện. Người tù Colombia được một ông thầy lang ở tù nắn lại đầu gối và được mang một cái băng Velpeau. Trong đêm ấy thấy hai chân tôi sưng lên to bằng cả cái đầu, bị bầm giập đến cùng cực, máu me bê bết, ông bác sĩ cho tôi ngâm hai chân vào nước muối ấm, rồi sai y tá cho đĩa hút máu ba lần một ngày. Khi đã hút máu no căng, mấy con đĩa tự rơi ra, người ta bỏ nó vào dấm cho nó nhả máu. Vết thương ở đầu tôi phải khâu sáu mũi. Một nhà báo khát tin cho đăng một bài báo nói về tôi. Hắn kể rằng tôi là người đứng đầu cuộc nổi loạn ở nhà thờ, rằng tôi đã đầu độc một tên lính canh, và cuối cùng tôi đã tổ chức một cuộc vượt ngục tập thể có sự hỗ trợ từ bên ngoài vì có người đã cắt điện ở khu phố bằng cách hạ cầu giao ở trạm biển thề. “Ta hãy hy vọng rằng ở nước Pháp sẽ cho người đến thật sớm để cho chúng ta thoát khỏi tên gangster số 1 của họ. Hắn kết luận.

Joseph có vào thăm tôi, cùng đi với vợ là Annie. Viên đội và ba viên cảnh sát đã đến đòi lĩnh nửa số tiền còn lại, mỗi người đến vào một lúc khác nhau. Annie đến là để hỏi tôi xem chị ta phải xử sự như thế nào. Tôi nói với chị là phải đưa tiền cho họ, vì họ đã làm đúng lời cam kết. Chúng tôi thất bại không phải tại họ.

Từ một tuần nay các bạn phải chở tôi đi dạo trong sân trên một chiếc xe kít kít bằng sắt vốn cũng là giường nằm của tôi. Tôi nằm trên xe, hai chân gác cao lên một tấm vải căng giữa hai

miếng ván lắp thẳng đứng trên hai càng xe. Đó là tư thế duy nhất không làm cho tôi đau quá. Hai chân tôi, đầy ứ những máu đông đặc, sưng to tướng, không thể đặt lên một cái gì hết, dù là ở tư thế nằm. Được gác chân lên thật cao như vậy, tôi đỡ đau được một chút. Gần mười lăm ngày sau, nó đã xẹp đi được một nửa, và người ta cho tôi đi chiếu điện. Hai cái xương gót tôi đều gãy. Suốt đời tôi sẽ có hai bàn chân bết.

Tờ nhật báo ra hôm nay đăng tin là cuối tháng chuyến tàu chở đội áp giải của cảnh sát Pháp đến nhận chúng tôi sẽ cập bến. Chiếc tàu tên là “Mana”, tờ báo viết như vậy. Hôm nay là ngày mười hai tháng mười. Chúng tôi còn mười tám ngày nữa: bây giờ phải đánh con bài cuối cùng. Nhưng đánh con bài gì với hai bàn chân gãy của tôi?.

Joseph tuyệt vọng. Hôm vào thăm, anh ta kể cho tôi nghe rằng tất cả những người Pháp ở đây và tất cả các cô làm ở Barrio Chino đều rất khổ tâm khi thấy tôi đã vật lộn dữ dội bấy nhiêu lâu để dành tự do mà chỉ còn mười mấy ngày nữa đã bị trao trả cho nhà chức trách Pháp. Tình cảnh của tôi làm cho tất cả giới Pháp kiều ở đây xao xuyến. Đó là một trợ lực tinh thần đã an ủi tôi rất nhiều.

Tôi đã từ bỏ ngay cái dự định giết một tên cảnh sát Colombia. Thật vậy, không có lý do gì tôi lại nỡ làm thiệt mạng một người chẳng có thù oán gì với tôi. Tôi nghĩ rằng người ấy có thể có một ông bố, một bà mẹ cần được nuôi dưỡng. Tôi mỉm cười khi nghĩ rằng cần phải tìm một tên cảnh sát thật ác mà lại không có gia đình. Chẳng hạn, tôi có thể hỏi hắn: “Nếu tôi giết anh thì có ai thiệt hại gì không, có ai mất nơi nương tựa không?” Sáng hôm nay ngày 13 tháng mười, tôi rất ủ ê chán chường. Tôi nhìn một mẩu đá acid picric mà nếu ăn vào thì tôi sẽ mắc bệnh hoàng đản. Nếu người ta cho tôi nằm bệnh viện, có lẽ tôi sẽ có thể nhờ Joseph thuê người đánh tháo tôi ra ngoài. Ngày hôm sau da tôi đã vàng như nghệ. Don Gregorio đi ra sau thăm tôi: lúc bảy giờ tôi đang nằm trên chiếc xe cút kít để ở một chỗ có bóng râm, hai chân gác cao lên. Lập tức, không quanh co, không chút thận trọng, tôi tấn công:

- Tôi biếu ông mười ngàn pesos nếu ông cho tôi nhập viện.

- Để tôi thử xem. Không phải vì mười ngàn pesos kia, mà vì tôi rất phiền lòng khi thấy anh vật vã dữ dội như vậy để tìm tự do mãi mà vẫn không được. Chỉ có điều tôi không tin rằng họ sẽ giữ anh lại ở bệnh viện, vì cái bài báo kia đã làm cho họ quá sợ anh.

Một giờ sau, bác sĩ cho tôi đến bệnh viện. Tôi chưa kịp chạm đất thì đã được đưa ra khỏi bệnh viện ngay.

Được đưa từ trên xe cứu thương xuống trên một cái cang, tôi được khám rất kỹ, có xét nghiệm nước tiểu, trong khi vẫn nằm trên cang. Hai giờ sau họ đưa tôi trở về nhà giam.

Hôm ấy là ngày 19, một ngày thứ năm. Annie, vợ của Joseph, đến trại giam với một cô người Corse. Họ cố đem vào cho tôi một ít thuốc lá và bánh kẹo. Với những lời lẽ ân cần, trù mến của họ, hai người đàn bà này đã đem lại cho tôi một niềm an ủi lớn lao. Đẹp đẽ nhất là sự thể hiện của tình bạn trong treo của họ, đã thực sự biến cái ngày cay cực này thành một ngày chan hòa ánh nắng. Tôi sẽ không bao giờ có thể diễn đạt được hết niềm an ủi mà tình đoàn kết của những người cùng giới đã đem lại cho tôi trong thời gian bị giam ở nhà tù “80”. Tôi cũng không sao nói hết được lòng biết ơn của tôi đối với Joseph Dega đã không ngần ngại giúp tôi vượt ngục, mặc dầu làm như vậy anh ta có thể đi đến chỗ mất quyền tự do và mất phương tiện sinh sống.

Nhưng có một câu nói của Annie đã gợi cho tôi một ý hay. Trong khi chuyện trò, cô nói:

- Anh Papillon, anh đã làm tất cả những gì mà sức con người có thể làm được để tìm cách dành lại tự do. Số phận đối với anh thật quá tàn nhẫn. Anh chỉ còn thiếu cách làm nổ tung cái nhà tù “80” này!

Ừ nhỉ! Sao lại không? Tại sao tôi lại không làm nổ tung cái nhà tù cũ kỹ này đi nhỉ? Đó sẽ là một việc rất có ích cho dân Colombia. Nếu tôi cho nổ cái nhà tù này, may ra họ mới quyết định cho xây một cái nhà tù mới, vệ sinh hơn.

Khi ôm hôn hai người thiếu phụ dễ thương này để vĩnh biệt họ, tôi nói với Annie:

- Chị nói với Joseph chủ nhật vào gặp tôi nhé.

Ngày chủ nhật 22, Joseph đã có mặt.

- Joseph ạ, anh phải làm tất cả những gì có thể làm được để đến thứ năm có ai đưa vào cho tôi một thỏi thuốc nổ dynamite, một cái kíp nổ và một sợi dây ngòi. Về phía tôi, tôi sẽ tìm cách có được một cái khoan để khoan gạch.

- Anh sẽ làm gì vậy?

Tôi sẽ làm nổ bức tường của nhà tù giữa ban ngày. Anh cứ hứa trả năm ngàn pesos cho chiếc xe tắc-xi giả hôm trước. Xe phải có mặt trên con đường phía sau nhà tù từ tám giờ sáng đến sáu giờ chiều, ngày nào cũng vậy. Người lái xe sẽ được năm trăm pesos một ngày nếu không có gì xảy ra, năm ngàn pesos nếu có gì xảy ra. Qua cái lỗ sẽ được mở trên tường khi mìn nổ, một tù nhân Colombia to khỏe sẽ cống tôi ra xe, và bây giờ đến lượt người lái xe hành động. Nếu anh ta bằng lòng, anh hãy gửi thỏi mìn đến. Nếu không thì thế là hết, không còn hy vọng gì nữa.

- Anh cứ tin vào tôi, - Joseph nói.

Đến năm giờ tôi nhờ một bạn cống tôi vào nhà thờ. Tôi bảo là tôi muốn cầu nguyện một mình. Các bạn cống tôi vào đấy. Tôi nhấn Don Grégorio vào gặp tôi trong nhà thờ. Ông ta đến.

- Hombre, chỉ còn tám ngày nữa là anh phải ra đi.

- Chính vì thế mà tôi nhấn ông đến đây. Ông còn giữ hộ tôi mười lăm ngàn pesos. Trước khi đi tôi muốn chuyển số tiền ấy cho bạn tôi để anh ta gửi về cho gia đình tôi. Xin ông nhận cho ba ngàn pesos, tôi xin biếu ông số tiền đó với tất cả lòng thành vì ông trước sau vẫn luôn luôn che chở cho tôi đỡ bị hành hạ. Xin ông làm ơn đưa số tiền lại cho tôi với một cuộn băng dính để từ đây đến thứ năm tôi dán nó lại và đưa cho bạn tôi.

- Được!

Ông ta trở lại và giao cho tôi mười hai ngàn pesos vẫn còn bị cắt đôi. Ông giữ lại ba ngàn.

Khi đã trở về nằm trên xe cút kít, tôi gọi người tù Colombia ra một góc vắng vẻ, nói cho anh ta biết dự định của tôi và hỏi xem anh ta liệu có đủ sức công tôi đi hai ba mươi mét ra đến xe tắc-xi không. Anh ta cam đoan là sẽ làm được. Vậy phía này có thể coi như xong. Tôi cứ hành động thế đã biết chắc là Joseph sẽ thành công. Sáng ngày thứ hai tôi bảo các bạn đưa tôi ra phòng rửa mặt từ sớm, và bảo Maturette, người mấy hôm nay cùng với Clousiot thay phiên nhau làm “tài xế” đẩy xe cút kít cho tôi, liền đi tìm tên đội mà tôi đã cho ba ngàn pesos và đã đánh đập tôi dã man trong vụ vượt ngục vừa rồi.

- Trung sĩ Joseph, tôi cần nói chuyện với anh.

- Anh muốn gì?

- Tôi cần một cái khoan máy rất mạnh có ba tốc độ và sáu cái mũi khoan để khoan gạch, hai cái cỡ nửa phân, hai cái cỡ một phân và hai cái cỡ một phân rưỡi đường kính.

- Tôi không có tiền để mua.

- Năm trăm pesos đây.

Ngày mai thứ ba đến lúc đổi phiên gác một giờ trưa anh sẽ có các thứ đó. Chuẩn bị số tiền hai ngàn pesos kia đi.

Một giờ trưa ngày hôm sau tôi đã có đủ cái thứ đó để trong cái thùng rác rỗng ở ngoài sân - đó là một cái thùng đựng giấy lộn, cứ mỗi lần đổi gác lại đổ một lần. Pablo, người tù Colombia vạm vỡ, ra nhặt các thứ đồ khoan đem cất đi.

Ngày thứ năm 26 mãi không thấy Joseph vào. Đến cuối buổi thăm tù mới có người gọi tôi. Đó là một người Pháp già, nhăn nhoe, do Joseph phái đến.

- Trong ổ bánh mì này có thứ anh cần. Đây là hai ngàn pesos cho người lái tắc-xi. Mỗi ngày năm trăm. Người lái tắc-xi là một ông già Peru rất hăng. Về phía ấy anh đừng lo gì cả. Ciao* (*chào - tiếng ý, gần như đã trở thành một cách chào quốc tế).

- Ciao.

Trong một cái túi giấy lớn, để cho họ đừng chú ý đến ổ bánh mì, các bạn tôi đã để mấy bao thuốc lá, mấy bao diêm, một chuỗi xúc xích hun khói, một khúc saucisson, một gói bơ và một lọ dầu ô-liu đen. Trong khi người lính canh lục soát cái túi giấy, tôi cho hắn một bao thuốc lá, vài bao diêm và hai cái xúc xích.

Hắn nói:

- Anh cho tôi một miếng bánh mì đi. Chỉ còn thiếu có thể nữa thôi!

- Không, bánh mì thì đi mua lấy mà ăn. Năm pesos đây, cầm lấy. Vì từng này bánh mì sao đủ cho sáu người ăn.

Ừ. Thật may mà thoát. Ai lại đi nảy ra cái ý cho thằng ấy ăn xúc xích! Cái xe cút kít vội vàng lánh xa tên cảnh sát lảm chuyện kia. Việc tên cảnh sát xin bánh mì đã làm cho tôi phát hoảng đến nỗi bây giờ tôi vẫn còn toát mồ hôi.

- Ngày mai là ta bắn pháo hoa đấy. Mọi thứ đã đầu vào đấy, Pablo ạ. Phải khoan lỗ đúng ở phía dưới chỗ chòi canh nhô ra. Thằng mú ở bên trên không thể trông thấy cậu được.

Nhưng hắn có thể nghe thấy.

- Tôi đã liệu trước việc này. Lúc mười giờ sáng, khoảng sân phía này sẽ có bóng rợp. Phải làm sao cho một người trong cái kíp gò đồng đang làm việc ở nhà lao gõ búa vào một tấm đồng áp vào tường cho thẳng cách chúng ta vài mét, ngay ngoài sân. Có hai người càng tốt. Tôi sẽ cho họ mỗi người năm trăm pesos. Cố tìm hai người ấy đi.

Anh ta đã tìm ra.

- Hai anh bạn của tôi sẽ gõ đồng liên tiếp. Tên lính canh sẽ không nghe được tiếng khoan đâu. Có điều là anh với cái xe cút kít phải ở vào một vị trí xê ra ngoài một chút, xung quanh có mấy anh bạn người Pháp làm như đang bàn bạc việc gì với anh. Để cho tên lính canh ở góc bên kia khó trông thấy tôi.

Trong một tiếng đồng hồ cái lỗ đã khoan xong. Nhờ những tiếng búa đánh lên đồng và nhờ có một người giúp việc rót dầu lên mũi khoan, tên lính canh không thấy gì khả nghi cả. Thở mìn được nhét vào lỗ ngòi nổ được lắp vào mìn, thò ra ngoài có hai mươi phân ngòi. Thở mìn được chêm bằng đất sét. Chúng tôi lui ra. Nếu mọi việc đều ổn, đến khi mìn nổ trên tường sẽ có một lỗ hồng. Tên lính canh sẽ rơi xuống cùng với cái chòi canh và Pablo sẽ công tôi chui qua lỗ hồng ra xe tắc-xi. Máy người kia sẽ tự lo liệu lấy.

Trên lý thuyết thì Clousiot và Maturette dù có ra sau chúng tôi cũng sẽ đến xe tắc-xi trước chúng tôi. Ngay trước khi châm ngòi Pablo báo cho một nhóm tù người Colombia biết.

- Nếu các anh muốn vượt ngục, chốc nữa sẽ có một lỗ hồng trên tường.

- Như thế cũng tốt vì bọn cảnh sát sẽ vướng chân, và có bắn thì bắn những người chạy ở phía sau. Chúng tôi châm ngòi. Một tiếng nổ khủng khiếp làm cả khu phố rung chuyển. Cái chòi canh rơi xuống với cả tên lính canh. Bức tường nứt nẻ thành những khe hở chạy ra tứ phía, hở rộng đến nỗi có thể nhìn thấy dãy phố bên ngoài, nhưng không có một chỗ hở nào đủ rộng để một người có thể lọt qua. Như vậy là vụ nổ đã không tạo được một đột phá khẩu cho chúng tôi, và mãi đến lúc ấy tôi mới thừa nhận rằng mình đã thất bại. Số tôi đúng là phải trở về trại khổ sai ở Cayenne. Sau tiếng nổ, cả nhà tù nhốn nháo lên một cách không có gì tả xiết. Trong sân có đến hơn năm chục tên cảnh sát. Don Grégorio hiểu rất rõ đầu đuôi câu chuyện. Ông ta nói với tôi:

- Bueno (Tốt), Francés ạ. Lần này là lần cuối cùng, tôi chắc thế.

Viên chỉ huy đội lính gác giận dữ điên cuồng. Hắn không thể ra lệnh đánh đập một người bị thương nằm trên xe cút kít, trong khi tôi, để khỏi liên lụy đến các bạn khác, cứ lớn tiếng tuyên bố rằng chính tôi và chỉ một mình tôi gây ra vụ này. Sáu tên cảnh sát được cắt đứng canh trước cái tường nứt nẻ, sáu tên trong sân nhà tù, sáu tên đứng ngoài đường, sẽ canh gác thường xuyên cho đến

khi thợ nề sửa xong bức tường. Tên lính gác ở trên chòi rơi xuống, may thay, không bị thương tích gì cả.

Trở về trại khổ sai

Ba ngày sau, ngày 30 tháng mười, vào lúc mười một giờ sáng, mười hai viên giám thị của trại khổ sai mặc quân phục trắng, đến nhận chúng tôi. Trước khi khởi hành có một nghi lễ chính thức nho nhỏ: mỗi người trong chúng tôi đều phải được xác định căn cước và nhận dạng. Họ đã đem theo những tờ phiếu ảnh đặc hình: chụp dấu lằn tay, đầy đủ bộ sậu, của từng người, để làm việc ấy. Sau khi đã xác minh căn cước, viên lãnh sự Pháp đến ký một văn kiện trao cho viên chánh án của quận này là người có nhiệm vụ chính thức trao trả chúng tôi cho nước Pháp. Tất cả những người có mặt tại đây đều ngạc nhiên vì cái thái độ thân hữu của bọn giám thị đối với chúng tôi. Không có một lời nói nặng, cũng không có lấy một cử chỉ thù địch. Ba người tù đã ở trại lâu hơn chúng tôi quen với nhiều viên giám thị, họ nói chuyện và đùa cợt với mấy gã này như với những người bạn cũ. Viên chỉ huy đội áp giải là thiếu tá Boursal rất quan tâm đến tình trạng của tôi, ông ta nhìn đôi bàn chân của tôi và nói với tôi rằng lên tàu họ sẽ chăm sóc cho tôi, rằng trong đội áp giải có một người y tá rất tốt sẽ cho việc ấy.

Chuyến vượt biển dưới căn hầm tàu thủy rất gian khổ vì ở đây nóng nực khó thở, hai chân chúng tôi lại phải cùm từng hai người một vào những thanh sắt được dùng cho phạm nhân từ thời trại khổ sai Toulon.

Trong chuyến đi chỉ xảy ra một việc đáng ghi lại: chiếc tàu phải ghé Trinidad để lấy than. Khi tàu ghé vào cảng, một sĩ quan hải quân Anh yêu cầu phái tháo cùm của chúng tôi ra. Hình như công pháp quốc tế cấm xích hay trói người đang đi trên tàu. Tôi đã lợi dụng cơ hội này để tát tai một sĩ quan thanh tra Anh khác. Tôi làm như vậy là để nhà chức trách Anh bắt tôi và đưa tôi lên bộ. Viên sĩ quan nói với tôi:

- Tôi sẽ không bắt anh và sẽ không đưa anh lên bộ vì cái hành động nghiêm trọng mà anh vừa làm. Bị đưa về chỗ ấy là một trừng phạt nặng hơn nhiều đối với anh.

Thế là tôi đã phí công vô ích. Quả thật cái số của tôi là phải trở về trại khổ sai. Thật quá rủi ro, mười một tháng vượt ngục, mười một tháng vật vã đấu tranh căng thẳng đã kết thúc một cách thật là thảm hại. Thế nhưng bất chấp tất cả, bất chấp cái hồi âm vang dội của những cuộc phiêu lưu dồn dập, chuyến quay về trại giam với tất cả những hậu quả cay đắng của nó, vẫn không thể xóa nhòa những giờ phút khó quên mà tôi vừa sống qua.

Gần hải cảng Trinidad mà chúng tôi vừa từ giã, chỉ cách đây mấy cây số là nơi ở của gia đình Bowen nhân hậu tuyệt vời. Tàu cũng đã đi qua khá gần Curagac, nơi trú ngụ của một bậc vĩ nhân làm giám mục xứ này: Irénée de Bruyne. Chắc chắn là tàu chúng tôi cũng đã đi qua gần lãnh thổ của người Anh-điêng Guajiros, nơi mà tôi đã được biết tình yêu đắm say và trong sáng nhất dưới cái hình thức hồn nhiên, nguyên thủy của nó. Tất cả sự trong sáng mà chỉ có trẻ thơ mới có được, cách nhìn sự vật một cách thơ ngây của cái tuổi diễm phúc này, tôi đều đã tìm thấy trong những người con gái Anh-điêng đầy ý chí, có một tâm hồn giàu có về khả năng thông cảm, về tình yêu đơn sơ và trong sạch.

Và những người hủi của đảo Bồ câu nữa! Những người tù khổ sai khốn khổ bị mắc cái bệnh ghê tởm này mà vẫn còn đủ sức tìm thấy trong lòng mình bấy nhiêu tình thương cao thượng để giúp đỡ chúng tôi?

Cho đến viên lãnh sự Bỉ với lòng nhân hậu hồn nhiên của ông ta, cho đến Joseph Dega, người không hề quen biết tôi mà vẫn vì tôi sẵn sàng làm những việc nguy hiểm cho bản thân như vậy. Tất cả những người mà tôi đã được biết trong chuyến vượt ngục này đều xứng đáng để cho nó được thực hiện. Tuy đổ vỡ tan tành, cuộc vượt ngục của tôi là một chiến thắng, ít nhất là vì nó làm cho tâm hồn tôi phong phú thêm khi được làm quen với những con người hiếm có đó. Không, tôi không hề hối tiếc là đã vượt ngục.

Và đây là sông Maroni với dòng nước đục ngầu. Chúng tôi đang đứng trên boong tàu Mana. Ánh nắng nhiệt đới đã bắt đầu thiêu đốt dải đất này. Lúc bấy giờ là chín giờ sáng. Tôi thấy lại cái cửa biển rộng mênh mông kia: chúng tôi đang từ từ tiến vào nơi mà tôi đã ra đi với một tốc độ bão tố như vậy. Các bạn tôi im lặng không nói. Máy người giám thị rất hài lòng là đã về đến nơi. Vừa rồi biển xấu trong suốt chuyến đi, cho nên bây giờ nhiều người trong bọn họ cảm thấy nhẹ nhõm.

16 tháng mười một 1934.

Trên bến một đám người rất đông đã tập hợp lại. Có thể cảm thấy họ đang tò mò chờ đợi, nô nức muốn xem mặt những con người gan góc đã dám đi xa như vậy. Vì hôm ấy là ngày chủ nhật cho nên đây cũng là một cơ hội giải trí cho cái xã hội nhỏ này, vốn không có nhiều phương tiện giải trí. Họ bảo nhau: Đây cái người bị thương là Bướm bướm. Còn người kia là Clousiot. Còn anh này là Maturette... - Và cứ thế mãi.

Trong trại tù, sáu trăm người được xếp hàng thành từng khối trước mặt các lán. Cứ mỗi khối lại có mấy viên giám thị đứng cạnh. Người đầu tiên tôi nhận ra được là Francois Sierra. Anh ta khóc công khai, không hề giấu giếm. Anh ta đã leo lên một khung cửa sổ của bệnh xá để nhìn thấy tôi. Có thể cảm thấy rõ rằng nỗi đau lòng của anh là thật. Chúng tôi dừng lại ở giữa trại. Viên chỉ huy trại cầm loa lên nói:

- Các phạm nhân, các người có thể thấy rõ rằng vượt ngục là vô ích. Dù các người có đến nước nào thì cũng sẽ bị bắt lại và trao trả cho nước Pháp. Không đâu người ta thu nhận các người. Vậy tốt hơn cả là các người nên khuất phục và có hạnh kiểm cho tốt. Cái gì đang chờ đợi năm người kia? Một hình phạt rất nặng mà họ phải chịu ở nhà tù cầm cố trên đảo Saint-Joseph rồi sau đó họ sẽ bị cầm cố chung thân ở quần đảo Salut. Đó, kết quả mà họ đã thu được trong chuyến vượt ngục là như vậy. Tôi hy vọng rằng các người đã hiểu. Giám thị, hãy dẫn mấy người kia vào khu trừng giới.

Mấy phút sau, chúng tôi được giam vào một buồng giam riêng ở khu giám sát nghiêm ngặt. Vừa đến một cái là tôi yêu cầu họ chăm sóc đôi bàn chân hãy còn giập nặng và sưng khá to. Clousiot kêu là chỗ bó bột ở chân rất đau. Chúng tôi thử cầu may... Nếu họ cho chúng tôi vào bệnh viện thì hay quá! Francois Sierra đến với viên giám thị của anh ta. Tên lính gác nói:

- Y tá đến kìa.
- Anh có khỏe không Papi?
- Tôi ốm, tôi muốn đi bệnh viện.
- Tôi sẽ cố đưa anh vào bệnh viện, nhưng sau những việc anh đã làm ở đằng ấy, việc này chắc không thể nào thực hiện được. Clousiot cũng thế.

Sierra xoa chân cho tôi, xúc cho tôi một ít thuốc mỡ, xem lại chỗ bó bột cho Clousiot rồi bỏ đi. Chúng tôi không nói gì với nhau được vì bọn cảnh sát đang đứng đấy, nhưng mắt anh ta nhìn tôi dịu dàng trìu mến đến nỗi tôi xúc động tận đáy lòng.

Hôm sau, Sierra nói trong khi xoa bóp cho tôi một lần nữa:

- Không có cách gì có thể đưa anh vào bệnh viện được. Anh có muốn tôi chạy cho anh được đưa vào một phòng giam chung không? Ban đêm anh có phải cùm chân không?
- Có
- Nếu vậy anh về phòng giam chung thì hơn. Anh vẫn bị cùm, nhưng không bị cô độc. Mà lúc này bị cô độc thì rất khổ cho anh.
- Đồng ý.

Phải, vào lúc này tình trạng bị cô độc còn khó chịu hơn trước kia nữa. Trong tâm trạng của tôi hiện nay, thậm chí chẳng cần nhắm mắt tôi cũng có thể thả hồn đi lang thang trong dĩ vãng cũng như trong hiện tại. Và vì tôi không đi được, cho nên bị giam xà-lim bây giờ sẽ khổ hơn trước nhiều.

Thế là tôi đã thực sự trở về “con đường của sự thối nát”. Thế mà trước đây tôi đã thoát ra khỏi con đường ấy rất nhanh, và đã

bay trên mặt biển về phía tự do, về phía niềm vui được làm người trở lại, về phía sự phục thù nữa. Món nợ mà bộ ba Polein, cảnh sát và biện lý hãy còn mắc đối với tôi, tôi không được quên. Về phần cái rương, tôi không cần giao nó cho bọn cảnh binh gác ngoài cổng sở Cảnh sát tư pháp. Tôi sẽ mặc giả làm nhân viên của hãng chuyên chở Cook, đầu đội một cái mũ lưỡi trai rất đẹp mang huy hiệu của hãng.

Trên rương dán một cái nhãn thật to: ủy viên Quận cảnh sát Benoit, 36 Quai des Orfèvres à Paris (Seine). Tôi sẽ thân hành đưa cái gương lên phòng báo cáo, và vì tôi đã tính chính xác cho cái đồng hồ đánh thức khởi động ngòi nổ đúng vào lúc tôi đã ra về, cho nên vụ này không thể thất bại được. Tìm được giải pháp rồi tôi thấy lòng nhẹ hẫng đi. Về phần tên công tố viên, tôi có đủ thì giờ nhờ lưỡi hẫng. Cách thức chưa được quyết định, nhưng việc này coi như đã giải quyết xong. Tôi sẽ cắt lưỡi hẫng từng miếng một, cái lưỡi chuyên làm đi ấy.

Còn bây giờ thì mục tiêu nhãn tiền trước tiên là phải chữa cho khỏi đôi bàn chân. Tôi phải đi lại được càng nhanh càng tốt. Phải ba tháng nữa tôi mới bị đưa ra tòa xử, mà trong ba tháng thì có khỏi việc xảy ra. Một tháng để đi, một tháng để thu xếp mọi việc, thế là xin chào các ngài. Mục tiêu: Honduras thuộc Anh, nhưng lần này thì sẽ không có ai bắt được tôi nữa.

Hôm qua, ba ngày sau khi chúng tôi trở về trại, người ta đã khiêng tôi vào phòng giam chung. Ở đây có bốn mươi người đang chờ bị đưa ra hội đồng trưng giới. Người thì bị buộc tội ăn trộm, người thì tội ăn cướp, có ý đốt nhà, giết người, mưu sát, vượt ngục hay tìm cách vượt ngục, và thậm chí cả tội ăn thịt người nữa.

Phòng giam chia ra làm hai bên, mỗi bên có hai mươi người nằm trên dãy ván gỗ, chân quay ra phía giữa, và đều bị cùm vào một thanh sắt dài mười lăm mét: cứ đến sáu giờ chiều, chân trái mỗi người đều được mắc vào thanh sắt ấy bằng một cái vòng sắt lớn có thể khóa lại được. Đến sáu giờ sáng người ta tháo mấy cái vòng sắt ấy ra, và suốt ngày chúng tôi có thể ngồi, đi lại đánh cờ, nói chuyện trên cái lối đi rộng hai mét chạy qua suốt phòng. Ban

ngày tôi không có thì giờ để buồn chán. Mỗi người đều đến thăm tôi từng tập nhỏ để nghe tôi kể chuyện vượt ngục. Ai cũng kêu là tôi điên khi nghe tôi nói là đã tự ý rời bỏ cái bộ lạc Guajiros của tôi, bỏ cả Lali và Zoraima.

Một người Paris nói:

- Anh còn đi tìm cái gì nữa, hờ anh bạn? Xe điện chẳng? thang máy? rạp xi-nê? đèn điện và các đồ dùng chạy điện như ghế điện chẳng hạn? hay anh bạn muốn tắm ở cái bể nước trên quảng trường Pigalle? Làm sao thế anh bạn? anh cứ tiếp tục ở đấy thì có được hai cô đào cô nào cũng ngon lành, anh sống trần truồng giữa thiên nhiên với cả một lũ người nudistes* (*Nudisme là một phong trào thịnh hành ở Tây Âu, chủ trương không mặc áo quần để gần thiên nhiên hơn. Họ sinh hoạt trong những khu trại riêng, nội quy ấn định là ai nấy đều phải khỏa thân) rất dễ ưa anh ăn, anh uống, anh săn bắn, anh có biển, có nắng, có cát ấm, cho chí ngọc trai cũng là của anh mà anh chẳng mất công gì cả, thế mà anh lại từ bỏ tất cả những cái đó để đi đâu? Anh nói đi nào? Để phải vượt qua các đường phố vừa đi vừa chạy cho khỏi bị xe cán, để bị bắt buộc phải trả tiền thuê nhà, tiền thợ may, tiền điện và tiền điện thoại, và nếu muốn có xe đi thì phải ăn trộm nếu không chịu làm việc như một thằng mồi cho một ông chủ để kiếm vừa đủ khỏi chết đói? Tôi thật không hiểu nổi anh, anh bạn ạ! Anh đang ở trên thiên đường, thế mà lại tự ý quay xuống địa ngục, nơi mà ngoài những nỗi lo âu của cuộc sống anh còn có thêm một mối lo nữa là phải trốn tránh tất cả những tên cảnh sát của toàn thế giới đang đuổi theo anh. Quả tình anh còn giữ được bầu máu Pháp còn tươi và chưa có đủ thì giờ thấy những năng lực thể chất và tinh thần của mình sa sút. Tôi đây với mười năm khổ sai vừa qua, tôi không còn hiểu được anh nữa. Nhưng thôi, dù sao anh đến đây chúng tôi cũng rất hoan nghênh. Và chắc chắn là anh vẫn giữ ý định làm lại từ đầu: vậy thì anh hãy tin rằng tất cả chúng tôi đều sẵn sàng giúp anh. Phải không các cậu? Các cậu đồng ý chứ?

Tất cả những người bị giam trong lán đều tỏ đồng tình, và tôi cảm ơn tất cả bọn họ.

Họ đều là những con người rất đáng sợ: điều đó tôi thấy rõ. Ở chung chạ thế này thật khó lòng mà giấu họ: thế nào rồi người này hay người khác cũng sẽ nhận thấy tôi có plan. Vì ban đêm mọi người đều bị cùm chân vào thanh sắt chung, cho nên giết một người nào đó một cách an toàn không phải là việc khó. Chỉ cần bí mật gặp tên A-rập giữ chìa khóa vào ban ngày rồi dứt cho hắn một số tiền để hắn nhận lời không khóa kỹ cái vòng cùm chân. Đến đêm, sẽ tháo vòng ra, thực hiện ý định và thản nhiên trở về nằm ở chỗ cũ sau khi bóp chặt cái vòng lại. Vì tên A-rập là đồng lõa gián tiếp hắn sẽ câm như hến.

Tôi trở về đây đã được ba tuần. Ba tuần ấy đã qua khá nhanh. Tôi bắt đầu đi lại được chút ít bằng cách vịn vào thanh sắt ngăn cách hai dãy ván nằm. Tôi đang tập đi những bước đầu. Tuần trước, trong buổi hỏi cung, tôi đã gặp lại ba tên cảnh sát gác ở bệnh viện đã bị chúng tôi đánh ngất và tước súng. Họ rất hài lòng khi thấy chúng tôi trở về và hy vọng rằng một ngày kia chúng tôi sẽ rơi vào đúng chỗ họ canh gác. Vì sau chuyến vượt ngục của chúng tôi cả ba đều bị phạt nặng: bãi bỏ sáu tháng nghỉ phép ở châu Âu; cắt phụ cấp lương thuộc địa trong một năm. Thành thử cuộc gặp gỡ giữa hai bên không lấy gì làm thân thiện. Chúng tôi báo cáo rõ những sự uy hiếp này trong buổi hỏi cung để người ta ghi nhận.

Người A-rập giữ chìa khóa có một thái độ tốt hơn. Hắn chỉ nói đúng sự thật, không phóng đại và không nhắc đến vai trò của Maturette trong việc này. Viên đại úy kiêm dự thẩm đã hỏi đi hỏi lại rất nhiều xem ai là người đã kiếm thuyền cho chúng tôi. Chúng tôi đã làm cho ông ta ngờ vực vì trót kể những chuyện không thể nào tin được, như là chuyện chúng tôi tự làm lấy bè, v.v...

Vì vụ đánh bọn giám thị, ông ta nói với chúng tôi rằng ông ta sẽ cố hết sức mình để đòi xử cấm cố năm năm cho tôi và Clousiot, ba năm cho Maturette.

- Và một khi anh đã mang biệt hiệu Bướm bướm, anh hãy tin tôi, tôi sẽ cắt hết cánh của anh, và anh chẳng dễ gì bay lên được đâu.

Tôi rất sợ rằng ông ta nói đúng.

Chỉ còn đợi hai tháng nữa là ra tòa. Tôi tự trách mình rất nhiều là đã không bỏ vào plan một hoặc hai mũi tên tẩm thuốc độc. Giá bây giờ tôi còn hai mũi tên đó có lẽ tôi sẽ có thể chơi xả láng trong khu trường giới.

Hiện nay mỗi ngày tôi đều có tiến bộ: tôi đi càng ngày càng khá hơn. Ngày nào cũng vậy, hai lần vào buổi sáng và buổi chiều, Sierra đến xoa bóp cho tôi bằng đầu long não rất đều. Những chuyển đến thăm và xoa bóp này giúp ít cho tôi rất nhiều về thể chất cũng như về tinh thần. Trên đời này có được một người bạn thật quý hóa vô cùng.

Tôi đã nhận thấy rằng cuộc vượt ngục mấy ngày vừa qua đã đem lại cho chúng tôi một uy tín không thể chối cãi đối với tất cả các phạm nhân. Tôi tin chắc rằng chúng tôi được an toàn tuyệt đối giữa đám người này. Chúng tôi không có nguy cơ bị giết. Tất cả mọi người, không trừ một ai, đều kính trọng và hơn nữa còn khâm phục chúng tôi. Việc đánh ngất bọn gác đã làm cho chúng tôi được liệt vào loại người sẵn sàng làm bất cứ việc gì. Được cảm thấy mình an toàn cũng thật thú vị.

Mỗi ngày tôi lại đi nhiều thêm một ít, và nhiều khi nhờ cái chai dầu nhỏ mà Sierra để lại cho tôi, có những người tình nguyện xoa bóp cho tôi không những hai bàn chân, mà cả các cơ của bắp chân đã bị teo lại vì lâu ngày không cử động.

Một người A-rap và đàn kiến

Trong phòng giam này có hai người rất trầm lặng, không bao giờ nói chuyện với ai. Lúc nào cũng dính chặt vào nhau, họ chỉ nói chuyện riêng với nhau, và nói nhỏ đến nỗi không ai có thể nghe thấy gì được.

Một hôm, được Sierra đem cho một bao thuốc lá Mỹ, tôi cho một trong hai người một điếu. Hắn cảm ơn tôi rồi nói:

- Francois Sierra là bạn anh phải không?
- Phải, đó là người bạn tốt nhất của tôi.
- Có lẽ một ngày kia, nếu mọi sự hỏng hết, chúng tôi sẽ nhờ anh ấy chuyển gia tài của chúng tôi cho anh.
- Gia tài gì thế?
- Tôi và bạn tôi đã quyết định là nếu bị đưa lên máy chém, chúng tôi sẽ chuyển plan của chúng tôi cho anh để anh dùng nó mà vượt ngục lần nữa.
- Hai anh nghĩ là sẽ bị xử tử à?
- Điều đó gần như chắc chắn, chúng tôi rất ít khả năng thoát khỏi.
- Nếu việc xử tử các anh đã chắc đến như vậy, sao họ lại để các anh trong phòng giam chung này?
- Tôi nghĩ là họ sợ chúng tôi tự tử nếu được giam xà-lim riêng.
- À phải, có thể như thế. Thế các anh đã làm gì mà bị xử tử?
- Chúng tôi đã cho một đàn kiến ăn thịt một thằng A-rập. Việc này tôi nói ra là vì họ có bằng chứng không thể chối cãi được. Chúng tôi đã bị bắt quả tang.
- Việc xảy ra ở đâu?
- Ở Cây số 42, ở trại tử thần cạnh vịnh Sparouine.
- Bạn anh ta đã đến cạnh chúng tôi, đó là một người Toulouse. Tôi cho anh ta một liều thuốc lá Mỹ. Anh ta ngồi xuống bên cạnh bạn, trước mặt tôi.
- Chúng tôi chưa bao giờ hỏi ý kiến ai cả, - người mới đến nói, - nhưng tôi rất muốn biết anh nghĩ về chúng tôi như thế nào.
- Anh bảo làm sao tôi có thể nói được, trong khi tôi chưa biết gì hết, về vấn đề các anh đúng hay sai khi cho kiến ăn một con người đang sống, dù là một người “giữ chìa khóa” A-rập? Muốn có ý kiến, tôi phải biết hết sự việc từ A đến Z.

- Để tôi kể cho anh nghe, - người Toulouse nói.

Trại Cây số 42, Saint-Laurent bốn mươi hai cây số, là một trại lâm nghiệp. Ở đây tù khổ sai phải dẫn mỗi ngày một mét khối gỗ cứng. Đến chiều anh phải đứng cạnh chỗ gỗ anh đã dẫn và xếp gọn lại. Bọn giám thị, có bọn giữ chìa khóa người A-rập đi theo, vào tận nơi ở trong rừng để kiểm tra xem anh đã đạt chỉ tiêu chưa. Nếu được coi là đạt, mỗi khối gỗ được đánh dấu bằng sơn đỏ, sơn xanh hay vàng, tùy từng ngày. Họ chấp nhận nếu mỗi thanh gỗ đều là gỗ cứng. Để làm việc tốt hơn, hai người lập thành một kíp. Nhiều khi chúng tôi không thể đạt chỉ tiêu được. Những lúc ấy tôi về họ nhốt chúng tôi vào xà-lim không cho ăn, và sáng hôm sau, vẫn phải nhịn đói, chúng tôi lại bị đưa đi làm việc: ngày hôm ấy, ngoài chỉ tiêu bình thường ra còn phải làm thêm để bù cho gỗ thiếu hôm qua. Cứ cái đà ấy thì chẳng bao lâu mà chết vì kiệt sức.

“Với cái tình trạng này, chúng tôi mỗi ngày một yếu đi và càng ít khả năng làm đủ chỉ tiêu. Thêm vào đây, người ta cắt cho chúng tôi một tên gác riêng không phải là giám thị, mà là một thằng A-rập. Hắn đi với chúng tôi ra công trường, tìm chỗ ngồi thật thoải mái, cái roi cặc bỏ đặt giữa háng, mồm không ngớt chửi mắng chúng tôi. Khi ăn, hắn nhai chóp chép thật to để cho chúng tôi thèm. Nói tóm lại là một sự hành hạ liên tục. Chúng tôi có hai cái plan mỗi cái đựng ba ngàn francs, để dùng khi vượt ngục. Một hôm chúng tôi quyết định mua gã A-rập. Bảy giờ tình thế càng tệ hơn. Cũng may là từ trước tới nay hắn vẫn tưởng hai chúng tôi chỉ có một plan. Phương sách của hắn rất giản dị: chẳng hạn đưa cho hắn năm mươi francs thì hắn cho chúng tôi đến các khối gỗ đã được duyệt hôm trước, lấy trộm những thanh gỗ không dính sơn để thêm vào khối gỗ của ngày hôm ấy. Cứ như thế, lần thì năm mươi francs, lần thì một trăm, hắn đã bòn được của chúng tôi gần hai ngàn francs.

“Thấy chúng tôi đã bắt đầu đạt được chỉ tiêu, họ rút thằng A-rập về. Nghĩ rằng hắn sẽ không tố giác chúng tôi vì đã bòn được của chúng tôi một số tiền lớn như vậy, chúng tôi tiếp tục lấy cắp gỗ ở các khối đã duyệt để thêm vào khối gỗ chỉ tiêu hàng ngày như khi còn thằng A-rập. Một hôm hắn ngấm ngấm theo dõi chúng tôi

từng bước, để xem chúng tôi có lấy cắp gỗ không. Rồi hắn bỗng lộ mặt ra: “à! à. Vẫn lấy cắp gỗ mà không chịu trả tiền cho tao? Nếu mày không đưa tao năm trăm francs, tao sẽ tố giác”.

Nghĩ rằng hắn chỉ dọa thế thôi, chúng tôi từ chối.

Hôm sau hắn lại trở lại:

- Trả tiền đi không thì tối nay mày vào xà-lim.

Chúng tôi lại từ chối. Đến chiều hắn trở lại có mấy tên lính đi theo. Thật kinh khủng, Papillon ạ! Sau khi lột trần truồng chúng tôi ra, họ dẫn tôi đến những khối gỗ mà chúng tôi đã lấy bớt, rồi bắt chúng tôi chạy về tháo tung các khối mới xếp được rồi lại chạy ra xếp gỗ vào những khối bị lấy bớt, còn chúng nó thì chạy theo sát gót chúng tôi, tên A-rập luôn tay quát roi cặc bò vào người chúng tôi. Cuộc “corrida” này kéo dài hai ngày, chẳng ăn uống gì hết. Mỗi lần chúng tôi ngã xuống, tên A-rập lại đá vào người hay dùng roi cặc bò quát chúng tôi túi bụi. Cuối cùng chúng tôi nằm ì ra đất, vì không còn sức đâu mà gượng dậy được nữa. Anh có biết nó làm thế nào để bắt chúng đứng dậy không? Nó đã lấy một cái tổ ong lửa, một loại ong vò vẽ hoang ở trong khu rừng này. Nó chặt cái cành có một bầy ong làm tổ và chà cái cành ấy lên người chúng tôi. Đau đến phát điên lên được, không những chúng tôi đứng dậy mà còn chạy như điên. Anh thừa biết ong vò vẽ đốt đau như thế nào. Thế mà mỗi chúng tôi bị đến năm sáu chục con đốt, anh cứ tưởng tượng xem. Ong lửa đốt đau nhức ghê gớm, còn hơn cả ong vò vẽ.

Họ giam xà-lim, bắt chúng tôi ăn bánh mì chấm nước lã mười ngày liền, không chữa chạy gì hết. Chúng tôi đã bôi nước đái lên các vết đốt, nhưng vẫn bỏng rát suốt ba ngày liên tục. Tôi mù mắt con mắt trái vì nó đến một chục con ong lửa bầu vào đấy. Khi họ cho chúng tôi trở về trại, các phạm nhân khác quyết định giúp chúng tôi. Mỗi người chia cho chúng tôi một thanh gỗ cứng có kích thước thống nhất. Gộp lại cũng được một khối, thành thử cả hai chúng tôi chỉ còn phải cắt một khối nữa thôi. Trong tình trạng của chúng tôi lúc bấy giờ, cắt được một khối cũng hết sức vất vả. Nhưng chúng tôi đã cắt được. Dần dà, chúng tôi cũng đã lấy lại

sức. Chúng tôi đã cắt rất nhiều. Rồi cũng do sự tình cờ mà chúng tôi nảy ra cái ý trả thù tên A-rập bằng một đàn kiến. Trong khi đi tìm gỗ cứng, chúng tôi phát hiện một cái tổ kiến ăn thịt rất lớn trong một bụi rậm, đang ăn thịt một con hoẵng to bằng con dê.

Thằng A-rập vẫn đi tuần để kiểm tra công việc chặt gỗ. Một hôm chúng tôi dùng cán rìu đánh vào đầu cho hắn ngất đi, rồi kéo lê hắn đến cạnh cái tổ kiến. Chúng tôi lột trần hắn ra và để hắn nằm thành hình cung quanh một góc cây, chân tay trói chặt vào gốc cây bằng những sợi thừng lớn dùng để buộc gỗ.

Chúng tôi dùng rìu cửa đứt mấy chỗ trên người hắn. Chúng tôi lại nhét cỏ vào đầy mồm hắn để hắn không thể kêu được, rồi lấy khăn buộc chặt ra ngoài. Xong đâu đấy chúng tôi đứng đợi. Đàn kiến chỉ bắt đầu tấn công khi chúng tôi thọc một cái gậy vào tổ kiến và lay mạnh cho kiến rơi xuống người tên A-rập.

Sự việc chẳng kéo dài được bao lâu. Một nửa giờ sau hàng ngàn kiến đã bầu lên tên A-rập. Anh bao giờ trông thấy loài kiến ăn thịt chưa?

- Chưa, chưa bao giờ. Tôi có thấy loại kiến đen rất lớn.

- Loài kiến này thì nhỏ li ti mà màu đỏ như máu. Chúng giết những mảnh thịt nhỏ xíu và tha về tổ. Nếu chúng tôi đã bị đau vì ong đốt, anh thứ tướng tượng hắn đã phải đau đớn như thế nào khi bị hàng ngàn con kiến như thế rút thịt từng tí một trong khi còn sống.

Cơn hấp hối của hắn đã kéo dài trọn hai ngày và một buổi sáng. Sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ, hắn không còn mắt nữa.

Tôi thừa nhận rằng hai đứa chúng tôi đã tàn nhẫn trong cách trả thù, nhưng phải thấy rõ bản thân hắn đã tàn bạo đối với chúng tôi đến mức nào. Chúng tôi không chết cũng là chuyện thần kỳ. Dĩ nhiên người ta đi tìm tên A-rập khắp nơi, và bọn giữ chìa khóa A-rập khác, cũng như bọn lính gác, đều nghi ngờ rằng chúng tôi không phải không liên quan gì đến việc hắn mất tích.

Trong một bụi rậm khác, mỗi ngày chúng tôi đào một ít để có một cái lỗ dùng để chôn xác hắn. Họ vẫn chưa biết gì về tên A-rập,

thì một hôm có tên lính gác trông thấy chúng tôi đang đào lỗ. Đến hôm sau, khi đi làm hẩn đi theo chúng tôi để xem thử chúng tôi làm gì. Chính vì thế mà chúng tôi bị lộ.

Sáng hôm ấy, khi đến nơi làm việc, chúng tôi cởi dây trói thằng A-rập vẫn còn đầy kiến nhưng gần như chỉ còn xương, và trong khi chúng tôi đang lôi nó về phía cái hố (chúng tôi không khiêng nó được vì sợ bị kiến đốt đến trọng thương), chúng tôi bị ba tên A-rập giữa chìa khóa và hai tên giám thị bắt gặp. Họ đã nấp kín đợi một cách kiên nhẫn cho đến khi chúng tôi chôn nó.

Thế đấy! Chúng tôi một mực khai rằng đã giết hẩn chết rồi mới cho kiến ăn. Lời buộc tội căn cứ vào biên bản của bác sĩ pháp y nói rằng không thấy có một vết thương nào chết người trên mình hẩn: người ta khẳng định rằng chúng tôi đã cho kiến ăn hẩn trong khi hẩn còn sống.

Người lính canh được phân làm trạng sư cho chúng tôi theo tập quán xử án ở đây có nói với chúng tôi rằng nếu câu chuyện của chúng tôi được chấp nhận thì chúng tôi có thể thoát chết. Nếu không, có thể nắm chắc án tử hình. Nói thật, chúng tôi rất ít hy vọng. Chính vì thế mà tôi và bạn tôi đã chọn anh làm người thừa hưởng gia tài mà không nói cho anh biết. Ta hãy hy vọng rằng tôi sẽ không thừa hưởng gia tài của các anh, tôi thành tâm cầu mong như vậy.

Chúng tôi châm thuốc hút, và tôi thấy họ nhìn tôi có ý chờ đợi tôi nói rõ ý kiến của mình.

- Tôi biết hai anh đang đợi tôi nói rõ cách phán xét của tôi về trường hợp của hai anh, với tư cách một con người, như hai anh đã yêu cầu trước khi kể chuyện. Xin hỏi một câu cuối cùng - điều này sẽ không có ảnh hưởng đối với kết luận của tôi: số đông trong phòng này nghĩ thế nào, và tại sao hai anh không nói chuyện với ai cả?

- Số đông nghĩ rằng chúng tôi phải giết hẩn, nhưng không nên để kiến ăn sống hẩn. Còn sở dĩ chúng tôi im lặng không nói chuyện với ai là vì trước đây có một cơ hội vượt ngục bằng cách nổi loạn, thế mà họ không chịu làm.

- Bây giờ tôi xin nói ý kiến của tôi. Các anh trả lại gấp trăm những gì mà hần đã làm cho các anh là đúng: cái vụ tổ ong lửa không thể nào tha thứ được. Nếu các anh lên máy chém, đến phút cuối cùng các anh hãy nghĩ thật tập trung về một điều duy nhất: Họ sắp chặt đầu tôi, việc này sẽ kéo dài ba mươi giây kể từ khi trói tay, đẩy vào cái cùm cổ cho đến khi lưỡi dao sập xuống. Còn hần đã hấp hối trong sáu mươi tiếng đồng hồ. Tôi là người thắng cuộc”. Về phần có liên quan đến những người trong phòng này, tôi không biết các anh có đúng không, vì hồi ấy các anh tin rằng một cuộc nổi loạn vào hôm ấy có thể đưa đến cuộc vượt ngục chung, còn những người khác thì có thể không nghĩ như vậy. Mặt khác, trong một cuộc nổi loạn bao giờ người ta cũng có thể bị đặt vào tình thế phải giết người một cách bất đắc dĩ. Thế nhưng trong tất cả những người ở đây chỉ có hai anh và anh em Gravelle là có nguy cơ bị xử tử. Các bạn ạ, mỗi tình thế cá biệt đều đưa đến những phản ứng khác nhau, nhất định là như thế.

Thỏa mãn với buổi nói chuyện, hai con người đáng thương ấy lui về chỗ và lại bắt đầu sống trong sự im lặng mà họ vừa phá vỡ trong chốc lát để nói chuyện với tôi.

Cuộc vượt ngục của những kẻ ăn thịt người

“Nó chén mất cái chân gỗ rồi!” “Một ra-gu dùi gỗ, một!”.

Hoặc bắt chước giọng đàn bà: một suất bít-tết đàn ông rán kỹ không bỏ hạt tiêu nhé!”.

Giữa đêm khuya thỉnh thoảng lại nghe la lên một câu như vậy hoặc cả ba câu liền.

Clousiot và tôi cứ băn khoăn không hiểu tại sao lại có những câu nói ném ra một cách bâng quơ như vậy trong đêm khuya.

Cho đến chiều nay tôi mới biết căn nguyên câu chuyện. Người kể cho tôi nghe là một nhân vật của câu chuyện tên là Marius de la Ciotat, chuyên gia về kết sắt. Khi đã biết rằng tôi có quen với bố anh ta, ông Titin, anh ta không ngần ngại nói chuyện với tôi. Sau khi kể cho anh ta nghe một phần trong chuyện vượt

ngực của tôi, tôi hỏi: “Còn anh?” - hỏi lại như vậy là điều rất tự nhiên.

- Ô, tôi thì đã tham gia vào một chuyện rất xấu xa. Tôi e rằng chỉ vì một cuộc vượt ngục mà lĩnh năm năm cấm cố. Nó được mệnh danh là “cuộc vượt ngục của những kẻ ăn thịt người”. Những câu “Nó chén rồi” hay là “một ra-gu, v.v...” và thỉnh thoảng anh có nghe thấy là nói về hai anh em Graville.

“Chúng tôi có sáu người trốn từ Cây số 42. Trong bọn có cả Dédé và Jean Graville, anh ba mươi lăm tuổi, em ba mươi, vốn là người Lyon, một người Naples ở Marseille và tôi, người ở La Ciotat, rồi thì một anh chàng ở Angers có một chân gỗ và một cậu thanh niên hai mươi ba tuổi, được hấn dùng làm vợ. Khi ra khỏi sông Maroni thì ổn cả, nhưng ra đến biển chúng tôi không sao điều khiển được thuyền, và chỉ trong mấy tiếng đồng hồ đã bị giạt vào bờ biển Guyane thuộc Hà Lan.

“Thuyền bị đắm, mất sạch không vớt vát được chút gì lương thực cũng như đồ đạc. May mà hãy còn giữ được những áo quần đang mặc trên người. Nơi chúng tôi bị giạt vào không có bãi cát, biển vào thẳng trong rừng rậm. Chỗ này những cây bị gãy gốc hay bị biển bứng lên cả rễ đan chi chít vào nhau.

“Đi suốt một ngày mới đến chỗ khô ráo. Chúng tôi chia ra làm ba nhóm, nhóm thứ nhất là hai anh em Graville, tôi với Guesepi đi với nhau, còn gã chân gỗ đi với thằng bạn nhỏ. Mỗi nhóm đi về một phía, nhưng mười hai ngày sau nhóm Graville và nhóm chúng tôi lại gặp nhau gần đúng ở chỗ đã chia tay nhau. Xung quanh toàn là bùn lầy, tìm mãi không có một lối nào qua được. Không cần phải tả cho anh thấy mặt mũi chúng tôi lúc bấy giờ ra sao. Suốt mười ba ngày chúng tôi không ăn gì ngoài mấy mẩu rễ cây hay mầm cây. Đói và mệt lả, hoàn toàn kiệt sức, chúng tôi quyết định là Marius và tôi sẽ thu hết tàn lực trở ra bờ biển, buộc một chiếc áo sơ mi lên một ngọn cây, càng cao càng tốt, để ra dấu thú với chiếc tàu tuần tra bờ biển đầu tiên của Hà Lan thế nào cũng sẽ đi qua đây. Hai anh em Graville sẽ ở lại nghỉ vài giờ rồi đi tìm vết tích của hai người kia.

Tìm chắc cũng dễ vì ngay từ đầu chúng tôi đã thỏa thuận là sẽ bẻ cành cây đánh dấu những chỗ vừa đi qua.

Thế rồi mấy giờ sau, hai anh em thấy gã chân gỗ trở lại một mình.

- Còn thằng bé đâu?
- Tớ để nó ngồi lại cách đây rất xa, vì nó không đi được nữa.
- Cậu bỏ nó lại như vậy thật là quá tệ.
- Chính nó muốn quay lại.

Đến đây Dédé nhận thấy cái chân duy nhất còn lại của hắn đi một chiếc giày của cậu bé.

- Cậu lại còn bắt nó cởi giày ra cho cậu đi nữa. À! Khá thật. Mà cậu có vẻ khỏe khoắn lắm chứ không phải như chúng mình. Rõ ràng là cậu vừa được ăn.

- Đúng, tớ tìm được một con khỉ lớn bị què.

- Thế thì may cho cậu. - Đến đây Dédé đứng dậy, con dao lăm lăm trong tay, vì anh ta eảm thấy mình đã hiểu ra được một điều gì khi nhìn thấy cái túi dết của gã kia căng phồng lên.

- Mở túi dết ra. Cái gì ở trong ấy?

Hắn mở túi dết ra thì thấy có một súc thịt.

- Cái gì đấy?

- Miếng thịt khỉ ấy mà!

- Đồ khôn kiếp, mày đã giết thằng bé để ăn thịt!

- Không phải đâu Dédé, tớ thề như vậy. Cậu ấy mệt quá chết rồi, tớ có ăn một ít. Cậu tha cho tớ.

Hắn chưa nói hết câu thì con dao đã đâm sâu vào bụng hắn. Lục soát trong người hắn, Dédé tìm thấy một cái túi da có đựng diêm và tám bìa quẹt.

Hai người giận điên lên khi thấy cái túi đựng diêm ấy vì như thế là khi chia tay nhau gã kia không chịu chia đều số diêm cho

các nhóm khác. Thêm vào đây lại đôi nữa, thế là họ đốt lửa và bắt đầu nướng thịt gà chân gỗ ăn.

Guesepi đến trong khi hai người đang chén. Họ mời anh ta. Guesepi từ chối. Ở bờ biển anh ta đã ăn mấy con cua và mấy con cá sống. Anh ta bên đứng nhìn từ bên ngoài cái cảnh hai anh em Graville nướng miếng thịt trên than hồng, dùng cả cái chân gỗ để đun bếp. Như vậy là trong hai ngày liền Guesepi đã trông thấy hai anh em Graville ăn thịt gà kia; anh ta lại còn trông thấy rõ những bộ phận họ đã ăn: cái bắp chân, cái đùi, bộ móng.

- Còn tôi, - Marius nói tiếp, - tôi đang đứng chờ ở bờ biển. Guesepi ra tìm tôi. Chúng tôi bắt cua và cá nhỏ bỏ đầy một cái mũ và đem về bếp anh em Graville để nướng. Tôi không trông thấy xác thằn lằn chân gỗ, chắc họ đã lòi đi chỗ khác. Nhưng tôi có trông thấy mấy miếng thịt còn để ở một bên đồng lửa, trên lớp tro.

Ba hôm sau, một chiếc tàu tuần tra bờ biển cho chúng tôi lên và giao chúng tôi lại cho trại tù Saint Laurent - Du-Maroni.

“Guesepi đã không chịu giữ mồm giữ miệng. Tất cả những người ở trong phòng này đều biết sự việc đã xảy ra, ngay cả bọn gác cũng biết. Tôi kể cho anh nghe vì ai cũng biết hết rồi; anh em Graville là người xấu tính, cho nên mấy người khác mới ném ra những câu mà anh đã từng nghe giữa đêm khuya.

Chúng tôi bị chính thức lên án về tội vượt ngục kèm theo tội ăn thịt người. Cái gay là ở chỗ để tự bào chữa tôi phải tố cáo anh em Graville, mà điều đó thì không thể được. Cả bọn, trong đó có cả Guesepi, đều phủ nhận việc này trong các buổi hỏi cung. Chúng tôi đều nói là hai người kia đã mất tích trong rừng. Tình cảnh của tôi là như thế đấy, Papillon ạ”.

- Tôi chia buồn với cậu, vì quả thực cậu chỉ có thể tự bào chữa bằng cách tố cáo người khác.

Một tháng sau, Guesepi bị giết bằng một nhát dao đâm vào giữa tim trong lúc đang đêm. Thậm chí người ta cũng chẳng cần tự hỏi xem ai đã giết hắn.

Đó là sự thật trong câu chuyện những người vượt ngục đã ăn thịt một người trong bọn bằng cách nướng hân trên ngọn lửa đốt bằng cái chân gỗ của hân, và trước đó bản thân người này đã ăn thịt thằng bạn nhỏ cùng đi với hân.

Đêm ấy tôi nằm ở một chỗ khác trên sạp gỗ: người trước đó nằm ở đây đã bị chuyển đi nơi khác. Tôi lại xin mọi người xê ra một quãng, thế là Clousiot có chỗ nằm cạnh tôi.

Từ chỗ tôi nằm, dù chân trái bị cùm vào thanh sắt dài, ngồi dậy tôi vẫn thấy được những gì đang diễn ra ở ngoài sân.

Sự giám sát nghiêm ngặt đến mức các đợt đi tuần hầu như kế tiếp nhau không hở phút nào, và bất cứ lúc nào cũng có những đội tuần tra đi đến từ phía ngược lại với đội trước.

Bây giờ chân tôi đã đi được rất khỏe, và chỉ có khi nào trời mưa tôi mới thấy đau nhức. Vậy là tôi đã đủ sức để tiến hành một cuộc vượt ngục khác, nhưng bằng cách nào? Phòng này không có cửa sổ, chỉ có một dãy song sắt rất lớn ghép liền thành một bức rào chạy hết chiều ngang và lên đến tận mái. Vị trí của nó cho phép gió đông bắc thổi vào phòng lồng lộng. Tuy đã quan sát suốt cả tuần, tôi vẫn chưa tìm được một chỗ nào sơ hở trong cách giám sát của bọn canh ngục. Lần đầu tiên, tôi hầu như đã phải chịu rằng họ sẽ có thể đưa tôi vào nhà giam cấm cố ở đảo Saint-Joseph.

Nghe nói là nhà giam này rất khủng khiếp. Người ta gọi nó là cái nhà giam “ăn thịt người”. Thêm một tài liệu nữa: nó tồn tại đã tám mươi năm nay mà chưa hề có một người nào trốn ra ngoài được.

Dĩ nhiên một khi hầu như đã chấp nhận mình thua cuộc như vậy, tôi phải nhìn về tương lai. Tôi đã hai mươi tám tuổi, mà viên đại úy dự thẩm đòi giam tôi năm năm cấm cố. Rút ngắn thời hạn này là việc hết sức khó khăn. Vậy thì khi ra khỏi nhà giam cấm cố tôi sẽ được ba mươi ba tuổi.

Tôi còn có nhiều tiền trong plan. Vậy nếu tôi không vượt ngục được - điều này gần như chắc chắn nếu cứ theo những điều tôi được biết - ít nhất tôi cũng phải làm thế nào để giữ được sức

khỏe cho tốt. Năm năm trong cảnh hoàn toàn cô độc khó lòng có thể chịu đựng nổi mà không phát điên. Cho nên tôi dự tính sẽ luyện tập ngay từ ngày đầu bị cầm cố cho bộ óc của tôi hoạt động thật ngăn nắp theo một phương trình được ấn định chính xác và đa dạng. Phải cố tránh đến mức tối đa những lối mơ tưởng “xây lâu đài ở Tây Ban Nha” (*thành ngữ Pháp có nghĩa là mơ ước những chuyện hảo huyền) và nhất là tránh mơ ước những cách trả thù. Vậy ngay từ bây giờ tôi đã chuẩn bị vượt qua sự trừng phạt khủng khiếp đang chờ tôi và ra khỏi nhà giam cầm cố với tư thế của người chiến thắng. Phải, chúng nó sẽ chẳng được xơ múi gì. Tôi sẽ ra khỏi nhà giam cầm cố với một thể lực tốt, hoàn toàn làm chủ những năng lực thể chất và tinh thần của mình.

Xác lập được những dự định này và điềm tĩnh chấp nhận những gì đang đợi tôi là một điều làm cho tôi thêm vững vàng. Ngọn gió biển lùa vào phòng mơn trớn tôi trước khi thổi đến những người khác và thực sự làm cho tôi thêm sáng khoái.

Clousiot biết rõ khi nào tôi không muốn nói chuyện. Cho nên anh ta không quấy rầy những phút yên lặng của tôi, và chỉ hút nhiều thuốc lá. Nhìn thấy mấy ngôi sao ở trên trời, tôi nói với anh:

- Nằm ở chỗ cậu có thấy sao không?

- Có, anh ta nói, người hơi nghiêng về phía trước.

- Tôi thấy đừng nhìn sao thì hơn vì nó làm cho tôi nhớ những ngôi sao trong chuyến vượt ngục vừa qua quá. Cậu đừng buồn, chúng ta sẽ thấy lại hàng ngày trong một chuyến vượt ngục khác.

- Bao giờ? Năm năm nữa à?

- Clousiot ạ, cái năm mà chúng ta vừa được sống qua, tất cả những chuyện ly kỳ đã xảy ra đến với chúng ta, những con người mà chúng ta đã quen được biết chẳng lẽ lại không đáng giá năm năm cầm cố hay sao? Cậu thích ở Quần đảo ngay từ đầu hơn là đã dự cuộc vượt ngục ấy sao? Vì mấy năm cầm cố đang đợi chúng ta chắc chắn là những năm đọa đày, cậu tiếc là đã có mặt trong cuộc vượt ngục ấy sao? Cậu hãy trả lời thành thật đi, cậu có tiếc không?

- Papi ạ, cậu quên mất một điều: tôi không hề được sống bảy cái tháng thân tiên của cậu ở làng Anh-diêng. Giá tôi đã cùng đến đây với cậu, tôi cũng sẽ nghĩ như cậu, nhưng đằng này trọn thời gian ấy tôi lại phải ngồi tù.

- Xin lỗi cậu, tôi quên mất, tôi nói bậy.

- Không, cậu không nói bậy: dù sao tôi cũng rất hài lòng về chuyến vượt ngục của chúng ta, vì chính tôi cũng đã được sống những giờ phút không thể nào quên được. Chỉ có điều tôi cũng hơi lo sợ trước những gì đang chờ tôi ở cái nhà giam “ăn thịt người”. Năm năm cầm cố là một cái gì hầu như không thể qua nổi.

Tôi liền nói với Clousiot biết những điều tôi đã quyết định làm, và tôi cảm thấy anh ta có một phản ứng rất tích cực. Thấy bạn lấy lại được sức mạnh tinh thần, tôi rất mừng. Còn mười lăm ngày nữa chúng tôi phải ra tòa. Theo những lời đồn đại viên thiếu tá sẽ đến đây chủ tọa hội đồng trưng giới có tiếng là người nghiêm khắc, nhưng hình như lại là người rất trung trực. Ông ta không dễ gì tin vào những lời xúc xiểm của Ban quản trị nhà tù. Vậy nên coi đó là một tin mừng thì hơn.

Clousiot và tôi (vì Maturette ngay khi trở về trại đã bị nhốt vào xà-lim riêng) đều không chịu nhận một viên giám thị làm trạng sư bào chữa. Cả hai quyết định rằng tôi sẽ nói thay cho cả ba chúng tôi và sẽ bào chữa cho cả nhóm.

Cuộc xét xử

Sáng hôm ấy, râu cạo nhẵn, tóc hớt gọn ghẽ, mình mặc một bộ đồ phạm nhân có sọc đỏ, chân đi giày, chúng tôi đứng trong sân đợi đến giờ được đưa ra tòa.

Chân Clousiot đã được tháo băng bột từ hai tuần trước. Anh ta đi bình thường, không bị khập khiễng.

Hội đồng trưng giới bắt đầu họp từ ngày thứ hai.

Sáng hôm nay là ngày thứ bảy, vậy trước chúng tôi đã có năm ngày xét xử các vụ khác: việc xét xử hai người cho kiến ăn tên A-rập đã choán hết một ngày. Cả hai đều bị xử tử, và từ đây tôi

không gặp lại họ nữa. Hai anh em Gravelle chỉ bị bốn năm cầm cố (vì thiếu bằng chứng về hành động ăn thịt người). Việc xét xử hai người đã kéo dài hơn nửa ngày. Trong phần còn lại, các phạm nhân can tội giết người bị xử năm hay bốn năm cầm cố.

Nhìn chung đối với mười bốn phạm nhân bị đưa ra xử, những hình phạt được ứng dụng đều có phần nghiêm khắc nhưng cũng đều chấp nhận được, không có trường hợp nào quá đáng....

Buổi xử bắt đầu lúc bảy giờ ba mươi phút. Chúng tôi đang đứng trong phòng xử thì một viên thiếu tá mặc quân phục kỵ binh lạc đà bước vào, có một viên đại úy bộ binh già và một viên trung úy đi theo phụ tá.

Ở bên phải tòa một viên giám thị đeo lon đại úy làm người đại diện cho Ban quản trị, tức cho phía buộc tội.

Hôm nay Hội đồng xét vụ Charrière. Clousiot, Maturette.

Chúng tôi đứng cách tòa khoảng bốn mét. Tôi có đủ thì giờ nhìn kỹ mái đầu dài nắng gió sa mạc của viên thiếu tá bốn mươi, bốn năm tuổi ấy, với đôi thái dương ngả màu bạch kim. Một đôi mày rất rậm trên một đôi mắt đen và sáng quen nhìn thẳng vào mắt mọi người. Đó là một quân nhân thực thụ. Cái nhìn của ông ta không có gì tàn ác. Ông nhìn kỹ vào mắt chúng tôi, như thể cân nhắc, đánh giá chúng tôi trong vài giây.

Mắt tôi gắn chặt vào cái nhìn của ông một lát, rồi tôi cố tình cụp mắt xuống.

Viên đại úy đại diện cho Ban quản trị lên án chúng tôi một cách gay gắt quá mức, và chính điều đó sẽ làm cho ông ta thua cuộc. Ông ta gọi hành động đánh vào đầu mấy tên giám thị để vô hiệu hóa chúng trong chốc lát là một “cuộc mưu sát”. Về phần tên giữ chìa khóa A-rập, ông ta khẳng định rằng chúng tôi đánh hấn tới tấp như vậy mà hấn không chết chẳng qua là do một sự may mắn thần kỳ. Ông ta lại phạm một sai lầm nữa khi nói rằng chúng tôi là những tên khở sai đã đem nỗi ô nhục của nước Pháp đi bêu riếu tận những nơi xa xôi nhất kể từ khi trại khở sai được thành lập cho đến nay: “Đến tận Colombia. Những con người này, kính

thưa quan chánh án, đã vượt qua hai ngàn năm trăm cây số để làm cái việc đó. Trinidad, Curacao, tất cả các quốc gia đó chắc chắn là đã phải nghe những lời vu khống hèn hạ nhất về chế độ trừng giới của nước Pháp.

“Tôi yêu cầu Tòa xử hai tội tách biệt với tổng số tám năm cầm cố: năm năm vì tội mưu sát, và ba năm vì tội vượt ngục. Đó là về phần Charrière và Clousiot.

Còn về phần Maturette thì tôi chỉ yêu cầu giam ba năm về tội vượt ngục, vì qua cuộc điều tra có thể thấy rõ tên này không tham dự vào cuộc mưu sát.

Quan Chánh án:

- Tòa muốn được nghe kể hết sức vắn tắt về hành trình vượt biển này.

Tôi kể lại chuyến vượt biển đến Trinidad, bỏ qua phần trên sông Maroni. Tôi mô tả gia đình Bowen với những hành động đầy tình nhân ái của họ. Tôi dẫn lại lời viên chỉ huy cảnh sát ở Trinidad: “Chúng tôi không có bổn phận phán xét hệ thống tư pháp của nước Pháp, nhưng chúng tôi không thể tán thành việc họ đày các phạm nhân của họ sang Guyane, và chính vì thế mà chúng tôi giúp các anh”; Curacao, Đức Cha Irénée de Bruyne, câu chuyện cái túi tiền florins, rồi xứ Colombia, tại sao chúng tôi đến đây. Vài câu vắn tắt về mấy tháng tôi ở với người Anh-điêng. Ông thiếu tá im lặng nghe tôi kể, không lần nào ngắt lời. Ông chỉ hỏi thêm vài chi tiết về sinh hoạt của tôi trong bộ lạc Anh-điêng, một giai đoạn đã làm cho ông ta hết sức thích thú. Rồi đến các nhà tù Colombia, đặc biệt là cái chuồng giam ngầm của nhà tù Santa Marta.

- Cám ơn, những điều anh vừa kể đã giúp Tòa sáng tỏ thêm và đồng thời đã khiến cho Tòa rất quan tâm. Ta sẽ nghỉ mười lăm phút. Tôi không trông thấy các trạng sư bào chữa cho các anh ở đâu cả, vậy họ ở đâu?

- Chúng tôi không có trạng sư bào chữa. Tôi xin Tòa chấp nhận cho tôi được bào chữa cho các bạn tôi và cho bản thân tôi.

- Anh có thể làm việc đó, quy chế thừa nhận quyền tự bào chữa của anh.

- Cám ơn.

Mười lăm phút sau phiên tòa lại tiếp tục.

Quan Chánh án:

- Charrière, tòa cho phép anh trình bày phần bào chữa cho các bạn anh và cho bản thân anh. Tuy nhiên chúng tôi báo trước để anh biết rằng Tòa sẽ tước quyền phát biểu của anh nếu anh tỏ ra thiếu tôn trọng vị đại diện của Ban quản trị. Anh hoàn toàn có quyền tự bào chữa một cách tự do, nhưng với những lời lẽ đứng đắn. Tòa nhường lời cho anh.

- Tôi xin Tòa dứt khoát gạt bỏ lời tố cáo chúng tôi mưu sát. Đây là một điều không thể tin được, và tôi xin chứng minh điều đó: năm ngoái tôi hai mươi bảy tuổi, còn Clousiot thì ba mươi. Chúng tôi đều đang tuổi sung sức, lại mới ở Pháp sang. Chúng tôi cao một mét bảy mươi tư và một mét bảy mươi lăm. Chúng tôi đã dùng hai cái chân giường bằng sắt để đánh người A-rập giữ chìa khóa và mấy người giám thị. Trong cả bốn người ấy không có ai bị thương tích gì đáng kể. Vậy họ đã bị đánh một cách rất thận trọng vì chúng tôi nhằm làm cho họ choáng đi mà không làm cho họ bị thương, và chúng tôi đã đạt được mục đích ấy. Viên giám thị buộc tội chúng tôi đã quên nói, hoặc không biết, rằng hai cái chân giường đều quấn giẻ rất kỹ để đừng làm ai bị thương. Quý Tòa gồm toàn những quân nhân chuyên nghiệp, nên biết rất rõ những tác hại mà một người đàn ông khỏe mạnh có thể gây ra khi đánh vào đầu một người khác, dù chỉ bằng má lưởi lê. Thế thì xin Tòa hình dung với một cái chân giường bằng sắt một người đàn ông như chúng tôi có thể làm gì. Tôi xin lưu ý Tòa rằng trong bốn người bị tấn công không có ai phải vào bệnh viện.

Tôi nghĩ rằng khi một người tù chung thân vượt ngục, tội của người ấy không nghiêm trọng bằng tội của một người bị xử tù ngắn hạn hơn mà vượt ngục. Ở tuổi chúng tôi người ta khó lòng có thể đành tâm chấp nhận rằng mình sẽ không bao giờ được sống lại nữa. Tôi xin Tòa khoan dung với cả ba chúng tôi.

Viên thiếu tá nói thì thầm mấy câu với hai người phụ tá, rồi ông dùng cái búa của Chánh án gõ lên bàn giấy.

- Bị cáo nhân, hãy đứng dậy

Cả ba chúng tôi đứng lên, thẳng đơ như ba cái cọc, đợi lời tuyên án.

Quan Chánh án:

- Tòa gạt bỏ hoàn toàn lời buộc tội mưu sát; về khoản này tòa không cần tuyên án, dù là tuyên án tha bổng.

Về tội vượt ngục, các anh được Tòa thừa nhận là có tội ở mức thứ hai. Vì tội này Tòa xử các hai năm cầm cố.

Chúng tôi cùng nói một lượt: “Cám ơn thiếu tá”.

Tôi nói thêm: “Xin cám ơn Tòa”.

Trong phòng xử án, những tên cảnh sát đến dự phiên Tòa cứ ngẩn người ra.

Khi chúng tôi trở về phòng giam, mọi người đều hài lòng về tin này, không ai ganh tỵ. Ngược lại. Ngay cả những người bị xử nặng cũng thành thật mừng cho sự may mắn của chúng tôi.

Francois Sierra đến ôm hôn tôi. Anh ta mừng đến phát điên lên được.